

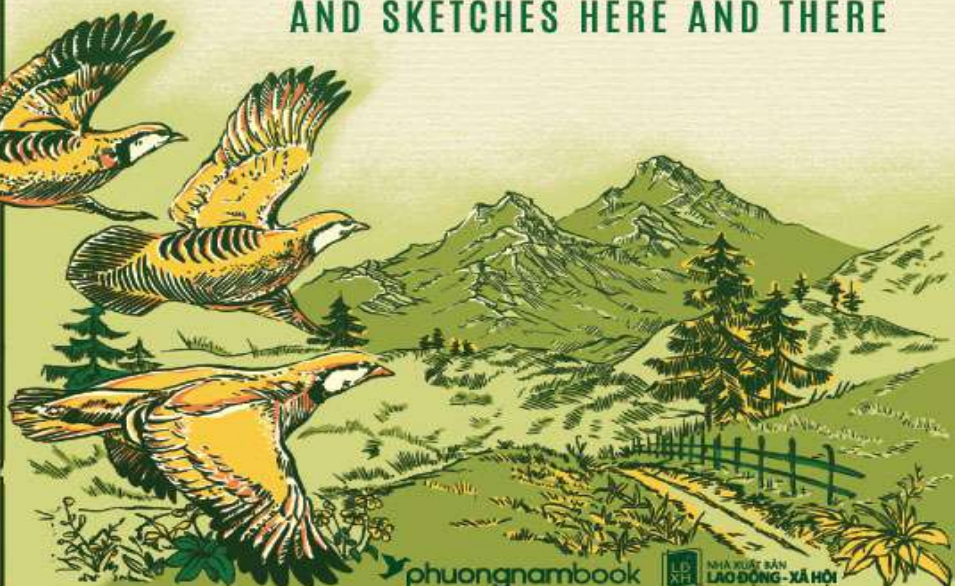


ALDO LEOPOLD

Dương Mạnh Hùng dịch

Niên lịch miền gió cát

A SAND COUNTY ALMANAC
AND SKETCHES HERE AND THERE



phuongnambook



NHÀ XUẤT BẢN
LAO ĐỘNG - XÃ HỘI

Niên Lịch Miền Gió Cát

Tác giả: Aldo Leopold

Người dịch: Dương Mạnh Hùng

Phát hành: Phương Nam Book

NXB Lao động – Xã hội 6/2020



ebook©vctvegroup

Niên Lịch Miền Gió Cát như một sự tổng hòa giữa lịch sử tự nhiên, nghệ thuật miêu tả phong cảnh bằng ngôn từ và cả triết học. Bằng việc ghi chép lại những thay đổi của sinh vật tại khu trang trại ở Wisconsin, Leopold đã khéo léo mô tả vẻ đẹp thiên nhiên, mối liên hệ giữa từng sinh vật với cả hệ sinh thái. Những bài viết này không chỉ thể hiện sự quan sát, khảo cứu và kiến văn của Leopold về địa chất - sinh thái, mà còn thể hiện rõ quan điểm của ông về đạo đức đất đai: Một hành động là đúng đắn khi nó hướng tới việc bảo tồn được tính toàn vẹn, ổn định và vẻ đẹp của cộng đồng sinh vật. Hành động đó là sai nếu không bảo tồn được những điều vừa nói...

Năm 1990, Hiệp hội Nghiên cứu Tự nhiên Mỹ đã bầu chọn *Niên Lịch Miền Gió Cát* cùng với *Mùa xuân vắng lặng (Silent Spring)* của Rachel Carson là hai cuốn sách đáng trân trọng và đáng chú ý nhất về chủ đề môi trường trong thế kỷ 20.

Đã một thế kỷ trôi qua kể từ khi Darwin vén màn bí mật về nguồn gốc muôn loài. Chúng ta giờ đây đã biết những điều mà các thế hệ đi trước không hề hay biết: con người chỉ là những người bạn đồng hành cùng các loài vật khác trong chuyến phiêu lưu tiến hóa. Nhận thức mới này đáng lẽ giờ đây đã phải khiến chúng ta có một tình anh em khăng khít với các sinh vật khác, một mong ước được sống và cùng sống, một tâm thế ngưỡng mộ trước sự đường bệ và chiều dài tiến hóa của cả cộng đồng sinh thể.

Và trên hết, sau một thế kỷ, chúng ta đáng lẽ đã phải nhận ra rằng, mặc dù con người giờ đây đã trở thành thuyền trưởng lèo lái con tàu phiêu lưu này nhưng chúng ta không phải là hành khách duy nhất, và những lầm tưởng về vị thế của chúng ta đều bắt nguồn từ sự mông lung ngu muội.

“Một trong những tác phẩm cực kỳ quan trọng và có tầm ảnh hưởng mạnh mẽ đến phong trào môi trường.”

— The Boston Globe

“Cuốn sách có thể được đặt trên cùng kệ với các tác phẩm của Thoreau và John Muir.”

— The San Francisco Chronicle

ALDO LEOPOLD (1887-1948) là nhà khoa học, nhà địa chất học, nhà triết học và nhà môi trường học người Mỹ. Tên tuổi của ông có tầm ảnh hưởng lớn đối với lịch sử phát triển của lĩnh vực đạo đức môi trường, đặc biệt trong phong trào bảo tồn thiên nhiên hoang dã.

Ông là giáo sư tại Đại học Wisconsin và nổi tiếng với tác phẩm *Niên lịch miền gió cát* – cuốn sách đã bán được hơn hai triệu bản.

LỜI TỰA

Trong cuộc sống, những gì thuộc về tự nhiên có thể không cần thiết với người này, nhưng lại hoàn toàn thiết yếu cho sự tồn tại của người khác. Những tiểu luận này chia sẻ niềm hân hoan cũng như nỗi trăn trở của một kẻ không thể sống thiếu thiên nhiên.

Như gió và hoàng hôn, chúng ta luôn coi những gì hoang dã là nghiêm nhiên có được trong tay, cho đến ngày công cuộc phát triển dẹp bỏ chúng đi. Giờ đây, chúng ta phải đối diện với câu hỏi rằng liệu một mức sống “ngày càng cao” có đáng để đánh đổi những điều tự do và hoang dã hay không. Với nhóm thiểu số chúng tôi, cơ hội ngắm nhìn một đàn ngỗng còn quan trọng hơn xem ti-vi, và việc tìm thấy một bông hoa đồng nội là một quyền lợi không thể chối cãi như quyền tự do ngôn luận vậy.

Những thứ hoang dã này, tôi công nhận, chứa đựng rất ít giá trị con người cho tới khi máy móc cơ giới đảm bảo cho chúng ta bữa ăn sáng thịnh soạn, và cho tới khi khoa học bóc tách mổ xẻ câu chuyện về nguồn gốc cũng như cách sống của chúng.

Mâu thuẫn giữa hai phe đa số và thiểu số vì thế tóm gọn lại trong câu hỏi về mức độ. Nhóm thiểu số chúng tôi nhận

thấy một quy luật: giá trị nhận lại đang ngày càng giảm, còn nhóm đối kháng với chúng tôi thì không.



Chúng ta luôn phải học cách liệu cơm gắp mắm. Những bài viết được gộp thành ba phần này là nỗ lực thực hiện điều đó của tôi.

Phần I kể về những gì gia đình tôi thấy và làm trong những buổi cuối tuần đi trốn khỏi thế giới hiện đại ngột ngạt bủa vây, khi chúng tôi lánh tới “túp lều”. Tại trang trại trên miền gió cát này ở Wisconsin, mới đầu là một nơi xập xệ bị xã hội quên lãng, chúng tôi đã cố gắng gầy dựng lại, với xẻng và cưa, những gì chúng tôi đã đánh mất ở các nơi khác. Chính tại nơi đây chúng tôi tìm kiếm, đến giờ vẫn tìm, nguồn lương thực từ Chúa trời.

Những bài viết này được sắp xếp theo tháng thành một “Niên lịch Miền gió cát”.

Phần II, “Những phác họa đó đây”, hồi tưởng lại những trải nghiệm trong đời đã khiến tôi dần dần nhận ra một cách chua xót rằng xã hội của chúng ta đang ngày càng đi lệch quỹ đạo. Những hành trình trải rộng khắp châu lục qua bốn mươi năm này đại diện cho các vấn đề nằm cùng dưới một cái nhãn mang tên bảo tồn.

Phần III, “Buổi yến tiệc”, bày biện theo trình tự lô-gích một vài ý tưởng mà nhóm thiểu số chúng tôi dùng để minh chứng cho ý kiến bất đồng của mình. Chỉ có những người đọc với sự đồng cảm sâu sắc mới muốn thử thách mình

bằng những câu hỏi triết lý ở phần III. Tôi nghĩ rằng những bài viết trong phần này sẽ gợi dẫn cho chúng ta cách để đưa xã hội quay trở về quỹ đạo.



Việc bảo tồn đang không đi đến đâu vì nó không ăn nhập gì với khái niệm của chúng ta về đất đai từ thời ông tổ Abraham. Chúng ta lạm dụng đất đai vì chúng ta coi nó như một thứ của cải thuộc về mình, chỉ khi nào chúng ta nhìn nhận đất đai như một phần cộng đồng chúng ta thuộc về, khi đó chúng ta mới có thể bắt đầu sử dụng nó một cách yêu thương trân trọng. Sẽ không có cách nào khác để đất đai tiếp tục chịu đựng ảnh hưởng của xã hội cơ giới hóa, hay để chúng ta tiếp tục gặt hái những mùa màng bội thu và giá trị văn hóa từ đất đai.

Việc coi đất đai như một tổ hợp cộng đồng là một khái niệm cơ bản trong sinh thái học, nhưng việc coi đất đai như một thứ để yêu thương trân trọng lại là phần mở rộng của đạo đức. Sự thật rằng đất đai hàm ẩn các giá trị văn hóa là một sự thật lâu đời, nhưng gần đây hầu như đã rơi vào quên lãng.

Các tiểu luận sau đây sẽ cố gắng khơi lại ba suy niệm trên.

Cách hiểu như vậy về đất và người hẳn nhiên phụ thuộc rất nhiều vào lớp lang trải nghiệm và định kiến cá nhân. Nhưng dẫu cho sự thật nằm ở đâu thì ta cũng nhận thấy một điều hiển nhiên, rằng xã hội ngày càng “phồn vinh” của chúng ta giờ đây chẳng khác gì một kẻ mắc bệnh

tưởng, ám ảnh về sức khỏe kinh tế của mình đến độ hoàn toàn mất đi khả năng đề kháng. Cả thế giới phát cuồng lên sản xuất bốn tám hàng loạt đến độ chúng ta mất đi thể cân bằng để sản xuất, hay thậm chí là để tắt vòi nước. Giờ đây, không có điều gì đáng tuyên dương hơn là một chút khinh thường gòn gợn với những núi vật chất ngồn ngộn này.

Có lẽ sự thay đổi trong hệ giá trị đó có thể đạt được nếu chúng ta nhìn nhận lại những gì phi tự nhiên, đã thuần hóa và trói buộc qua lăng kính của những gì tự nhiên, hoang dã và tự do.

ALDO LEOPOLD

Madison, Wisconsin

Ngày 4 tháng Ba năm 1948

PHẦN I

NIÊN LỊCH MIỀN GIÓ CÁT

THÁNG GIÊNG

Tháng Giêng tuyết tan

Hàng năm, sau những cơn bão tuyết giữa kỳ đông chí, sẽ có một buổi tối mà khắp đất trời tí tách vang lên tiếng những giọt tuyết tan chảy khi vạn vật chuyển mình rã đông. Thời khắc này không chỉ làm xao động tâm hồn các giống loài đang say ngủ, mà còn đánh động cả những loài đã ngủ vùi trong suốt mùa đông. Con chồn hôi ngủ đông, lúc này đang cuộn tròn sâu bên trong ổ, đuổi mình và bước ra thăm thú sự sạo thế giới ẩm ướt bên ngoài, kéo lê cái bụng trên lớp tuyết. Dấu vết mà nó để lại sẽ đánh dấu một trong những mốc sự kiện sớm nhất trong cái chu kỳ của khởi nguồn và kết thúc mà chúng ta vẫn gọi là một năm.

Vết chân con chồn ít khi thể hiện một mối bận tâm đến những diễn biến đời thường hiếm gặp trong các mùa khác; nó cứ băng băng chạy thẳng qua miền đồng quê, như thể chủ nhân của con đương tự tạo này đã buông dây cương cổ xe của mình và để cho nó cứ thế bám đuôi một vì tinh tú. Tôi lần theo dấu chân con chồn, lòng không khỏi tò mò muốn luận ra suy tư cũng như tập tính ăn uống của con vật, hay cả đích đến nếu có trong đầu nó.



Các tháng trong năm, từ tháng Giêng đến tháng Sáu, là một chuỗi tình tiến theo cấp số nhân của vô vàn những điều cảm dỗ lòng người. Vào tháng Giêng, ta có thể lần theo vết chân loài chồn hôi, hay tìm kiếm bầy chim bạc má, hay quan sát xem lũ hươu đang nhấm nháp những nhánh thông non nào, hay lòng xem những cái tổ chuột xạ hương mới đắp. Trong những cuộc thăm thú tháng Giêng lạnh đẵng và dung dị như sương tuyết, dần trải như cái lạnh cuối đông, chỉ thỉnh thoảng thì tâm trí ta mới xao nhãng và sa đà vào việc khác. Thời gian dư dả cho phép ta không chỉ mục sở thị loài nào đã làm những gì, mà còn ngẫm ngợi về lý do đằng sau của chúng.



Một con chuột đồng, giật mình khi nghe tiếng chân tôi bước lại gần, phóng ngang qua vệt đường ướt nước mà con chồn hôi để lại. Tại sao nó lại hiện hữu ngay giữa ban ngày như thế? Có lẽ nó đang lấy làm phiền lòng vì mùa tuyết tan. Hôm nay, mê lộ mà nó đã dày công gặm nhấm tạo lối trong đám cỏбет chôn vùi dưới tuyết không còn là những đường hầm bí mật nữa, mà chỉ còn là những tuyến đường lộ thiên phơi bày ra cho thiên hạ soi mói chế nhạo. Quả thực, ánh nắng sưởi ấm của mặt trời đã giễu cợt nơi trú thân căn bản trong hệ thống sinh hoạt loài chuột!

Con chuột đồng như một công dân thức thời hiểu rằng cỏ mọc sẽ giúp nó tích trữ những bó rơm làm đường, và

tuyết rơi sẽ tạo điều kiện cho nó dùng từng bó rơm đó để xây nên những đường hầm: một trật tự cung - cầu và vận chuyển hết sức chặt chẽ. Với con chuột, tuyết rơi đồng nghĩa với việc được giải thoát khỏi nhu cầu sinh tồn và nỗi sợ thường trực.



Một con điều hâu chân xù đang từ trên trời sà xuống phía cánh đồng trước mặt. Lúc thì nó dừng lại, có lúc lại chao liệng như một con bói cá, rồi bổ nhào xuống đồng cỏ ngập nước như một trái bom phủ lông. Nó không bay lên sau đó nữa, nên tôi dám chắc rằng nó đã bắt được mồi, và giờ thì đang xé thịt một kỹ sư chuột đồng nào đó không đủ kiên nhẫn để đợi trời tối trước khi mò ra xem xét những chỗ sập lở trong cái thế giới ngăn nắp mà mình tạo ra.

Con điều hâu không màng gì đến chuyện tại sao cỏ lại mọc, nhưng nó nhận thức rõ rệt rằng tuyết tan sẽ giúp cho điều hâu có thể tiếp tục bắt chuột. Và nó đã bay xuống đây từ Bắc cực lạnh giá với hy vọng sẽ gặp đúng mùa tuyết tan, vì tuyết tan đối với loài điều hâu đồng nghĩa với việc được giải thoát khỏi nhu cầu sinh tồn và nỗi sợ thường trực.



Vết chân con chồn dẫn vào trong khu rừng, cắt ngang một trảng rừng thưa nơi những con thỏ đã kịp để lại vết chân của mình cùng những vệt nước tiểu lấm tấm hồng trên nền tuyết trắng. Những mầm cây sồi mới nhú chào đón mùa tuyết tan bằng những chồi non vừa tẽ vỏ. Các búi lông thỏ

roi vãi đánh dấu những cuộc tranh giành mở màn giữa mấy con đực rạo rục men tình. Đi sau hơn nữa, tôi tìm thấy một vũng máu nhỏ, viền xung quanh là vòng cung sải cánh của loài cú. Với con đực xấu số này, mùa tuyết tan mang lại sự tự do ham muốn, nhưng đồng thời cũng khiến con vật liều mạng quên đi nỗi sợ bản năng. Và con cú đã nhắc nhở nó rằng mùa xuân về không đồng nghĩa với việc ta được phép lơ là bất cẩn.



Con chồn vẫn tiếp tục để lại những vết chân, dường như tâm trí nó lúc này không dành cho việc kiếm tìm thức ăn, mà cũng chẳng màng đến những chuyện hỉ nộ ái ố của các bên hàng xóm. Tôi băn khoăn trong đầu nó đang suy nghĩ điều gì; cái gì đã đưa chân nó ra khỏi ổ? Liệu có phải anh chàng cũng đang kéo lê cái bụng bự trên nền tuyết bùn nhão nhoét để tìm nơi thỏa chí yêu đương? Sau cùng thì vết chân đi vào trong một đám cành củi trôi dạt và không thấy trở ra. Tôi lắng tai nghe tiếng những giọt nước chảy tong tỏng qua những thân củi, và tôi đồ rằng con chồn hẳn cũng nghe thấy. Tôi quay bước về nhà, lòng vẫn miên man tự hỏi.

THÁNG HAI

Gỗ sôi

Có hai điều nguy hại cho tâm hồn con người nếu chúng ta không sở hữu một trang trại. Thứ nhất là việc chúng ta tưởng rằng bữa sáng đến từ cửa tiệm; thứ hai là nguồn nhiệt đến từ lò đốt.

Để tránh điều nguy thứ nhất, ta nên trồng một khu vườn, tốt nhất là ở nơi cách xa những cửa hàng tạp phẩm để tránh làm câu chuyện thêm rắc rối.

Để tránh điều nguy thứ hai, ta nên bắc một khúc gỗ sôi lên vỉ lò sưởi, tốt nhất là nên cách xa các lò đốt, và để nhiệt từ khúc củi làm ấm hai cẳng chân ta trong khi bên ngoài những cơn bão tháng Hai đang vẫn vũ rung lắc những tán sỏi. Nếu ai đó đã từng tự tay chặt, bổ, kéo, và chất củi sỏi thành đống, trong lúc đầu óc vu vơ nghĩ ngợi, người đó hẳn sẽ nhớ lấy câu chuyện về nơi xuất phát của nguồn nhiệt kia, với những chi tiết dồi dào phong phú không dành cho những ai chỉ biết ngồi bên máy sưởi những ngày cuối tuần nơi phố thị.

Khúc gỗ sồi giờ đây đang bập bùng tỏa sáng trên vỉ lộ sườn nhà tôi từng là một trong những thân cây mọc ven con đường của các di dân thuở trước, uốn quanh quả đồi đất cát pha. Khi tôi đốn hạ thân cây, đường kính phần gốc cây đo được là 76 xen-ti-mét (30inch). Bề mặt cắt ngang cho thấy 80 vòng tròn tuổi thọ, chứng tỏ rằng cái vòng đầu tiên hẳn đã xuất hiện từ năm 1865, vào khoảng giai đoạn cuối cuộc Nội chiến (American Civil War). Nhưng dựa trên lịch sử thu thập của các cây sồi giống hiện thời, tôi cũng biết rằng bất cứ cây sồi nào mọc lên cao khỏi tầm với của lũ thỏ cũng phải trải qua ít nhất một thập kỷ bị bầy thú gặm nhấm này bào vỏ mỗi mùa đông, để rồi lại cố gắng mọc vỏ trở lại khi xuân về. Quả tình, thật quá rõ ràng rằng tất cả các cây sồi sống sót đến tuổi trưởng thành đều là do bị lũ thỏ bỏ sót hoặc may mắn mọc trúng vào mùa ít thỏ. Một ngày không xa, vài nhà thực vật học kiên nhẫn nào đó sẽ vẽ đồ thị tần suất sinh trưởng của họ nhà sồi, để thấy rằng cứ hết mười năm thì vòng cung đồ thị lại nhô lên; mỗi lần nhô lên sau mười năm của họ nhà sồi sẽ ứng với một lần lồm xuống sau mười năm trong đồ thị tần suất của họ nhà thỏ. (Quá trình giằng co qua lại trong cùng một loài và giữa các loài khác nhau này khiến cho hệ động vật và hệ thực vật cùng nhau đạt đến ngưỡng trường sinh bất tử.)

Theo giả thuyết này, có lẽ đã có một đợt số lượng thỏ giảm xuống vào giữa những năm sáu mươi khi cây sồi tôi đốn hạ bắt đầu tỏa ra các vòng tuổi thọ qua từng năm, nhưng hạt sồi gốc của nó thì đã chạm đất trước đó cả thập kỷ, khi các cỗ xe ngựa kéo đang lăn bánh trên con đường

đến với miền tây Bắc Mỹ rộng lớn. Có lẽ chính việc xe cộ đi lại của đoàn dân di cư nọ đã cày xới con đường này rồi tạo điều kiện cho hạt sồi kia bén rễ và vươn những chiếc lá đầu tiên về phía mặt trời. Cứ một nghìn hạt sồi thì chỉ có một hạt lớn thành cây đủ cao để cự nổi bấy thỏ; số còn lại thì chết dưới những gợn sóng trên đại dương thảo nguyên bao la.

Việc cây sồi này chẳng những không chết yếu mà còn sống tới tám mươi năm để tiếp nạp ánh mặt trời tháng Sáu khiến tôi cảm thấy ấm lòng đôi chút. Nguồn ánh sáng mặt trời đó giờ đang tỏa ra thành nhiệt, dưới sự can thiệp của cái rìu và cái cưa của tôi, để sưởi ấm tinh thần tôi cùng căn lán nho giữa muôn vàn bão tố vây quanh. Và cứ mỗi lọn khói luồn lách qua ống khói của tôi lại trở thành nhân chứng, cho bất cứ ai để tâm, rằng mặt trời đã không tỏa sáng một cách vô ích.

Chú chó của tôi thì chẳng mấy bận tâm xem nhiệt đến từ đâu, nhưng nó tha thiết quan tâm rằng nhiệt sẽ đến, và đến sớm. Và quả thật nó coi khả năng tạo ra nhiệt của tôi là một điều thần kỳ, vì mỗi sáng khi tôi ra khỏi giường lúc trời còn tờ mờ và run run quỳ xuống bên cạnh lò sưởi để nhóm lửa, nó sẽ nhẹ nhàng lách mình vào giữa tôi và khúc củi đang bén lửa mà tôi vừa đặt lên đồng muội than. Thậm chí, tôi còn phải luồn tay giữa hai chân nó để quẹt diêm nhóm lửa. Niềm tin nhường ấy, theo tôi, hẳn là thứ có thể đời non lấp bể.

Một tia sét chính là thứ đã kết liễu sự nghiệp tích gỗ trồng rừng của cây sồi này. Một đêm tháng Bảy nọ, cả hai

chúng tôi dựng người thức dậy khi tiếng chớp âm âm đi kèm với tiếng đổ ngã vang trời; chúng tôi nhận ra sét hẳn đã đánh xuống đâu quanh đây, nhưng vì nó không đánh thẳng vào lán nên chúng tôi cứ thế đi ngủ tiếp. Con người dùng bản thân làm phép thử cho vạn vật, và điều này đặc biệt đúng với những ca sét đánh.

Sáng hôm sau, trong lúc tàn bộ lên đồi đất cát pha và hân hoan tận hưởng khi trời mát mẻ sau cơn mưa cùng những bông cúc nhụy nón và những khóm cỏ ba lá, chúng tôi bất gặp một miếng vỏ cây bị sét gọt khỏi thân cây sồi bên lề đường. Trên thân cây vẫn còn in một vết sẹo dích dắc kéo dài do nhựa cây rỉ ra từ phần thân không còn vỏ, rộng khoảng 30 xen-ti-mét và còn tươi rói, chưa vàng đi dưới ánh mặt trời. Qua ngày hôm sau thì lá cây đã héo rũ xuống, và chúng tôi biết rằng lưỡi sét kia đã ban cho chúng tôi ít nhất ba bó củi đốt^[1].

Dù vẫn tiếc nuối trước sự ra đi của cây sồi cổ thụ, chúng tôi biết rằng có ít nhất một tá con cái của nó đang ngẩng cao đầu kiêu dũng trên nền đất cát và sẵn sàng kế thừa sự nghiệp trồng rừng của cây mẹ.

Chúng tôi để cho thân cây liệt sĩ nằm phơi một năm dưới mặt trời giờ đây đã trở nên vô nghĩa với nó, để rồi vào một ngày đông se sắt, chúng tôi đốn hạ thành trì gốc rễ của nó bằng một lưỡi cưa mới mài dũa. Trong thâm tâm chúng tôi nhận thấy rằng hai núi mùn cưa sau khi đốn cây ẩn chứa điều gì sâu xa hơn là những phần gỗ dư thừa: chúng là mặt cắt ngang của một thế kỷ; với từng lưỡi cưa, chúng tôi lại cắt sâu hơn qua từng thập kỷ, dọc theo biên niên ký của

một cuộc đời viết bằng những vòng tròn đồng tâm loang ra qua từng năm trên mặt gỗ sồi.



Chỉ cần khoảng một tá lần kéo là lưới cửa đã vượt qua số năm ít ỏi mà trang trại này thuộc về chúng tôi, khoảng thời gian khi chúng tôi đã học cách yêu thương trân trọng nơi này. Ngay sau đó, chúng tôi cắt qua thời đại của người chủ trang trại trước đó, một tay buôn bán hàng lậu và hết sức căm ghét mảnh đất này, người đã hút kiệt chất màu còn lại trong nó, trước khi châm lửa đốt căn nhà nông trang và quăng trả nó lại cho quyền quản lý của hạt (đồng thời cũng bùng luôn việc đóng thuế), sau đó thì gã biến mất vào dòng người di cư không miếng đất cắm dùi trong giai đoạn Đại Khủng Hoảng (The Great Depression). Dù vậy thì bao dung với gã; những mùn gỗ trong thời kỳ của gã vẫn đậm hương, mịn màng, và ửng hồng như trong thời của chúng tôi tôi vậy. Mà một cây sồi thì có quan tâm gì đến con người xung quanh đâu.

Thời trị vì của gã buôn lậu mãn hạn đâu đó giữa những mùa hạn hán khô cằn từ 1936, 1934, 1933, đến 1930. Khói gỗ sồi từ kho chung cất rượu và than bùn quyện lại sau khi đốt đầm lầy hắc đã che mờ ánh mặt trời trong những năm ấy, và các cơ quan đặc trách phục hồi tái trồng rừng cứ thể lan ra khắp nơi, nhưng những mùn gỗ kia thì vẫn chẳng hề thay đổi.

Nghỉ tay! Trưởng nhóm thợ cửa cất giọng, và chúng tôi tạm nghỉ lấy hơi.



Giờ thì lưới cưa đã cắt đến những năm 1920, thập kỷ của Tầng lớp Trung lưu (Babbittian decade) khi mọi thứ đều được thổi phồng và nâng cấp một cách ẩu tả và ngạo mạn - chỉ ít là đến năm 1929 khi sập sàn chứng khoán. Giả như cây sồi có nghe thấy tiếng đổ rầm của sàn chứng khoán thì những thớ gỗ của nó cũng chẳng mảy may rung động. Và nó cũng sẽ chẳng bận tâm đến những kháng nghị nhằm bảo vệ cây cối của Cơ quan Lập pháp: một đạo luật về Rừng Quốc Gia và khai thác sản vật rừng được thông qua năm 1927, một khu bảo tồn ở vùng bãi bồi sông Thượng Mississippi năm 1924, và một chính sách khai thác rừng mới vào năm 1921. Và có lẽ nó cũng không nhận thấy ngày tàn của loài chồn mào-tét ở bang Wisconsin năm 1925, hay sự xuất hiện lần đầu của bầy sáo ghi nhận vào năm 1923.

Vào tháng Ba năm 1922, trong khi cơn mưa đá biệt danh Cỗ Đại (Big Sleet) đã băm nát những cây du xung quanh thành từng mảnh, thì sồi của chúng ta vẫn không hề hấn gì. Một tấn băng đá thì có sá gì so với một cây sồi cổ thụ?

Nghỉ tay! Trưởng nhóm thợ cưa cất giọng, và chúng tôi tạm nghỉ lấy hơi.



Giờ thì lưới cưa đã cắt đến giai đoạn 1910 - 1920, thập kỷ của khát khao rút nước, khi những máy xúc chạy bằng hơi nước đã hút cạn những đầm lầy miền trung Wisconsin để lấy đất làm trang trại, và kết cục chỉ để lại một mớ tàn

đư thất bại. Những đầm lầy liên tục trốn thoát, không phải do sự bất cẩn hay thiếu tiền liệu của các kỹ sư nạo vét, mà bởi vì chúng luôn được con sông hùng hổ cấp nước vào mỗi tháng Tư - một sự hùng hổ mang tính tự vệ - trong những năm 1913 - 1916. Cây sồi thì vẫn tiếp tục lên vỏ gỗ, ngay cả vào năm 1915, khi Tòa án Tối cao bãi bỏ việc các bang tự quản lý rừng, và Thống đốc bang là Phillip lên mặt phán rằng “ngành lâm nghiệp không phải là một đề án kinh doanh tốt cho các bang”. (Ngài Thống đốc đã không tính đến chuyện có thể có nhiều hơn một định nghĩa cho cái gì là tốt, hay thậm chí là cái gì có thể được coi là kinh doanh. Ngài cũng không dự trù được rằng, trong khi tòa án đang thảo ra một cách hiểu của chữ “tốt”, thì cùng lúc đó những trận cháy rừng lại đang viết xuống trên nền đất một cách hiểu khác xa. Có lẽ để có thể giữ cương vị Thống đốc thì đầu óc người ta cần thông suốt kiên định trong những vấn đề ngữ nghĩa như vậy.)

Trong khi lâm nghiệp ở thập kỷ này suy giảm, những khu bảo tồn chuyên dành cho săn bắt lại gia tăng. Vào năm 1916, loài gà lôi chính thức chuyển hộ khẩu đến hạt Waukesha; năm 1915, một đạo luật liên bang nghiêm cấm săn bắn vào mùa xuân; năm 1913 một trang trại thú săn của bang Wisconsin được thành lập; năm 1912, một đạo luật “hươu đực” ra đời để bảo vệ luôn cả các con hươu cái; năm 1911, một đại dịch những khu bảo tồn lan ra khắp toàn bang. “Bảo tồn” trở thành một từ thiêng liêng, nhưng cây sồi vẫn hoàn toàn không hay biết.

Nghỉ tay! Trưởng nhóm thợ cưa cất giọng, và chúng tôi tạm nghỉ lấy hơi.



Giờ thì chúng tôi cắt đến năm 1910, trong lúc một hiệu trưởng trường đại học danh giá xuất bản một cuốn sách về bảo tồn, một nạn dịch ong cắn lá đã càn quét hàng triệu cây thông rụng lá, một trận đại hạn hán làm cho các rừng thông héo tàn, và một cái máy nạo vét cỡ đại đã hút cạn kiệt đầm lầy Horicon.

Chúng tôi cắt đến năm 1909, khi cá trúng lần đầu được nuôi thả trong vùng Ngũ Đại Hồ (The Great Lakes), và vào một mùa hè ẩm ướt thì Cơ quan Lập pháp quyết định cắt giảm ngân sách cho việc phòng chống cháy rừng.

Chúng tôi cắt đến năm 1908, một năm khô hạn với những đợt cháy rừng lớn hoành hành, và Wisconsin nói lời từ biệt với con báo sư tử cuối cùng còn sót lại trong bang.

Chúng tôi cắt đến năm 1907, khi một con linh miêu lang thang kiếm tìm miền đất hứa ở nhầm chỗ, và kết cục là bỏ xác lại giữa những trang trại trong hạt Dane.

Chúng tôi cắt đến năm 1906, khi người kiểm lâm đầu tiên của bang nhậm chức, và những trận cháy rừng tàn phá gần 7000 héc-ta rừng trong những hạt thuộc vùng đất cát pha này; chúng tôi cắt đến năm 1905 khi một bầy ung ngỗng bay xuống từ phương Bắc và ngốn ngấu đến hết đám gà gô trắng bản địa (chúng hẳn đã bay tới đậu trên cây sồi này và gặp mất vài con gà gô của tôi). Chúng tôi cắt tới

những năm 1902 - 1903, một mùa đông giá buốt khắc nghiệt; năm 1901, năm xảy ra một trận hạn hán lịch sử (mưa rơi chưa đầy một mét nước trong cả năm); năm 1900, một năm kỷ niệm 100 năm hy vọng, nguyện cầu, và một vòng đời thường niên nữa trên thân sỏi.

Nghỉ tay! Trưởng nhóm thợ cưa cất giọng, và chúng tôi tạm nghỉ lấy hơi.



Bây giờ thì lưỡi cưa đã cắt đến những năm 1890, quãng thời gian hừng khởi vui tươi cho những ai hướng mắt về phía ánh đèn thành phố thay vì nhìn xuống đất dưới chân mình. Chúng tôi cắt tiếp vào năm 1899, khi một hòn đạn đâm xuyên con chim bồ câu di cư cuối cùng ở gần hạt Babcock, cách nơi này khoảng hai hạt nữa về phía bắc; chúng tôi cắt tới năm 1898 vào một ngày trời thu khô hanh, tiếp nối bằng một mùa đông không một bông tuyết nhưng đủ lạnh để làm băng giá len lỏi vào sâu hơn hai mét đất và giết chết những cây táo; năm 1897, lại một năm hạn hán, năm của một ủy ban lâm nghiệp nữa ra đời; năm 1896, khi chỉ nội ngôi làng Spooner đã vận chuyển được 25.000 con gà gỗ đồng cỏ ra chợ bán; năm 1895, lại một năm cháy rừng; năm 1894, thêm một năm hạn hán; và năm 1893, năm của trận bão Chim Sơn Ca (The Bluebird Storm), khi một cơn bão tuyết tháng Ba quét sạch đến gần như không sót lại một con chim sơn ca di cư nào. (Những con sơn ca đầu tiên luôn cất cánh từ cội sỏi già này, nhưng vào giữa những năm 90 có lẽ chúng đã bỏ qua nơi này.) Chúng tôi kéo lưỡi

cửa vào đến năm 1892, thêm một năm cháy rừng nữa; năm 1891, một mùa kém sinh sản với loài gà gô trắng; và năm 1890, năm của Phương pháp Định lượng Chất béo trong Sữa do Giáo sư Babcock sáng chế (Babcock Milk Tester), tạo đà cho phát biểu nửa thế kỷ sau của Thống đốc bang là Heil rằng Wisconsin là Thủ phủ Bơ sữa của nước Mỹ. Không có ai, ngay cả Giáo sư Babcock, có thể ngờ rằng biệt danh ấy giờ đây sẽ nằm chễm chệ trên bất cứ biển số xe nào trong bang.

Cũng trong năm 1890 đó, những bè chở gỗ thông lớn nhất trong lịch sử đã xuôi dòng về phía hạ nguồn sông Wisconsin và trôi ngang cây sồi của tôi, để sau đó dựng xây nên một đế chế những nông trang gỗ đỏ cho những đàn bò của các bang thảo nguyên nước Mỹ. Chính những thân gỗ thông đó đã che chở cho những con bò khỏi cơn bão tuyết, giống như những vách gỗ sồi đang bảo bọc tôi khỏi cái lạnh thấu xương bên ngoài.

Nghỉ tay! Trưởng nhóm thợ cửa cất giọng, và chúng tôi tạm nghỉ lấy hơi.



Bây giờ thì lưới cửa đã chạm tới những năm 1880; năm 1889, một năm khô hạn, năm mà Lễ trồng cây Arbor được phát động trên toàn bang; năm 1887, khi Wisconsin bổ nhiệm người giám sát luật săn bắn đầu tiên; năm 1886, khi Đại học Nông nghiệp tổ chức khóa học ngắn hạn đầu tiên cho nông dân; năm 1885, mở màn bằng một mùa đông “dài và lạnh lẽo chưa từng thấy trong lịch sử”; năm 1883, khi

Chủ nhiệm khoa W. H. Henry báo cáo rằng các loại hoa mùa xuân ở Madison nở muộn hơn 13 ngày so với bình thường; năm 1882, khi hồ Mendota mở cửa đón khách muộn hơn một tháng do trận bão Đại Hàn (Big Snow) lịch sử kèm theo tiết trời lạnh buốt trong những năm 1881 - 1882.

Cũng chính vào năm 1881, Hội Nông nghiệp Wisconsin đưa ra thảo luận câu hỏi, “Làm sao chúng ta cắt nghĩa được kỳ tăng trưởng thứ sinh^[2] của giống cây sồi gỗ đen, vốn đã và đang bén rễ đâm chồi trên toàn quốc trong ba mươi năm qua?” Cây sồi của tôi là một trong số các cá thể đó. Một cử tri nhận xét là do sinh sản ngẫu nhiên, người khác lại cho rằng đó là do lũ bồ câu di cư về phương Nam đã nhả ngược hạt sồi ra.

Nghỉ tay! Trưởng nhóm thợ cưa cắt giọng, và chúng tôi tạm nghỉ lấy hơi.



Giờ lưỡi cưa đã liếm vào đến những năm 1870, thập kỷ của cơn say túy lúy với việc trồng lúa mì ở Wisconsin. Vào thứ Hai, chúng tôi tiến đến năm 1879, khi lũ bọ lúa mì, ấu trùng bọ cánh cứng, bệnh rỉ sắt, và đất thiếu màu cuối cùng đã buộc các nông dân Wisconsin đối mặt với sự thật rằng họ không thể tiếp tục mở rộng diện tích đất trồng lúa mì trên các thảo nguyên hoang sơ về phía tây, nếu họ không muốn đất dưới chân trở nên cằn cỗi đến không thể cứu vãn nổi. Linh tính mách bảo tôi rằng trang trại này cũng góp phần trong cuộc chơi “phát rừng làm rẫy” đó, và những hạt

cát khô cần thổi về phía bắc cây sồi của tôi có nguồn gốc từ giai đoạn lạm phát trồng lúa mì đó.

Cũng trong năm 1879, chúng ta chứng kiến đàn cá chép đầu tiên được thả nuôi ở Wisconsin, kèm theo là chuyến đi lậu vé của giống cỏ lúa mì từ châu Âu vào trong bang. Vào ngày 27 tháng Mười năm 1879, sáu con gà gô đồng cỏ di trú đậu trên đòn nóc của Nhà thờ Giám lý Đức quốc (German Methodist Church) ở Madison, nhìn ngắm thành phố đang ngày càng phát triển này. Vào ngày 8 tháng Mười một, các chợ ở Madison đầy ắp những con vịt bán đồ đông với giá chỉ 10 cent một con.

Năm 1878, một thợ săn hươu đến từ Sauk Rapids đưa ra lời nhận xét có phần tiên đoán, “Số thợ săn rồi sẽ áp đảo số lượng hươu”.

Vào ngày 10 tháng Chín năm 1877, hai anh em thợ săn ở hồ Muskego đã bắn hạ và đóng túi 210 con mòng két đuôi xanh chỉ trong một ngày.

Năm 1876 là năm ẩm ướt nhất trong lịch sử bang, với lượng nước mưa dâng lên đến gần một mét rưỡi, số lượng gà gô đồng cỏ tụt xuống, có lẽ phần vì mưa lớn.

Năm 1875, bốn thợ săn đã bắn chết 153 con gà gô đồng cỏ trên thảo nguyên York, cách đây một hạt về hướng đông. Trong cùng năm ấy, Hiệp hội Thủy sản Hoa Kỳ đã thả giống cá hồi Đại Tây Dương vào hồ Devil, cách cây sồi của tôi tầm 16 cây số về phía nam.

Năm 1874, những thước dây kẽm gai đầu tiên sản xuất trong nhà máy được bấm dập xung quanh các gốc sồi. Tôi

hy vọng là không có thứ “cổ vật” nào như thế còn kẹt lại trong thân sồi chúng tôi đang cưa này!

Năm 1873, một công ty ở Chicago đã tiếp nhận và tung ra thị trường 25.000 con gà gô đồng cỏ. Người tiêu dùng ở Chicago đã mua tổng cộng 600.000 con ở mức giá 3,25 đô-la một tá.

Năm 1872, con gà tây hoang dã cuối cùng ở Wisconsin đã bị săn hạ, ở địa điểm cách đây hai hạt về hướng tây nam.

Thật hợp tình hợp lý khi thập kỷ đánh dấu sự thoái trào trong cơn sốt tiên phong trồng lúa mì cũng kết thúc luôn cơn sốt săn bắt bồ câu. Vào năm 1871, trong vòng bán kính 80 cây số tính từ cây sồi của tôi về phía tây bắc, ước tính có khoảng 136 triệu con bồ câu đã làm tổ; một số con có lẽ đã làm tổ ngay trên cây sồi này, vì lúc đó nó đã là một cây sồi con lớn mạnh cao tầm sáu mét. Những tay săn bồ câu lũ lượt truy kích những con chim với bẫy lưới và họng súng săn, dùi cui và những cục muối liếm nhử mồi, để rồi sau đó chất đầy những con bồ câu để nhồi nhân bánh nướng lên các toa tàu chạy hướng nam và đông về các thành phố. Đó là đợt làm tổ lớn cuối cùng của loài bồ câu ở Wisconsin, và có lẽ cũng là lần gần cuối ở bất cứ bang nào khác.

Cùng trong năm 1871, xuất hiện các bằng chứng khác về cuộc hành quân của đế chế loài người: Trận cháy Peshtigo thiêu rụi cây cối và đất đai của một vài hạt, và Trận cháy Chicago, nghe đồn là bắt đầu từ cú đá hậu phản đối của một con bò cái.

Vào năm 1870, đế chế chuột đồng đã bắt đầu cuộc càn quét của riêng mình; chúng dọn sạch các vườn cây trái của

tiểu bang lúc đó còn non trẻ, chỉ để đó kéo nhau chết hàng loạt. Chúng không kịp gặm nhấm cây sồi của tôi, phần vì lớp vỏ cây lúc đó đã quá dày và cứng với lũ chuột.

Đồng thời, trong năm 1870, một tay súng đã khoe khoang trên kênh American Sportsman (Thể thao Nước Mỹ) rằng mình đã giết được 6.000 con vịt chỉ trong một mùa săn bắn gần Chicago.

Nghỉ tay! Trưởng nhóm thợ cưa cất giọng, và chúng tôi tạm nghỉ lấy hơi.



Lưỡi cưa giờ đã tiến đến những năm 1860, khi hàng nghìn người tử trận trong cuộc Nội chiến chỉ để trả lời câu hỏi: liệu cộng đồng giữa người với người này có dễ dàng chia tách đến vậy? Cuối cùng thì mọi chuyện cũng qua đi, tuy nhiên họ đã không thấy được, và chúng ta đến giờ vẫn chưa nhận ra, rằng câu hỏi tương tự đó cũng ứng với mối quan hệ giữa con người và thiên nhiên đất đai.

Thập kỷ này cũng trải qua những cuộc dò dẫm tìm đường trong đêm để giải quyết các vấn đề vĩ mô. Vào năm 1867, Quý ngài Increase A. Lapham đã thuyết phục Hội Làm vườn của Tiểu bang (State Horticultural Society) trao giải thưởng cho các khu trồng rừng. Vào năm 1866, con nai sừng tấm Wisconsin cuối cùng đã bị giết hại. Lưỡi cưa giờ đây đã cắt vào năm 1865, một năm cốt lõi cho cây sồi của chúng ta. Đó là năm mà John Muir đã ngỏ lời mua lại từ tay anh trai mình một căn nhà nông trang cách cây sồi gần 50 cây số về hướng đông, và biến nó thành một vườn bảo tồn

các loại hoa dại từng khiến ông ngây ngất một thời non trẻ. Anh trai ông khước từ lời đề nghị đó, nhưng ông ta cũng không khống chế được ý tưởng đó lan tỏa đến toàn bang: 1865 luôn là cột mốc trong lịch sử bang Wisconsin, đánh dấu năm chớm nở tình thương và lòng trắc ẩn cho những gì thuộc về thiên nhiên hoang dã và tự do.

Chúng tôi đã cưa đến phần lõi xốp. Lưỡi cưa của chúng tôi đã đảo chiều tịnh tiến của lịch sử; chúng tôi vừa cắt vừa giật lùi qua các năm trong khi vẫn đi tới về phía bên kia của thân cây. Cuối cùng thì thân cây cũng rung động; miệng vết cưa bỗng nhiên há rộng ra; lưỡi cưa nhanh chóng được rút ra trong khi những người thợ cưa nhảy lùi lại vào vùng an toàn; tất cả cùng kêu vang “Cây đổ!”; cây sồi của tôi nghiêng người, rên rỉ, và đổ nhào một tiếng kinh thiên động địa, và nằm ngửa án ngữ giữa con đường của dân di cư nơi nó đã sinh ra.



Bây giờ thì đến công đoạn xẻ gỗ. Từng nhịp vỗ rung lên trên những nệm gỗ bằng thép trong lúc từng khúc thân cây lan lướt bị lật úp, tách rời nhau ra thành từng khối đầm hương gỗ mới, để rồi sau đó được kéo bằng dây sang bên vệ đường.

Có một câu chuyện ngụ ngôn cho các nhà sử học xoay quanh các công năng đa dạng của lưỡi cưa, cái nệm, và cái rìu.

Lưỡi cưa chỉ cắt qua các năm, và nó phải tuân tự giải quyết từng năm một. Cứ đến một năm thì các răng cưa lại

kéo ra một vài mẫu gỗ thông tin bé xiu, sau đó sẽ tích tụ lại thành từng đồng nhỏ, được các thợ xẻ gỗ gọi là mùn cưa còn các nhà sử học thì gọi là kho lưu trữ. Và cả hai bên đều đánh giá thực chất những cái nằm bên trong thông qua những mẫu vật nhìn thấy được bên ngoài. Chỉ đến khi đường cắt ngang hoàn tất thì cái cây mới đổ xuống, và gốc cây sẽ tiết lộ một điểm nhìn bao quát về một thế kỷ. Với cú ngã của mình, cái cây trở thành người chứng cho mớ hồ lớn ta gọi là lịch sử.

Ngược lại, cái nêm chỉ vận hành dựa trên các nhát bở theo bán kính xoay tròn; mỗi nhát bở như thế lại cho thấy một góc nhìn tổng quan của tất cả các năm cùng một lúc, hoặc sẽ không hé lộ điều gì cả, tất cả tùy thuộc vào kỹ năng lựa chọn mặt cắt của người bở. (Nếu bạn do dự, thì cứ để yên cho phần gỗ phơi nắng trong một năm cho đến khi xuất hiện một vài vết nứt trên mặt gỗ. Rất nhiều bàn tay nóng vội đã nén những cái nêm kẹt chặt vào thân câu, để chúng nằm đó rỉ sét đi và cứng ngắc giữa những thớ gỗ đan xen không tài nào chẻ nổi.)

Cái rìu chỉ vận hành ở một góc chéo so với các năm, và chỉ giúp hé lộ các vòng ngoài rìa hay quá khứ gần đây. Công năng đặc biệt của nó là cắt xén bớt cành nhánh mà cả lưỡi cưa và cái nêm đều bất lực đầu hàng.

Cả ba dụng cụ đều cần thiết để tạo tác nên một khúc gỗ sồi tốt và một pho sử quý.



Tôi ngẫm ngợi về những điều này trong lúc ấm nước hát reo trên bếp, và khúc gỗ sồi cháy thành những viên than hồng trên nền tro tàn trắng. Khi xuân về, tôi sẽ mang chỗ tro tàn đó quay lại mảnh vườn dưới chân ngọn đồi cát pha. Chúng sẽ quay trở lại với tôi, có lẽ dưới hình dáng những trái táo đỏ ngọt, hay có thể trong hình bóng một chú sóc béo tốt với tinh thần táo bạo, vì một lý do nào đó ngay cả chú cũng không biết, đang hì hục quyết tâm trồng những trái sồi rụng.

THÁNG BA

Bầy ngỗng trở về

Một cánh én chẳng làm nên trời hè, nhưng một đàn ngỗng sải cánh cắt xuyên qua nền trời bằng bạc của mùa tuyết tan tháng Ba thì quả là dấu hiệu báo xuân về.

Một con chim hồng y, nếu lỡ nhầm lẫn cất tiếng hót báo hiệu mùa xuân về với từng bông tuyết tan, sau đó có thể chữa thẹn bằng cách tiếp tục im lặng như trong suốt mùa đông dài. Một con sóc chuột đang chui ra ngoài tắm nắng nhưng lại gặp đúng con bão tuyết thì chỉ cần quay về ngủ vùi trong tổ. Nhưng một con ngỗng trời di cư chấp nhận đặt cược khi vượt hơn 300 cây số đường trường rằng mình sẽ tìm thấy một lỗ hổng trên mặt hồ đóng băng thì không có đường lui dễ dàng như vậy. Sự hiện diện của nó mang sức nặng quả quyết của một nhà tiên tri đã bỏ tất cả lại phía sau.

Buổi sang tháng Ba chỉ âm u ảm đạm với những ai đi bộ bên ngoài quên không ngược nhìn lên trời hay vênh tai lắng nghe tiếng ngỗng kêu. Tôi từng biết một quý bà có học, một thành viên gạo cội của Hội nhóm Phi Beta Kappa (The Phi Beta Kappa Society), người từng kể với tôi rằng bà ấy chưa từng nghe hay nhìn thấy tiếng đàn ngỗng cứ hai năm một

lần lại báo hiệu mùa về trên mái nhà cách nhiệt của bà. Liệu giáo dục có phải là một quá trình đánh đổi nhận thức để nhận lại những thứ vô giá trị hơn? Con ngỗng nào mà lựa chọn như vậy chẳng sớm thì muộn sẽ biến thành một mớ lông cánh nát bầy.

Đàn ngỗng báo hiệu mùa về trên trang trại của chúng tôi nhận thức rõ về rất nhiều thứ, bao gồm cả những đạo luật ở Wisconsin. Những đàn ngỗng bay về phương Nam vào tháng Mười một thường bay cao vút phía trên đầu chúng tôi, tuyệt nhiên im bất không một tiếng động ngay cả khi chúng nhận ra những bãi cát và đầm nước thân thuộc còn trơ gốc rạ mới cắt trong đêm. Bất chấp thôi thúc muốn tới liền các hồ vũng rộng cách đó hơn 30 cây số về phía nam, nơi chúng rảo bước buổi sáng trời rồi lại lượn trộm bấp ngô mới gặt lúc đêm xuống, bầy ngỗng vẫn không dám lao thẳng tới nơi theo đường chim bay. Bầy ngỗng tháng Mười một hiểu rõ hơn ai hết rằng luôn có những họng súng rình rập khắp các đầm lầy và ao hồ từ rạng đông đến tối mịt.

Bầy ngỗng tháng Ba thì lại là một câu chuyện hoàn toàn khác. Mặc dù đã bị bắn tỉa trong suốt cả mùa đông, bằng cớ còn nằm trên những bộ cánh tả toí, chúng biết rằng mùa xuân đến nghĩa là lệnh tạm ngừng bắn bắt đầu có hiệu lực. Chúng lướt gió trên doi đất nhô ra sông, sà xuống thấp trên những cù lao và bãi bồi giờ đây đã vắng bóng thợ săn, và lật đật nhào xuống các bãi cát như tìm thấy một cố nhân lâu ngày chưa gặp. Chúng lượn vòng đan xen thật thấp trên các đầm lầy và đồng cỏ, khám phá từng ao vũng mới tan. Cuối

cùng, sau một vài vòng chiếu lệ trên đầm lầy, chúng cụp cánh và chao liệng về phía mặt hồ, bàn chân đen dân đáp xuống và cái phao câu trắng nổi vênh lên trên nên quả đồi đằng xa. Khi chạm nước, những vị khách mới tới của chúng ta bắt đầu kêu quàng quạc và đập nước đến độ ý nghĩ cuối cùng về mùa đông cũng trôi tuột khỏi những thân cỏ hương bồ cứng đờ. Đàn ngỗng của chúng ta đã quay trở về nhà.

Cứ vào thời khắc này hàng năm là tôi lại ước gì mình được làm một chú chuột xạ hương, ngụp lặn trong đầm lầy.

Khi tốp ngỗng dẫn tiên đã hạ cánh an toàn, chúng kêu những tiếng ồn ào ngân vang để mời gọi những bầy khác bay đến, và chỉ trong vài ngày thì đầm lầy đã trở thành thủ phủ loài ngỗng. Ở trang trại, chúng tôi đo biên độ dao động của mùa xuân bằng hai thước đo: số lượng thông nẩy mầm và số lượng ngỗng ghé qua. Con số kỷ lục của chúng tôi là 642 con ngỗng vào ngày 11 tháng Tư năm 1946.

Như vào mùa thu, bầy ngỗng mùa xuân ngày ngày ghé thăm các bãi ngô, nhưng chúng không cần phải lén lút lên ra khi đêm xuống nữa; trái lại, cả bầy lao xao di chuyển từ gốc ngô này sang gốc ngô khác suốt cả ngày. Mỗi lần di dời là lại một lần chúng tranh luận ồm tỏi, và mỗi lần quay lại thì chúng dường như lại xôn xao hơn trước. Bầy ngỗng sau khi trở về và hoàn toàn nhập gia thì thậm chí chẳng buồn bay vòng lấy lệ kiểm tra đầm lầy nữa. Chúng chao liệng trên không như những lá phong, hết liệng trái lại tạt phải để giảm dần cao độ, chân giang ra đón chào những tiếng quàng quạc chào mừng bên dưới. Tôi đoán rằng những tiếng quàng quạc chào mừng bên dưới. Tôi đoán những

tiếng âm ỉ sau đó là cách chúng bình phẩm về chất lượng bữa tối ngày hôm ấy.

Giờ thì chúng đang đánh chén những hạt ngô sót lại đã được lớp tuyết bảo vệ khỏi lũ quạ, thỏ đuôi bông, chuột đồng, và gà gô.

Có một điều dễ nhận thấy là những gốc ngô được bầy ngỗng tuyển lựa làm đồ ăn thường là những thân ngô trước đó mọc trên thảo nguyên. Không ai biết rằng việc ưu ái giống ngô thảo nguyên này có phản ánh giá trị dinh dưỡng ưu việt hơn hay không, hay đây đơn thuần là một tập tục cha ông truyền lại từ thế hệ ngỗng này sang thế hệ ngỗng khác từ thuở chúng còn sống trên thảo nguyên. Có thể nó phản ánh thực tế đơn giản là các cánh đồng ngô mọc trên thảo nguyên thường rộng lớn. Nếu tôi có thể hiểu được những cuộc tranh luận om sòm trước và sau những chuyến đi tìm ngô này của bầy ngỗng, thì có thể tôi sẽ sớm biết được lý do vì sao chúng lại ưng bụng giống ngô thảo nguyên. Nhưng vì tôi không thể, nên tôi hoàn toàn hài lòng để cho điều đó mãi là một ẩn số. Thế giới này sẽ buồn tẻ biết nhường nào nếu ta biết tất cả mọi thứ cần biết về loài ngỗng!

Khi quan sát lễ thói hằng ngày của một đàn ngỗng mùa xuân, ta sẽ dễ ý thấy một số lượng phổ biến những con ngỗng lẻ bầy - chúng thường bay một mình và kêu ca inh ỏi. Ai đó có thể sẽ nhanh chóng quy chụp qua tông giọng ai oán của chúng rằng đây là những con ngỗng góa phụ sầu muộn, hay những bà mẹ đang hối hả tìm con. Nhưng một nhà điều cầm học lâu năm sẽ biết rằng việc kết luận phiến

diện như vậy về hành vi của loài chim là việc đầy rủi ro. Từ lâu tôi đã cố giữ đầu óc cởi mở khi tiếp cận những câu hỏi như thế.

Sau khi tôi và học trò đã dày công đếm số ngỗng trong một đàn trong suốt sáu năm, một tia sáng lóe lên trong đầu chúng tôi về ý nghĩa đằng sau những con ngỗng đơn độc nọ. Các phân tích toán học cho thấy rằng các tổ hợp bảy sáu con hay bội số của sáu xuất hiện với tần suất cao hơn hẳn mức ngẫu nhiên cho phép. Nói theo cách khác, một bảy ngỗng được tạo thành bởi một gia đình, hay một nhóm các gia đình, và điều này có lẽ đã xác tín cho những tưởng tượng ban đầu của chúng ta về những con ngỗng đơn côi khi xuân về. Chúng là những cá thể sống sót côi cút sau những đợt săn bắn vào mùa đông, và giờ đây đang vô vọng tìm kiếm bảy đàn của mình. Bây giờ thì tôi có thể cho phép mình xót thương trước mất mát của những cánh ngỗng lẻ loi kia.

Rất hiếm khi toán học khô khan xác chứng cho những ý tưởng có phần ủy mị của người yêu chim.

Vào những đêm tháng Tư khi tiết trời đã ấm lên đủ để ta có thể ngồi ngoài trời, chúng tôi thường tận hưởng việc lắng nghe các trình tự nghi thức của cuộc tụ họp muôn loài nơi đầm lầy. Có những khoảng lặng dài khi ta chỉ nghe thấy tiếng chim dễ giun vỗ cánh, tiếng rúc lên của một con cú ở đằng xa, hay tiếng cục tác âm mũi của vài con sâm cầm gọi bạn. Rồi bất chợt, một tiếng ngỗng trời lạnh lạnh đồn vang, và trong phút chốc cả đầm lầy trở nên huyền ảo hỗn độn. Đây đây là những tiếng cánh ngỗng đập nước, bóng những

con ngỗng đập chân phóng nhào vào nhau, đi kèm với những tiếng kêu la phàn nàn của những con đứng ngoài cuộc cãi vã gay gắt này. Cuối cùng một con ngỗng với tông giọng trầm sâu cất lên một tiếng phán xét cuối cùng, và những âm thanh ồn ã tắt dần đi, chỉ còn những tiếng rúc rích thì thào không ngớt giữa những con ngỗng. Một lần nữa, tôi ước gì mình là một con chuột xạ hương!

Khi những cây bạch đầu ông đã nở đầy hoa thì cũng là lúc hội đồng ngỗng nơi đây dần biến mất, và trước khi tháng Năm nhón gót tới thì đầm lầy của chúng ta lại trở về thành một vùng ẩm ướt um tùm cây cỏ, lấp ló đâu đây vài con chim hét cánh đỏ hay gà nước.



Lịch sử thật nực cười khi cho rằng các cường quốc mới là những người khám phá ra mô hình liên minh các quốc gia liên lục địa ở Cairo vào năm 1943. Các cộng đồng ngỗng toàn cầu đã sớm phát hiện ra điều này từ rất lâu, và cứ mỗi tháng Ba chúng lại đặt cược mạng sống của mình lên chân lý giản đơn này.

Thuở ban đầu liên minh này chỉ tồn tại trên những phiến băng trong kỷ Băng Hà. Sau đó, mỗi liên minh tiếp tục được duy trì khi tuyết tan tháng Ba và những bầy ngỗng từ khắp nơi hành hương trở về phía bắc. Kể từ thế Canh Tân (Pleistocene), cứ vào mỗi dịp tháng Ba, những con ngỗng lại cất cao tiếng gọi bầy từ biển thuộc Trung Hoa đến những dãy núi Siberia, từ sông Euphrates đến sông Volga, từ sông Nile đến cảng biển Murmansk, từ hạt Lincolnshire

đến đảo Spitsbergen. Cứ mỗi tháng Ba kể từ thế Canh Tân, những đàn ngỗng lại kháo nhau kêu gọi liên minh từ hạt Currituck đến vùng Labrador, từ hồ Matamuskeet đến bán đảo Ungava, từ hồ Horseshoe đến vịnh Hudson, từ đảo Avery đến đảo Baffin, từ eo đất Panhandle đến lưu vực Mackenzie, từ thành phố Sacramento đến lãnh thổ Yukon.

Nhờ vào mạng lưới không vận quốc tế này của loài ngỗng mà những hạt ngô mót ở Illinois đã cưỡi mây đến với miền lãnh nguyên Bắc cực trơ trọi; ở đây, cùng với ánh nắng rơi rớt trong những đêm trắng tháng Sáu ở Bắc Cực tại nơi vĩ độ cao, chúng góp phần nuôi lớn những con ngỗng tơ chập chững suốt dọc chiều dài lãnh nguyên. Và giữa những phi vụ thường niên để đổi thức ăn lấy ánh nắng, đổi hơi ẩm giữa mùa đông lấy cái tỉnh mịch ngày hè, những con ngỗng đã mang lại cho cả châu lục một khoản lợi ròng dưới dạng một bài thơ hoang hoải rơi rớt từ trên bầu trời âm u xuống nền đất bùn tháng Ba.

THÁNG TƯ

Mùa nước nổi

Lô-gích đằng sau việc các con sông lớn luôn chảy qua các thành phố lớn khiến cho những nông trại nhỏ đôi khi bị cô lập trong dòng nước lũ đầu xuân. Trang trại của chúng tôi cũng không phải ngoại lệ, và có đôi lần khi lên thăm trang trại vào tháng Tư, chúng tôi đã bị kẹt ở đó.

Dĩ nhiên chuyện này hoàn toàn nằm ngoài chủ đích, nhưng ở mức độ nào đó thì ta có thể phỏng đoán dựa trên dự báo thời tiết rằng khi nào thì tuyết trên miền Bắc sẽ tan, và có thể ước lượng rằng sau bao nhiêu ngày thì nước lũ sẽ xối xả thách thức các thành phố trên thượng nguồn. Đó là lý do mà đến tôi Chủ nhật, ta không thể quay trở về phố thị để chuẩn bị hôm sau đi làm. Tiếng ầm òa của dòng nước tuôn trào mới ngọt ngào làm sao khi chúng thì thầm bày tỏ nỗi cảm thông vì đã làm đổ bể biết bao kế hoạch cho buổi sáng thứ Hai! Và tiếng kêu quàng quạc của những con ngỗng mới trầm và sâu làm sao khi chúng lượn vòng trên khắp các cánh đồng ngô mà giờ đang dần biến thành những hồ nước. Cứ hết một trăm mét thì lại có vài con ngỗng đập cánh trên không, khi đang cố gắng chỉ huy bầy đàn dần

quân theo hình bậc thang trong chuyến thăm dò buổi sớm cái thế giới mới mẻ ngập chìm trong biển nước này.

Sự hào hứng của lũ ngỗng trước mùa nước nổi xem chừng vẫn còn ra chiều ý tứ, và có thể bị những đôi tai không quen nghe cách chúng kháo chuyện bỏ qua, nhưng nỗi hân hoan của những con cá chép thì quá rõ rệt và không nhầm lẫn vào đâu được. Nước lũ vừa mới dâng ướt chân cỏ thôi là chúng đã tề tựu đông đủ, quấy đuôi đầm mình với một sự say mê lạ thường, giống như cách những con lợn chạy rông trên bãi cỏ, rượt đuổi những con chim hét cánh đỏ và chim bụng vàng, rong ruổi theo vết xe kéo và vết chân bò, và rung lay những đám sậy và bụi cỏ trong cơn phấn chí khám phá một vũ trụ mới đang mở ra trước mắt.

Không giống như đám ngỗng trời và cá chép, các loài thú trên cạn chấp nhận mùa nước nổi với sự hờ hững của một triết gia. Một con chim hồng y đậu trên một thân cây bạch dương ven sông huýt sáo vang lừng để đánh dấu một lãnh địa vô hình mà chỉ những cái cây mới biết. Tiếng một con gà gô cổ khoang đập cánh liên hồi vọng ra từ những cánh rừng ngập nước; nó phải đậu ở phần cao nhất trên khúc gỗ cao nhất trong rừng. Các con chuột đồng đập nước bơi về phía các mỏm đất nhấp nhô trên mặt nước với vẻ tự tin điềm tĩnh như những con chuột xạ hương tí hon. Từ trong vườn cây ăn trái ló ra một chú hươu vừa bị chiếm mất chỗ ngủ thường ngày trong bụi liễu rậm rạp. Khắp trên ngọn đồi nơi trang trại của chúng tôi la liệt những con thỏ

đóng quân tạm trú, như trên “chiếc thuyền của Noah” mà thiếu vắng Noah.

Con lũ mùa xuân không chỉ mang đến cho chúng tôi tinh thần vui chơi thám hiểm; nó còn đưa lại một cơ man những món đồ lạc xoong khó đoán trôi dạt xuống từ các trang trại phía thượng nguồn. Một tấm ván cũ mắc cạn trên cánh đồng, với chúng tôi còn có giá trị gấp đôi so với một tấm ván tương tự mua mới ở xưởng mộc. Mỗi tấm ván cũ là cả một câu chuyện riêng, luôn luôn bí ẩn, nhưng đến chừng mực nào đó thì vẫn có thể đoán định được dựa trên loại gỗ dùng làm ván, kích thước, những cái đinh và ốc vít, lớp sơn, véc-ni quét ngoài (có hoặc không), và dù mòn vẹt mục nát của nó. Ta thậm chí còn có thể đoán được dựa trên độ bào mòn các góc cạnh của tấm ván, rằng nó đã được chuyên chở qua bao nhiêu cơn lũ trong nhiều năm qua.

Chông gỗ của chúng tôi, tất cả đều được thu lượm từ dòng sông, vì thế không chỉ là một bộ sưu tập các tính cách khác nhau, mà còn là một tuyển tập về những câu chuyện vượt lên số phận của con người ở những trang trại và khu rừng đầu nguồn. Cuốn tự truyện của một tấm ván cũ là một dạng văn học chưa được giảng dạy trong nhà trường, nhưng mỗi bãi sông lại là một thư viện nơi những người làm nghe kéo cửa xẻ gỗ có thể tùy nghi tìm đọc. Mỗi khi con nước lớn là một đợt sách vở mới lại về.



Tồn tại trên đời những dạng thức và mức độ khác nhau của sự đơn độc. Một cồn đất giữa biển hồ là một dạng đơn

độc; nhưng trên hồ thì có thuyền ghe qua lại, và hẳn nhiên sẽ có ngày một chiếc thuyền cập cồn thăm bạn. Một đỉnh núi nằm giữa muôn trùng mây là một dạng khác; nhưng đỉnh nào thì cũng có đường lên, và trên đường thì sẽ có du khách. Tôi chưa hề biết tới một sự đơn độc nào triệt để như sự đơn độc của một người bị bao vây bởi dòng nước lũ mùa xuân; lũ ngồng trời cũng vậy, và chúng thì đã trải nghiệm nhiều tầng lớp và hình dạng của sự cô đơn còn hơn cả tôi.

Thế nên chúng tôi ngồi trên đồi bên cạnh một đám cây bạch đầu ông mới trở và ngắm bầu ngồng bay qua. Tôi trông thấy con đường dẫn xuống đồi từ từ thoải vào dòng nước, và tôi kết luận (với một chút vui le lói tuy ngoài mặt làm lơ) rằng câu chuyện tắc đường hôm nay, dù là ra hay vào, cũng chỉ là chuyện giữa những con cá chép mà thôi.

Hoa cải báo xuân^[3]

Chỉ trong vài tuần nữa thôi là những bông hoa cải trắng báo xuân bé xíu, giống hoa dại nhỏ nhất có thể phát tán hạt, sẽ đơm trổ trên khắp những vùng có đất cát pha.

Người nào chỉ biết nhướng mắt lên trông chờ mùa xuân sẽ không bao giờ để ý thấy một tạo vật nhỏ nhoi như bông hoa cải báo xuân. Người nào chán nản khi xuân về sẽ cụp mắt xuống và vô tình dẫm đạp lên chúng. Chỉ có những ai với đầu gối lấm sình đi tìm mùa xuân trong bùn đất thì mới trông thấy hàng hà sa số những bông hoa tí hon này.

Hoa cải báo xuân cần, và nhận được, rất ít nắng ấm và sự chăm sóc ưu ái; nó tồn tại bên rìa những vùng không gian - thời gian không ai đoái hoài tới. Những cuốn sách thực vật học dành cho nó chỉ vài ba dòng, thậm chí còn chẳng có nổi một tiêu bản hay hình minh họa. Với cải báo xuân, những lớp cát nghèo nàn dinh dưỡng và ánh mặt trời quá yếu ớt với những giống cây hoa nở to đã là đủ. Dù sao thì nó cũng không phải là hoa của mùa xuân, mà chỉ là một bông hoa báo xuân, một dòng tái bút cho một mùa hy vọng.

Hoa cải báo xuân làm lay động con tim. Mùi hương của nó, nếu có, cũng tản mát bay theo những cơn gió rít. Những cánh của nó trắng nhạt một màu. Từng phiến lá phủ lên mình một lớp tong nhung che chở. Chẳng con gì thêm ăn nó vì quá bé nhỏ. Không thi sĩ nào viết lời tán tụng nó. Một vài nhà thực vật đã từng cho nó một pháp danh Latin, chỉ để quên bằng nó đi sau đó. Tựu trung thì nó là một tạo vật vô thưởng vô phạt - chỉ là một sinh linh nhỏ với một nhiệm vụ cũng nhỏ, nhưng nó thực thi công việc đó một cách gọn lẹ và hiệu quả.

Cây sồi trắng^[4]

Khi đám trẻ trong trường bầu cử để chọn ra loài chim, loài hoa, hay giống cây đại diện cho bang, chúng thực ra không tự quyết định mà chỉ đơn thuần là đang phê chuẩn lịch sử. Lịch sử đã chọn cây sồi trắng làm giống cây đặc trưng cho miền Nam Wisconsin khi những đám cỏ trên thảo

nguyên mới bắt đầu chiếm hữu khu vực này. Cây sồi trắng là thứ cây duy nhất có thể hiên ngang chống chọi với đám cháy trên thảo nguyên và sống sót.

Đã bao giờ bạn tự hỏi tại sao toàn bộ cây sồi lại được bao phủ bởi một lớp vỏ dày gỗ ghề sần sùi cho đến những cành nhỏ nhất chưa? Lớp vỏ này chính là một lớp áo giáp, sồi trắng là đội quân xung kích được các khu rừng gửi đến để chiếm đất trên thảo nguyên, và lửa cháy đồng là mối đe dọa lớn nhất mà chúng phải chống chọi. Cứ mỗi tháng Tư, trước khi lớp vỏ mới kịp che phủ thảo nguyên bằng lớp áo giáp xanh chống lửa, những đám cháy đồng tự do càn quét trên thảo nguyên, chỉ chừa lại những thân sồi già đã mọc vỏ đủ dày để không bị thiêu rụi. Đa phần các cây sồi trắng kỳ cựu nay mọc thành lùm rải rác, được các nhà khai khẩn đất đai gọi là các “mảng sồi thừa” (oak openings).

Các kỹ sư không tự sáng chế ra quy trình cách ly nhiệt, mà chỉ sao chép lại từ kỹ thuật của các chiến binh sồi già trong cuộc chiến giữa rừng già và thảo nguyên. Các nhà thực vật học có thể lần lại lịch sử cuộc chiến này tới hai mươi nghìn năm về trước. Các văn thư ghi chép được lưu lại dưới dạng các hạt phấn nằm sâu trong lớp than bùn, một phần của các thân cây cổ được cài cắm bên rìa cuộc chiến và bị lãng quên ở đó. Văn thư này cho thấy tiền tuyến của rừng già có khi bị đẩy lùi đến tận hồ Superior; có khi nó lại tiến xa xuống đến tận phía nam. Có một thời gian, đường biên này nam tiến xa đến độ những cây vân sam và các giống cây “hậu vệ” vượt ra xa khỏi biên giới phía nam bang Wisconsin, bằng chứng là hạt phấn cây vân sam xuất hiện ở

một vài tầng khắp các đầm lầy than bùn trong vùng. Tuy nhiên, chiến tuyến trung bình giữa rừng già và thảo nguyên vẫn quay lại vị trí hiện thời, và tỷ số của cuộc chiến này tính đến giờ vẫn hòa đều.

Một lý do cho kết quả này là sự tồn tại của các đồng minh lần lượt chống lưng hết bên này đến bên kia chiến tuyến. Những loài gặm nhấm như thỏ và chuột dọn dẹp hết những giống thảo mộc trên thảo nguyên vào mùa hè, trong khi mùa đông thì chúng lại bóc khoanh vỏ tất cả các gốc sồi non đã sống sót qua đám cháy. Đám sóc thì trồng các hạt sồi vào mùa thu trong khi lại dùng chúng làm nguồn lương thực trong suốt thời gian còn lại trong năm. Những con bọ cánh cứng tháng Sáu là kẻ thù của những đồng cỏ trên thảo nguyên khi còn là ấu trùng, nhưng khi trưởng thành thì chúng lại hút nhựa làm rụng lá sồi. Tuy nhiên, nếu không nhờ quá trình dùi găng của các đồng minh, và dẫn đến thắng lợi của từng bên chiến tuyến, thì chúng ta cũng sẽ không có được những mảng thảo nguyên đa sắc và lớp đất rừng phong phú như trên bản đồ ngày nay.

Jonathan Carver đã dùng câu chữ vẽ nên một bức tranh sinh động về biên giới thảo nguyên trước cái ngày con người tới định vào ngày 10 tháng Mười năm 1763, ông đến thăm khu Blue Mounds, một cụm đồi cao (giờ đã phủ rừng) gần góc phía tây nam của hạt Dane. Ông kể:

Tôi leo lên một trong những ngọn đồi cao nhất và từ đó đánh tầm mắt ra nhìn toàn cảnh vùng đồng quê. Trong bán kính mấy trăm cây số, ta không nhìn thấy gì khác ngoài những quả đồi thấp hơn và trọc lốc, nhấp nhô đằng xa như những đụn cỏ khô. Đâu đó chỉ có vài

lùm cây mai châu và mấy gốc sồi lùn mọc che phủ vài thung lũng xa xa.

Vào những năm 1840, một giống loài mới, những người khai khẩn lập cư, can thiệp vào cuộc chiến trên thảo nguyên. Họ không cố tình làm như vậy, chỉ là họ đã vô tình cày xới đồng ruộng nhiều đến nỗi cắt đứt nguồn viện trợ của đồng minh chí cốt của thảo nguyên: những đám cháy đồng. Những đạo quân cây sồi non được đã tủa ra khắp nơi trên đồng cỏ, khiến cho nơi từng là lãnh địa thảo nguyên trở thành một khu nông trại bao quanh là vườn trồng cây. Nếu bạn vẫn còn bán tín bán nghi, bạn có thể đi đếm số vòng trên bất cứ gốc cây nào mọc trong các vườn cây “vùng ven” ở miền tây nam Wisconsin. Tất cả các cây, ngoại trừ các cây đại thụ, sẽ có niên đại từ những năm 1850 và 1860, trùng với thời điểm các đám cháy đồng ngừng quét qua thảo nguyên.

John Muir lớn lên ở hạt Marquette trong thời gian này khi các khu rừng mới lấn chỗ các thảo nguyên cũ và phủ kín các mảng rừng sồi thưa với những thân sồi non. Trong cuốn sách *Boyhood and Youth*, ông kể lại rằng:

Đất đai màu mỡ đồng đều khắp các thảo nguyên ở Illinois và Wisconsin đã nuôi dưỡng một thế hệ cỏ mọc dày và cao - nguồn nguyên liệu cho các đám cháy đồng - khiến không cây nào có thể mọc được ở đây. Nếu không nhờ các đám cháy chắc hẳn các thảo nguyên tươi xanh nay, vốn là một cảnh quan tiêu biểu chốn đồng quê, sẽ bị các khu rừng rậm rạp nhất nhanh chóng che phủ. Ngay khi các nông dân bắt đầu ngăn chặn các đám cháy đồng hoành hành, các cây sồi con lập tức bén rễ thành cây lớn và tạo thành những bụi rậm dày và cao đến nỗi khó mà băng qua được, và mọi

dấu vết của những “khoảng rừng thưa” ngập nắng nhanh chóng bị phủ nhòa.

Vì lẽ đó, cây sồi trắng mà bạn sở hữu không đơn thuần chỉ là một cái cây. Nó còn là một thư viện lịch sử, và một chiếc ghế đặt trước để xem vở kịch của sự tiến hóa. Với những con mắt hiểu biết, cây sồi trong nông trại của bạn là một huy chương và biểu tượng cho cuộc chiến trên thảo nguyên.

Thiên điều vũ

Mất hai năm làm chủ trang trại thì tôi mới biết rằng mình có thể ngắm một màn thiên điều vũ ngay tại khu rừng trong trang trại vào mỗi tối tháng Tư và tháng Năm. Từ khi phát hiện ra điều này, tôi và gia đình luôn cố gắng không bỏ lỡ một màn biểu diễn nào cả.

Màn trình diễn bắt đầu vào buổi tối ấm áp đầu tiên của tháng Tư vào đúng 6 giờ 50 tối. Cứ mỗi ngày qua thì rèm sẽ kéo muộn hơn một phút cho đến tận ngày 1 tháng Sáu, khi giờ mở màn là 7 giờ 50 tối. Sự trì hoãn này bị thói phù phiếm của các vũ công chi phối: họ đòi hỏi thứ ánh sáng biểu diễn lãng mạn với độ sáng tiêu chuẩn 0,05 foot-nến (đơn vị đo lường ánh sáng). Đừng đến muộn, và bạn phải ngồi thật im nếu không muốn vũ công vùng vằng bay mất.

Các đạo cụ sân diễn, tương tự như giờ mở màn, cũng phản ánh các yêu sách thất thường của vũ công. Sân khấu

phải là một nhà hát vòng tròn ngoài trời trong rừng hay bụi cây; ở chính giữa sân khấu phải có một khoảng rêu ẩm ướt, một vệt đất cần cỗi, một hòn đá lộ thiên trồi lên từ dưới đất hay một lối mòn tro trọi. Vì sao còn chim dẽ gà trống lại khẳng khẳng chọn một sàn nhày trống trơn ban đầu làm tôi khó hiểu, nhưng giờ thì tôi nghĩ điều này liên quan tới cặp chân của con vật. Chân loài dẽ gà vốn ngắn, và nó sẽ không thể thực hiện các bước nhảy một cách nhuần nhuyễn ở nơi cỏ rậm rạp, và cô nàng nó tán tỉnh cũng không thể ngắm nhìn nó ở một chỗ như thế. Nơi tôi ở có nhiều dẽ gà hơn các nông trại khác vì tôi có nhiều bãi cát phủ rêu hơn, cần bản vì đất ở đó quá nghèo dinh dưỡng cho cỏ mọc.

Khi đã biết giờ diễn và địa điểm, bạn hãy ngồi núp dưới một bụi cây ở mé phía đông sân khấu và chờ đợi con chim dẽ gà xuất hiện trên nền trời hoàng hôn. Chàng ta sẽ bay sà xuống từ một bụi rậm gần đó, đập cánh xuống thảm rêu, và lập tức bắt đầu khúc dạo đầu: một chuỗi những tiếng pin (peent) khàn đục, mỗi tiếng cách nhau hai giây và nghe gần giống tiếng kêu mùa hè của loài cú muỗi.

Bất chợt những tiếng pin tạm dừng lại và con chim vỗ cánh bay lên trong lúc xoay vòng tròn ốc trên không, miệng không ngót chiêm chiếp những âm điệu lú lo. Càng bay lên cao thì các vòng xoay càng nhỏ dần và xoáy xuống sâu hơn, cho đến khi chàng vũ công chỉ còn là một chấm nhỏ trên bầu trời. Khi đó, không hề báo trước, chàng lao xuống như một chiếc phi cơ gãy cánh, cất lên chất giọng dịu dàng êm ái đủ khiến một con sơn ca tháng Ba phải đắm ghen tị. Khi

chỉ còn cách mặt đất vài mét, anh chàng giảm tốc để trở về với sân khấu ban đầu và lại cất lên những tiếng kêu pin pin.

Màn đêm nhanh chóng buông xuống, quá tối để có thể nhìn dễ gà trên mặt đất. Nhưng ta vẫn có thể nhìn thấy nhưng pha bay lượn của nó in lên nền trời trong khoảng một tiếng sau đó, thường cũng là lúc màn trình diễn kết thúc. Vào những đêm sáng trăng, chàng vũ công có thể sẽ tiếp tục vừa diễn vừa nghỉ, miễn là ánh trăng tiếp tục soi rọi sân khấu.

Khi trời hửng sáng là lúc buổi diễn được lặp lại. Vào đầu tháng Tư thì sân khấu hạ màn lúc 5 giờ 15 sáng, và cứ thế tịnh tiến lùi hai phút một ngày cho tới tháng Sáu, khi màn trình diễn kết thúc vào lúc 3 giờ 15 sáng. Tại sao lại có sự chênh lệch về thời gian bắt đầu như vậy? Than ôi, tôi nghĩ rằng ngay cả những trái tim lãng mạn nhất cũng có lúc chùn chân mỗi gối, và lại vào lúc bình minh thì chỉ cần một phần năm ánh sáng ban ngày đã đủ để chú chim dừng biểu diễn, so với khi nó nhảy múa lúc hoàng hôn.



Có lẽ thật là một điều may rằng, cho dù ta có nghiên cứu hàng trăm nghìn chuyện “thị phi” diễn ra trong rừng và trên đồng cỏ đến mức nào, ta cũng không bao giờ hiểu được tường tận mọi thứ về bất cứ một chuyện nào trong số chúng. Điều tôi vẫn còn chưa biết về điệu thiên điều vũ là: cô nàng của chàng chim dẽ ở đâu, và cô ấy góp phần thế nào, nếu có, vào màn biểu diễn? Tôi thường thấy hai con dẽ gà trên cùng một sân khấu, đôi khi bay lượn cùng nhau,

nhưng không bao giờ cùng cất tiếng kêu pin pin. Liệu con dế gà thứ hai có phải là con chim mái, hay là một con trống khác đến cạnh tranh?

Một ẩn số nữa: liệu những tiếng chiêm chiêm kia thuộc về phạm trù thanh âm hay cơ học? Bạn tôi, Bill Feeney, có lần đã sập lưới phải một chú dế gà đang kêu và tước mất lớp lông cánh ngoài cùng của chú. Chú chim sau đó vẫn có thể kêu pin pin và hót líu lo, nhưng nó không kêu chiêm chiêm được nữa. Nhưng chỉ có một thí nghiệm như vậy thôi thì khó mà nói lên điều gì cụ thể.

Thêm một bí ẩn khác: con trống tiếp tục màn thiên điều vũ cho đến thời điểm nào trong quá trình làm tổ? Con gái tôi có lần đã nhìn thấy một con dế gà kêu pin pin cách một cái tổ với vỏ trứng đã nở khoảng gần 20 mét, nhưng liệu đó có phải cái tổ của vợ nó không? Hay cậu chàng ranh mãnh này có lẽ tuân theo chế độ song thê mà chúng ta không hề hay biết? Những câu hỏi trên, và còn nhiều câu hỏi nữa, đến giờ vẫn là những câu đố của hoàng hôn tím sẫm.

Vở trình diễn thiên điều vũ bày ra mỗi tối ở hàng trăm nông trại, nơi những người chủ luôn mong mỗi kiếm tìm sự giải trí nhưng lại ảo tưởng cho rằng họ chỉ có thể tìm được những thứ ấy trong rạp hát. Họ sống trên đất, nhưng lòng họ lại không thuận theo đất.

Con chim dế gà là phản chứng sống cho lý thuyết rằng một con chim chỉ dùng làm mục tiêu săn bắn, hay nằm im nhả nhặn trên một miếng bánh mì nướng. Hơn ai hết, tôi là người mê săn bắn chim dế gà vào tháng Mười. Nhưng kể từ khi khám phá ra điệu nhảy thiên vũ, tôi cảm thấy chỉ cần

bắt tầm một hai con chim lớn là đủ. Tôi cần phải đảm bảo rằng, sang tháng Tư, sẽ không thiếu những vũ công dễ gà nhảy múa trên nền trời hoàng hôn.

THÁNG NĂM

Trở về từ Argentina

Khi những cánh bồ công anh ra dấu tháng Năm đã về trên những đồng cỏ ở Wisconsin, đó cũng là lúc ta có thể lắng nghe tín hiệu cuối cùng của mùa xuân. Ngồi xuống một bụi cỏ, đưa tai về phía trời xanh, lọc ra khỏi màng nhĩ những tiếng chao chát của loài sáo Bắc Mỹ và chim hét cánh đỏ, và bạn sẽ sớm nghe thấy nó: tiếng hát ngao du bay lượn của chú chim chơi chơi vùng cao, vừa trở về từ Argentina ở phía nam.

Nếu mắt bạn đủ tinh, bạn có thể rà soát bầu trời và nhìn thấy nó, với đôi cánh hơi run run đang xoay vòng quanh những cụm mây trắng tựa bông. Nếu thị lực bạn yếu, thì không cần cố gắng tìm: chỉ cần quan sát các cây cột hàng rào. Chỉ một lát sau là một vệt màu trắng bạc sẽ xoẹt qua, báo cho bạn biết con chơi chơi đã đậu lên cây cột nào để gập đôi cánh dài nghỉ ngơi. Người nào phát minh ra chữ “duyên dáng” thì hẳn đã trông thấy cách một con chơi chơi xếp cánh.

Con chim ngồi đó, toàn bộ thân thái toát lên thông điệp rằng bạn nên liệu nhanh chóng rời khỏi lãnh địa của chúng. Cục Văn thư của hạt có thể đã lưu tên bạn là chủ cánh

đồng, nhưng con chim chơi chơi thì phẩy cánh coi nhẹ những thứ pháp lý tầm thường đó. Nó vừa mới bay hơn 6.000 cây số về đây để thiết lập lại tước hiệu mà những người thổ dân châu Mỹ đã phong cho nó, và đến chừng nào mà những con chơi chơi con còn chưa biết bay, thì chừng đó đây vẫn là cánh đồng của nó và không ai có quyền xâm lấn mà không gặp phải sự phản đối của con chơi chơi.

Ở một chỗ gần đó, con chơi chơi mái đang nằm ấp bốn quả trứng lớn với đầu hình chóp mà sớm thôi sẽ nở ra bốn chú chim con có thể tự kiếm sống ngay sau khi sinh. Ngay khi lớp lông tơ của chúng vừa kịp khô, những con chim con lập tức nháo nhào chạy vào bụi cỏ như những con chuột đi cà kheo, nhưng vẫn thừa sức né tránh những bàn tay vụng về muốn tóm bắt chúng. Sau ba mươi ngày, lũ chim con đã hoàn toàn trưởng thành (không một loài chim nào có thể phát triển với tốc độ tương tự). Đến tháng Tám thì chúng đã thuần thục trong chuyện bay lượn; vào những đêm tháng Tám mát trời, bạn có thể nghe tiếng chúng huýt sáo ra hiệu trước khi chuẩn bị bay đến các đồng cỏ pampa ở Nam Mỹ, một lần nữa chúng tổ mối liên kết từ thời thượng cổ trên khắp dải châu lục. Mỗi giao hảo giữa hai bán cầu tuy còn mới mẻ so với con người, nhưng lại quá đỗi thông thường giữa những cư dân lông vũ của trời xanh.

Con chim chơi chơi vùng cao dễ dàng hòa mình vào khung cảnh vùng đồng quê trống trọt. Nó bám đuôi những con bò bison lông đen trắng nhớn nhơ gặm cỏ nơi trên thảo nguyên, chấp nhận việc chúng thấy thế những con bò bison nâu hoang dã trước kia. Nó làm tổ trên cả cánh đồng cỏ khô

và bãi chăn thả gia súc, nhưng không bị cuốn vào các máy gặt rơm rạ những con gà gô vụng về. Trước khi đám cỏ khô đủ thu hoạch, những con chơi chơi con đã đủ lông cánh để bay đi. Ở vùng nông trang này, loài chim chơi chơi chỉ có hai kẻ thù thực sự: mương rãnh và cống thoát nước. Có lẽ một ngày nào đó chúng ta sẽ nhận ra đây cũng là những kẻ thù của loài người.

Vào những năm 1990, đã từng có một khoảng thời gian khi các trang trại ở Wisconsin suýt nữa thì đã để mất loài chim gọi mùa từ xa xưa này, khi các cánh đồng tháng Năm cỏ mọc xanh trong im ắng, và không còn những tiếng huýt sáo báo hiệu thu sắp tới giữa những đêm tháng Tám. Thuốc súng, cộng thêm sự cám dỗ của món chim chơi chơi trên bánh mì nướng trong các bữa tiệc lớn theo phong cách Hậu Victoria, đã để lại một hậu quả ngoài tầm cứu vãn. Thật may mắn là đạo luật bảo vệ các loài chim di cư đã được bang Wisconsin áp dụng kịp thời.

THÁNG SÁU

Ngã ba sông Alder – Thú điền viên giăng câu bắt cá

Chúng tôi phát hiện thấy mực nước sông chính đã xuống thấp đến độ một con chim dễ giun ven bờ có thể rảo chân đi lại ở nơi trước kia là vũng nông cho cá hồi. Nước sông ấm đến nỗi chúng tôi nhúng mình xuống vũng sâu nhất mà không kêu toáng lên vì lạnh. Ngay cả sau khi tắm mát, đôi ủng lội nước của chúng tôi vẫn nóng ran như giấy tẩm hắc ín dưới ánh nắng mặt trời.

Quả như điềm báo, chuyến đi câu cá tối hôm đó thật đáng thất vọng. Chúng tôi xin dòng sông cá hồi, và nó trả lại cho chúng tôi một con cá bóng. Đêm hôm ấy, chúng tôi ngồi quanh một cái lò hun đuổi muỗi và bàn bạc kế hoạch cho ngày hôm sau. Chúng tôi đã vượt hơn 300 cây số đường bụi bặm nóng nực để đến đây, hòng một lần nữa cảm nhận sức kéo mãnh liệt của dòng sông hay một con cá hồi cầu vồng. Nhưng đáng tiếc lại chẳng có bóng dáng con cá hồi nào ở đây cả.

Thế nhưng, chúng tôi chợt nhớ ra, đây là một con sông đa nhánh. Xa hơn về phía thượng nguồn, chúng tôi từng

nhìn thấy một ngã ba sông hẹp và sâu, được tiếp nước bởi các con suối lạnh buốt, nước ồ ạt chảy bên những bức tường các cây tổng quán sủi (alder) khép kín. Một con cá hồi tự trọng sẽ làm gì trong thời tiết nóng nực thế này? Cũng như chúng tôi thôi: nó sẽ lội ngược về thượng nguồn.

Sáng sớm tinh mơ hôm sau, khi một trăm con chim chích cổ bạc cũng quên rằng thời tiết mát lịm ngọt ngào này sẽ nhanh chóng biến mất, tôi leo xuống bãi sông ướm sương đêm và đặt chân vào địa phận ngã ba sông Alder. Một con cá hồi đang ngoi lên ngay phía thượng nguồn. Tôi kéo dây câu, lòng thầm mong nó sẽ luôn mềm và khô như thế. Sau khi áng chừng khoảng cách thả câu với một hai cú lia thử, tôi liền quăng dây thả câu mỗi ruồi cách chỗ con cá vừa ngụp lặn khoảng 30 xen-ti-mét. Những chặng đường thiêu đốt, lũ muỗi mòng, và con cá bóng mắc dịch kia đã rơi vào quên lãng. Con cá hồi đớp mỗi cái bập, và lập tức tôi có thể nghe thấy tiếng nó giãy giụa dưới đáy sông phủ một lớp lá tổng quán sủi.

Một con nữa, dù to hơn, trong lúc đó đã trôi lên ở vùng nước bên cạnh, nằm ở chóp điểm lèo lái tàu chỗ các cây tổng quán sủi ken dày thành bụi rậm rạp khó lòng xuyên thủng. Một bụi cây trong hàng ngũ đó, với thân màu nâu bắc ngang qua giữa nhánh sông, khẽ rùng mình như đang nén một cú cười khẩy, tỏ vẻ chế nhạo bất cứ miếng mồi ruồi nào mà thần thánh hay người phạm vô tình quăng chỉ một phen quá lạm và mắc kẹt vào cành nhánh rậm rì của nó.

Tôi ngồi trên một hòn đá giữa sông đủ lâu để hút hết một điếu thuốc lá, mắt ngắm nhìn con cá hồi ngoi lên bên đuôi lùm cây hộ vệ của nó, trong lúc cần và dày câu của tôi đang mắc trên các nhánh tổng quán sùi để hong khô trên bãi sông ngập nắng. Và rồi, hãy thận trọng nào, chỉ một chút nữa thôi. Cái hồ nước đó còn lạnh quá. Một cơn gió nhẹ đang cuộn thổi và chỉ vài phút nữa thôi sẽ làm mặt hồ lay động, giúp cho cú quăng cần câu hoàn hảo mà tôi chuẩn bị ngấm vào chính giữa hồ thêm phần sát ca.

Nó sẽ đến, một cơn gió đủ mạnh để hất một con bướm cánh mốc từ thân cây tổng quán sùi đang cười nhạo kia rơi xuống mặt hồ.

Thời cơ đã chín muồi! Quấn cuộn dây đã khô lại và đứng giữa dòng, cần câu sẵn sàng trên tay. Nó đang đến rồi, một luồng run rẩy truyền xuống từ cây hoàn diệp liễu trên quả đồi báo hiệu cho tôi kéo ra nửa cuộn dây câu, rồi nhẹ nhàng đưa cần tới lui để lấy tinh thần sẵn sàng khi ngọn gió chạm đến mặt hồ. Các bạn nhớ đấy, không được rút dài hơn nửa cuộn dây câu! Mặt trời giờ đã lên cao, và bất cứ một bóng đen nào vút qua trên đầu cũng có thể đánh động cho con mồi của tôi về số phận đang cận kề của nó. Chính lúc này đây! Cuộn dây câu phóng hết gần ba mét cuối, và con ruồi nhựa hạ cánh uyển chuyển ngay gốc cây tổng quán sùi nọ - chàng cần câu rồi! Tôi ra sức kéo con cá ra khỏi khu rừng ẩn náu. Nó cố lội về cuối sông. Nhưng cũng chỉ vài phút sau là chàng ta cũng nằm lệt thềm giữa trong giỏ đựng cá.

Tôi ngồi suy tư trên tảng đá trong niềm hân hoan, ngắm nghĩ trong lúc chờ cuộn dây khô, về dòng đời của cá hồi và con người. Rằng chúng ta mới giống lũ cá làm sao: luôn sẵn sàng, nhưng không hăm hở, để đón lấy bất cứ thứ gì mới lạ mà ngọn gió của số phận đưa đẩy ném xuống dòng sông thời gian! Và sau đó chúng ta hối hận nhường nào vì đã quá hấp tấp, mồm mắc vào lưỡi câu giấu trong miếng mồi tưởng rằng béo bở kia. Dù vậy, tôi nghĩ bản tính sẵn sàng vẫn hàm chứa giá trị của nó, bất luận mục đích cuối cùng là thanh cao hay đê hèn. Một người đàn ông, một con cá hồi, hay một thế giới cẩn trọng thái quá thì thật nhàm chán biết bao! Có phải lúc này tôi đã nói là tôi chờ đợi “vì muốn cẩn trọng” không? Thực tế thì không phải đâu. Sự cẩn trọng duy nhất mà những người câu cá cần là thứ để tạo đà cho một cơ hội khác, có lẽ kéo dài hơn lần trước.

Đến lúc quay lại công việc rồi - chẳng mấy chốc nữa bầy cá sẽ ngừng ngoi lên. Tôi lội ra chớp điểm lèo lái tàu đến khi nước lên đến hông, lắc các thò đầu vào trong bụi cây tổng quán sỏi đang run rẩy, và đảo mắt nhìn quanh. Gợi chỗ này là một khu rừng quả cũng không sai! Những vòm cây xanh đan dày vào nhau tạo nên một mái vòm đen như phủ muội than trên đầu, dày đến độ bạn không thể vung nổi một cành dương xỉ chứ đừng nói đến một cái cần câu lên cao quá ngọn cây. Và ở đằng kia, gần như đang cọ sườn vào bờ đất tối, là một con cá hồi to lớn đang lười biếng lăn qua lăn lại trong lúc đang hút tụt một con bọ vào miệng.

Không có cơ để theo đuôi con vật ở đây, ngay cả khi nó đang bận rộn với con bọ xấu số. Nhưng ở phía xa cách

chừng gần 20 mét, tôi nhìn thấy ánh sáng chiếu xuống trên mặt nước - một cửa khác ra khỏi bụi rậm. Quăng câu thả mồi về phía cuối nguồn ư? Chuyện nghe có vẻ bất khả, nhưng nó cần phải được thực thi.

Tôi thoái lui và trèo lên bãi sông. Lặn lội qua những bụi cây phượng tiên và cây tầm ma cao đến cổ, tôi đi đường vòng qua bụi cây tổng quán sủi um tùm về phía khoảng rừng thưa phía trước. Với những bước nhẹ nhàng như loài mèo để tránh đánh động nước trong bãi tắm của ông hoàng cá hồi, tôi lội xuống nước, và đứng yên như tượng trong vòng năm phút để mọi thứ lắng xuống. Trong lúc đợi, tôi bung dây câu, thoa dầu bôi trơn, để khô, rồi cuộn vào tay trái tầm 10 mét dây. Đó cũng là khoảng cách giữa tôi và cửa vào khu rừng.

Bây giờ là lúc cho cơ hội tốt hơn! Tôi thối lên con ruồi mồi của mình một hơi cuối cùng, đặt nó xuống dòng chảy dưới chân, và nhanh chóng tháo từng vòng dây trong tay ra. Sau đó, trong lúc sợi dây bắt đầu trải thẳng ra khi con ruồi dần bị hút tụt vào trong khu rừng, tôi nhanh chân lội về phía hạ nguồn, căng mắt ra nhìn vào bên trong vùng tối để dõi theo vận may của con ruồi. Qua một vài khoảng trống được chiếu sáng le lói, tôi nhìn thấy con ruồi vẫn đang trơn tru trôi theo dòng nước. Nó vòng qua khúc quanh. Chẳng mấy chốc, trước cả khi bước chân khuấy nước của tôi làm lộ tẩy cú lừa này, nó đã chạm đến hồ nước tối. Tức thì, tôi nghe thấy tiếng con cá to lớn nhao đến con ruồi; tôi ghì dây câu, và trận đấu chính thức bắt đầu.

Không một người thận trọng nào lại dám liều để mất một con ruồi mỗi đáng giá một đô-la và lưỡi câu để kéo một con cá hồi về đầu suối qua một hàng phòng thủ hình răng lược gồm cành nhánh cây tổng quán sủi rào quanh khúc cua của con suối. Nhưng, như tôi đã nói, người cẩn trọng quá thì không câu được cá. Từng tí một, trong lúc thận trọng thu dây, tôi kéo được con cá lên khỏi mặt nước và cuối cùng thì cho nó yên vị trong giỏ câu.

Giờ tôi có thể thú nhận với bạn là không có con nào trong số ba con cá này phải bị chặt đầu, hay bẻ quặt làm đôi, để nhét vừa cái giỏ quan tài của chúng. Cái đáng nói ở đây không nằm ở kích thước các con cá, mà là việc thử sức vận may. Thứ đọng đây không phai là cái giỏ, mà là những kỷ niệm của tôi. Như bầy chim chích cổ trắng, tôi đã quên rằng cuối cùng thì ngày sẽ lại sáng tươi trên ngã ba sông.

THÁNG BẢY

Những của cải quý giá

Bốn mươi chín héc-ta, thế theo lời ngài chánh văn phòng hạt, là toàn bộ diện tích đất đai cỗi tạm của tôi. Nhưng ngài chánh văn phòng lại là một người mê ngủ, và không bao giờ mở sổ sách ra kiểm kê trước chín giờ sáng. Những gì ta thấy được lúc ngày vừa sang mới là câu hỏi đáng chú tâm ở đây.

Dù có sổ sách hay không, vẫn tồn tại một sự thật hiển nhiên với cả tôi và chú chó của tôi, là khi bình minh hé rạng, thì tôi là chủ sở hữu độc nhất của mọi héc-ta đất đai mà chân tôi có thể đi qua. Đó là khi không chỉ các ranh giới biến mất, mà ý niệm về việc bị ràng buộc cũng tan biến theo. Những vùng trời chưa được lưu lại bằng văn kiện hay bản đồ nay mở ra ngút tầm mắt trong buổi bình minh, và sự tĩnh mịch, tưởng như không còn tồn tại nơi hạt tôi ở, thì giờ đây bao trùm lên đất trời còn đọng sương đêm.

Cũng như những đại địa chủ khác, tôi cũng có khách thuê nhà. Chúng tuy trễ nải việc trả tiền nhà, nhưng lại rất kỹ tính trong việc chiếm dụng đất đai. Quả thực, từ tháng Tư sang tháng Bảy, cứ khi mặt trời lấp ló đằng đông là chúng lại lên giọng phân chia ranh giới lẫn nhau, và theo

cách đó gián tiếp công nhận tôi là người phong đất đai cho chúng.

Nghi lễ diễn ra hàng ngày này, trái với những gì bạn có thể hình dung, bắt đầu hết sức lịch thiệp chừng mực. Tôi cũng không biết ai là kẻ đã đặt ra các tiền lệ này nữa. Vào lúc 3 giờ 30 sáng, với tất cả vẻ đạo mạo mà tôi có thể trưng ra được vào một sáng tháng Bảy, tôi bước ra khỏi cửa chòi gỗ, trong tay là hai vật biểu trưng cho chủ quyền tối cao của mình: một ấm cà-phê và một cuốn sổ tay. Tôi ngồi xuống một băng ghế, mặt hướng về phía ánh sáng trắng của ngôi sao mai. Tôi đặt cái ấm bên cạnh mình. Tôi rút trong túi áo ngực ra một cái cốc, lòng thầm mong không có ai phát hiện ra cách vận chuyển kém phần chính thống này. Sau đó, tôi lấy đồng hồ đeo tay ra, rót cà-phê, và đặt cuốn sổ lên đùi. Đây là ám hiệu bắt đầu các diễn văn tuyên bố chủ quyền.

Vào lúc 3 giờ 35, con sẻ đồng gần nhất thú nhận, bằng một bài tụng kinh ở tông giọng nam cao, rằng nó làm chủ khu rừng cây thông lùn phía bắc bãi sông và phía nam con đường cũ nơi xe bò kéo từng qua lại. Lần lượt sau đó, những con sẻ đồng khác kế bên cũng thuật lại văn kiện chủ quyền của mình. Tính đến giờ phút này thì chưa xảy ra tranh chấp gì, nên tôi chỉ ngồi lắng nghe, lòng thầm mong các cô sẻ mái sẽ ưng lòng với sự đồng tình giao hảo này về hiện trạng chủ quyền trước đó.

Trước khi đám sẻ đồng kết thúc một vòng thảo luận, con chim cổ đỏ sống trong cây du đại thụ bắt đầu lớn giọng kêu ríu rít chứng tỏ quyền sở hữu cái chạc cây mà con lốc băng

đá đã cưa đứt một nhánh, cũng như tất cả các phụ mục gắn liền với cái chạc cây từ đó đến nay (trong trường hợp này, chú ta đang ám chỉ tất cả đám giun mỗi trong bãi cỏ không lấy gì làm rộng lắm bên cạnh).

Tiếng hót riu rít không ngừng của con chim cổ đỏ đã đánh thức con chim vàng anh, và nó tức tốc bắt đầu kể với hội đồng vàng anh rằng cái cành chìa ra trên thân cây du thuộc về nó, cũng như tất cả các thân cỏ bông tai giàu chất xơ mọc kể bên, tất cả những dây nhợ thừa thãi trong vườn, và cuối cùng là đặc quyền được phi như tên lửa từ cây này sang bụi nọ trong diện tích nêu trên.

Đồng hồ của tôi chỉ 3 giờ 50 sáng. Con sẻ đất lông chàm trên đồi đang thiết lập danh hiệu chủ sở hữu gốc sồi đã chết khô sau trận hạn hán năm 1936, cũng như quyền mò móc những con bọ trong lùm bụi kể bên. Nó không nhắc đến, nhưng tôi đồ là nó có ngụ ý ám chỉ, quyền được khoác áo xanh hơn tất cả các con sơn ca lưng xanh, cũng như quyền nếm nấp tất cả những cây rau trai vừa ngược mặt lên ngấm bình minh.

Kế đến là con chim hồng tước - kẻ đã khám phá ra hốc mắt gỗ nơi mái hắt của căn chòi - bắt đầu cất cao tiếng hót. Nửa tá con hồng tước lập tức góp lời, và sau đó thì không gian tràn ngập tiếng kêu hỗn độn như ong vỡ tổ. Chim sẻ mỏ to, chim họa mi đỏ, chim chích vàng, sơn ca, chim khướu mào bụng trắng, chim sẻ Mỹ, và chim hồng y - tất cả đều đồng thanh lên giọng, cầm trong tay danh sách đầy trang trọng có tên các ca sĩ, theo thứ tự xuất hiện và thời điểm bắt đầu cất tiếng hát, tôi bắt đầu do dự, nao núng,

chân chừ, vì tai tôi bây giờ không còn lọc được tiếng chim nào cần ưu tiên nữa. Hơn nữa, ấm cà-phê giờ đã cạn và mặt trời cũng chuẩn bị lên. Tôi cần phải đi tuần tra lãnh thổ của mình trước khi chức danh của tôi hết hiệu lực.

Chúng tôi cất bước dạo chơi tung tăng, tôi và chú chó. Chú có vẻ khá hồ hững trước tất cả những lời qua tiếng lại chao chat này, vì với chú thì chủ quyền được đánh dấu bằng mùi chứ không phải bài hát. Bất cứ một gã thất học đầy lông vũ nào, chú nói, cũng có thể rung cây tạo tiếng. Bây giờ thì chú sẽ phiên dịch các bài thơ khứ giác viết bằng mùi của các con vật im hơi lặng tiếng (mà có trời mới biết chúng là gì) đã viết trong đêm hè ở cuối mỗi bài thơ là tác giả - nếu chúng ta có thể tìm ra nó việc chúng tôi tìm thấy hoàn toàn nằm ngoài dự kiến: một con thỏ đột nhiên cao hứng muốn nhảy đi đâu đó; một con dế gà vẫy cánh khước từ tác quyền, một con gà gô trống cảm râm vì bộ lông vũ bị ướt khi đi qua bụi Cỏ.

Có đôi khi chúng tôi sẽ chạm trán một con gấu trúc Mỹ hay một con chồn đang trở về nhà sau một đêm đục phá cướp bóc. Đôi khi chúng tôi quấy rầy một con diệc đang dỡ tay bắt cá, hay làm một con vịt rừng cùng đám vịt con giật bắn mình, vội vàng chạy hết tốc lực tìm chỗ trú ẩn trong đám lục bình. Đôi khi chúng tôi lại nhìn thấy bầy hươu tản bộ nhàn nhã về rừng rậm, um tùm những đám cỏ linh lăng đang ra hoa, cây thủy cư, và xà lách dại. Nhưng thường thì chúng tôi chỉ thấy những đường vết chân đan chéo mà các móng guốc lười biếng in lên trên nền đất ẩm sương mềm như lụa.

Tôi có thể cảm thấy ánh nắng mặt trời rồi. Đàn hợp xướng các loài chim cũng đã dần hết hơi tắt tiếng. Tiếng chuông bò đeo cổ lạnh lạnh báo hiệu một đàn bò đang đi nước kiệu ra bãi chăn thả. Tiếng động cơ máy kéo xình xịch cho biết là hàng xóm đôi bên đã thức giấc. Thế giới đã thu về những kích thước định hạn quen thuộc với ngài chánh văn phòng hạt. Chúng tôi quay về nhà, bắt đầu bữa sáng.

Sinh nhật trên thảo nguyên

Trong các tuần từ tháng Tư đến tháng Chín, có trung bình ít nhất mười loài cây dại bắt đầu nở hoa. Vào tháng Sáu thì trong một ngày có thể có đến tận mười hai giống hoa bùng nở hé nụ. Không ai có thể theo kịp tất cả các lễ kỷ niệm của chúng, nhưng cũng không ai có thể phớt lờ chúng được. Người nào vô tình dẫm chân lên những bông bồ công anh tháng Năm có thể sẽ phải dừng chân vì phấn hoa từ cây cỏ phấn hương tháng Tám; người nào bỏ qua những cụm hoa du màu hung đỏ trong tháng Tư có lẽ sẽ phải trượt xe trên thảm hoa trắng sọc tím rơi xuống từ những cây đinh tán tháng Sáu. Kể cho tôi nghe xem một người đã để ý nhìn thấy bữa tiệc sinh thần trở bông của loài cây nào, và tôi sẽ ít nhiều kể cho bạn nghe về thiên hướng công việc, sở thích, chứng cảm sốt mùa hè, và tầm kiến thức chung về sinh thái của anh ta.

Mỗi tháng Bảy, tôi lại háo hức quan sát một nghĩa trang đồng quê mà tôi đi qua trên đường về trang trại. Đã đến lúc cho tiệc sinh nhật trên thảo nguyên của tôi, và trong một góc nghĩa trang này là một chứng nhân kỷ niệm còn sống sót của sự kiện từng một thời quan trọng đó.

Đây là một nghĩa trang thông thường, rào quanh bởi những cây vân sam thông thường, và rải rác khắp trong nghĩa trang là những bia mộ cũng rất bình thường bằng đá gra-nít hồng hoặc trắng. Bên cạnh mỗi bia mộ là một vòng hoa phong lữ màu đỏ hoặc hồng thông thường. Điểm làm cho nghĩa trang này khác thường là khuôn viên xây thành hình tam giác chứ không phải hình vuông. Đồng thời, khu đất bên trong hàng rào của nó gợi nhắc đến vùng thảo nguyên bản địa xưa kia, nơi nền móng cho nghĩa trang được xây dựng vào những năm 1840. Vốn được bảo vệ khỏi lưỡi liềm cắt cỏ hay máy ủi, vào mỗi tháng Bảy, trên nền khu di tích vốn vẹn gần một mét vuông của thiên nhiên Wisconsin thời hoang sơ này lại mọc lên một thân cây cúc la bàn (cutleaf Silphium) cao bằng đầu người, chỉ chít những bông hoa màu vàng to bằng cái đĩa nhỏ và nhìn giống hoa hướng dương. Đây là chứng tích duy nhất của loài cây này ở khu vực chạy dọc đường cao tốc, và có lẽ cũng là chứng tích duy nhất còn lại ở phần tôi đang sống. Câu hỏi liệu một cánh đồng 400 héc-ta bạt ngàn cúc la bàn mơn man ve vuốt bụng các con bò rừng trông như thế nào là một câu hỏi không bao giờ còn lời đáp, và có lẽ cũng không còn ai hỏi nữa.

Năm nay, những đóa cúc la bàn bắt đầu nở rộ vào ngày 24 tháng Bảy, muộn hơn một tuần so với lệ thường (trong

sáu năm vừa qua thì ngày hoa nở đầu tiên thường rơi vào ngày 15 tháng Bảy).

Khi tôi đi ngang khu nghĩa trang lần nữa vào ngày 3 tháng Tám, một đội xây dựng đã di dời hàng rào đi, còn cây cúc la bàn cũng đã bị chặt bỏ. Cũng dễ tiên đoán điều gì sẽ xảy ra: trong một vài năm tới, cây cúc la bàn của tôi sẽ cố gắng trong vô vọng để đương đầu với cái máy ủi, và cuối cùng thì nó cũng sẽ buông xuôi. Sự ra đi của nó sẽ đặt dấu chấm hết cho thời kỳ của những thảo nguyên hoang sơ.

Bộ Quản lý Cao tốc nói rằng có 100.000 lượt xe chạy qua tuyến đường này mỗi năm trong ba tháng hè khi cúc la bàn nở hoa. Trong những chiếc xe đó có ít nhất 100.000 người đã từng “học” cái gọi là lịch sử, và có lẽ tầm 25.000 đã từng “học” môn gọi là thực vật học. Thế nhưng tôi nghi ngờ rằng sẽ chỉ có trên dưới một tá trong số họ đã từng trông thấy một cây cúc la bàn, và nếu có thì họ cũng khó mà nhận ra ngày tàn đang đến của loài hoa ấy. Nếu tôi nói với một thầy giảng đạo trong nhà thờ kế bên rằng toán công nhân làm đường thực ra đang mượn danh nghĩa vào dọn cỏ để đốt sách sử trong nghĩa trang nhà thờ, thì ông ta hẳn sẽ và bối rối lắm. Làm sao mà một cây cỏ dại có thể có giá trị bằng một quyển sách được?

Đây chỉ là một chương trong bài điệu văn của một loài hoa bản địa, đồng thời là một phần trong bản sầu ca của mọi loài hoa trên thế giới. Giống người cơ khí chúng ta đã gạt qua các loài hoa cỏ để có thể ngạo mạn xúc tiến việc dọn dẹp cảnh quan, mà nực cười thay, chính chúng ta sau này phải sống cùng. Có lẽ sẽ là khôn ngoan nếu ngay bây

giờ chúng ta đặt lệnh cấm giảng dạy bộ môn thực vật học thực thụ và lịch sử thực thụ, để phòng trường hợp một vài công dân trong tương lai bị cắn rút lương tâm về cái giá mang tên “hoa cỏ” mà chúng ta đã trả để có được một cuộc sống tốt đẹp.



Từ đó ta có thể suy ra rằng mức độ phát triển của các khu trang trại tỉ lệ thuận với sự nghèo nàn về cây cỏ ở cùng khu vực đó. Tôi lựa chọn trang trại của mình vì độ kém phát triển và vị trí cách xa cao tốc của nó, và thực tế là cả khu vực mà tôi ở tọa lạc tại khu vực nước chảy ngược của sông Progress. Con đường trải ngang nhà tôi là con đường đất cũ do những chiếc xe bò kéo của những người đi khai khẩn đất đai chạy qua mà thành, không hề rải cuội hay đổ nhựa đường và cũng hoàn toàn vắng bóng xe ủi đất hay máy phun nước. Hàng xóm đôi bên của tôi vẫn than phiền với nhân viên đại diện của hạt. Khoảnh đất ôm sát hàng rào của họ cả tỷ năm rồi chưa được cắt tỉa sửa sang. Đầm ngập nước quanh nhà họ không được hút cạn mà cũng chẳng được dẫn máng thoát nước. Giữa việc đi câu và hướng về tương lai thì hẳn họ sẽ lựa chọn việc đi câu. Vì thế vào mỗi cuối tuần, tôi đi tìm tiêu chuẩn sống “xanh” của mình ở trong các cánh rừng sau nhà, còn vào giữa tuần thì tôi đành cố gắng tạm thay thế nó bằng các loài cây trong những trang trại và khuôn viên thuộc trường đại học, cũng như các khu ngoại ô lân cận. Trong một thập kỷ, tôi có một thú

tiêu khiển là ghi lại danh sách các loài cây dại ra hoa lần đầu trong hai khu vực đa dạng sinh thái dưới đây:

Các loài nở hoa lần đầu vào	Khu ngoại ô và trong trường	Khu rừng sau trang trại
Tháng Tư	14	26
Tháng Năm	29	59
Tháng Sáu	43	70
Tháng Bảy	25	56
Tháng Tám	9	14
Tháng Chín	0	1
Tổng thể các loài đã thị sát	120	226

Từ quan sát này, ta có thể thấy rõ rằng một người nông dân tận hưởng một cuộc sống thiên nhiên mãn nhãn gấp đôi một sinh viên đại học hay một doanh nhân. Dĩ nhiên là cả hai bên đều chưa thực sự nhìn nhận cây cối theo đúng nghĩa, nên một lần nữa chúng ta lại phải đối diện với hai lựa chọn đã nêu ở trên: hoặc chúng ta phải đảm bảo dân chúng tiếp tục sống trong u mê thờ ơ, hoặc chúng ta phải nghiêm túc xem xét câu hỏi liệu phát triển và thiên nhiên có thể đi đôi với nhau hay không.

Quá trình thu hẹp của các loài thú vật là sự hiệp đồng của nhiều lý do bao gồm dọn rừng làm trang trại, đốt rừng làm rẫy, và xây dựng đường sá. Mỗi bước chuyển cần thiết này dĩ nhiên đòi hỏi sự thu hẹp diện tích ngày càng lớn đất đai dành cho cây dại, tuy nhiên chúng không yêu cầu, hay được lời gì từ việc xóa sổ các giống cây khỏi toàn bộ các trang trại, làng mạc, hay các hạt. Chúng ta có thể chừa các khoảnh để không trong mỗi trang trại cho thiên nhiên và các dải cây cối tự nhiên có thể viền hai bên và chạy dọc theo môi đường cao tốc. Chúng ta cần đẩy gia súc, máy xới, và máy ủi ra xa khỏi các khu vực này - chỉ cần như thế thôi thì các giống hoa bản địa, cùng với hàng tá các kỳ hoa dị thảo ngoại lai khác, hoàn toàn có thể trở thành một phần trong môi trường sống hàng ngày của mỗi công dân.

Khu vực bảo tồn sáng giá nhất cho các giống cây thảo nguyên, ngược đời thay, lại chẳng biết gì hay bận tâm đến những chuyện có vẻ bao đồng như thế: đó chính là các đường tàu hỏa với dải đất bên lề có rào chắn xung quanh. Rất nhiều hàng rào ray xe lửa này được dựng lên trước khi thảo nguyên bị cày xới. Nằm trong những khu bảo tồn tuyến tính này, không phải bận tâm đến xỉ than, bồ hóng, và việc đốt cây dọn dẹp thường niên, các giống hoa cỏ thảo nguyên theo đúng lịch nở hoa, từ những bông hoa sao băng màu hồng tháng Năm đến những bông cúc lam tháng Mười. Đã từ lâu tôi mong muốn được đối chất với một ông chủ tịch hãng hỏa xa với con tim sắt đá để chỉ cho ông ta thấy bằng chứng rằng trái tim của ông ta vẫn còn nhịp đập. Nhưng tôi

chưa làm vậy được, vì tôi chưa có dịp được gặp ông chủ tịch nào cả.

Tất nhiên là các đường ray cũng dùng súng phun lửa và máy xịt hóa chất để diệt cỏ dại mọc trong lòng đường ray, nhưng chi phí cho việc dọn dẹp cần thiết đó vẫn quá cao để có thể kéo rộng diện tích diệt cỏ ra khỏi phạm vi thực tế của đường ray. Có thể trong tương lai họ sẽ đề ra những cải tiến trong việc diệt cây cỏ này.

Sự biến mất của ngay cả một giống loài cận người (human subspecies) cũng không đủ để khiến tim ta gợn đau nếu đầu óc chúng ta thiếu hiểu biết về chúng. Một người Trung Quốc qua đời chẳng khiến chúng ta bận tâm nếu tất cả kiến thức về Trung Hoa của chúng ta được gói vồn vện trong một vài đĩa mì miến xào ở quán ăn Tàu. Chúng ta chỉ đau xót trước những gì chúng ta biết. Cuộc tận diệt loài cúc la bàn ở bờ tây của hạt Dane, vì thế cũng chẳng phải lý do khiến ta sầu khổ nếu ta chỉ biết đến nó qua một cái tên băng quơ trong một cuốn sách về cây cối.

Lần đầu tiên tôi nhận thức rõ rệt về tâm tính của loài cúc la bàn là khi tôi cố đào một cây lên để mang nó về trang trại của mình. Cứ như là đào gốc một cây sồi mới lớn vậy. Sau nửa tiếng lao động hì hục, mồ hôi nhễ nhại, tôi vẫn thấy rễ cây tiếp tục phình to ra như một củ khoai lang cỡ đại dựng đứng. Sau một hồi đào bới thì tôi nhận ra rằng củ rễ của cây cúc la bàn đâm sâu đến tận lớp đá mẹ dưới lòng đất. Cuối cùng thì tôi tay không ra về, nhưng bù lại tôi đã học được về những mưu chước ẩn sâu dưới đất mà giống

cúc la bàn đã tính toán để tự vệ trước những trận hạn hán làm thảo nguyên khô kiệt.

Tiếp đến, tôi thử gieo hạt cây cúc la bàn; chúng to, chắc thịt, và có vị bùi như hạt hướng dương. Các hạt nhanh chóng nảy mầm, nhưng sau năm năm thì các cây con vẫn chưa hoàn toàn trưởng thành và không bói ra nổi một cành hoa nào. Liệu có phai một cây cúc la bàn cần tới một thập kỷ để đủ tuổi ra hoa, và nếu như thế thì cây cúc la bàn trong nghĩa trang của tôi đã trải qua bao nhiêu năm đời cỏ dại? Nó có lẽ còn già hơn cả bia mộ lâu đời nhất ở đó, được dựng vào năm 1850. Có lẽ nó đã chứng kiến tộc người thổ dân Black Hawk tháo chạy từ vùng hồ Madison về phía sông Wisconsin, vì vị trí của nó nằm ngay trên tuyến đường lịch sử đó. Hẳn nhiên là nó đã chứng kiến hết thảy các đám tang của những người khai hoang mở đất ở đó, lần lượt từng người về với nơi an nghỉ dưới cao xanh bao la.

Tôi đã từng nhìn thấy một chiếc máy xúc, trong khi đào bới cống thoát nước bên đường, đã cắt đứt phần rễ “củ khoai lang” của một cây cúc la bàn. Phần củ bị đứt nhanh chóng mọc thêm lá mới, và cuối cùng lại bắt đầu mọc cành trở hoa. Điều này giải thích tại sao loài cây này, vốn không có đặc tính xâm lấn các vùng đất mới, đôi khi vẫn được tìm thấy ở các vệ đường vừa mới độ. Một khi đã bén rễ cứng cáp, nó có thể chống chọi lại mọi hình thức cắt xén ngoại trừ việc bị gia súc gặm lá, hay đào xới và ủi đất liên tiếp.

Tại sao giống cúc la bàn lại biến mất khỏi những khu vực chăn thả gia súc? Tôi từng nhìn thấy một nông dân lừa đàn bò vào một cánh đồng thảo nguyên còn hoang sơ, trước đó

mới chỉ được dùng vài lần vào việc gặt hái cỏ khô. Đàn bò cái lập tức ngốn ngấu các cây cúc la bàn đến tận gốc rễ trước khi chúng rụng tới bất cứ loại cây nào khác. Ta có thể hình dung rằng loài bò hoang đã từng có thời ưa thích loài cúc la bàn, nhưng khi đó các hàng rào chưa xuất hiện để bó buộc chúng chỉ được gặm cỏ trên một cánh đồng duy nhất trong suốt mùa hè. Tựu trung, đàn bò lúc đó không gặm cỏ liên tục ở một điểm, và điều này giúp cho loài cúc la bàn có thể sống sót qua các đợt “làm cỏ” của chúng.

Ý Chúa trời đã định rằng Ngài sẽ che chở hàng ngàn giống loài động thực vật khỏi nhận thức về sự tàn nhẫn của lịch sử, trong quá trình chúng triệt tiêu lẫn nhau để tạo nên thế giới ngày nay. Và giờ đây thì Ngài cũng thực hiện ý định đó lên cả chúng ta. Rất ít người than khóc khi con bò rừng cuối cùng biến mất khỏi Wisconsin, và cũng sẽ ít ai khóc thương khi cây cúc la bàn cuối cùng nổi chân con bò rừng tới những thảo nguyên xanh tươi ở bên kia vườn địa đàng.

THÁNG TÁM

Cánh đồng xanh cỏ

Một vài bức họa may mắn chịu đựng được thử thách của thời gian và nhờ thế được nhiều thế hệ liên tiếp chiêm ngưỡng; trong mỗi thế hệ, sẽ lại có một vài người xem trân trọng chúng.

Tôi biết một bức họa phù du chóng tàn đến nỗi nó hiếm khi có người xem, ngoại trừ một vài chú hươu thơ thần. Bức tranh đó do một dòng sông chấm phá nét cọ, và trước khi tôi kịp mời bạn bè đến chiêm ngưỡng tuyệt tác này thì chính dòng sông ấy cũng tự xóa nó khỏi tầm mắt. Sau đó thì bức họa chỉ còn tồn tại trong tâm trí tôi mà thôi.

Như các nghệ sĩ khác, dòng sông của tôi cũng dễ thay tâm đổi tính. Không ai có thể đoán trước được nó sẽ cao hứng vẽ tranh lúc nào, và liệu cơn thiên hứng đó sẽ kéo dài bao lâu. Nhưng vào giữa những ngày hè rực rỡ, khi những dải mây trắng bông bênh lơ lửng tầng không, ta nên đi bộ xuống bãi cát ven sông để ngắm xem dòng sông đã bắt đầu sáng tác hay chưa.

Tác phẩm bắt đầu bằng một dải phù sa rộng lớn quét mỏng trên bãi cát nơi triều rút. Trong lúc lớp phù sa này dần khô dưới ánh nắng, bầy sẻ cánh vàng tắm gội trong

vũng nước trên bãi sông, trong khi hươu nai, chim diệc, chim choi choi, gấu trúc Bắc Mỹ, và các con rùa dẹt những vết chân trên nền vải sa-tanh của bãi bồi. Tính đến thời điểm này thì chúng ta vẫn chưa thể đoán định được liệu sẽ có chuyện gì tiếp diễn.

Nhưng khi tôi nhìn thấy những nhánh cây năng ngọt (Eleocharis) bắt đầu phủ xanh lớp phù sa, thì sau đó tôi bắt đầu quan sát kỹ hơn, vì đây là dấu hiệu cho thấy dòng sông đang nổi hứng vẽ tranh. Chỉ sau một đêm các cây năng ngọt đã mọc thành mảng lớn, rậm rì xanh mướt khiến cho những con chuột đồng từ trên quả đồi bên cạnh cũng không thể cưỡng được cơn thèm muốn. Từng đàn lũ lượt kéo xuống cánh đồng mới lên xanh và hiển nhiên đã dành nhiều đêm sục sạo trong đám cỏ mềm mướt như nhung. Bằng chứng cho cuộc khám phá hồ hởi của chúng là một mê cung những lối mòn vết chân chuột bằng phẳng. Bấy hươu thì chỉ đi lại trên đám cỏ, tận hưởng cảm giác nệm cỏ mơn man dưới chân. Ngay cả một con chuột chũi cả đời không đi đâu cũng đào hầm tìm đường đến bãi cát khô để thăm thú dải cỏ năng xanh ngắt, nơi nó có thể tới lui gặm nhấm đến khi thỏa chí.

Ở giai đoạn này, các chồi non của vô vàn loại cây khác, quá nhiều để điểm mặt gọi tên, liền nhất loạt chui lên từ nền cát ẩm phía dưới mảng cỏ xanh.

Để xem bức tranh toàn thể, hãy để dòng sông âm thầm làm việc thêm ba tuần nữa, sau đó quay lại thăm bãi cát vào một sáng trời trong khi mặt trời đã xua tan làn sương mù buổi sớm. Người nghệ sĩ đã tô điểm sắc màu lên tranh, và

phun lên đó những giọt sương long lanh. Lốp cỏ năng với màu xanh nổi bật hơn bao giờ hết, giờ đây được điểm xuyết bằng những bông mao địa hoàng màu lam, hoa mồm rồng phớt hồng, và những đóm hoa rau mác mọc lên một nhành cắm chường đâm màu trắng sữa. Đó đây mọc lên một nhành cắm chường đâm thẳng lên trời như một mũi lao đỏ thắm. Ở mé đầu bãi cát, những bông cúc bạc đầu màu tím và cúc mâm xôi (joe-pye) màu hồng phấn đứng ngẩng cao đầu bên cạnh những bờ liễu. Và nếu bạn đi tới một cách yên lặng và khiêm nhường, như bất cứ ai nên làm khi đặt chân tới bất cứ nơi đâu với vẻ đẹp hiếm hoi, bạn có thể sẽ khiến một chú hươu với màu lông cáo khế giật mình trong lúc đang đứng chìm đắm trong khu vườn tuyệt tác của mình.

Đừng mất công quay lại tìm kiếm cánh đồng hoa này lần thứ hai, vì nó sẽ không còn nữa. Hoặc là thủy triều rút đã làm nó trở nên khô cạn, hoặc thủy triều lên đã bào mòn bờ cát trở về nguyên trạng ban đầu. Nhưng bạn có thể treo bức tranh đó mãi mãi trong tâm trí, và tự thầm hy vọng rằng, vào một mùa hè nào đó, cơn hứng khởi sáng tác sẽ lại đến với dòng sông.

THÁNG CHÍN

Bản hợp xướng rừng cây bụi

Đến tháng Chín, ngày mới thường bắt đầu mà vắng bóng tiếng chim. Một con chim sẽ có thể hát một bài vô thưởng vô phạt, một con dẽ gà họa chẳng sẽ rúc lên vài tiếng ngân nga trên đường bay về lùm cây trú ẩn, một con cú sọc có lẽ sẽ chấm dứt cuộc tranh luận xuyên đêm bằng một tiếng kêu từ biệt rơi rớt, nhưng đa phần các con chim khác thì tuyệt không có một lời ca tiếng hát nào.

Vào một vài buổi sáng sớm mùa thu như thế, tuy không phải tất cả, ta có thể nghe thấy tiếng dàn đồng ca chim cú. Không gian im ắng bỗng bị phá vỡ bởi một tá những giọng nữ trầm, bật ra khỏi vòm họng như không kiểm chế nổi mong muốn ngợi ca ngày mới. Chỉ sau một hai phút ngắn ngủi, bản hòa âm này tắt ngấm đột ngột như cách nó bắt đầu.

Có một điểm hấp dẫn lạ thường trong âm nhạc của những chú chim khó bắt gặp. Những con chim hát vang trên các cành cao nhất thường dễ thấy và cũng dễ quên; sự lộ liễu khiến chúng khoác lên mình vẻ tầm thường. Cái mà ta sẽ nhớ là tiếng con hét ẩn sĩ tuôn ra những nốt nhạc trong trẻo từ trong bóng tối dày đặc; những con sếu sải

cánh bay và kêu lên từng tràng sau đám mây; con gà gô đồng cổ ngân giọng như tiếng vang vọng trong lớp sương mù giăng mắc; bài thánh ca Ave Maria của con chim cút trong cái tĩnh lặng buổi bình minh. Chưa một nhà nghiên cứu thiên nhiên nào từng nhìn thấy những con chim cút vô hình trong lúc hợp âm, phần vì ổ của chúng luôn nằm trong lớp màn vô hình của đám cỏ và bất cứ tiếng xì xào nào đến gần sẽ lập tức được trả lời bằng im lặng.

Vào tháng Sáu, chúng ta có thể chắc chắn rằng con chim cổ đỏ sẽ cất tiếng khi ánh sáng đạt tới 0,01 foot-nến, và một tổ hợp các ca sĩ khác sẽ lần lượt theo trình tự lên tiếng ca. Trái lại, vào mùa thu, con chim cổ đỏ sẽ nín lặng, và ta cũng không tài nào đoán trước được rằng dàn đồng ca gà gô có cất tiếng thay thế hay không. Sự thất vọng tràn ngập tâm trí tôi trong những buổi sáng im ắng như thế này đủ để cho ta thấy là những gì ta mong đợi sẽ luôn có giá trị cao hơn những gì ta chắc có. Một tá lần thức giấc trong đêm là cái giá xứng đáng để trả cho niềm hy vọng mong manh được nghe thấy tiếng hót loài chim cút.

Trang trại của tôi luôn có một vài ổ chim cút vào mùa thu, nhưng những bản thánh ca đón bình minh luôn chỉ vang vọng đến từ đằng xa. Tôi nghĩ điều này có lẽ bởi vì bầy chim cút luôn muốn làm ổ càng xa con chó của tôi càng tốt, vì nó còn có mối quan tâm đặc biệt với bầy chim cút hơn tôi nhiều. Tuy nhiên, vào một sớm tinh mơ tháng Mười, trong lúc tôi đang ngồi nhấm nháp cà-phê bên đám lửa ngoài trời, một dàn đồng ca chợt cất cao tiếng hát chỉ cách đó vài bước chân. Chúng đã làm tổ trong một bụi cây thông trắng, có lẽ

vì muốn tránh cơn ẩm ướt tê tái từ những giọt sương trĩu nặng.

Chúng tôi cảm thấy vinh dự vì được nghe bản thánh ca này gần như ngay tiên bậc thêm nhà mình. Vì lẽ nào đó mà những lá thông kim xanh bỗng trở nên xanh óng ả hơn, và thảm mâm xôi trải dưới gốc thông bỗng trở nên mọng đỏ hơn bao giờ hết.

THÁNG MƯỜI

Sắc vàng nhuộm khói

Tên đời này có hai kiểu đi săn: đi săn thông thường và đi săn gà gô cổ khoang.

Có hai chỗ để săn gà gô cổ khoang: mọi chỗ trên đồi và hạt Adams.

Có hai thời điểm để đi săn ở Adams: mọi thời điểm trong năm, và khi những rừng thông lá rụng chuyển sang màu vàng nhuộm khói. Câu chuyện này được viết cho những ai kém may mắn chưa từng được đứng ngắm nhìn những chiếc lá kim màu vàng rơi lấm tấm lên nền đất, trên tay là khẩu súng hết đạn còn miệng thì há ra sững sờ. Trong khi đó, con gà gô nhẹ nhàng lướt như một trái tên lửa xù lông qua cơn mưa lá thông lả tả rồi hạ cánh an toàn trong bụi cây thông lùn.

Những cây thông rụng lá chuyển màu từ xanh sang vàng khi những đợt sương giá đầu mùa đuổi bắt những con chim dễ gà, chim sẻ lông hung, và sẻ Bắc Mỹ ra khỏi vùng trời phương Bắc. Từng toán chim cổ đỏ đang vật trụi những trái sơn thù du trắng, để lại đằng sau những cành nhánh phớt hồng trên nền đồi. Những cây tổng quán sủi bên bờ suối đã trút hết lá, hé lộ đâu đây những cây nhựa ruồi um tùm.

Những bụi mâm xôi trái chín đỏ mọng như những ngọn đèn dẫn đường cho ta đi đến nơi trú ngụ của bầy gà gô.

Loài chó hản sẽ biết dò đường đến với lũ gà gô hơn chúng ta, nên tốt hơn hết là bạn nên theo sát chân nó, và học cách đọc từ đôi tai vểnh lên của nó những câu chuyện thì thầm trong ngọn gió. Cuối cùng khi nó dừng khựng lại và liếc nhìn sang bên cạnh như ngụ ý “sẵn sàng đi ông bạn”, câu hỏi ở đây là sẵn sàng cho điều gì? Một con dế giun kêu chiêm chiếp, tiếng om sòm của một con gà gô mỗi lúc một gần, hay có lẽ là một con thỏ? Giây phút ngập ngừng này là sự cô đặc những gì hấp dẫn nhất của việc đi săn gà gô cổ khoang. Người nào biết chắc chắn mình cần sẵn sàng cho điều gì, tốt hơn là nên đi săn gà lôi chim trĩ thì hơn.



Phong vị của mỗi chuyến đi săn là khác nhau, và những lý do của sự khác biệt này cũng không kém phần tinh tế. Những con mồi thi thú nhất là những con mồi năng động ngay dưới mũi các thợ săn khác. Để làm được điều này, hoặc bạn phải đi sâu vào trong rừng nơi chưa ai từng đặt chân đến, hoặc bạn phải tìm được một nơi săn bắn chưa một ai khám phá ra.

Rất ít thợ săn biết về sự tồn tại của loài gà gô ở hạt Adams, vì khi lái xe ngang qua, họ chỉ nhìn thấy một vùng toàn cây thông lùn và bụi sồi. Điều này là do đường cao tốc cắt qua một chuỗi các con suối đổ về hướng tây; mỗi con suối lại hướng về một khu đầm lầy, nhưng trước đó sẽ chảy

qua những bãi đất cát khô. Vậy thì hẳn nhiên là đường cao tốc chạy về phía bắc sẽ cắt qua những khu vực cần cỗi này. Tuy nhiên, chệch lên phía trên khu đường cao tốc, nằm đằng sau hàng rào những bụi cây khô, mỗi con suối nhỏ sẽ hòa mình vào một dải đầm lầy rộng lớn, một thiên đường lý tưởng cho loài gà gô.

Tại đây, mỗi dịp tháng Mười, tôi ngồi một mình dưới những rừng cây thông rụng lá và lắng nghe tiếng xe của các thợ săn trên cao tốc, chen chúc phóng hết tốc lực về hướng các khu săn bắn đông nghịt ở các hạt phía bắc. Tôi bật cười khi tưởng tượng ra kim chỉ công-tơ-mét của họ nhảy múa loạn xạ, bộ mặt căng thẳng và ánh mắt hau háu dán chặt vào đường chân trời phía bắc. Một con gà gô trống rúc lên một tràng phản pháo khi nghe thấy tiếng những chiếc xe lao qua. Con chó của tôi nhe răng cười sau khi đã ghi nhớ hướng của con gà. Chúng tôi đồng tình rằng cậu chàng đó cần vận động xương khớp một chút, và chúng tôi lập tức bắt đầu cuộc truy lùng.

Những cây thông lá rụng không chỉ mọc trong đầm lầy, mà còn mọc ở chân vùng núi cao kế bên, nơi những dòng suối từ đó tuôn chảy.



Rong rêu đã làm nghẽn dòng chảy của các con suối, tạo nên một khu địa hình lầy lội. Tôi gọi những khu vực này là các vườn treo, vì chính từ lớp mùn tạt chất này mà những cây long đóm cho ra đời những bông hoa ngọc thạch bọc trong diềm lá xanh. Những thảm hoa long đóm tháng Mười

ấy, rắc lên trên một lớp bụi lá thông vàng óng, quả đáng để ta dừng chân thưởng ngoạn hồi lâu, ngay cả khi con chó đang ra dấu rằng có gà gô ở phía trước.

Lọt giữa mỗi khu vườn treo và bờ suối là một con đường phủ rêu do vết chân hươu để lại, tiện cho các tay thợ săn lần theo và cũng dễ dàng cho các con gà gô băng qua chỉ trong tích tắc. Câu hỏi đáng nói ở đây là liệu con gà gô và khẩu súng có cùng chung khái niệm thế nào là một tích tắc hay không. Nếu hai dòng suy nghĩ này lệch nhau, con hươu tiếp theo đi qua lối mòn này sẽ chỉ tìm thấy vài vỏ đạn rỗng, nhưng không có sợi lông gà nào vương lại.

Đi lên nữa về phía thượng nguồn con suối, tôi bắt gặp một trang trại bỏ hoang. Tôi cố gắng đoán xem, dựa trên tuổi của các cây thông lùn đang tiến quân chiếm đóng một thửa ruộng cũ, từ khi nào mà ông chủ trang trại xấu số này phát hiện rằng những cánh đồng cát chỉ nảy mầm lên sự cô độc, chứ không phải những bắp ngô. Những cây thông lùn là những người kể chuyện dân gian về nơi chốn, tuy có phần kém tin cậy vì chúng mọc ra nhiều vòng xoắn lá mỗi năm thay vì chỉ một. Tôi tìm được một thước đo thời gian đáng tin cậy hơn là một cây du non, giờ đang đứng án ngữ trước cổng trang trại. Những vòng tuổi thọ của nó bắt đầu từ mùa hạn hán năm 1930. Từ đó đến nay, đã không còn ai lui tới trang trại này để mua sữa nữa.

Tôi băn khoăn không biết gia đình này đã nghĩ gì khi tiền thế chấp tài sản của họ đội lên cao hơn tiền bán hoa màu, đánh dấu việc họ phải di dời đi nơi khác. Có nhiều ý nghĩ không để lại dấu vết gì như những con gà gô sải cánh

bay, nhưng một vài ý nghĩ khác thì lại sống sót qua nhiều thập kỷ. Người đàn ông trồng cây đình hương này vào một tháng Tư kỷ niệm nào đó, hẳn đã khoan khoái nghĩ về những nhành hoa thơm ngát nở rộ những ngày tháng Tư sau đó. Người đàn bà từng dùng tấm ván vò quần áo này, những nếp gấp đã mòn sau nhiều thứ Hai giặt giũ, hẳn đã mơ đến một ngày thứ Hai không phải làm lưng (và điều đó quả đã sớm xảy ra).

Trong lúc miên man suy nghĩ về những câu hỏi ấy, tôi chợt nhận ra con chó đã men xuống gần suối, ngồi kiên nhẫn ở đó được một lúc lâu. Tôi đi tới chỗ nó, lẩm bẩm xin lỗi về sự mất tập trung của mình. Đâu đó phía trước, một con dế gà cất tiếng kêu thoát ẩn thoát hiện, bộ ngực màu cá hồi của nó phản chiếu cái nắng tháng Mười. Giờ là lúc cuộc đi săn bắt đầu.

Ngày hôm ấy quả thật khó để tập trung nghĩ về đám gà gô trong khi có báo điều khác xung quanh mời gọi. Tôi đi qua một lối mòn vết chân hươu đực trên nền cát, và tò mò lần theo nó. Vết chân dân thẳng từ bụi cây táo lá trà vùng Jersey (Jersey tea bush) này sang bụi khác, lý do tại sao thì mời bạn nhìn vào những nhánh cây đầy vết gặm.

Việc này nhắc tôi nhớ rằng mình chưa ăn trưa. Nhưng trước khi kịp lôi bữa trưa ra khỏi túi đựng gà gô, tôi nhắc thấy một con chim ung lượn vòng phía trên cao, và bỗng dưng nảy ý định nhận diện nó. Tôi đợi cho đến khi nó nghiêng cánh và khoe ra cái đuôi màu hung đỏ.

Tôi với tay lần nữa định lấy bữa trưa, nhưng vừa lúc đó mắt tôi lại chạm vào một dải da sừng hươu gợn sóng. Ở đây

một con hươu đực nào đó đã cọ sừng để bóc đi lớp nhung cũ ngứa ngứa. Chuyện này đã xảy ra được bao lâu rồi? Vết cọ sừng trên thân cây đã ngả màu nâu. Tôi đồ chừng giờ này thì những cái gạc hươu đã sạch sẽ và lên để sừng mới rồi.

Tôi với tay lần nữa định lấy bữa trưa, nhưng lần này thì bị tiếng sữa đầy hào hứng của con chó gián đoạn, kèm theo tiếng chân nhảy ụp xuống đầm lầy. Từ đầm lầy phóng ra một con hươu đực sừng sừng hiên ngang, với cặp sừng sáng loáng và bộ lông mềm mượt ánh sắc xanh. Vậy là dải da sừng hươu kia đã kể đúng sự thật.

Cuối cùng thì tôi cũng lấy được bữa trưa ra và ngồi xuống để ăn. Một con chim bạc má quan sát tôi, trong khi lại giữ kín việc nó đã ăn gì cho bữa trưa. Có lẽ là một món sơn hào hải vị nào đó như những búi trứng kiến béo ngậy, hay một món gì tương tự như thịt gà gô nướng nguội (cold roast) trong thế giới loài chim.

Sau khi ăn trưa, tôi nằm ngắm nhìn những cây thông rụng lá mới lớn mọc thành hình chữ V, những cành lá vàng ươm của chúng chĩa thẳng lên trời. Dưới gốc cây là những lớp lá kim rụng xuống hôm qua, dẹt nên một tấm chăn màu vàng sắc khói, trong khi mở mỗi đầu cành là một búp non mới nhú, đang trong tư thế sẵn sàng chờ đợi mùa xuân của ngày mai.

Quá sớm

Thức dậy quá sớm là một thói tật ăn vào máu của những con cú sừng, các vì sao, đàn ngỗng trời, và xe lửa chở hàng hóa. Một vài thợ săn đã học thói quen này từ bầy ngỗng, và một vài ấm cà-phê thì đã bắt chước theo các ông thợ săn. Thật lạ lùng rằng, trong số tất cả các giống loài buộc phải thức giấc vào lúc nào đó trong buổi sáng, chỉ có những loài ít ỏi nêu trên là tìm ra thời điểm dễ chịu nhất nhưng cũng kém hữu ích nhất để làm điều đó.

Chòm sao Thợ Săn (Orion) hẳn là người thầy đầu tiên của giáo phái dậy-quá-sớm này, vì chính ông là chòm sao báo hiệu giờ thức dậy cho các môn đồ - đó là khi chòm Thợ Săn đã đi qua phía tây thiên đỉnh một khoảng bằng quãng bay của một con mòng két.

Những kẻ dậy sớm thường thoải mái khi gặp gỡ nhau, một phần có lẽ do, khác với những kẻ ngủ nướng, họ thường không đề cao thành tích của mình. Chòm Thợ Săn, nhà du hành bốn ba khắp nơi, không hề dả động gì đến những cuộc rong ruổi của mình. Cái ấm cà-phê, từ những tiếng lục đục nhẹ nhàng trên bếp, cũng chẳng buồn kể lể về những giá trị của thứ đang sôi sùng sục trong ấm. Con cú, bằng chất giọng trầm chỉ đúng ba nốt của nó, tặc lưỡi cho qua câu chuyện về những vụ sát hại săn đuổi trong màn đêm. Bầy ngỗng trên bãi cát, ngăn gọn điểm qua các vấn đề thủ tục trong một cuộc thảo luận lầm rầm bằng tiếng ngỗng, không hề hé lộ chút manh mối nào rằng chúng đã từng thương thuyết với tất cả các chúa tể ngự trị trên khắp các ngọn núi và đại dương.

Mặc dù tôi công nhận đoàn tàu chở hàng không hề dè dặt trong việc thể hiện tầm quan trọng của mình, tự thân nó cũng mang một nét gì khiêm tốn: nó chỉ tập trung hướng mắt vào việc của mình một cách huyên náo, và không bao giờ lãng xãng chỗ mũi vào chuyện của người khác. Tôi cảm thấy một sự tin tưởng chắc chắn với kiểu suy nghĩ thẳng thắn một chiều này của những con tàu chở hàng.



Việc đi vào khu đầm lầy quá sớm là một chuyến du hành thuần để lắng nghe: đôi tai tự do rà soát những tiếng động của đêm mà không bị tay hay mắt can thiệp phá bình. Khi bạn nghe thấy tiếng húp sì sụp của một con vịt trời, bạn có thể tưởng tượng ra cảnh cả đàn vịt đang ngốn ngấu đánh chén giữa những cụm bèo tấm. Khi một con vịt trời Mareca kêu quang quác, bạn có thể mặc nhiên hình dung ra một sư đoàn vịt trời mà không gặp cản trở về thị giác. Và khi một bầy chim di mỏ xanh nhằm hướng mặt hồ và xé toang tấm voan mờ tỏ phủ lên đất trời bằng một cú lao dài chúm mũi, bạn nín thở lắng nghe âm thanh của chúng để lại, nhưng mắt bạn chẳng nhìn thấy gì ngoài những ngôi sao. Cũng cùng màn biểu diễn đó, nếu xảy ra vào ban ngày, chúng ta sẽ cần phải chiêm ngưỡng và chụp hình nó, và nếu không may bỏ lỡ nó thì chúng ta sẽ cần tạo chứng cứ ngoại phạm để biện minh cho sự sơ ý của mình. Và dù sao thì ánh sáng ban ngày cũng không tô điểm thêm được gì cho bức tranh trong đầu bạn về những cánh chim rung lên xé đôi màn đêm dày đặc.

Thời gian lắng nghe kết thúc khi những con chim bắt đầu lặng lẽ cất cánh rời đi đến những vùng nước rộng rãi an toàn hơn, một đàn trở thành một đốm mờ dần trên nền trời phía đông đang dần ngả sang màu xám.

Giống như mọi khế ước ràng buộc khác, hiệp ước trước lúc bình minh chỉ có hiệu lực đến chừng nào màn đêm còn kìm giữ những kẻ ngạo ngược. Dường như mặt trời chính là nhân tố đẩy sự ôn tồn dè dặt lui về phía sau cánh gà. Bất luận thế nào, vào lúc sương sớm phủ trắng những vùng đất trũng, tất cả các con gà trống bắt đầu ứng khẩu kèn cựa nhau tiếng gáy, và mỗi thân cây ngô thì lại tỏ ra mình cao hơn gấp đôi bất kỳ thân ngô nào từng mọc trên đồi. Khi mặt trời lên, tất cả các con sóc đều đang làm bộ bị hàng xóm xúc phạm nặng nề, và tất cả các con chim giẻ cùi đều đang la làng lên với vẻ thảng thốt nguy tạo những giả thuyết về hiểm họa cho xã hội mà chúng vừa phát hiện ra mới đây thôi. Những con quạ đang xa đang cao giọng nhiec mắng một con cú tưởng tượng nào đó, tất cả chỉ cốt để khoe rằng loài quạ đề cao cảnh giác đến mức nào. Và cuối cùng là một con gà lôi trống, mãi suy ngẫm về thời trai trẻ đào hoa của mình, đập cánh phành phạch và hô hoán lên những tiếng răn đe với thế giới rằng gã ta là chủ nhân đầm lầy này và tất cả những ả gà mái trong đó.

Và những ảo tưởng hào nhoáng này không chỉ ảnh hưởng lên loài cầm điệu và muông thú. Khi đến giờ ăn sáng, tiếng còi xe, la hét và huýt sáo bắt đầu vang dội trên khắp mọi nông trang, và cuối cùng khi đêm xuống là tiếng rè rè của một chiếc radio bỏ quên. Sau đó thì tất cả đều lên giường

đi ngủ để ôn lại những bài học về sự khiêm nhường của màn đêm.

Đèn lồng đỏ

Cách thông thường để săn gà gô là lên kế hoạch, sử dụng lô-gích và xác suất, dựa trên địa hình nơi bạn đi săn. Cách này sẽ dẫn bạn đến nơi trú ẩn giả định của những con gà gô.

Còn một cách khác là đi lang thang, nhìn ngó hết từ chiếc đèn lồng đỏ này đến chiếc khác. Cách này nhiều cơ may sẽ dẫn bạn đến nơi trú ngụ thực tế của bầy gà gô. Và những chiếc “đèn lồng” tôi nói đến ở đây là những chiếc lá cây mâm xôi, vốn nhuộm sắc son trong ánh nắng tháng Mười.

Đèn lồng đỏ đã soi đường chỉ lối cho tôi trong nhiều chuyến hành trình đi săn thú vị ở nhiều vùng khác nhau, nhưng tôi nghĩ có lẽ loài cây mâm xôi đã phải học cách thắng sáng những chiếc lá của mình trên các hạt vùng gió cát ở miền trung Wisconsin. Dọc theo những con suối nhỏ lấy lợi của miền đất hiền lành bị lãng quên này, nơi người khác gọi là vùng “đất nghèo” (mặc dù chính họ cũng chẳng khá giả gì hơn ai), những bụi mâm xôi sáng ngời sắc đỏ trong những ngày nắng đậm suốt từ đợt sương giá đầu tiên đến ngày cuối cùng của mùa đông. Tất cả các con dế giun và gà gô đều dùng những bụi cây mâm xôi này làm buồng

sưởi ấm riêng. Đa phần các thợ săn nào hay biết điều này; họ hoài công phí sức tìm mồi trên những bụi rậm không có cây mâm xôi, để rồi sau đó trở về nhà tay trắng và để cho chúng tôi được yên thân.

“Chúng tôi” ở đây bao gồm bầy gà gô, dòng suối, con chó, và chính tôi. Dòng sông là một kẻ lừa biếng: nó uốn lượn khắp khu vực quanh các thân cây tổng quán sủi như thể nó thà ở lại đây còn hơn là đổ ra biển lớn. Và chính tôi cũng cảm thấy vậy. Mỗi khúc cua chân chừ của nó đồng nghĩa với việc có nhiều thêm các bờ suối nơi các bụi cây mâm xôi gặp gỡ với các thảm dương xỉ đông cứng và mai dạ thảo ẩm ướt trong các bầu trứng. Không con gà gô nào có thể cầm lòng đứng trước một nơi như vậy quá lâu, và tôi cũng vậy. Đi săn gà gô vì thế trở thành một cuộc dạo chơi dọc bờ suối, ngược chiều gió, từ bụi mâm xôi này sang bụi mâm xôi khác.

Khi con chó tấp vào các bụi mâm xôi, nó nhìn quanh để chắc chắn tôi đang đứng đâu đó trong tầm ngắm. Sau khi đã chắc no tiến từng bước thận trọng, cái mũi ướt rà soát không khí để lọc ra đúng một thứ mùi đó, sự hiện diện vô hình chỉ báo sự sống và ý nghĩa của nó trên từng mảnh đất. Nó là kẻ “đãi vàng” trong không khí, luôn luôn lũng sục các tầng không gian để chắt ra đúng thứ mùi cần thiết. Mùi của những con gà gô là thứ tiêu chuẩn “vàng” kết nối thế giới của nó với tôi.

Bên cạnh đó, con chó của tôi nghĩ rằng tôi còn nhiều điều phải học lắm về những con gà gô, và dưới góc độ của một nhà tự nhiên học thì tôi đồng tình với nó. Với sự kiên nhẫn của một vị giáo sư môn lô-gích, nó tận tình kèm cặp

tôi về nghệ thuật rút ra kết luận từ một cái mũi lão luyện. Tôi hân hoan ngắm nhìn nó rút ra một kết luận bằng cú hếch mõm chỉ đường, dựa trên những dữ liệu hiển nhiên đối với nó, nhưng hoàn toàn mang tính võ đoán trong đôi mắt khù khờ của tôi. Có lẽ nó mong một ngày nào đó ông học trò ngờ nghệch của nó sẽ học được cách đánh hơi.

Như những anh học trò ngu ngơ khác, tôi biết khi nào thì giáo sư của mình đúng, mặc dù chính tôi cũng không hiểu tại sao. Tôi kiểm tra cây súng và tiến lại gần. Như bất kỳ vị giáo sư giỏi nào, con chó không bao giờ cười chê khi tôi bắn hụt, và điều đó là khá thường xuyên. Nó chỉ liếc nhìn tôi một cái, sau đó tiếp tục lợi ngược về đầu con suối để truy lùng một con gà gô khác.

Đi dọc theo những bờ suối, ta sẽ đi thẳng bằng giữa hai quang cảnh khác nhau, một bên là sườn đồi nơi ta săn bắn, một bên là mặt đất nơi con chó săn mồi. Có một sự thi vị đặc biệt ẩn chứa trong việc giẫm nhẹ chân lên những thảm cây thạch tùng để xua lũ chim bay ra khỏi các thân cây mục, và phép thử đầu tiên cho một con chó đi săn gà gô là nó chịu đi trên nền đất ẩm ướt trong khi chủ nó sánh hàng trên phía bờ khô ráo.

Một vấn đề đặc biệt nảy sinh khi dải cây tổng quán sỏi nói rộng ra và con chó biến mất khỏi tầm nhìn của bạn. Bạn cần phải nhanh chân đến một gò đất hay một khoảng trống, nơi bạn sẽ án binh bất động và căng tai căng mắt ra để theo chân con chó. Một vài con chim chích cổ bạc vụt bay tán loạn có thể chỉ cho bạn biết con chó đang ở đâu. Bạn cũng có thể sẽ nghe thấy tiếng chân nó giẫm gãy cành cây,

hay lết sệt đi qua vũng lợ, hay nhảy xuống dòng nước suối. Nhưng khi mọi thứ bỗng im bật, hãy sẵn sàng hành động vì rất có khả năng đó là lúc nó đã tìm thấy mồi. Hãy lắng nghe thật kỹ tiếng tắc lưởi sệt của một con gà gô ngay trước khi tháo chạy. Sau đó thì hay đuổi theo con chim nháo nhào bỏ trốn, hoặc đôi khi là hai, hay có lần tôi đã nhìn thấy những sáu con, vừa cục tác vừa đập cánh, mỗi con lướt bay lên cao tìm nơi trú ẩn trên gò cao. Liệu có con nào rơi vào tầm ngắm họng súng của bạn hay không phụ thuộc hoàn toàn vào vận may, dù bạn có thể tính toán xác suất bắn trúng nếu bạn có thời gian: 360° chia cho 30, hay bất kỳ góc phần trăm đường tròn nào mà súng của bạn có thể bắn trúng. Chia lần nữa cho 3 hay 4, đây là khả năng bạn bắn hụt, và bạn sẽ có được xác suất thực tế để bạn có được một búi lông gà gô trong túi đi săn.

Phép thử thứ hai cho một con chó săn gà gô tốt là liệu nó có đi thám thính và về báo cáo kết quả sau khi chủ đã nhả đạn không. Hãy ngồi xuống và cập nhật tình hình trong lúc con vật thở dốc. Sau đó hãy đi tìm bụi cây mâm xôi lá đỏ tiếp theo, và tiếp tục chuyển đi săn.

Con gió tháng Mười đánh động lỗ mũi chú chó của tôi với nhiều thứ mùi bên cạnh mùi gà gô, mỗi mùi trong số chúng có thể dẫn đến một diễn biến hoàn toàn khu biệt. Khi nó chỉ điểm với đôi tai ở một góc dựng kỳ khôi như một nụ cười tủm tỉm, tôi biết là nó đã tìm thấy một con thỏ đang ngủ. Lần khác thì cú chỉ điểm của nó hoàn toàn nghiêm nghị trong khi không có một con chim nào xung quanh. Tuy nhiên, con chó vẫn đứng yên bất động: trong một bụi cây

lách ngay dưới mũi nó là một con gấu trúc Mỹ to béo đang say ngủ trong lúc sưởi mình dưới cái nắng tháng Mười. Trong mỗi chuyến đi săn, có ít nhất một lần con chó chỉ điểm về phía con chồn hôi, thường nấu mình dưới một bụi mâm xôi rậm rạp bình thường. Có lần con chó chỉ điểm về giữa dòng sông: một cặp cánh bay về thượng nguồn, theo sau là ba tiếng kêu vãn điệu, cho tôi biết là nó đã quấy rầy bữa tối của một con vịt Carolina. Thỉnh thoảng nó cũng đánh hơi thấy cây thông lùn trong một rừng tổng quán sủi rậm rạp, và có lúc nó sẽ tìm thấy một con hươu đang ngả lưng bên một bờ sông nhô cao, bao quanh là các thân cành tổng quán sủi. Liệu có phải con hươu có một tâm hồn thi sĩ yếu lòng trước dòng nước chảy róc rách, hay niềm yêu thích đặc biệt dành cho một chiếc giường nằm nơi không ai có thể lại gần mà không gây tiếng động? Nhìn vào cú hất đầu ngạo nghễ của nó thì dường như là cả hai.

Điều gì cũng có thể xảy ra trên đường từ chiếc đèn lồng đỏ này đến chiếc đèn lồng đỏ khác.



Khi trời xuống vào ngày cuối cùng của mùa săn gà gô, tất cả các bụi mâm xôi đồng loạt thổi tắt ngọn đèn trong lồng lá. Tôi không thể hiểu làm sao một bụi cây bình thường lại có thể nắm bắt không sai lệch một ly các luật lệ trong bang Wisconsin, mà tôi cũng chưa từng quay lại vào ngày hôm sau để kiểm chứng. Trong mười một tháng sau đó, những chiếc đèn lồng chỉ bừng sáng lên trong ký ức. Đôi khi tôi nghĩ rằng các tháng còn lại chỉ là một quãng chuyển

giao giữa các tháng Mười, và tôi ngờ rằng những con chó,
và cả những con gà gô, cũng có cùng suy nghĩ ấy.

THÁNG MƯỜI MỘT

Nếu được làm ngọn gió

Con gió vội vã thổi những nốt nhạc qua các kẽ ngô tháng Mười một. Gốc ngô khẽ ngâm nga, những lớp vỏ ngô vút lên trời xanh trong lúc đang đưa nô giỡn, còn cơn gió thì cứ thế tăng tốc.

Trong đầm lầy, cơn gió để lại từng đợt sóng loang dài trên vũng bùn lầy cỏ rậm và lung lay rặng liễu phía xa. Một cái cây toan phản đối, chìa ra những cánh tay trụi lủi, nhưng chẳng có gì có thể cản đường cơn gió.

Trên bãi cát chỉ còn độc cơn gió hiện hữu, trong khi con sông trườn mình về phía biển. Mỗi búi cỏ thổi rạp lại vẽ nên những vòng tròn trên cát. Tôi lững thững đi trên bãi cát về phía một thanh gỗ trôi dạt, ngồi xuống và lắng nghe tiếng hú hét của vũ trụ và tiếng từng cơn sóng nhỏ ì oạp vỗ bờ. Sự sống đã biến mất khỏi dòng sông: tất cả những con vịt, con diệc, diều hâu đầm lầy, hay chim mòng biển đã tìm nơi trú ẩn khỏi cơn gió rét.

Giữa không gian ấy, tôi nghe thấy một tiếng chó sủa văng vẳng. Thật lạ là mỗi khi tiếng động đổ vang lên thì cả thế giới lại dỏng tai nghe và đoán. Chẳng mấy chốc tiếng động mỗi lúc một lớn: đó là tiếng quàng quạc của lũ ngỗng, tuy chưa nhìn thấy được nhưng đang trên đường đến đây.

Bầy ngỗng xuất hiện từ sau những quầng mây thấp: một bầy đoàn những con chim tả tơi, trời lên ngụp xuống, thối bạt hết bên này qua bên kia, tách ra xa rồi lại nhào vào nhau, nhưng vẫn cố gắng tiến lên bất chấp cơn gió đang ưu ái vật tay với từng đôi cánh vỗ phành phạch. Khi cả bầy chỉ còn là những chấm mờ trên nền trời, tôi nghe thấy tiếng kêu cuối cùng của chúng, những vệt dư âm cuối mùa hè.



Không gian phía sau thanh gỗ trôi dạt đã ấm lên rồi, vì những cơn gió đã đuổi theo bầy ngỗng. Và tôi cũng sẽ làm điều tương tự - nếu tôi được làm ngọn gió.

Chiếc búa trong tay

Chúa ban cho và Chúa cũng lấy đi, nhưng Ngài không còn là người duy nhất làm việc đó. Khi một tổ tiên xa xôi nào đó của chúng ta phát minh ra cái xẻng, họ trở thành một người ban phát: giờ họ có thể trồng một cái cây. Và khi đến lượt cái rìu ra đời, thì họ trở thành người lấy đi: giờ họ có thể đốn hạ cái cây. Bất cứ ai sở hữu đất đai, dù biết hay

không biết, đều đã từng một lần đảm nhiệm công việc thiêng liêng của Chúa trời khi anh ta tạo ra rồi phá hủy những cái cây.

Các tổ tiên khác gần gũi hơn thì đã phát kiến ra các dụng cụ khác; tuy nhiên, nếu ta quan sát tỉ mỉ mỗi dụng cụ này, thì chúng chỉ là một hình thức tân tiến hơn, hay một phụ kiện đi kèm, của cặp đôi công cụ cơ bản rìu - xẻng. Chúng ta phân loại bản thân theo ngành nghề, mỗi ngành lại sử dụng một dụng cụ nhất định, hoặc bán chúng, hoặc sửa chữa chúng, hoặc mài sắc chúng, hoặc đưa lời khuyên về cách vận hành chúng. Nhờ vào sự phân chia lao động này mà chúng ta tránh được trách nhiệm trong việc dùng sai bất cứ công cụ nào, ngoại trừ công cụ của riêng chúng ta. Nhưng trong các ngành thì có triết học là ngành duy nhất biết rằng, tùy vào mong muốn và suy nghĩ mà tất cả chúng ta thực ra sẽ sử dụng tất cả mọi công cụ có thể. Triết học hiểu rằng con người quyết định xem việc sử dụng bất kỳ một công cụ nào là có đáng hay không, dựa trên cách họ suy nghĩ và điều họ mong muốn.



Tháng Mười một, vì rất nhiều lý do, trở thành tháng của lưỡi rìu. Tiết trời đủ ấm để mài rìu mà không bị cóng tay, nhưng đủ lạnh để thoải mái đốn cây. Các cây thân gỗ đã rụng hết lá, và ta có thể nhìn thấy rõ cách các cành nhánh đan xen vào nhau và cách chúng đã sinh trưởng trong suốt mùa hè. Nếu không có điểm nhìn quang đăng lên tận ngọn

này, ta sẽ không chắc chắn liệu có cây nào cân đốn hạ vì lợi ích chung của cả khu đất hay không.

Tôi đã đọc nhiều định nghĩa về một người bảo tồn thiên nhiên; và cũng đã tự lên kha khá định nghĩa cho công việc này. Tuy vậy, tôi ngờ rằng định nghĩa tốt nhất của một người bảo tồn không được viết bằng cây bút mà là bằng lưỡi rìu. Đây là vấn đề liên quan đến suy nghĩ của một người trong lúc đốn cây, hoặc trong lúc quyết định xem cái gì cần đốn. Một người bảo tồn là người nhận thức một cách khiêm tốn rằng với mỗi nhát rìu, anh ta đang để lại chữ ký trên mảnh đất. Và các chữ ký thì hẳn nhiên đều khác nhau khi viết bằng bút hay bằng rìu.

Tôi cảm thấy lúng túng khi phải phân tích những lý do đằng sau quyết định vung lưỡi rìu của mình, *nhất là sau khi mọi sự đã ngã ngũ*. Trước tiên, tôi không coi tất cả các cây đều sinh ra bình đẳng. Nếu một cây thông trắng và cây bu lô đỏ đang kèn cựa nhau, tôi sẽ luôn *ưu tiên* chặt cây bu lô thay vì cây thông. Tại sao vậy?

Trước tiên, chính tay tôi đã cầm xẻng trồng cây thông trắng, trong khi cây bu lô kia đã lách qua hàng rào và tự bén rễ xuống đất. Lựa chọn thiên vị của tôi có thể giống như một người làm cha làm mẹ, nhưng đó không phải là tất cả câu chuyện, vì nếu cây thông trắng cũng là một hạt giống mọc hoang như cây bu lô thì thậm chí tôi còn ưu ái nó hơn. Vì vậy, tôi cần phải đào sâu kiểm tìm lô-gích đằng sau sự thiên vị của tôi, nếu có.

Cây bu lô là một giống cây ngày càng mọc tràn lan trong thị trấn của tôi, trong khi các cây thông vốn đã ít nay lại

càng trở nên khan hiếm. Vậy thì cỡ lẽ sự ưu ái của tôi là dành cho những giống loài yếu thế. Nhưng tôi sẽ quyết định ra sao nếu trang trại của tôi nằm xa hơn về phía bắc, nơi có bạt ngàn các cây thông và chỉ một nhúm nhỏ những cây bu lô thân đỏ? Tôi thú nhận tôi cũng không biết nữa, vì trang trại của tôi nằm ở đây.

Tuổi thọ của cây thông là cả một thế kỷ, trong khi tuổi thọ của cây bu lô chỉ bằng phân nửa. Liệu có phải tôi lo sợ rằng dấu ấn tôi để lại sẽ phai nhạt đi? Những người hàng xóm của tôi tuy chưa trồng cây thông nào nhưng lại có rất nhiều cây bu lô. Vậy thì có phải tôi đang hợm hĩnh vì mình có một khoảnh đất đặc biệt hơn họ? Cây thông thì xanh quanh năm, còn cây bu lô thì “hết ca” và rụng lá vào mỗi tháng Mười. Có phải tôi ưu ái những loài cây cũng chịu đựng được cơn gió đông như tôi? Cây thông là nơi trú ẩn của gà gô, nhưng cây bu lô lại là nguồn thức ăn cho chúng. Vậy thì phải chăng tôi coi trọng chỗ ngủ hơn là miếng ăn? Cây thông đáng giá mười đô-la cho một nghìn gốc, còn cây bu lô chỉ đáng giá hai đô-la. Liệu có phải tôi là kẻ tham tiền? Tất cả những lý do giải thích sự thiên vị của tôi đều có chút trọng lượng, nhưng không cái nào trội hơn cái nào.

Thế là tôi thử lại lần nữa, và lần này có thể tôi sẽ gặp may mắn hơn. Dưới gốc cây thông cuối cùng sẽ mọc lên một dải cây dương mai, cây thạch nam đơn hoa sống ký sinh, cây thạch nam hoa hồng sống cộng sinh, hay cây kim ngân song hoa; trong khi đó, dưới gốc cây bu lô thì giải lăm chỉ mọc lên được cây long đóm hoa hình lọ. Trong thân cây thông, một con gỗ kiến đầu đội mũ cuối cùng sẽ khoan lỗ

làm tổ, trong khi chỉ có loài gõ kiến lông xù nhỏ xíu thì mới chọn thân cây bu lô làm tổ. Gió sẽ rì rào thổi qua những tán thông và hát cho tôi nghe những ngày tháng Tư, trong khi cùng lúc đó thì cây bu lô sẽ chỉ trơ ra những cành khẳng khiu khô gầy. Những lý do khả dĩ này có trọng lượng hơn, nhưng tại sao? Liệu có phải do cây thông kích thích óc tưởng tượng và hy vọng của tôi hơn là cây bu lô? Nếu quả đúng vậy, thì sự thiên vị này đến từ những cái cây hay từ chính tôi?

Kết luận duy nhất mà tôi từng rút ra được, đó là tôi thương quý hết thảy các loài cây, nhưng tôi chỉ dành tình yêu cho các cây thông.

Như đã nói, tháng Mười một là tháng dành cho các lưỡi rìu. Cũng như trong tất cả các mối tình khác, việc thực hành sự thiên vị đòi hỏi kỹ năng. Nếu cây bu lô mọc cao hơn và đứng về phía nam của cây nó sẽ che bóng ngọn thông vào mùa xuân và khiến cho những con mọt thông không dễ trèo lên cây thông đó. Việc chen đua với cây bu lô chỉ là chuyện nhỏ so với loài mọt thông có khả năng ăn mòn chóp thông và khiến cây biến dạng. Thật thú vị rằng sở thích tầm nã của loài bọ này không chỉ quyết định việc duy trì nòi giống của nó, mà còn định đoạt cả hình dáng tương lai cho cây thông của tôi, kèm theo đó là thành công của tôi với tư cách một người thợ cầm rìu và xẻng.

Thêm nữa, nếu tôi đốn bỏ cây bu lô ngay trước thêm một mùa hè khô hạn, thì việc không phải tranh giành nguồn nước cũng sẽ chẳng thấm tháp gì so với lượng nhiệt gia

tăng trong đất, và cây thông của tôi cũng sẽ chẳng may mắn gì hơn vì tôi đã ưu ái nó.

Cuối cùng, nếu các cành cây bu lô chà xát vào các chồi thông khi gió thổi, cây thông chắc chắn sẽ bị biến dạng. Trong trường hợp đó thì bất luận thế nào tôi cũng cần phải đốn hạ cây bu lô, hoặc tôi phải cắt tỉa các cành của nó mỗi mùa đông để cho chúng khỏi cọ quẹt vào chồi thông trong mùa hè.

Đó là những điểm lợi điểm hại mà một người cầm rìu phải tiên liệu, so sánh thiệt hơn, và quyết định một cách bình thản nhưng vững tâm rằng nhìn chung sự thiên vị của anh ta sẽ thực sự mang lại kết quả chứ không chỉ là những thiện chí sáo rỗng.

Trong trang trại của người cầm rìu có bao nhiêu giống cây thì anh ta có từng đẩy thành kiến thiên vị trong đầu. Trong suốt những năm tháng đời mình, anh ta gán cho mỗi loài cây một chuỗi các đặc điểm làm nên tính cách của chúng, dựa trên cách anh ta phản ứng với vẻ đẹp cũng như mức độ hữu dụng của mỗi loài, hay cách chúng phản ứng với công sức lao động anh ta bỏ ra để nuôi dưỡng hay triệt tiêu chúng. Tôi luôn bất ngờ trước những tính cách đa dạng mà những người khác nhau gán cho cùng một loài cây.

Vì thế, có thể với tôi thì cây dương lá rung là một loài cây tốt tính vì nó vừa tô điểm cho tháng Mười vừa là nguồn thức ăn cho những con gà gô trong mùa đông, nhưng với một vài người hàng xóm thì nó chỉ là một thứ cây dại tầm thường, có lẽ vì nó mọc lan tràn mạnh mẽ trên những lô đất còn trơ gốc cây mà từ thời cha ông họ đã cố gắng phát

quang. (Tôi không thể chế nhạo họ, vì chính tôi cũng đang khó chịu với đám cây du đang nảy mầm lắm le chiếm đất của những cây thông của tôi.)

Một lần nữa, thông lá rụng là loài cây yêu thích thứ hai của tôi chỉ sau cây thông trắng, có lẽ vì nó gần như đã tuyệt chủng trong phạm vi thị trấn tôi ở (thiên vị dành cho kẻ yếu), hoặc có lẽ vì nó rải rác những chiếc lá vàng kim lên bộ lông đám gà gô tháng Mười (thiên vị của người thợ săn), hoặc có lẽ vì nó làm chua đất và giúp nuôi dưỡng giống hoa lan hài, một trong những loài hoa lan lan xinh đẹp nhất trong vườn tôi. Mặt khác, những người trồng rừng đã loại trừ thông lá rụng ra khỏi danh sách vì tốc độ mọc quá chậm khiến cho nó không phải là lựa chọn kinh tế khi trả lãi suất thuê đất. Để chặn hòng những ai muốn tranh cãi, họ để thêm rằng loài thông lá rụng thường xuyên bị ong cắn lá (mặc dù từ đó đến nay những cây thông của tôi đã sống được năm mươi năm rồi, nên tôi sẽ để cho cháu tôi lo đến chuyện đó) Trong khi đó, các cây thông rụng lá của tôi vẫn tiếp tục lớn lên một cách đầy quyến rũ, khiến cho tinh thần tôi cũng theo thế mà nhẹ lên cao.

Đối với tôi, một cây com nguội đại thụ là loài cây tuyệt vời nhất, vì thời trẻ nó đã từng che mát cho đàn bò rừng và đeo một vòng thiên sứ kết từ những tổ chim bồ câu trên tán lá. Và tôi cũng thích cả một cây com nguội con nữa, vì mai đây nó sẽ kế nghiệp cha ông trở thành một cây đại thụ. Nhưng một bà nông dân (và theo đó là cả chồng bà ấy) thì thù ghét cây com nguội vì cứ đến tháng Sáu là những cây

cái sẽ nở ra những cụm bông trắng bám đầy cửa sổ. Giáo lý thời hiện đại là đề cao sự thoải mái bằng mọi giá.

Tôi thấy mình có nhiều sự thiên vị hơn hết thấy những người hàng xóm bởi tôi có nhiều kỷ niệm cá nhân với nhiều loài cây mà họ gọi chung bằng một cái tên báng bổ: cây bụi. Vì thế nên tôi thích cây dây gối, một phần vì hương, thảo, và chuột rất ưa gặm nhấm những cành nhánh và lớp vỏ màu xanh và cũng một phần khác vì những quả dây gối màu anh đào đỏ hồng luôn rực rỡ ấm áp trên nền tuyết tháng Mười một. Tôi thích cây sơn thù du đỏ vì nó nuôi dưỡng những con chim cổ đỏ trong tháng Mười, và cây tần bì gai loài chim dễ giun thường trú ẩn dưới tán lá đầy gai của nó để sưởi ấm. Tôi thích cây phỉ vì những bông hoa màu tím của nó làm tôi thêm yêu những ngày tháng Mười, cộng thêm những chùm hoa đuôi sóc của nó là nguồn thức ăn cho hương và gà gô trong tháng Mười một. Tôi thích cây cà dước vì cha tôi cũng thích nó, và phần nữa vì cứ đến đúng ngày 1 tháng Bảy hàng năm là những con hương sẽ bắt đầu ăn lá cà dước non (và tôi đã học cách tiên đoán chính xác sự kiện này cho các vị khách tới thăm). Làm sao tôi có thể không ưa một loại cây khiến cho tôi, một giáo sư tầm thường, có thể lột xác trở thành một nhà tiên tri tài ba mỗi năm chứ.

Ta có thể thấy rằng việc chúng ta thiên vị loài cây nào cũng có tính cha truyền con nối. Nếu ông của bạn mê trái cây mại châu, bạn cũng sẽ thích cây mại châu vì ông bạn dạy bạn điều đó. Ngược lại, nếu ông bạn vô tình đốt một khúc gỗ trong đó có lẫn nhánh cây sơn độc và bị khói cây phả trúng người, bạn cũng sẽ ghét giống cây đó, bất luận

cho những chiếc lá đỏ rực của nó khiến bạn mãi mãi nhớ thể nào mỗi độ thu về.

Ta cũng có thể thấy rõ rằng việc chúng ta ưu ái các loài cây khác nhau cũng thể hiện không chỉ ngành nghề mà còn cả thú tiêu khiển với sợi dây ngăn cách mong manh giữa các loài cây ta ưu tiên cho công việc hay sở thích. Người nông dân thích săn gà gô hơn vắt sữa bò sẽ không chán ghét cây táo gai, cho dù nó có xâm lấn vào cánh đồng chăn thả của anh ta. Thợ săn gấu trúc Bắc Mỹ sẽ không ghét bỏ cây gỗ đoạn, và tôi biết những người săn chim cú cũng không oán ghét gì cây cỏ phấn hương, mặc dù hàng năm họ đều khổ sở vì dị ứng phấn hoa. Sự thiên vị của chúng ta là một mục lục nhảy bém về tâm tư tình cảm, sở yêu sở ghét, lòng trung thành cũng như sự hào phóng, cũng như cách chúng ta giết thời gian mỗi cuối tuần.

Dù sao đi nữa, tôi vẫn hài lòng với việc cầm rìu lên mỗi cuối tuần trong tháng Mười một.

Một pháo đài kiên cố

Mỗi khu rừng gỗ trong các trang trại, bên cạnh việc cung cấp gỗ, chất đốt, và cột chống thì cũng nên mở ra cơ hội cho giáo dục khai phóng. Những mùa gặt kiến thức này không bao giờ thất bát, nhưng ít khi có cơ hội được thu hoạch. Ở đây tôi muốn ghi lại những bài học tôi đã thu lượm được từ chính khu rừng gỗ của mình.



Ngay sau khi tới mua khu rừng này một thập kỷ trước, tôi nhận ra mình đã mua không chỉ vô số loại cây mà còn cả từng ấy loại dịch bệnh trên cây. Khoảng rừng lấy gỗ của tôi chỉ chít những mầm bệnh có thể điểm mặt kể tên trên mọi cây thân gỗ. Tôi bắt đầu ước rằng Noah đã để lại đám dịch bệnh cây cối phía sau khi ông đưa muôn loài lên con thuyền của mình. Nhưng tôi nhanh chóng nhận ra rằng chính những dịch bệnh này đã biến khu rừng của tôi thành một pháo đài kiên cố, không có đối thủ trên toàn hạt.

Khu rừng của tôi là đại bản doanh của một dòng họ gấu trúc Bắc Mỹ, trong khi chúng hiếm khi xuất hiện trong các trang trại hàng xóm. Một ngày Chủ nhật tháng Mười một, sau một tôi đã hiểu lý do tại sao. Vết chân còn mới nguyên của một thợ săn gấu trúc và con chó săn dẫn đến một thân cây thích đã bật rễ gần nửa, và dưới rễ cây là nơi con gấu trúc của tôi đang trú ẩn. Những cội rễ ngoằn ngoèo đóng băng lởm chởm đến độ không thể chặt được và cũng quá cứng để có thể đào lên. Thêm vào đó, có quá nhiều lỗ dưới gốc cây để hun khói đuổi con gấu trúc ra. Người thợ săn đã phải ra về tay trắng vì một loại nấm bệnh đã làm suy yếu rễ cây thích. Cái cây, bị quật ngã phân nửa sau một cơn bão, tạo nên một pháo đài bất khả xâm phạm cho họ nhà gấu trúc Bắc Mỹ. Nếu không có căn hầm “chống đạn” này, đàn gấu trúc trong rừng của tôi sẽ bị thợ săn càn quét dần mỗi năm.

Khu rừng của tôi cũng là nơi cư ngụ của một tá gà gô cổ khoang, tuy nhiên trong những mùa tuyết rơi dày thì chúng lại di cư sang bên rừng nhà hàng xóm để tìm chỗ trú ẩn tốt hơn. Tuy nhiên, tôi vẫn có được một số lượng bình ổn gà gô trong rừng của mình vì ở đó luôn có sẵn những thân cây sồi bị những cơn bão mùa hè quật ngã. Mỗi thân cây đổ trong mùa hè vẫn còn nguyên cành lá khô, và giữa những trận tuyết rơi thì chúng trở thành nhà cho một con gà gô. Lớp phân gà quanh thân cây cho thấy mỗi con gà gô đã cư trú, kiếm ăn, và rong chơi suốt mùa bão tuyết trong khuôn viên hạn hẹp của tán cây sồi rậm rạp, nơi nó được che chở khỏi gió rét, cú, cáo, và thợ săn. Lá sồi khô ngoài việc tạo lớp che chắn, vì lý do lạ lùng nào đó, còn là món ăn ưa thích của gà gô.

Tất nhiên, những cây sồi bị đổ này đều là cây bị bệnh. Nếu không có loại bệnh dịch này, rất hiếm cây sồi sẽ đổ, và kéo theo một số lượng cũng ít các con gà gô trú ẩn quanh thân cây.

Các cây sồi bệnh cũng cung cấp một nguồn thức ăn khoái khẩu cho loài gà gô: vú lá sồi. Vú lá sồi, hay mụn sồi, là một khối u mọc ra từ các cành non đã bị một con ong bắp cày vú lá trong lúc còn đang tươi xanh mọng nước. Cứ mỗi tháng Mười là các con gà gô trong rừng của tôi lại chén no nê các vú lá sồi này.

Cứ mỗi năm, những con ong rừng lại trám đầy các thân sồi rỗng của tôi bằng những tầng mật, và cứ mỗi năm những gã hanh nghề ăn trộm mật ong lại nằng tay trên của tôi. Lý do một phần là bởi bọn họ khéo léo hơn tôi trong

việc “lần ra” các cây có ong mật, và một phần vì họ dùng lưới bảo vệ, vì thế có thể thu hoạch mật trước khi bầy ong bắt đầu ngoi tay vào mùa thu. Nhưng nếu không phải vì bệnh thối lõi thì sẽ không có thân cây sồi rồng nào để cho bầy ong trang hoàng bằng những lớp tổ ong đầy mật ngọt.

Vào đợt cao điểm trong mùa sinh sản, khu rừng của tôi luôn phải chịu nạn dịch thỏ. Chúng ăn vỏ và cành của hầu hết các loại cây và bụi rậm mà tôi muốn kích cho phát triển, trong khi lại ngó lơ tất cả các loại mà tôi muốn dẹp bỏ bớt. (Khi người thợ săn thỏ trồng một rừng thông hay một vườn cây ăn trái, thì đám thỏ biến thành một loài gây hại thay vì con mồi cho cuộc đi săn.)

Mặc dù là giống ăn tạp, loài thỏ theo cách nào đó lại là một kẻ rất sành ăn. Chúng luôn ưa chuộng các cây thông, cây thích, cây táo, hay cây dây gối do tự tay người trồng, hơn là một cây mọc dại. Chúng cũng nhất quyết đòi hỏi những món sa-lát nhất định phải được tẩm ướp trước khi ăn. Bằng chứng là chúng không hề đụng đến những cây sơn thù du đỏ đến khi các cây này bị bệnh vẩy vỏ sò. Lớp vỏ cây sau đó trở thành một món hảo hạng được tất cả các con thỏ xung quanh ngón ngấu.

Một bầy tám một tá con chim bạc má sinh sống suốt năm trong khu rừng của tôi. Vào mùa đông, tiếng rìu chặt các cây bệnh hay cây chết là tiếng keng báo giờ cơm của bộ tộc chim bạc má này. Chúng nấp trong lùm cây để chờ đến khi các thân cây đổ xuống, chỉ trở bàn tán một cách xác xược về tiến độ lao động chậm chạp của chúng tôi. Khi thân cây cuối cùng cũng đổ và những chiếc nêm bổ dọc hé lộ

phần ruột cây, những con bạc má đeo khăn ăn lên và nhào vào bữa tiệc. Mỗi mẫu vỏ cây chết với chúng là món sơn hào hải vị gồm trứng, ấu trùng, và nhộng. Với chúng, mỗi lõi gỗ bị kiến đào đều căng đầy mật ngọt cao lương. Chúng tôi thường tựa một khúc cây vừa mới cắt vào một cây gần đó chỉ để nhìn lũ chim háu ăn mỡ rĩa đồng trùng kiến. Việc biết rằng chúng tôi hay lũ chim cũng đều tìm kiếm nguồn sống và sự chở che từ mùi hương nồng nàn của những thanh gỗ sồi mới bửa khiến một ngày lao động có phần nhẹ nhàng hơn.

Nếu không phải vì lũ côn trùng phá phách và đám bệnh dịch, thì hẳn lũ chim bạc má sẽ không kéo đến kiếm ăn và khiến khu rừng của tôi thêm phần rộn ràng sinh động trong mùa đông.

Rất nhiều sinh vật khác trong tự nhiên cùng sống nhờ vào dịch bệnh trên cây. Những con gõ kiến đầu mào đỏ đục các thân cây thông còn sống để moi móc từ lõi cây bị bệnh ra những con đuông thông béo ú. Những con quạ và chim giẻ cùi lẫn trốn đám cú vằn trong lòng một thân gỗ đoạn rỗng ruột; nếu không nhờ có cái cây bệnh này thì những khúc nhạc réo rắt ban chiều của chúng hẳn đã sớm tắt ngấm. Bầy vịt Carolina làm tổ trong những thân cây rỗng, và cứ mỗi tháng Sáu là một bầy vịt con non tơ lại lẫm chẫm chào đời gần đầm lầy trong rừng của tôi. Hộ khẩu thường trú của tất cả các con sóc đều phụ thuộc vào sự cân bằng giữa một cái lỗ sâu khoét trên thân cây và những tế bào vỏ cây cố gắng đóng miệng vết thương hở này lại. Con sóc đóng vai trọng tài bằng cách gặm bớt phần vỏ cây đang

nhằm nhẹ che phủ phần cửa ra vào nơi cái hốc nó đang trú ngụ.

Nhưng kho báu thật sự trong khoảng rừng bệnh tật của tôi chính là con chim chích vàng mỏ đen (prothonotary warbler). Nó làm tổ trong cái tổ cũ của con gõ kiến, hay các lỗ sâu nhỏ trên một thân cây đổ bắt ngang dòng suối. Bộ lông vàng pha xanh của nó ánh lên giữa nền rừng ẩm đạm mục nát là minh chứng cho việc những thân cây chết lại thổi sinh khí vào các loài vật sống, và ngược lại. Bất cứ khi nào bạn nghi ngờ về sự thông thái ẩn trong sắp đặt này của thiên nhiên, hãy cứ ngắm nhìn con chim chích vàng mỏ đen.

THÁNG MƯỜI HAI

Vùng cư ngụ

Những sinh linh hoang dã trong trang trại của tôi khá kiệm lời trong việc chia sẻ với tôi lịch trình ngày đêm của chúng gồm bao nhiêu phần diện tích thị trấn đồng quê nhỏ bé này. Tôi khá tò mò về điều này, vì nó sẽ cho tôi biết tỷ lệ giữa kích thước thế giới của chúng so với với thế giới của tôi. Nó cũng khiến tôi nghĩ tới một câu hỏi quan trọng hơn: bên nào là bên nắm bắt tường tận hơn về thế giới mà họ đang sống?

Cũng như con người, các con thú của tôi thường xuyên chia sẻ qua hành động những gì chúng từ chối nói ra thành lời. Và cũng thật phức tạp để đoán trước rằng bằng cách nào và khi nào thì những điều chúng tiết lộ sẽ được phơi bày.



Con chó, vốn không bị ràng buộc bởi lưới rìu trong tay, tự do săn lùng trong khi đám người chúng tôi chặt gỗ bổ củi. Một tràng thật thanh những tiếng yip-yip-yip vang lên báo hiệu cho chúng tôi biết là một con thỏ vừa bị đuổi ra khỏi chỗ nằm trên bãi cỏ và giờ đang chạy thục mạng đi

đâu đó. Nó lao thẳng về phía một đồng củi cách đó gần 500 mét, nơi nó lủi vào núp giữa hai bó củi và bỏ cách kẻ theo đuôi nó một quãng an toàn. Con chó, sau khi gầm gừ để lại vài dấu răng ra oai trên những khúc gỗ sồi cứng chắc, đành bỏ cuộc và tiếp tục đảo quanh tìm kiếm một vài con thỏ đuôi bông kém thận trọng hơn, còn chúng tôi thì lại tiếp tục vung rìu bổ củi.

Cuộc rượt đuổi trong tích tắc này cho tôi thấy là con thỏ nắm rất rõ địa hình giữa nơi nó nằm ngủ trên cánh đồng và căn hầm trú ẩn của nó bên dưới đồng củi. Nếu không thì làm sao nó có thể chạy một mạch đến đó như vậy? Bán kính vùng cư ngụ của con vật chắc hẳn phải kéo dài ít nhất hơn 500 mét.

Những con chim bạc má ghé qua trạm tiếp tế đồ ăn của chúng tôi đều được bắt lại và đánh dấu mỗi mùa đông. Một vài người hàng xóm cũng có cho chim bạc má ăn, nhưng không ai đánh dấu chúng cả. Bằng cách theo dõi khoảng cách xa nhất bầy chim bạc má sẽ bay đến từ nơi tôi cho chúng ăn, chúng tôi đã phát hiện rằng vùng cư ngụ của đàn chim này có bán kính kéo dài gần một cây số trong mùa đông, có điều chúng chỉ trú ngụ ở những nơi kín gió.

Vào mùa hè, khi cả đàn đã tủa đi tìm nơi làm tổ, những con chim được đánh dấu xuất hiện ở những địa điểm xa hơn, thường sẽ giao phối với những con không đánh dấu. Trong mùa hè thì những con chim bạc má không mấy bận tâm đến những cơn gió và thường được tìm thấy ở những nơi đồng trống gió thổi bạt ngàn.

Vết chân của ba con hươu đã đi qua rừng của chúng tôi hôm qua còn mới nguyên trên nền tuyết phủ. Tôi đi ngược lại hướng vết chân của chúng và tìm thấy trong một bụi liễu rậm rạp bên bờ cát ba cái ổ nằm lót lá không ướt tuyết.

Sau đó tôi đi xuôi theo vết chân, và chúng dẫn tôi đến cánh đồng ngô nhà hàng xóm, nơi những con hươu đã đào những bắp ngô còn sót lại dưới lớp tuyết và bới tung một trong những đồng thân ngô lên. Vết chân sau đó dẫn theo một đường khác đến bờ cát ven sông. Trên đường đi, những con hươu đã lấy guốc cào vào bụi cỏ, dụi mũi vào để tìm những mầm xanh non bên trong, và chúng cũng đã dừng lại bên một con suối để uống nước. Bức tranh về hành trình ban đêm của chúng đã hoàn tất. Tổng khoảng cách từ giường ngủ đến nơi chúng ăn sáng là hơn một cây số rưỡi.

Những khu rừng của chúng tôi luôn là nơi ẩn náu của gà gô. Thế nhưng, vào một ngày cuối đông, sau một trận tuyết dày và mịn, tôi không nhìn thấy bóng dáng hay vết chân một con gà gô nào. Tôi đã những tưởng rằng các chú gà gô của tôi đã dọn nhà đi nơi khác, khi con chó ghếch mũi chỉ vô tán lá rậm rạp của một cây sồi đã đổ từ mùa hè năm ngoái. Ba con gà gô phóng ra, lần lượt từng con một.

Bên dưới hay xung quanh thân cây đổ không có một dấu chân nào cả. Rõ ràng là những con gà đã hạ cánh xuống đây, nhưng chúng từ đây bay tới? Gà gô cần thức ăn, đặc biệt là trong thời tiết không độ này, thế nên tôi quyết định kiểm tra phân của chúng để tìm manh mối. Trong số những cặn lợn cợn không xác định, tôi tìm thấy vảy của búp cây, và lớp vỏ màu vàng của những trái ổi mà đông cứng.

Trong một bụi rậm những cây thích non, tôi đã từng trông thấy một đám cây ót mả mọc um tùm giữa mùa hè. Tôi lại gần đó, và sau một hồi tìm kiếm thì đã nhìn thấy những vết chân gà gô trổn một thân cây. Những con gà đã không lội qua tuyết: chúng đã chọn đi trên các thân cây và ăn những quả ót mả mọc trong tầm với. Chỗ này nằm cách thân cây sồi khoảng 400 mét về hướng đông.

Tối hôm đó, khi hoàng hôn buông xuống, tôi nhìn thấy một con gà gô trong một bụi cây gợn sóng khoảng 400 mét về hướng tây thân cây sồi. Không có vết chân nào trên tuyết cả. Câu chuyện thế là đã rõ. Những con chim này, trong mùa tuyết rơi ngập lối, đã di chuyển trong vùng cư ngụ của chúng bằng cánh chứ không phải bằng chân, và vùng cư ngụ của chúng có bán kính khoảng 400 mét.



Hiểu biết của khoa học về vùng cư ngụ vẫn còn rất hạn chế: kích thước của nó qua mỗi mùa khác nhau, nó phải hàm chứa các loại thức ăn và nơi trú ẩn nào, nó có những hàng rào phòng thủ nào chống kẻ đột nhập, và liệu quyền sở hữu vùng cư ngụ thuộc về một cá nhân, một gia đình, hay một bầy. Đây là những quy tắc cơ bản của nền kinh tế trong thế giới loài vật, hay sinh thái học. Mỗi trang trại là một cuốn sách về hệ sinh thái muông thú; và tay nghề của một người thợ gỗ sẽ giúp chúng ta thông ngôn cuốn sách này.

Những rặng thông trên tuyết

Những việc sáng tạo thường dành riêng cho thần thánh và thi sĩ, nhưng những người phàm trần đôi khi có thể lách luật nếu như họ biết cách. Ví dụ, việc trồng một cây thông không đòi hỏi ta phải là một đấng tối cao hay một nhà thơ; chúng ta chỉ cần một cái xẻng mà thôi. Nhờ vào lỗ hổng trong luật lệ này mà bất cứ gã què mùa cụt mịch nào cũng có thể phán: Hãy để một cái cây mọc lên - và quả nhiên một thân cây sẽ mọc lên.

Nếu lưng người đó khỏe và cái xẻng của anh ta đủ sắc, dần dà sẽ có đến cả chục nghìn cái cây. Và sau bảy năm, anh ta có thể chống tay lên cây xẻng và ngắm nhìn những cái cây, các tác phẩm tuyệt đẹp của mình.

Chúa Trời sau bảy ngày đã dừng công việc tạo tác của mình, nhưng tôi để ý thấy Ngài có vẻ thờ ơ với những giá trị phẩm hạnh của thế giới Ngài tạo nên. Tôi đồ rằng có thể Ngài đã trông đợi quá nhiều, hoặc những thân cây thì trông vẫn trác tuyệt hơn những cái lá sung che hạ bộ và bầu trời trên thiên đường.



Tại sao cái xẻng lại được coi là biểu tượng của lao dịch? Có lẽ vì phần lớn những cái xẻng trông thật tẻ nhạt. Mặc dù công việc nặng nhọc nào cũng có sự góp mặt của những cái xẻng nhàm chán, nhưng tôi khờng chắc giữa hai thứ này thì cái nào là nguyên nhân cái nào là kết quả. Tôi chỉ biết rằng

sau khi được mài dũa cật lực đến sắc bén thì cái xẻng của tôi như cất tiếng ca vang khi nó xấn vào lớp đất mùn mềm xốp. Tôi đã từng được nghe nói về thứ âm nhạc vang lên từ cái bào, một cái chạm gỗ, và một con dao mổ bén nhọn. Tuy nhiên, tôi nghe thấy thứ thanh âm này rõ nhất từ cái xẻng của tôi: nó ngân nga từng đợt trên cổ tay tôi trong khi trồng một cây thông. Tôi nghĩ rằng cái gã từng cật công để gầy được một nốt nhạc trong treở trên cây đàn hạc cổ xưa hẳn đã chọn nhầm một thứ nhạc cụ quá rắc rối.

Thật là một điều tốt khi mùa trồng cây chỉ diễn ra trong tiết xuân, vì sự cân bằng tiết độ là cần thiết cho vạn vật, ngay cả những cái xẻng. Trong những tháng còn lại, ta có thể ngắm nhìn quá trình sinh trưởng của một cây thông.

Mỗi năm mới của cây thông bắt đầu vào tháng Năm, khi chồi chóp của cây biến thành hình “cây nến”. Cho dù ai là người nghĩ ra cụm từ đó để gọi chồi cây thông thì tâm hồn họ cũng đong đầy sự ý nhị tinh tế. “Cây nến” thoát nghe thì có vẻ là một ám chỉ tầm thường về những thực tế hiển nhiên: chồi thông mới nhú này mọc thẳng, đóng sập xung quanh, và dễ gãy. Nhưng bất cứ ai sống lâu năm với loài thông thì sẽ hiểu rằng cây nến còn là một hình ảnh hoán dụ sâu xa hơn, vì trên chóp nến là hình ảnh ngọn lửa vĩnh hằng soi sáng con đường vào tương lai. Cứ mỗi tháng Năm, các cây thông của tôi lại theo đà cây nến đó đâm lên trời, thẳng về hướng thiên đỉnh. Và mỗi cây đều ra sức để chạm đến đó nếu như chúng có đủ thời gian trước khi các thiên thần thổi điệu kèn cuối cùng tiễn biệt. Một cây thông phải thật già thì mới có thể quên đi chồi nào của nó là quan trọng nhất,

và sau đó bắt đầu tỏa rộng tán cây của mình theo bề ngang trên nền trời. Bạn có thể bỏ quên điều này, nhưng không một cây thông nào tự tay bạn trồng sẽ làm điều đó trong lúc bạn vẫn còn đang sống.

Nếu bạn là một người có tính cẩn thận, cây thông sẽ là người bạn tâm đầu ý hợp cho bạn, vì không như các cây gỗ cứng khác vất vả nuôi miệng, các cây thông chẳng bao giờ bỏ tiền túi hiện có ra để trả hóa đơn hiện tại. Chúng sống hoàn toàn dựa vào phần dự trữ từ năm ngoái để lại. Mỗi cây thông đều có một cuốn sổ tiết kiệm, và cứ đến ngày 30 tháng Sáu hàng tháng thì số dư lại được ghi lại trong sổ. Nếu đến ngày đó, chồi của nó hoàn tất việc tạo ra một cụm mười hay mười hai búp non mới, thì điều này đồng nghĩa với việc nó đã tích cóp đủ mưa nắng cho một lần sinh trưởng từ nửa mét đến gần một mét cho mùa xuân năm sau. Nếu chồi thông chỉ tạo được bốn hay sáu búp mới, thì cú thúc lên trời cao của nó sẽ có phần khiêm tốn hơn, tuy nhiên cái cây vẫn khoác lên người dáng vẻ khoan thai của người không vương nợ nần gì.

Tất nhiên là thông cũng như người thì đều trải qua những năm khó khăn, và điều này được ghi lại trong những lần chóp cây mọc lên ngắn hơn, có thể đo được qua khoảng cách ngắn hơn giữa các tầng cánh lá đan xen mọc liên tiếp. Những khoảng giữa này, theo đó, là một cuốn tự truyện mà một người theo sát đời sống loài thông có thể tùy nghi tìm đọc. Để có thể xác định xác một năm khó khăn, bạn luôn phải nhớ lùi lại một năm sau năm mà chồi thông phát triển kém. Ví dụ, mức sinh trưởng của các cây thông đều thấp

vào năm 1937, điều này ám chỉ đến đợt hạn hán trong năm 1936. Mặt khác, mức sinh trưởng của các cây đều cao vào năm 1941. Có lẽ chúng đã thấp thoáng nhìn thấy tương lai phía trước và đã đặc biệt nỗ lực chứng tỏ cho thế giới thấy là loài thông vẫn biết mình đang cần đi đâu về đâu, trong khi loài người thì đã hoàn toàn lạc lối.

Khi một cây thông sinh trưởng thấp hơn các cây xung quanh trong một năm, bạn có thể chắc chắn rằng có một lý do cá nhân hay hoàn cảnh đưa đẩy: một vết sẹo do cháy thân, một con chuột đồng gặm vỏ, một cơn gió đập, hay đã xảy ra tắc nghẽn gì đó trong phòng thí nghiệm tối tăm mà chúng ta gọi tên là lòng đất đai.



Những cây thông thường hay xì xào tán chuyện với nhau. Nhờ để ý đến những lời bàn tán nhỏ to này, tôi được cập nhật về tình hình thị trấn trong lúc tôi đi vắng. Ví dụ như vào tháng Ba, khi lũ hươu bắt đầu viếng thăm những cây thông trắng thường xuyên hơn, chiều cao chúng rướn tới để gặm chồi thông cho tôi biết chúng đang đói bụng cỡ nào. Một con hươu với cái bụng no nề toàn ngô sẽ không đủ kiên nhẫn để nhấm nháp những cành cao hơn một mét so với mặt đất, trong khi một con hươu bụng rỗng sẽ đứng bằng hai chân sau và rướn lên cao đến hơn hai mét để tìm bura ăn. Nhờ thế mà tôi biết được mức độ đói ăn của những con hươu ngay cả khi không nhìn thấy chúng, đồng thời cũng biết được chỗ người hàng xóm đã chất thân ngô thành đống mà không cần đi thăm ruộng nhà ông ấy.

Vào tháng Năm, khi chồi của cây còn non và dễ gãy, thường chỉ cần một con chim đậu lên cũng đủ khiến nó gãy rụng như một đợt măng tây. Cứ mỗi độ xuân về, tôi lại tìm thấy vài cái cây khuyết tật như vậy, với những chồi thông héo rũ nằm trên thảm cỏ. Mặc dù có thể dễ dàng đoán được chuyện gì đã xảy ra, nhưng trong cả một thập kỷ quan sát, tôi chưa từng một lần nhìn thấy một con chim làm gãy một chồi thông. Đây là một bài học khách quan: ta không nhất thiết phải nghi ngờ những gì ta không thấy.

Vào tháng Sáu mỗi năm, chồi của một vài cây thông trắng bông héo úa, sau đó chuyển màu nâu và chết. Một con mọt thông hẳn đã chui vào phần chóp trên cùng của chồi và đẻ trứng. Khi đám ấu trùng nở ra, chúng gặm nhấm dọc theo thân chồi và giết chết chồi thông. Một cây thông thiếu chồi dẫn đường như vậy sẽ rất chết vật, vì các cành còn lại sẽ cãi nhau về việc ai trong số chúng sẽ chỉ đường tiếp tục cho cây đi về hướng bầu trời. Cuối cùng thì tất cả đều mọc thẳng lên trời, khiến cho cái cây mãi mãi chỉ là cây bụi.

Có một sự thật lạ kỳ rằng chỉ những cây thông ngoài sáng mới bị mọt cắn, trong khi những cây trong bóng râm lại không hề hấn gì. Đôi khi trong cái rủi lại có cái may.

Vào tháng Mười, qua những lớp vỏ bong tróc, các cây thông nói với tôi khi nào thì đám hươu đực bắt đầu “mài gạc”. Một cây thông lùn cao khoảng hai mét rưỡi đứng một mình thường dễ khiến một con hươu đực nảy sinh ý tưởng rằng thế giới này cần thêm những kẻ cà khịa đậm chột. Một cây thông rơi vào hoàn cảnh đó phải nhún mình chiều theo

đòi hỏi của con hươu và trông thật tả tơi rơi rụng sau cuộc đấu không cân sức. Công lý duy nhất trong những cuộc vật lộn này là cái cây càng bị xô xát bao nhiêu thì con hươu càng bị dính nhiều nhựa thông bấy nhiêu trên đôi gạc nó đang cần mài giũa.

Những chuyện phiếm của khu rừng đôi khi rất khó dịch lại. Có lần vào giữa mùa đông, dưới cái ổ của một con gà gô, tôi tìm thấy trong phân của nó những hình thù không xác định đã bị tiêu hóa một nửa. Chúng trông giống những lõi ngô tí hon khoảng hơn một cen-ti-mét. Sau khi đã kiểm tra tất cả mẫu vật các loại thức ăn gà gô mà tôi có thể nghĩ tới, tôi vẫn đành bó tay không tìm ra manh mối nào về nguồn gốc của những “lõi ngô” này. Cuối cùng, tôi thử cắt đôi phần chóp chồi của một cây thông lùn và tìm thấy câu trả lời nằm trong lõi chồi. Con gà gô đã ăn những chồi thông, tiêu hóa phần nhựa, chà xát phần vảy trong mề, và để lại phần lõi (mà thực tế thì chính là phần chồi thông đáng ra sẽ mọc lên sau đó). Ta có thể nói rằng con gà gô này đã ra tay can thiệp vào vận mệnh tương lai của cây thông lùn nó.



Ba giống thông bản địa của Wisconsin (trắng, đỏ và lùn) có những định nghĩa về “lứa tuổi kết hôn” khác nhau một trời một vực. Cây thông lùn hay lớn trước tuổi, đôi khi nở hoa và cho ra những trái hình nón chỉ một hai năm sau khi rời khỏi vườn ươm. Thậm chí một vài cây thông lùn mười ba tuổi của tôi đã có con đàn cháu đông. Các cây thông đỏ

mười ba tuổi của tôi năm nay đã nở hoa, trong khi các cây thông trắng vẫn chưa thấy động tĩnh gì: chúng kiên tâm sống theo truyền thống người Ăng-lô Xắc-xông rằng bạn phải đợi đến khi đủ hai mươi một tuổi.

Nếu không nhờ những quan điểm nhìn đời đa dạng này, thì thực đơn của lũ sóc lông đỏ nơi tôi ở hẳn sẽ bị hạn chế nhiều lắm. Cứ vào giữa mùa hè mỗi năm, chúng lại bắt đầu tẽ vỏ các trái thông lùn để tìm hạt và vút vỏ vương vãi khắp nơi còn hơn cả những gia đình đi dã ngoại trong Ngày lễ Lao động (Labor Day): dưới mỗi gốc cây là phần tàn dư từ bữa đại tiệc hàng năm của chúng, có lúc chất lên thành đống. Tuy vậy, nguồn quả thông vẫn không bao giờ cạn kiệt, bằng chứng là con cháu của chúng vẫn đang đội đất chui lên bên cạnh những cây hoa gậy vàng.

Ít ai biết rằng cây thông có ra hoa, và những người biết thì đầu óc quá lam thường để nhìn lễ hội trở bông này như một điều gì to lớn hơn một chức năng sinh học bình thường. Còn những ai đã tỉnh ngộ thì nên dành trọn tuần thứ hai của tháng Năm trong một khu rừng thông, và tốt nhất là hãy mang theo mắt kính và một cái khăn mùi xoa dự phòng. Cách các cây thông hào phóng tung rắc phấn thông đủ để thuyết phục bất cứ ai về sự trù phú giàu có đến thừa mứa của mùa hè, ngay cả khi tiếng hót lạnh lót của con chim tước mào vàng đã thất bại trong nhiệm vụ đó.

Các cây thông trắng mới lớn thường trở mã mạnh mẽ nhất khi không có bố mẹ xung quanh. Tôi đã từng biết đến những khu rừng thông nơi cả một thế hệ thông non, mặc dù có đủ ánh sáng, vẫn bị các trưởng lão thông làm cho lùn đi

và xoắn ngọn. Nhưng cũng có những rừng thông nơi việc kiểm kẹp đó không hề xảy ra. Tôi ước gì mình có thể biết sự khác nhau trong mức độ chịu đựng này nằm ở cây con, cây lớn, hay trong chất đất.

Thông, giống như người, rất kén chọn bạn chơi cùng và không thích bị người khác áp chế. Do đó, có một mối giao hảo giữa thông trắng và cây mâm xôi, giữa thông đỏ và cây đại kích, giữa thông lùn và dương xỉ ngọt. Khi tôi trồng một cây thông trắng giữa một vạt mâm xôi, tôi có thể đoán chắc rằng chỉ trong một năm nó sẽ cho ra một đám búp cây khỏe mạnh, và những đám lá kim của nó sẽ trở những cụm hoa xanh tím báo hiệu sức khỏe tốt nhờ có bạn bè tâm đầu ý hợp. Nó sẽ lớn nhanh hơn và trở hoa nhiều hơn những cây thông khác được trồng cùng ngày, chăm sóc như nhau, với cùng loại đất, nhưng lại được trồng cùng với cỏ dại.

Vào tháng Mười, tôi thích đi dạo giữa những búi hoa màu lam đang mọc thẳng lên trời, phía dưới là thảm lá mâm xôi đỏ rực. Tôi không biết liệu chúng có để ý đến sự tồn tại của nhau không. Còn tôi thì chắc chắn có.

Cây thông mang danh hiệu cây “thường xanh” giống như cách các chính phủ tỏ ra trường tồn: bằng cách sắp xếp các nhiệm kỳ gối đầu lên nhau. Bằng cách mọc các lá kim mới trong mùa sinh trưởng hàng năm, và rũ bỏ những lá cũ trong các chặng nghỉ giữa, chúng khiến cho người qua đường tưởng rằng các lá thông lúc nào cũng xanh tốt.

Mỗi loài thông có hiến pháp của riêng mình, cốt để dành ra thời gian cho nhiệm kỳ lá thông sao cho phù hợp với lối sống của mỗi loài. Do vậy, cây thông trắng giữ lá trong

khoảng một năm rưỡi, trong khi thông đỏ và thông lùn thì giữ lá đến hai năm rưỡi. Các lá kim mới bắt đầu nhậm chức từ tháng Sáu, và các lá thông hết nhiệm kỳ sẽ bắt đầu viết diễn văn chia tay từ tháng Mười. Tất cả chúng đều chọn thứ mực màu vàng hung hung mà sau đó tiết trời tháng Mười một sẽ chuyển dần sang nâu. Sau đó thì lá rụng và biến thành tro bụi, hòa mình vào đất mẹ yên thâm. Chính những tầng kiến thức tích tụ này đã làm êm bước chân những ai dạo chơi dưới những tán thông.

Thỉnh thoảng khi vào giữa mùa đông, tôi sẽ học được từ những cây thông vài điều quan trọng hơn là chuyện chính trị trong các khu rừng, hay tin tức về gió hay thời tiết. Điều này đặc biệt dễ xảy ra vào một buổi tối âm u nào đó khi tuyết đã phủ kín những chi tiết ngoài lề, và sự trầm mặc tĩnh mịch bao trùm lên vạn vật. Dù thế, các cây thông của tôi, mỗi cây đều cong lưng đỡ tuyết, vẫn dựng thẳng đứng như cột cờ, tầng tầng lớp lớp. Và trong hoàng hôn buông xuống, tôi cảm nhận hơi thở của hàng trăm cây thông con thế hệ mai sau. Những lúc ấy, tôi cảm thấy chúng vừa thổi vào hồn tôi một sự dũng cảm lạ thường.

65290

Đánh dấu một con chim cũng giống như mua vé số độc đắc vậy. Đa phần chúng ta giữ trong tay tấm vé có thể thay đổi số mệnh, nhưng vé lại do các công ty bảo hiểm bán ra, mà họ thì quá khôn lanh để có thể thực tâm bán cho chúng

ta một cơ hội tốt. Cũng như vậy, chúng ta đang làm một bài thực hành về tính khách quan khi đặt cược tấm vé của mình vào một con chim sẻ sa cơ lỡ vận, hay một con chim bạc má mà có lẽ một ngày nào đó sẽ lại sập bẫy của ta, và chúng tỏ cho ta rằng nó vẫn còn sống.

Những người mới tò te vào nghề thì sướng rơn khi được đánh dấu những loài chim mới: anh ta đang chạy đua với chính mình, ra sức để phá kỷ lục về số lượng do mình đặt ra. Nhưng với những người già dặn trong nghề, việc đánh dấu chim mới chỉ đơn thuần là một thói quen dễ chịu. Niềm vui thực sự của họ nằm ở việc bắt lại được một con chim đánh dấu trước đó đã lâu - một con chim mà tuổi tác, chặng đường hành trình, và thói quen ăn uống bạn đều nắm rõ, đôi khi còn hơn cả chính bản thân con chim.

Vì thế, trong suốt năm năm trời, câu hỏi liệu con chim bạc má số 65290 có sống sót qua một mùa đông nữa hay không, trở thành một câu hỏi tâm cỡ đối với gia đình tôi.

Bắt đầu từ một thập kỷ trước, chúng tôi đã bắt và đánh dấu hầu hết các con chim bạc má trên nông trại nhà vào mỗi mùa đông. Lúc đầu đông, trong bầy chim đa phần là các con chưa đánh dấu: chúng đa phần là những con mới sinh năm đó, và sau khi được đánh dấu sẽ được coi là “có khai sinh”. Sau đó, số lượng các con chim chưa “khai sinh” dần giảm đi trong suốt mùa đông, và đó là lúc chúng tôi biết số lượng chim trong khu vực đã được đánh dấu hết. Chúng tôi có thể đọc từ những con số đánh dấu rằng có bao nhiêu con ở thời điểm đó, và có bao nhiêu con còn sống sót từ đợt đánh dấu trước đó.

65290 là một trong bảy con bạc má trong “niên khóa 1937”. Khi mới sập bẫy, nó trông không có vẻ gì là thiên phú. Như các bạn đồng khóa, niềm đam mê khúc mỡ bò đã đánh át sự thận trọng của nó. Như các bạn đồng khóa, nó mổ ngón tay tôi khi được tôi mang ra khỏi bẫy. Sau khi được đánh dấu và thả tự do, nó bay vọt lên một cành cây gần đó, cắn nhả rỉa rỉa cái vòng chân mới bằng nhôm, rũ lông cánh, cất tiếng nhíe móc nhẹ nhàng, rồi nhanh chóng bay đi nhập bọn với bầy đàn. Chúng tôi không biết rằng liệu nó có rút ra được bài học triết lý nào từ trải nghiệm này không (ví dụ như “không phải cái gì lấp lánh cũng là trứng kiến”), vì nó liên tiếp sập bẫy thêm ba lần nữa trong suốt mùa đông đó.

Đến mùa đông thứ hai, bảy con bạc má trong niên khóa 1973 đã tụt xuống còn ba, và đến mùa đông thứ ba thì con lại mỗi hai. Đến mùa đông thứ năm thì 65290 trở thành con chim duy nhất trong lứa của nó còn sống sót. Vẫn chưa có dấu hiệu cho thấy nó sẽ là thần đồng, nhưng giờ thì chúng tôi đã có bằng chứng về khả năng sinh tồn vượt trội của nó.

Trong mùa đông thứ sáu, 65290 không xuất hiện, và được đánh dấu là “mất tích” trong bốn mùa đông liên tiếp sau đó.

Và như thế, trong số 97 con chim non được đánh dấu trong thập kỷ đó, 65290 là con duy nhất sống sót qua năm mùa đông liên tiếp. Ba con sống qua bốn năm, bảy con cán ngưỡng ba năm, 19 con qua được năm thứ hai, và 67 con biến mất ngay sau mùa đông đầu tiên. Nếu tôi là người bán bảo hiểm cho chim non, tôi có thể dùng dữ liệu này và đưa

ra tính toán phí bảo hiểm chính xác. Nhưng sau đó tôi sẽ vấp phải một vấn đề khác: liệu tôi phải trả tiền bảo hiểm cho bạn đời của chúng bằng loại tiền tệ nào đây? Chắc có lẽ là trứng kiến.

Vì vốn kiến thức về chim quá ít ỏi nên tôi chỉ có thể phỏng đoán lý do tại sao 65290 lại sống lâu hơn các bạn đồng trang lứa. Có phải nó khôn khéo hơn trong việc trốn tránh kẻ thù? Mà kẻ thù nào? Con chim bạc má quá nhỏ để có thể có kẻ thù. Ông già đồng bóng mang tên Tiến Hóa, người đã thổi phồng đám khủng long lên to đến độ chúng tự vấp vào chân mình mà chết, đã thử thu nhỏ con chim bạc má đến nỗi nó quá to để các loài chim ăn côn trùng có thể chọn nó làm bữa tối, nhưng lại quá nhỏ để cú và chim ưng bận tâm đến. Sau đó ông già ngấm nghĩa tuyệt tác của mình và phá lên cười. Ai cũng phải bật cười trước một búi lông bé xíu đầy nhiệt huyết như loài bạc má.

Con chim ó sỏ, con cú hét, con bách thanh, và đặc biệt là con cú vọ lùn có lẽ sẽ bỏ sức ra bắt một con bạc má. Nhưng cho đến giờ tôi mới chỉ có bằng chứng của một vụ ám sát như vậy, đó là khi tôi tìm thấy trong mẫu phân của một con cú hét có chứa một trong những cái vòng đánh dấu của tôi. Có lẽ những tên thợ săn cỡ nhỏ này dành sự ưu ái đặc biệt cho các con mồi thấp lùn như chúng.

Có vẻ như thời tiết là yếu tố duy nhất có thể sát hại một con chim bạc má mà không xen vào yếu tố kích thích hay hài hước. Tôi đồ rằng một con chim bạc má sẽ học về hai điều răn lớn nhất ở trường giáo lý Chủ nhật: người sẽ không

bén mảng tới những nơi gió to vào mùa đông, và người sẽ không làm ướt người trước một cơn bão tuyết.

Tôi học về điều răn thứ hai vào một chiều đông muộn trời mưa lâm râm trong khi quan sát một bầy chim con trú ẩn trong rừng của tôi. Cơn mưa kéo đến từ phía nam, nhưng tôi có thể thấy trước là nó sẽ quành lên hướng tây bắc và khiến trời trở nên cắt buốt trước lúc bình minh. Lũ chim đi ngủ trong một thân cây sồi đã chết, vỏ cây đã tróc và xoắn thành cuộn, cọc, và muôn vàn hình dáng khác đủ kích cỡ và kiểu phơi bày. Những con chim nào chọn chỗ trú che chắn được cơn mưa từ phía nam, nhưng lại bị hờ về phía bắc thì chắc chắn sẽ bị chết cồng vào buổi sáng. Những con nào chọn chỗ trú che chắn tất cả các hướng sẽ thức dậy an toàn. Trí khôn này, theo tôi chính là điều giúp đảm bảo sinh tồn trong thế giới loài chim, và giải nghĩa tại sao 65290 lại sống sót được lâu như vậy.

Nỗi sợ những nơi lộng gió của loài chim bạc má có thể được lý giải qua hành vi của nó. Vào mùa đông, chim bạc má chỉ rời khu rừng vào những ngày lặng gió, và khoảng cách chúng bay tỉ lệ nghịch với sức gió. Tôi biết vô số những trảng rừng đón gió nơi không con chim nào dám léo hánh tới vào mùa đông, trong khi các mùa khác thì đông đúc nhộn nhịp. Sở dĩ những nơi này hút gió như vậy vì lũ bò đã gặm hết sạch những loài cây mọc thấp. Đối với một tay chủ ngân hàng hau háu kiếm tiền từ khoản thế chấp đất của người nông dân (càng thế chấp thì họ càng cần nhiều bò và nhiều bãi chăn thả), gió chỉ là vấn đề vặt vãnh, có lẽ chỉ ngoại trừ lúc ăn ở quán thịt nướng barbecue Flatiron.

Với loài chim bạc má, những luồng gió đông tê buốt đánh dấu vị trí những vùng có thể ở được. Nếu loài chim bạc má có văn phòng, trên bàn làm việc nó sẽ để câu châm ngôn: “Cứ từ từ”.

Hành vi của nó lúc trong bầy hé lộ lý do tại sao. Xoay cái bầy theo hướng sao cho gió lùa vào bầy, dù chỉ chút xíu thôi, thì trời đất quỷ thần cũng không làm cách nào để kéo con bạc má dính bầy được. Xoay theo hướng khác, và có thể bạn sẽ gặp may mắn hơn. Đặc biệt, những cơn gió thổi từ đằng sau làm cho phần dưới lông chim lạnh và ướt, vốn là thứ giúp chim điều chỉnh nhiệt độ cơ thể. Loài chim sẻ trèo cây, sẻ Mỹ, sẻ cây, và gõ kiến cũng đều sợ hãi những cơn gió từ phía sau, những bộ phận làm ấm của chúng lớn hơn (theo trình tự vừa nêu) khiến cho sức chịu gió của chúng mạnh hơn loài bạc má. Những sách vở về thiên nhiên hiếm khi nhắc đến gió, chúng thường chỉ được nhắc đằng sau những bếp lò mà thôi.

Tôi nghĩ rằng vẫn còn một điều răn thứ ba trong giới loài chim: người sẽ điều tra bất cứ một tiếng động lớn nào. Khi chúng tôi bắt đầu bỏ gỗ, lũ chim lập tức xuất hiện và ngồi nhìn cho đến khi các thân cây đổ hay khúc gỗ xẻ hé lộ những bọc trứng côn trùng hay âu trùng cho chúng thưởng thức. Tương tự, tiếng súng nổ cũng sẽ triệu hồi lũ chim đến, nhưng có lẽ kết quả thu hoạch của chúng sẽ không được ưng ý lắm.

Cái gì đóng vai trò kẻo gọi cơm cho chúng trước khi xuất hiện cây rìu, cái vồ, hay cây súng? Có lẽ là tiếng cây đổ. Vào tháng Mười hai năm 1940, một cơn bão băng tuyết

lớn làm đổ một cơ sở cây và để lại cành nhánh vương vãi khắp nơi trong rừng của chúng tôi. Trong suốt một tháng sau đó, bầy của chúng tôi lúc nào cũng đầy nhóc chim, con nào con nấy bụng no căng những món quà hảo hạng mà cơn bão để lại.

65290 chắc đã về với Nước Chúa từ rất lâu rồi. Tôi hy vọng rằng, trong cánh rừng mới trên kia, những cây sồi ruột đầy trứng kiến ngày nào cũng sẽ đổ, và không có một cơn gió nào làm lay động dù chỉ một cọng lông khiến cho nó ăn mất ngon. Và tôi hy vọng nó vẫn sẽ đeo cái vòng tôi tặng quanh cổ chân.

PHẦN II

NHỮNG PHÁC HỌA ĐÓ ĐÂY

WISCONSIN

Bản tráng ca miền đầm lầy

Một cơn gió buổi sớm gợn nhẹ trên đầm lầy. Nó chậm chậm cuộn một màn sương ngang qua đầm lầy rộng lớn, di chuyển từ tốn đến độ gần như không nhận ra. Như bóng ma của một tảng băng trôi trắng toát, màn sương tiến về phía trước, cuỗi trên những hàng ngũ cây thông rụng lá hình chữ V và lướt qua những cánh đồng đầm lầy còn đắm sương đêm. Một sự tĩnh mịch bao trùm từ chân trời này đến chân trời khác.

Từ phía đằng xa nơi đường chân trời, tiếng những chiếc chuông nhỏ bé leng keng nhẹ nhàng lan tỏa trong đất trời đang nghe ngóng. Rồi lại đến sự im lặng ngự trị. Giờ thì lại vang lên tiếng sữa văng vẳng của vài con chó săn, tiếp nối bằng những tiếng sữa đáp lời của một bầy chó khác. Sau đó là đến những tiếng tù và đi săn rành rọt như từ trên trời đáp xuống màn sương mù.

Hết tiếng tù và cao đến thấp, rồi lại im lặng, và cuối cùng là một đàn hỗn âm những tiếng rống inh tai, tiếng rung lách cách, tiếng kêu ọp ọp, và tiếng kêu la tưởng chừng làm náo động đầm lầy, nghe thì như gần bên tai nhưng lại không biết phát ra từ đâu. Cuối cùng thì một tia

năng mỏng cũng soi sáng một phi đoàn cầm điều đang tiến tới. Chúng lướt trên làn sương bằng đôi cánh bất động, lượn một vòng cuối trên bầu trời, trước khi xoay vòng lãnh lót sa xuống bãi kiếm ăn. Một ngày mới lại bắt đầu trên đầm lầy của những con sếu.



Khái niệm thời gian nơi đây dường như đông đặc trong từng lớp nặng nề. Từ kỷ băng hà đến nay, cứ độ xuân về, đầm lầy lại bùng tỉnh trong tiếng kêu chói tai của đàn sếu. Trên nền một hồ nước cổ xưa, lớp than bùn cứ thế bồi tích viết nên lịch sử khu đầm lầy, còn những con sếu thì vẫn đứng trên chính những trang sử sống nước ấy như tự ngàn xưa. Lớp than bùn này vốn là phần lưu cữu dồn nén của đám rong rêu từng làm nghẽn dòng chảy, của những cây thông rụng lá đổ rạp trên nền rêu, và của những con sếu từng kêu những tiếng như tù và thổi trên các ngọn thông từ khi kỷ Băng Hà chấm dứt. Chúng hòa quyện tạo nên một đoàn lũ hành vô tận của hàng ngàn thế hệ đã xây cầu nối đến tương lai bằng chính xương cốt của mình và tạo nên đầm lầy này - một vùng sống nơi các thế hệ sau này tiếp tục cư ngụ, sinh nở, và chết đi.

Và mục đích của công cuộc này là gì? Ngoài kia nơi đầm lầy, một con sếu vừa nuốt trọn một con ếch xấu số nào đó, sau đó lóng ngóng bật người lên không trung, rồi đập đôi cánh vĩ đại về phía ban mai. Tiếng kêu tù và xác quyết của nó vang vọng lại giữa những cây thông rụng lá. Nó dường như hiểu rõ mục đích nêu trên hơn cả.



Cũng như với nghe thuật, khả năng cảm thụ thiên nhiên của chúng ta bắt đầu với cái đẹp. Từ cái đẹp hiển nhiên, khả năng ấy bắt đầu trải dài ra thành từng giai đoạn nối đuôi nhau đến tận những giá trị thẩm mỹ mà ngôn từ chưa nắm bắt được. Những nét đẹp của loài sếu, theo ý tôi, có lẽ nằm ở tầng cao hơn này, vượt lên khỏi tầm với của ngôn ngữ.

Tuy nhiên, ta có thể nhận định rằng: sự trân trọng của chúng ta với loài sếu cũng lớn dần theo quá trình lần giở từng trang sử của đất trời tự nhiên. Dòng dõi của chúng, theo như bây giờ ta đã biết, có gốc gác từ thế Thủy Tân xa xôi. Những thanh viên khác cùng chi họ cầm điệu với chúng từ lâu đã bị chôn vùi dưới lòng đất. Khi lắng nghe tiếng kêu của chúng, ta đang không chỉ nghe tiếng một con chim tầm thường. Ta đang nghe tiếng kèn trumpet trong dàn hợp xướng của tiến hóa. Con sếu là biểu tượng cho quá khứ dữ dội của chúng ta, của những con sóng thời gian hàng thế kỷ vẫn âm ào lan tỏa và khuấy động những mối dây quan hệ đời thường giữa chim chóc và con người.

Và chúng cứ thế sống: sự tồn tại của chúng - những con sếu - không bị bó buộc vào hiện tại, mà kéo dài nói rộng ra theo biên độ của thời gian tiến hóa. Cuộc hành hương về đầm lầy mỗi năm của chúng là tiếng tích tíc của chiếc đồng hồ địa chất. Chúng ban cho nơi chốn quê hương của chúng một phong vị kỳ thú. Giữa những tản mản vụn vặt thường ngày, một đầm sếu toát lên nét quý phái được chúng

thực qua cái nhìn khảo cổ học và tạo hình qua cuộc chạy đua tư trong lịch sử xa xôi - một vẻ huy hoàng chỉ có thể bị bác bỏ bởi tiếng súng nổ. Có lẽ vẻ u sầu bao trùm lên một số đầm lầy đến từ việc những con sếu không còn về ngụ ở đó nữa. Giờ đây chúng đứng lặng thinh, chìm lấp dưới sóng nước lịch sử.

Phẩm chất đẹp này của loài sếu dường như đã được những người thợ săn và nhà cầm điều học ở mọi lứa tuổi cảm nhận. Hoàng đế La Ma Frederick đã từng thả những con chim ưng đi săn của mình đuổi theo loài sếu. Những con điều hâu của Hốt Tất Liệt cũng đã từng tung cánh truy sát những bóng sếu trên nền trời. Marco Polo kể với chúng ta: “Ngài ấy tận hưởng niềm sung sướng tột đỉnh từ việc đi săn với chim ưng và điều hâu. Ở Changanor, vị Đại hãn có một cung điện bao quanh là một cánh đồng rộng lớn nơi có rất nhiều sếu. Ngài ấy ra lệnh cho kê cùng các thứ ngũ cốc khác phải được gieo trồng sao cho bầy sếu sẽ muốn ăn chúng.”

Nhà điều học Bengt Berg, trong một lần trông thấy một đàn sếu trên đồng cỏ Thụy Điển mênh mông, đã quyết định chọn chúng làm mục tiêu theo đuổi cả đời mình, ông theo dấu chúng đến châu Phi và khám phá ra nơi trú đông của chúng ở bên sông Nile Trắng. Ông nói về lần đầu tiên gặp gỡ một đàn sếu: “Đó là một khung cảnh còn tuyệt vời hơn cả cảnh bầy chim roc khổng lồ bay lượn trong truyện cổ *Nghìn lẻ một đêm*.”

Khi sông băng trôi xuống từ phương Bắc, nghiền nát những quả đồi và nạo vét các thung lũng, một vài tảng băng mê phiêu lưu đã băng qua khu đồi Baraboo và trượt xuống hẻm núi nơi hạ nguồn sông Wisconsin. Lượng nước chảy ra từ tảng băng sau đó đã hình thành một hồ nước với chiều dài bằng nửa tiểu bang, tiếp giáp với những vách đá băng tuyết bao phủ về phía đông và được tiếp nước từ những dòng suối chảy xuống từ đỉnh núi băng tan. Đường viền của bờ hồ vẫn còn nhìn thấy được cho đến ngày nay, trong khi đáy hồ cũng chính là đáy của đầm lầy rộng lớn này.

Mức nước hồ tiếp tục dâng qua từng thế kỷ, và sau cùng thì tràn qua bờ đông về phía rặng núi Baraboo. Tại đó, nó đào một đường kênh mới cho con sông, và tự động thoát hết nước đi. Và những con sếu xuất hiện trên những vùng đầm phá còn lại, kêu vang những tiếng tù và báo hiệu rằng mùa đông chiến bại đã thoái lui, đồng thời triệu hồi đàn đàn lũ các giống loài để bắt đầu công cuộc dựng xây đời sống chốn đầm lầy. Những đám rong rêu trôi nổi bắt đầu lấp đầy và bóp nghẽn những vũng nước nông. Những cây cỏ lách, cây thạch nam đầm lầy, cây thông lá rụng và cây vân sam lần lượt lấn sân vào vùng đầm lầy, dùng rễ tạo ra những ống “mỏ neo” hút sạch nước và biến đầm phá trước kia thành vũng bùn lầy. Tuy vũng đầm phá đã biến mất, những đàn sếu thì vẫn còn neo lại đó. Tại những cánh đồng rêu mọc lên thay thế những dòng nước cổ xưa, bầy sếu lại quay về mỗi mùa xuân để nhảy múa, kêu vang những tiếng tù và, và nuôi dưỡng bầy sếu con khảng khiu màu nâu đỏ. Chúng

không được gọi là “chicks” - chim con, mà được gọi là “colts”- ngựa non, và chính tôi cũng không lý giải được tại sao. Nhưng vào một buổi sáng tháng Sáu ngậm sương, nếu bạn ngắm nhìn chúng nhảy nhót nô đùa quanh vó chân những con ngựa cái trên cánh đồng của tổ tiên chúng, thì bạn sẽ hiểu tại sao.

Vào một năm nào đó cách đây khá lâu, một tay bẫy thú người Pháp đã đội da hươu và chèo ca-nô vào một trong những nhánh sông đầy rong rêu đan xen tạo nên khu đầm lầy rộng lớn. Bầy sếu đã lớn tiếng bĩ bai chê cười cố gắng để xâm nhập vào thành trì lầy lội mà vững chắc của chúng. Một hai thế kỷ sau, những người Anh đến trong những cỗ xe kéo mui kín. Họ chặt cây gỗ mọc trên những vùng băng tích kế bên khu đầm lầy, và bắt đầu trồng ngô và lúa kiều mạch. Tuy nhiên, khác với vị Đại hãn ở Changanor, họ không có ý định cho bầy sếu ăn. Tuy nhiên, những con sếu thì chẳng bao giờ bận tâm về ý định của các sông băng, các vị hoàng đế, hay những người đi khai khẩn đất hoang. Chúng cứ thế ăn những hạt ngũ cốc, và khi một người nông dân câu bắt nào đó không chịu thừa nhận quyền hưởng hoa lợi của chúng, thì chúng lại cất lên những hồi kèn cảnh báo rồi đập cánh bay qua đầm lầy để tiến đến một trang trại khác.

Thời đó còn chưa có cỏ linh lăng, và những trang trại bên đồi này sản xuất ra rất ít cỏ khô, đặc biệt là vào những năm ráo trời. Một mùa khô nọ, ai đó đã phóng hỏa đốt những đám cây thông rụng lá. Từ nền đất cháy này mọc lên những thân cỏ sậy, và sau khi người ta phát quang hết

những cây lớn đã chết thì nơi này biến thành một cánh đồng sản xuất cỏ khô hữu dụng. Từ sau đó, cứ vào tháng Tám là những người nông dân lại đến cắt cỏ khô. Vào mùa đông, sau khi bầy sếu đã bay về phương Nam, họ chở những chiếc xe kéo trên nền đầm lầy đóng băng và kéo những đám cỏ khô về trang trại nằm trên đồi. Hàng năm, họ lại miệt mài đốt đồng chặt cây quanh khu đầm lầy, và chỉ sau hai thập kỷ ngắn ngủi thì các cánh đồng cỏ bắt đầu lấm tấm loang ra trên cả khu đầm lầy bao la.

Cứ mỗi tháng Tám khi những người làm cỏ khô đến dựng trại, ca hát uống rượu và chọc ghẹo bông đùa với nhau, những con sếu lại lên tiếng gọi bầy con lùi sâu hơn về phía bên kia pháo đài đầm lầy của chúng. Những người làm cỏ khô gọi chúng là những “con diệc đỏ”, phần vì vào mùa đó trên bộ lông màu xám vỏ chiến hạm của bầy sếu sẽ ánh lên tông màu gỉ sắt. Sau khi các đám cỏ đã được chất thành đống và đầm lầy một lần nữa lại thuộc quyền sở hữu của chúng, bầy sếu quay trở lại và cất tiếng gọi những đàn chim di cư từ Canada. Sà xuống từ những đám mây tháng Mười, chúng đào bới những gốc rễ vừa cắt và lũng sục những bụi ngô cho đến khi băng giá báo hiệu đã đến lúc cho cuộc di cư vào mùa đông.

Quãng thời gian của các đồng cỏ khô này là thời kỳ những người chăn thả gia súc sống hòa hợp với thiên nhiên nơi đầm lầy. Người và thú, cây và đất cùng chung sống với nhau trong sự đồng thuận vì lợi ích chung cho tất cả. Đáng lẽ ra đầm lầy đã có thể tiếp tục sản sinh ra cỏ khô cùng gà

gô đồng cỏ, hươu và chuột xạ hương, âm nhạc từ loài sếu cùng những trái nam việt quất.

Những lãnh chúa liếp quản sau này lại không hiểu điều đó. Họ không đếm xỉa gì đến đất đai, cây cối hay chim chóc trong khái niệm “đồng thuận” của mình. Phần cổ tức lời lãi từ một nền kinh tế cân bằng như vậy quá khiêm tốn so với họ. Họ đặt ra kế hoạch xây trang trại không chỉ xung quanh đầm lầy mà ngay trên đầm lầy, kéo theo đó là một đại dịch của căn bệnh nạo bùn và lấp đất. Đầm lầy bị các con kênh thoát nước nướng chả, và dần bị vùi lấp bởi những cánh đồng và trang trại mới xây.

Nhưng những đợt băng tuyết làm giảm năng suất mùa màng, và những kênh dẫn nước đất đỏ chỉ góp phần làm tăng thêm món nợ sau vụ mùa thất bát. Những người nông dân rời đi. Những lớp than bùn khô cong lại, bén lửa, và nguồn năng lượng mặt trời tích tụ trong chúng từ thế Canh Tân tỏa ra bao trùm lên vùng đồng quê theo những bùm khói cay sè. Không ai lên tiếng than phiền về lớp chất thải, mà chỉ chun mũi vì mùi than bùn xộc lên hăng nồng. Sau một mùa hè khô hạn, ngay cả những đợt tuyết mùa đông cũng không thể nào dập tắt những đám cháy âm ỉ trong đầm lầy. Chúng để lại những mảng rỗ loang lổ trên mặt đầm lầy mà sau đó sẽ biến thành những đồng cỏ. Những vết sẹo này ăn sâu xuống tận tầng cát trên nền cái hồ cũ, vốn được che phủ bởi than bùn trong hàng thế kỷ qua. Cỏ dại mọc túa lên trên nền tro tàn, và sau đó một năm thì đến lượt những bụi cây dương lá rung. Những con sếu trở nên tuyệt vọng, bóng dáng của chúng cứ mất hút dần cùng

những mảng đầm lầy ngày càng thu hẹp. Với chúng, nhưng thanh âm từ chiếc máy xúc kia chẳng khác gì một bài điệu văn bi thảm. Những tay thầy pháp hô hào phát triển kinh tế chẳng biết gì về loài sếu, và cũng chẳng hơi đâu bận tâm. Với những ngài kỹ sư thì một loài chim liệu có nghĩa lý gì? Và chẳng một đầm lầy chưa hút cạn thì cũng đâu có giá trị sử dụng gì đâu?

Trong khoảng một hai thập kỷ sau đó, cứ mỗi năm thì năng suất hoa màu lại thấp hơn, những đám cháy lan xuống sâu hơn, những đồng cỏ mở rộng hơn, và số lượng những con sếu trở nên ít ỏi hơn. Dường như chỉ có việc tái dẫn ngập đầm lầy mới có thể giữ cho than bùn không tiếp tục cháy. Trong khi đó, những người nông dân trồng cây nam việt quất đã chặn các mương thoát nước, nhờ thế giúp cho một số nơi ngập nước trở lại và thu về được sản lượng tốt. Còn những chính trị gia ở nơi xa xôi nào đó thì vẫn kêu gào về đất đai khó trồng trọt, sản xuất quá độ, giảm thiểu thất nghiệp, và bảo tồn thiên nhiên. Các nhà kinh tế học và định hướng quy hoạch đến xem xét khu đầm lầy. Các giám định viên, kỹ thuật viên, cùng các thành viên của CCC (Civilian Conservation Corps, tạm dịch Nhóm Thường dân Bảo tồn thiên nhiên) lượn lờ xung quanh. Một đại dịch đối ngược lại bắt đầu khi người ta ra sức tái dẫn ngập đầm lầy. Chính phủ mua lại đất, tái định cư nông dân, và chặn toàn bộ các mương thoát nước. Dần dà các đầm lầy lại ướt át trở lại. Các vết sẹo rỗ từ những đám cháy trở thành ao hồ. Những đám cỏ vẫn tiếp tục cháy, nhưng giờ đây chúng bị kiềm tỏa bởi các khu đất ướt.

Một khi toán CCC đã rời đi thì tình hình nhìn chung đã khả quan hơn cho bấy sếu, ngoại trừ những bụi cây dại rậm rạp vẫn tiếp tục mọc lan tràn trên khắp những vết cháy cũ, và mê lộ những con đường mới xây theo đường hướng bảo tồn của chính phủ. Và việc xây đường xây cầu thì đơn giản hơn nhiều việc ngồi nghĩ xem một quốc gia thực sự cần những gì. Một đầm lầy không đường sá có vẻ như cũng vô dụng đối với một nhà bảo tồn của các cơ quan đặc trách với trùng trùng tên viết tắt, chẳng khác gì một đầm lầy chưa hút nước thì cũng vô dụng với những người ôm mộng xây dựng đế chế. Sự cô độc tịch mịch là nguồn tài nguyên thiên nhiên duy nhất có vẻ vẫn chưa bị ràng buộc bởi quy chế tên viết tắt, đáng tiếc thay chỉ được các nhà điều học và bấy sếu trân trọng.

Lịch sử vẫn luôn là nghịch lý, cho dù là lịch sử của đầm lầy hay thị trường. Giá trị then chốt của các đầm lầy nằm ở sự hoang dã, và bấy sếu chính là hiện thân của giá trị ấy. Nhưng tất cả các nỗ lực để bảo tồn thiên nhiên hoang dã đều phản tác dụng, vì loài người chỉ có thể trân trọng sự hoang dã nếu ta nhìn và nắm được nó, và khi ta đa nhìn và nắm đủ rồi thì cũng chẳng còn lại gì đáng là hoang dã để mà trân trọng nữa.



Một ngày nào đó, có lẽ giữa cơn lốc làm điều thiện nghĩa của chúng ta, ở cuối một diễn thế địa chất, cơn sếu cuối cùng sẽ thốt lên tiếng kêu từ biệt và cất cánh xoay vòng lên trời xanh từ phía đầm lầy. Ở trên những tầng mây sẽ là

tiếng tù và đi săn, tiếng sủa văng vẳng của bầy chó săn, tiếng rung nhẹ nhẹ của những quả chuông bé xiu, và một sự im lặng không gì phá vỡ, chỉ hóa hoàn khi ở một trảng cỏ xa xôi nào đó nơi Dải Ngân Hà.

Những hạt Miền Gió Cát

Mỗi ngành nghề đều có một đàn nhỏ các bộ từ vựng chuyên môn, và cần một đồng cỏ để chăn thả chúng. Các nhà kinh tế học vì thế cần phải tìm nơi nào đó rộng lớn để nuôi dưỡng nhưng cụm từ phỉ báng như “dưới mức tối thiểu cần thiết” (submarginality), suy thoái (regression), và “sự cứng nhắc về tổ chức” (institutional rigidity). Trong phạm vi các hạt Miền Gió Cát, những ngôn từ chỉ trích vĩ mô này đã tìm thấy điều kiện thuận lợi, nơi chăn thả tự do, thậm chí còn được miễn dịch khỏi những lập luận phản biện vo ve xung quanh như loài ruồi muỗi.

Tương tự như vậy, các chuyên gia thổ nhưỡng cũng sẽ khó sống nếu không có sự hiện diện của các hạt Miền Gió Cát. Liệu có nơi nào sẽ dung chứa những cụm từ hoa mỹ của họ như “đất potzon” (podzol), “tầng đất giầy” (gley), hay “kỵ khí” (anaerobics)?

Những nhà quy hoạch xã hội, trong các năm gần đây, cũng bắt đầu sử dụng các hạt Miền Gió Cát cho một mục đích khác, nhưng vẫn có nét tương đồng với các quý ngài kể trên. Vùng đất cát pha này với họ giống như một vùng trống

nhặt nhòa với những hình thù kích thước vui mắt. Họ vẽ ra những tấm bản đồ chấm bi nơi mỗi chấm tượng trưng cho mười cái bồn tắm, hay năm chi hội phụ nữ, hay một cây số rưỡi đường rải nhựa, hay phần chia chác một con bò đực thuần chủng. Những tấm bản đồ đó sẽ trở nên thật đơn điệu nếu các chấm được vẽ một cách đồng đều.

Nhìn chung, các hạt Miền Gió Cát là những nơi nghèo.

Tuy nhiên, vào những năm 1930, khi những dự án phát triển nhảy vọt lần lượt phi nước kiệu qua thị trấn Big Flats, hô hào những người nông dân tái định cư đi nơi khác, những con người tưởng như ngu muội này lại không muốn dời đi, từ chối ngay cả miếng mồi nhử ba phần trăm tiền bán đất từ ngân hàng đất đai liên bang. Tôi tự hỏi vì sao điều này lại xảy ra, và cuối cùng để tìm ra câu trả lời thì chính tôi đã tự mua một trang trại trên miền đất gió cát này.

Đôi khi vào tháng Sáu, khi tôi nhìn thấy những khoản tiền lãi cổ tức trong những giọt sương đọng trên mỗi bông hoa mồm sói, tôi lại nghi ngờ về tính thực chất của cái gọi là đói nghèo của miền gió cát. Trên những mảnh đất trang trại với mục tiêu lợi nhuận, hoa mồm sói thậm chí còn không mọc nổi, huống gì có thể ngậm sương và ánh lên bảy sắc cầu vồng. Nếu chúng có mọc chẳng nữa, thì nhân viên quản lý cỏ dại, người có lẽ chưa từng nhìn thấy một bình minh đầy sương sớm, chắc chắn sẽ yêu cầu cắt bỏ chúng đi. Còn các nhà kinh tế học thì có nghe đến cây mồm sói bao giờ chưa?

Có lẽ những người nông dân nọ có những lý do thâm căn cố đế, bắt rễ sâu trong lịch sử, để chọn ở lại thay vì dời đi khỏi các hạt Miền Gió Cát. Cứ mỗi tháng Tư về lại gọi nhớ cho tôi lý do của họ, khi hoa bạch đầu ông nở trên mọi dải đất toàn sỏi cuội. Những cây bạch đầu ông vốn kiệm lời, nhưng tôi đồ rằng lý do chúng ưa thích vùng đất này đã có từ thời sông băng bắt đầu mang những hòn cuội tới đây. Chỉ có những dải đất đầy đá sỏi này mới đủ nghèo nàn để cho hoa bạch đầu ông tung bùng nở rộ dưới ánh mặt trời chói chang tháng Tư. Và chúng nhẫn nại chịu đựng băng tuyết, mưa đá, và những cơn gió tê tái để đổi lấy đặc quyền được đứng ngạo nghễ ra hoa một mình.

Có những loại cây khác cũng không đòi hỏi thiên quyền gì từ trời đất, mà chỉ mong có không gian sinh trưởng. Cây tảo tuyết là một loài cây như thế, phủ một lớp voan trắng lên những ngọn đồi cằn cỗi nhất trước khi nhường chỗ cho những thảm hoa sỏi màu xanh tím. Cây tảo tuyết kiên quyết khước từ cuộc sống trong những diện trang màu mỡ, không chấp nhận cả những trang trại tươi tốt nhất với khu vườn đá và cây thu hải đường. Và còn cả cây liễu ngư mảnh khảnh với những đốm hoa xanh, nhỏ bé đến độ bạn thậm chí không nhìn thấy nó cho đến tận khi nó nằm ngay dưới gót giày bạn. Đã bao giờ có ai nhìn thấy một cây hoa liễu ngư ngoại trừ trên một vùng cồn cát khô cằn gió cháy chưa?

Cuối cùng là loài cây cải báo xuân, thậm chí còn mảnh dẻ và nhỏ bé hơn cả cây liễu ngư. Tôi chưa từng gặp một nhà kinh tế học nào biết đến cây cải báo xuân; nhưng nếu

là một học giả ngành kinh tế, tôi sẽ dành trọn thời gian suy nghĩ về kinh tế trong khi nằm dài trên bãi cát, mũi khẽ chạm vào những cánh hoa báo xuân tí hon.

Có những loài chim đặc biệt chỉ tìm thấy trong những hạt Miền Gió Cát, với những lý vừa dễ vừa khó đoán. Con chim sẻ nâu ở đó, hiển nhiên bởi vì nó phải lòng cây thông lùn, cũng như cách cây thông lùn đem lòng yêu miền đất cát. Những con sếu đồi cát cũng ở đây, dĩ nhiên vì chúng yêu sự cô độc, và quanh đây thì chẳng còn nơi nào đủ cô độc với chúng. Nhưng tại sao loài dẽ gà lại ưa làm tổ trong những vùng gió cát? Lựa chọn của chúng không dựa trên những lý do đời thường như thức ăn (giun đất sinh sông ở những vùng đất màu mỡ hơn). Sau nhiều năm nghiên cứu, giờ thì tôi nghĩ mình đã biết được lý do. Con chim dẽ gà trống, trong lúc mở màn điệu thiên điều vũ của mình bằng những tiếng giao duyên pin pin, cũng giống như một quý bà chân ngắn đi cao gót vậy: sẽ rất bất lợi nếu nó phải nhảy múa trên nền đất tươi tốt rậm rì cây cỏ. Nhưng trên những dải cát nghèo nàn nhất của những cánh đồng khô cằn nhất trong các hạt Miền Gió Cát, ít nhất là trong tháng Tư, thì không hề có cây cối nào che phủ nền đất ngoại trừ thảm rêu, hoa cải báo xuân, cải đại lá đắng, cây chua me đất và hoa chân mèo - tất cả đều không phải là chướng ngại quá to lớn cho một con chim chân ngắn. Ở đồi cát này, chàng dẽ gà có thể thỏa sức vươn vai, khệnh khạng, uốn éo khoe lông cánh mà không sợ cản trở, thậm chí còn tạo tầm nhìn toàn diện cho khán giả (dù có thật hay tưởng tượng). Điều kiện nho nhỏ này, vốn chỉ có tầm quan trọng khoảng một tiếng

một ngày, một tháng trong năm, có lẽ chỉ quan trọng với một trong hai giới, và chắc chắn là không liên đới gì đến tiêu chuẩn sống theo góc nhìn kinh tế, lại chính là lý do quyết định việc lựa chọn nơi ở của con chim dễ gà.

Những nhà kinh tế học thì vẫn chưa cố gắng tái định cư những con dễ gà.

Cuộc phiêu lưu

Nguyên tử X vẫn luôn đánh dấu thời gian trên những gờ đá vôi kể từ khi các đại dương trong đại Cổ Sinh tràn lên phủ ngập đất liền. Đối với một nguyên tử ngủ vùi trong một tảng đá, thời gian dường như cũng đóng băng theo.

Giấc ngủ đó cuối cùng cũng chấm dứt khi rễ của một cây sồi trắng len lỏi vào một khe nứt trên tảng đá và bắt đầu sục sạo hút chất màu. Trong tích tắc, một thế kỷ trôi qua và hòn đá tiêu tán đi, nguyên tử X được rễ cây hút tuột ra ngoài và bước vào thế giới sinh động của muôn loài. Nó giúp một bông hoa bùng nở, rồi hoa trở thành một hạt sồi, hạt sồi đó lại vỗ béo một con hươu, con hươu lại thành bữa ăn của một người thổ dân châu Mỹ, và toàn bộ chu kỳ này diễn ra chỉ trong vòng một năm.

Từ chỗ neo đậu bên trong xương cốt người thổ dân, nguyên tử X lại đồng hành cùng anh ta trong cuộc đuổi bắt và trốn chạy, khi sung túc hay đói kém, trong hy vọng cũng như tuyệt vọng. Nó cảm nhận những thay đổi này qua lực

kéo đẩy đã có tự bao đời nay - những đợt triều lên triều xuống từ các chất hóa học. Khi người thổ dân rời khỏi thảo nguyên, nguyên tử X tạm thời phân rã dưới lòng đất, trước khi bắt một chuyến du hành thứ hai qua những huyết mạch của đất đai.

Lần này thì đến lượt bộ rễ của một cây cỏ lam hút ngược nó lên và ép nó vào một chiếc lá làm nên những đợt sóng xanh nhấp nhô trên thảo nguyên tháng Sáu, dự phần vào việc cóp nhặt ánh nắng mặt trời. Chiếc lá này cũng đảm nhận một chức vụ lạ lùng: hắt bóng phát phơ lên những quả trứng của con chim chơi chơi. Trong lúc đó, con chơi chơi hân hoan bay lượn phía trên, cất lên những tràng ca tụng một thứ gì đó hoàn hảo; có lẽ là những trái trứng, những cái bóng, hay có thể là những đóa trúc đào trông như những gợn mây hồng trên thảo nguyên.

Khi những con chơi chơi cất cánh bay về Argentina tránh rét, tất cả những cành cỏ lam vươn những cụm hoa hình đuôi sóc mới mọc lên vẫy chào. Khi con ngỗng đầu tiên bay tới từ phương Bắc và tất cả những lá cỏ lam hùng lên một màu đỏ rượu nho, một con chuột hươu đã thuận tay bứt chiếc lá có chứa nguyên tử X và chôn nó dưới cái ổ bên dưới lòng đất, như thể muốn giấu đi một chút thu mua khỏi bàn tay cướp bóc của mùa đông băng giá. Nhưng một con cáo đã xơi tái con chuột, để lại cái ổ cho nấm mốc hoành hành, và nguyên tử X lại trở về nằm trong đất, rộng rãi vô tư và không lo nghĩ.

Kế tiếp, nó cư ngụ bên trong một cây cỏ lúa mì răng lược, một con bò rừng, một cục phân bò, và rồi lại quay về

với đất. Sau đó thì nó tá túc trong một cây rau trai, một con thỏ, rồi đến một con cú. Sau nữa thì đến một bụi cỏ may.

Mọi chu kỳ rồi cũng đến hồi kết. Chu kỳ này của X thì kết thúc với một đám cháy trên thảo nguyên, hóa kiếp cho những loài cây trên thảo nguyên trở thành khói, khí ga, và tro bụi. Các nguyên tử lân và bồ tạt (potash) nằm lại trong mớ tro tàn, nhưng các nguyên tử ni-tơ thì nhẹ bay đi theo cơn gió. Một người quan sát đến thời điểm này có lẽ đã dự đoán một cái kết sớm cho màn kịch sinh thái này, vì sau khi lửa làm bay hơi hết khí ni-tơ thì đất đai cằn như mất hết dinh dưỡng để nuôi dưỡng cây cối.

Nhưng thảo nguyên vẫn còn những chiêu bài ẩn giấu khác. Đám lửa có thể đã cắt xén bớt những thân cỏ, nhưng nó lại kích thích các loài thân thảo họ đậu sinh trưởng: cỏ ba lá thảo nguyên, cỏ ba lá bụi, đậu dại, đậu tằm, đậu bông tím, và cây đậu chàm - mỗi cây lại mang trong mình các loại vi khuẩn riêng ẩn chứa trong những nốt rễ. Mỗi nốt có vai trò bơm khí ni-tơ từ ngoài môi trường vào trong thân cây và sau đó tỏa ra trong lòng đất. Nhờ thế, lượng khí ni-tơ mà các ngân hàng tích lũy trên thảo nguyên nhận vào từ các cây họ đậu còn nhiều hơn là lượng khí chúng mất đi trong các đám cháy. Mặc dù đến cả con chuột hương nhỏ bé nhất cũng biết về sự giàu có của thảo nguyên, nhưng lý do tại sao thảo nguyên lại giàu có như vậy lại là một câu hỏi hiểm thế hệ nào nghĩ tới.

Giữa mỗi chuyến phiêu lưu qua thế giới muôn loài, nguyên tử X lại nằm trong đất và chảy trôi từng chút một xuống chân đồi theo những cơn mưa. Những cây còn sống

làm chậm dòng chảy bằng cách hấp thụ các nguyên tử trong nước; các cây đà chết thì giam các nguyên tử vào trong thân xác đang rửa dần đi. Các loài thú ăn cây và trở thành vật chủ tạm thời cho các nguyên tử, mang chúng lên đồi hay xuống đồi (tùy theo chúng đại tiện hay nằm chết ở một nơi thấp hơn hay cao hơn chỗ chúng đã ăn cái cây). Không con vật nào ý thức rằng cao độ nơi chúng trút hơi thở cuối cùng lại quan trọng hơn cả cách chúng ra đi. Và khi một con cáo bắt được một con chuột vàng trên thảo nguyên, nó đã giúp chuyên chở nguyên tử X lên đồi về cái ở bên gờ một đỉnh dốc, nơi một con đại bàng sà xuống và quắp nó đi. Con cáo hấp hối cảm nhận cuộc đời mình sắp chấm dứt, nhưng nó không thể hình dung cái chết của nó lại là một khởi đầu mới trong cuộc viễn chinh của một nguyên tử.

Một người thổ dân cuối cùng lại thừa hưởng những chiếc lông của con đại bàng, trong một nghi lễ làm xoa dịu các vị thần Số Phận (mà anh ta vẫn nghĩ rằng luôn đặc biệt quan tâm đến các bộ lạc thổ dân). Anh ta không ngờ rằng bọn họ đang bận rộn gieo hạt xí ngẫu vận mệnh, rằng chuột và người, đất đai và ca từ, cũng chỉ là những cách làm chậm lại dòng chảy đưa các nguyên tử về với biển khơi mà thôi.

Một năm nọ, trong khi đang nướng nấu trong một cây bông gòn bên bờ suối, nguyên tử X bị một con hải ly nuốt vào bụng, một con vật luôn kiếm ăn ở vị trí cao hơn chỗ nó chết. Con hải ly sau đó chết đói khi hồ nước của nó cạn khô trong một đợt băng giá khắc nghiệt. Nguyên tử X cùng cái xác của con vật xuôi theo dòng nước dâng lên khi băng tan,

và cứ mỗi giờ thì nó lại giảm độ cao so với từ trước đến nay trong cả một thế kỷ. Nó mắc kẹt lại ở một khe rãnh trong một nhánh sông nước đọng, và rồi lại chu du qua dạ dày của một con tôm hùm đất, một con gấu trúc Mỹ, và rồi đến một người thổ dân nữa - người ru nó vào giấc ngủ cuối cùng trong một nấm đất bên bờ sông. Một mùa xuân nọ, một dòng nước băng tan uốn cong làm lở đất bên bờ, và chỉ vón vện một tuần sau đó thì nguyên tử X lại lần nữa nằm trong nhà tù từ thời sơ khởi của muôn loài: đại dương.

Một nguyên tử trong hệ sinh quyền có quá nhiều tự do để hiểu tự do là gì, trong khi một nguyên tử bị cầm tù trong đại dương thì đã quên đi khái niệm tự do. Cứ mỗi một nguyên tử bị cuốn trôi ra biển cả, thảo nguyên lại hút lên một hạt nguyên tử mới từ trong những hòn đá đang phong hóa. Chân lý duy nhất tồn tại ở đây là những sinh vật trên đồng cỏ phải hút thật mạnh, sống thật nhanh, và chết cũng thật thường xuyên, phòng khi số lượng các nguyên tử mất đi vượt quá ngưỡng các nguyên tử đạt được.



Bản tính của rễ cây là len lỏi vào các kẽ hở góc ngách. Khi nguyên tử Y được phóng thích khỏi lớp đá mẹ, một loài vật mới đã xuất hiện và bắt đầu thiết lập tôn ti trật tự của riêng nó trên thảo nguyên. Một đàn bò đã cày xới lớp đất mặt của thảo nguyên, khiến cho Y bắt đầu một chuỗi những chuyến du hành thường niên qua các thân cây trong một giống cỏ mới mang tên lúa mì.

Thảo nguyên trước kia sống nhờ vào sự đa dạng các loài động thực vật, mỗi loài đều có chức năng riêng vì sự tổng hòa của các mối quan hệ cộng sinh hay tranh giành giữa chúng tạo nên sự bền vững tiếp nối cho thảo nguyên. Nhưng người nông dân trồng lúa mì lại là một kẻ kiến tạo theo hạng mục, và với anh ta thì chỉ có lúa mì và trâu bò mới được coi là hữu ích. Anh ta coi những con bồ câu xà quần thành từng đám mây trên ruộng lúa mì là vô dụng, và nhanh chóng xóa sổ chúng khỏi bầu trời. Sau đó, anh ta nhận thấy con rệp bắt đầu tiếp nối công việc mót trộm lúa của đám bồ câu, và nổi điên lên vì gặp trúng một thứ vô dụng quá nhỏ để giết. Anh ta đã không nhìn thấy lớp đất sét pha bị rửa trôi chất màu do trồng lúa mì quá độ, năm phơi mình căn cỗi vào mùa xuân dưới cơn mưa xối xả. Khi đất xói mòn và lũ rệp bọ cuối cùng cũng kết liễu việc trồng trọt lúa mì, nguyên tử Y và bè bạn của nó lúc đó đã trôi đi rất xa về phía lưu vực sông.

Khi đế chế lúa mì sụp đổ, người khai hoang học được một bài học từ thảo nguyên uyên thâm: anh ta tìm cách tăng khả năng sinh sản của bầy gia súc, thổi ni-tơ vào đất thông qua những cây cỏ linh lăng, và tìm dinh dưỡng ở những tầng đất bên dưới lớp đất sét pha bằng những thân ngô rễ đâm sâu.

Nhưng cũng như những vũ khí chống xói mòn khác, anh ta dùng cỏ linh lăng không chỉ để duy trì những thửa ruộng cũ, mà còn để tăng gia sản xuất trên các thửa ruộng mới mà rồi chính bản thân chúng cũng cần được duy trì.

Vì thế, bất chấp cố gắng của cỏ linh lăng, lớp đất sét pha màu mờ cứ ngày một mỏng dần đi. Các kỹ sư chống xói mòn cho xây đập nước và ruộng bậc thang để níu giữ nó. Kỹ sư quân sự thì lại cho đắp đê và đập nước bậc thang để xả nó ra khỏi các dòng sông. Tuy nhiên, các dòng sông lại không xả đất sét pha, mà lại bồi đắp cho lớp phủ dưới lòng sông thêm cao lên khiến cho giao thông nghẽn mạch. Vì thế, các kỹ sư lại cho xây các hồ chứa nước ngoài cỡ mang hình dáng cái hồ do hải ly xây, và nguyên tử Y lọt vào một trong các hồ này. Hành trình từ lòng đá đến lòng sông của nó hoàn tất sau một thế kỷ ngắn ngủi.

Khi chạm tới hồ nước, nguyên tử Y tiếp tục chu du qua cơ thể nhiều loài cây thủy sinh, cá, và thủy điểu. Nhưng các kỹ sư ngoài xây đập nước thì còn xây cả cống rãnh, và đó là nơi tích tụ những của nả trăn lột được từ các ngọn đồi và đại dương xa xôi. Những nguyên tử trước kia từng nuôi lớn cây bạch đầu ông để chúng trở hoa vẫy chào những con chơi chơi trở về từ phương Nam, giờ đây nằm bất động, bối rối, vù bị cầm tù trong những vũng nước thải loang dầu nhầy nhụa.

Rễ cây vẫn sục sạo giữa những hòn đá. Mưa vẫn xối xả trên các cánh đồng. Chuột hươu vẫn cất giấu những món đồ lưu niệm gọi nhớ mùa thu muộn. Những ông già từng góp tay tiêu diệt loài bồ câu giờ đây ngồi hồi tưởng về thời huy hoàng của những cánh chim tung bay rợp trời. Lũ bò đen và trắng vẫn đi ra đi vào các trang trại sơn đỏ, như những cuộc xe miễn phí cho các nguyên tử tạm trú.

Một tượng đài cho chim bồ câu^[5]

Chúng ta đã xây một đài tưởng niệm để tưởng nhớ về sự cáo chung của một giống loài. Nó biểu tượng cho nỗi đau của chúng ta. Chúng ta sầu muộn bởi vì kể từ nay sẽ không có ai được nhìn thấy cảnh những phi đội bồ câu ngạo nghễ xếp thành hình chữ V, bay lượn đẹp đường cho mùa xuân nhón gót trên nền trời tháng Ba, xua đuổi mùa đông chiến bại ra khỏi các khu rừng và thảo nguyên Wisconsin.

Vẫn còn những người lưu giữ ký ức về bầy bồ câu thời trai trẻ. Những cái cây vẫn lưu giữ ký ức về những cơn lốc lông cánh ào qua rung lay cành lá. Nhưng sau một thập kỷ nữa thôi, có lẽ chỉ những cây sồi đại thụ là còn nhớ, và cuối cùng thì ký ức về loài bồ câu sẽ nằm lại với những ngọn đồi câm lặng.

Những con bồ câu vẫn sẽ luôn tồn tại trong sách vở và bảo tàng, nhưng chúng chỉ là những hình ảnh và mô hình, hoàn toàn không gọi chút niềm vui sướng hay đau khổ. Những con bồ câu trong sách không thể lao xuống từ một đám mây khiến cho bầy hươu hoảng loạn tìm chỗ trú, hay vỗ cánh tạo ra những tiếng sấm động rền vang trong những thảm rừng trải đầy trái sồi. Những con bồ câu bằng giấy không thể nào nhấm nháp những ruộng lúa mì mới gặt ở Minnesota cho bữa sáng, rồi sau đó ăn tối bằng trái việt quất ở Canada. Chúng sẽ chẳng biết về cái gọi là tiếng gọi hối thúc của các mùa; chúng không cảm nhận những nụ hôn của mặt trời, những nhát cắt của gió lạnh và thời tiết.

Sự tồn tại bất tử của chúng kỳ thực là sống mà cũng như chết.

Cha ông chúng ta không đủ ăn, đủ mặc, và có nhà cửa tiện nghi như chúng ta. Những cố gắng của họ để có một cuộc sống tốt hơn cũng chính là thứ đã cướp đi những con bồ câu trong thời chúng ta. Có lẽ giờ đây ta ca thán sâu muộn vì sâu thẳm trong tim chúng ta không chắc chắn rằng chúng ta đã thực sự đạt được gì từ việc đánh đổi trong quá khứ. Những máy móc công nghiệp mang đến cho chúng ta sự thoải mái nhiều hơn là những con bồ câu, nhưng liệu chúng có điểm tuyệt được thêm gì vào vẻ đẹp rực rỡ của mùa xuân?

Đã một thế kỷ trôi qua kể từ khi Darwin vén màn bí mật về nguồn gốc muôn loài. Chúng ta giờ đây đã biết những điều mà những thế hệ đi trước không hề hay biết: con người chỉ là những người bạn đồng hành cùng các loài vật khác trong chuyến phiêu lưu tiến hóa. Nhận thức mới này đáng lẽ giờ này đã phải khiến chúng ta có một tình anh em khăng khít với các sinh vật khác, một mong ước được sống và cùng sống, một tâm thế ngưỡng mộ trước sự đường bệ và chiều dài tiến hóa của cả cộng đồng sinh thể.

Và trên hết, một thế kỷ đã trôi qua, chúng ta đáng lẽ đã phải nhận ra, rằng mặc dù con người giờ đây đã trở thành thuyền trưởng lèo lái con tàu phiêu lưu này nhưng chúng ta không phải là hành khách duy nhất, và những lăm tưởng về vị thế của chúng ta đều bắt nguồn từ sự mông lung ngu muội.

Và tôi nhấn mạnh rằng chúng ta đáng lẽ đã phải nhận ra điều này, vì tôi sợ rằng nhiều người trong chúng ta vẫn còn chưa tỉnh ngộ.

Ý nghĩ rằng một giống loài có thể khóc than cho cái chết của một giống loài khác dường như vẫn còn quá mới mẻ. Khi cầm lao đâm chết con voi ma mút cuối cùng, người tối cổ ở Cro-Magnon lúc đó chỉ nghĩ đến món bít-tết. Gã thợ săn bắn chết con bồ câu cuối cùng chỉ nghĩ đến quyền uy của bản thân. Người thủy thủ dùng dùi cui quật chết con chim anca cuối cùng có lẽ cũng không mảy may suy nghĩ gì đến nó. Nhưng thế hệ đi sau chúng ta, những người đã vĩnh viễn đánh mất những con bồ câu, thì lại xót thương trước mất mát này. Nếu tình thế đảo ngược, tôi đồ rằng những con bồ câu sẽ chẳng thêm nhỏ một giọt lệ nào cho chúng ta. Và chính điều này, chứ không phải là phát kiến ra nylon của Ngài DuPont hay những quả bom của Ngài Vannevar Bush, mới là bằng chứng cho thấy chúng ta là giống loài thượng đẳng hơn các con vật khác.



Neo đậu cheo leo trên vách đá như một con chim bồ câu, đài tưởng niệm này nhìn bao quát toàn cảnh thung lũng, quan sát vạn vật hết ngày này qua năm khác. Cứ mỗi tháng Ba, nó sẽ lại ngắm những con ngỗng bay ngang, báo hiệu rằng những dòng sông chảy qua vùng lãnh nguyên sẽ trở nên trong hơn, lạnh hơn, và cô liêu hơn. Cứ mỗi tháng Tư, nó sẽ nhìn thấy những cây hoa tử kinh nở rộ lên rồi nhanh chóng tàn phai, và mỗi khi tháng Năm về thì nó sẽ chứng

kiến những biển hoa sôi bạt ngàn phủ khắp các ngọn đồi. Những con vịt Carolina sẽ sục sạo tìm kiếm những thân gỗ rỗng trong những rừng cây gỗ đoạn, còn những con chim chích bông sẽ làm rung những rặng liễu ven sông đến độ những hạt phấn vàng rơi lả tả. Loài diệc bạch sẽ trú ngụ trong những đầm lầy vào tháng Tám; những con chơi chơi sẽ huýt sáo trên trời tháng Chín. Những hạt cây mai châu sẽ rơi xuống thảm lá mùa thu tháng Mười, và mưa tuyết sẽ lay rây trong những cánh rừng tháng Mười một. Nhưng không một con bồ câu nào sẽ bay qua cả, vì chúng không còn tồn tại nữa, ngoại trừ con cuối cùng không biết bay được tạc bằng đồng trên mỏm đá này. Khách du lịch sẽ đọc những lời khắc trên đó, nhưng trong những suy nghĩ của họ sẽ chẳng có sự mảy may rung động nào.

Những nhà đạo đức trong ngành kinh tế sẽ nói rằng chúng ta đang sống trong quá khứ khi bày tỏ niềm thương xót những con bồ câu, rằng nếu những người săn bồ câu không tận diệt chúng thì cuối cùng những người nông dân cũng sẽ làm điều đó để tự vệ.

Đây là một trong những thực tế lạ kỳ, nhưng không phải vì lý do được gán ghép ở trên.

Loài bồ câu giống như một con bão sinh học. Nó giống như tia chớp qua lại giữa hai nguồn năng lượng đối nghịch với cường độ mãnh liệt tiềm ẩn: dinh dưỡng trong đất đai và ô-xy trong không khí. Hàng năm, con lốc lông vũ này lại xoáy cuộn lên xuống, càn quét qua các châu lục, ngốn ngấu những hoa trái của rừng già và thảo nguyên, và hút cạn mọi thứ trong cơn xoay vần tìm kiếm sự sinh tồn. Giống như bất

kỳ phản ứng chuỗi nào, con bồ câu không thể sống sót nổi nếu cường độ cuồng nhiệt của nó bị giảm bớt. Khi những người săn bồ câu tĩa dần số lượng của chúng, và những người khai hoang thì khoét xén bớt nguồn nhiên liệu để chúng tiếp tục sống, ngọn lửa mà chúng mang theo dần dà leo lét đi, thậm chí không để lại một đốm nhỏ hay một bùm khói sặc.

Ngày nay, những tán sỏi vẫn giương cao cành lá lên trời xanh, nhưng cơn bão lông vũ xưa kia đã không còn tàn quét. Những con giun và một giờ đây phải thực hiện trọng trách sinh học của cơn bão bồ câu rền vang sấm động xưa kia một cách im lặng và chậm rãi.

Điều đáng kinh ngạc không phải là việc những con bồ câu đã biến mất, mà là việc chúng đã sống sót qua từng ấy thế kỷ trước thời đại của tầng lớp Trung lưu.



Loài bồ câu yêu mến vùng đất này: chúng sống nhờ vào ham muốn mãnh liệt được nếm những chùm nho chín mọng và trái dẻ gai căng nứt, cũng như sự chối ghét của nó với những dặm bay đường trường và sự chuyển mùa. Bất cứ thứ gì mà Wisconsin không thể ban tặng cho nó hôm nay, ngày mai nó sẽ tìm được ở Michigan, hay Labrador hoặc Tennessee. Tình yêu của nó dành cho những thứ thời trần sẵn có (và chúng luôn sẵn có ở nơi nào đó). Và để tìm được những thức ấy, con bồ câu chỉ đòi hỏi một khung trời tự do và ý chí đập cánh bay không biết mỏi.

Để yêu một thứ đã qua là cái gì đó còn mới mẻ với đa số chúng ta và cả những con bồ câu. Để nhìn nhận lịch sử nước Mỹ, để nghĩ về số phận như cái gì đang thành hình, để ngửi mùi gỗ cây mại châu qua những khoảng lặng của thời gian - tất cả những việc này đều khả dĩ, và chỉ đòi hỏi chúng ta có một bầu trời tự do và ý chí tung cánh vẫy vùng. Chính những điều kỳ diệu này mới là bằng chứng cho thế thượng đẳng của chúng ta so với muôn loài, chứ không phải những trái bom của Ngài Bush hay mớ bịch nylon của Ngài DuPont.

Sông Flambeau

Những người chưa từng chèo ca-nô trên một con sông dữ, hay mới chỉ chèo trên sông cùng với một người hướng dẫn, sẽ nhanh nhẩu cho rằng giá trị của hành trình đó nằm ở sự mới lạ, thêm vào đó là bài tập thể dục có ích. Tôi cũng từng suy nghĩ như vậy, cho đến khi tôi gặp hai cậu sinh viên trên sông Flambeau.

Sau khi rửa xong bát đĩa, chúng tôi ngồi bên bờ sông ngắm nhìn một con vịt lặn ngụp trong mớ cây thủy sinh ở bờ xa bên kia. Một con hươu gần đó bỗng ngẩng đầu và động tai nghe ngóng, trước khi bỏ nhào đi tìm nơi ẩn nấp.

Quanh khúc cua sông, chúng tôi nhìn thấy lý do đằng sau sự hoang hốt của nó: hai cậu trai trẻ trên một chiếc ca-

nô. Nhắc trông thấy chúng tôi, họ tạt ca-nô vào bờ hỏi han và giết thời giờ.

“Bây giờ là mấy giờ rồi?” là câu hỏi đầu tiên của họ. Họ giải thích rằng đồng hồ đeo tay của họ đã hết pin, và lần đầu tiên trong đời họ không có đồng hồ, còi báo hiệu, hay radio để theo dõi giờ giấc. Trong suốt hai ngày, họ đã sống theo “khung giờ mặt trời” và lấy làm hoan hỉ hết sức về điều đó. Chẳng có kẻ hầu người hạ nào phục dịch họ: họ tự tìm bữa ăn từ con sông, hay bỏ bữa nếu không tìm được gì. Chẳng có cảnh sát giao thông thổi còi chỉ đường cho họ lèo lái tránh những tảng đá ngầm dưới con nước xiết. Không có mái nhà ấm êm nào giữ họ khô ráo khi họ tính toán nhầm rằng có nên dựng trại ở bãi sông này hay không. Không có hướng dẫn viên nào chỉ cho họ cách phân biệt giữa chỗ cắm trại nơi họ có thể đánh một giấc ngon lành qua đêm và nơi nào có bầy muỗi sẽ làm họ bứt rứt khổ sở, hay loại gỗ nào sẽ cháy ngon lành thành tro và loại gỗ nào sẽ chỉ nhả khói khét lẹt.

Trước khi những nhà thám hiểm trẻ của chúng ta du hành tiếp xuống hạ nguồn, họ kể với chúng tôi rằng cả hai sẽ gia nhập Quân đội sau chuyến đi này. Giờ thì ý đồ của họ đã rõ ràng. Đây là chuyến đi đầu tiên và cuối cùng để họ ném trải hương vị tự do, một chặng chuyển giữa hai trung đoàn: trường học và trại lính. Vì lẽ đó, họ cảm thấy phấn khích trước thiên nhiên hoang sơ và bình dị, không chỉ bởi nó mang đến điều gì đó mới lạ mà còn vì nó cho họ sự lự do để có thể thoải mái phạm sai lầm. Thiên nhiên hoang dã cho họ ném trải lần đầu tiên những phần thưởng cũng như

hình phạt cho mọi hành động dù thông minh hay xuẩn ngốc, một quá trình rất đòi hỏi thường với bất cứ người đi rừng nào nhưng lại bị xã hội văn minh ra sức ngăn sông cấm chợ. Theo nghĩa ấy, thì những cậu trai này đang phải “tự lực cánh sinh”.

Có lẽ mọi người trẻ thỉnh thoảng cần một chuyến đi như vậy vào trong hoang dã, để học được ý nghĩa của sự tự do đặc biệt này.

Khi còn nhỏ, tôi thường nghe cha tôi ví von rằng tất cả các điểm cắm trại, chỗ câu cá, và các khu rừng chỉ “tốt gần bằng sông Flambeau mà thôi”. Khi cuối cùng tôi cũng đẩy chiếc ca-nô của mình xuống con sông huyền thoại này, thì sự hoang sơ của nó đã dần chạm đến hồi kết, mặc dù nó vẫn giữ được phong vị của một dòng sông thông thường. Những căn nhà gỗ ngoại ô, các khu nghỉ dưỡng, và những cây cầu nối đường cao tốc đã cắt xẻ dòng chảy hoang sơ trước kia thành từng nhánh ngày một ngắn hơn. Xuôi thuyền xuống sông Flambeau cũng giống như ai đó đang thoãn thoắt chuyển cảnh trong đầu bạn: khi đầu óc bạn vừa mới bước vào ảo giác rằng bạn đang thực sự ở trong một miền hoang dã thì ngay lập tức bạn sẽ nhìn thấy một cầu tàu, nối tiếp bằng những khóm mẫu đơn trong khu vườn của một căn nhà ngoại ô nào đó.

Khi đã chèo qua khỏi khu vườn mẫu đơn, một con hươu nhún chân phóng tới bên bờ sông lại giúp chúng ta phục hồi lại cảm giác hoang sơ, và sau đoạn thác ghềnh kế tiếp thì ta đã hoàn thành một trải nghiệm thiên nhiên đúng nghĩa. Thế nhưng, bên kia bờ của vùng nước trũng bên dưới ngọn thác

lại là một nhà cabin bằng gỗ nhân tạo với mái từ chất liệu tổng hợp, gắn kèm theo biển quảng cáo “Bide-A-Wee” và đường đi dạo với giàn dây leo thô kệch.

Paul Bunyan là một người đàn ông quá bận rộn để suy nghĩ về hậu thế. Nhưng nếu được hỏi ông sẽ chọn giữ nơi nào để hậu thế sau này có thể cảm nhận phong cảnh những cánh rừng phương Bắc, thì chắc hẳn ông ấy sẽ chọn khu rừng quanh sông Flambeau, một nơi mà những trắng rừng thông trắng chia sẻ từng héc-ta đất với cây thích ngọt, cây bu lô vùng, và cây độc cạn. Sự hòa trộn này giữa cây thông và cây gỗ cứng cho đến nay vẫn là chuyện hiếm gặp. Vốn sinh trưởng trên loại đất giàu dinh dưỡng chỉ dành cho cây gỗ cứng, những cây thông Flambeau đạt đến kích cỡ khổng lồ và có giá trị đến mức chúng bị khai thác từ rất sớm (một phần vì vị trí của chúng nằm ngay bên một dòng sông chở gỗ). Ta có thể thấy điều này qua tình trạng mục rữa từ lâu của các gốc cây còn lại. Chỉ những cây thông khiếm khuyết là sống sót, nhưng chỉ nội những cây này thôi cũng đủ để xuyên thủng đường chân trời Flambeau như những đài tưởng niệm xanh cho một thời đã qua.

Việc cắt xỏ cây gỗ cứng rất lâu sau đó mới diễn ra: công ty khai thác gỗ cứng cuối cùng giải thể đường ray chở gỗ cuối cùng vào khoảng mười năm về trước. Tất cả những gì còn lại của công ty này là một “văn phòng đại diện” trong một thị trấn hoang phế, cố gắng trong tuyệt vọng để bán đất đai ủy thác lại cho những người khai hoang còn ít nhiều hy vọng. Đó cũng là lời cáo chung trong một thời đại của lịch sử nước Mỹ: thời đại của cắt xẻ rồi cuốn gói.

Như một con sói đồng cỏ lục lợi trong đồng rác để lại sau khi đoàn người cắm trại đã dời đi, nền kinh tế hậu-đốn-gỗ của Flambeau tiếp tục sống nhờ vào việc ăn mày dĩ vãng. Những kẻ cắt gỗ làm giấy mang danh “Gypo” rình mò sục sạo quanh những khu đốn gỗ để mót lượm một vài cây độc cần nhỏ còn sót lại. Một toán thợ cưa di động nạo vét lòng sông để tìm những thân gỗ cho không, phần lớn đã chìm xuống đáy nước trong thời hoàng kim khi ngành xẻ gỗ còn đang phi nước đại. Hàng đống những xác gỗ lấm lem bùn đất này được kéo lên bờ ở những khu vực cắt gỗ trước kia - tất cả đều còn nguyên vẹn, và đặc biệt có giá trị là những thân cây thông vì giống thông đó gần như đã tuyệt chủng trong các cánh rừng phía bắc. Những người cắt cây làm cột đỡ tiếp tục cắt tỉa những thân cây tuyết tùng trắng mọc trong đầm lầy, và bây giờ thì theo gót họ đổ ăn chực chồi non trên những cây bị đốn hạ. Vạn vật đều tiếp tục sống dựa vào những gì còn sót lại.

Những chuyên lượm mót này được thực hiện rất ráo đến độ khi những người xây nhà gỗ hiện nay muốn đóng một căn cabin, họ phải dùng các phiến gỗ giả-thông cưa ở Idaho hay Oregon, và sau đó được kéo về Wisconsin trên tàu chở hàng hóa. So với câu chuyện nực cười này thì chuyện đi buôn than ở Newcastle^[6] vẫn chưa thấm thía vào đâu.

Dù vậy, dòng sông vẫn còn đó, một vài chỗ vẫn giữ nét nguyên sơ kể từ thời của Paul Bunyan. Khi bình minh dâng lên, trước khi những chiếc xuống máy tỉnh giấc, ta vẫn có thể nghe tiếng hát của dòng sông, vẫn còn đâu đó những khoảng rừng cây gỗ chưa bị đốn hạ, may mắn nằm dưới sự

bảo trợ của bang. Ở đó, ta vẫn tìm thấy một số lượng đáng kể các sinh vật hoang dã còn sót lại: cá chó, cá vược và cá tầm bơi lội dưới sông; vịt cát, vịt đen và vịt Carolina đẻ trứng trong đầm lầy; chim ó biển, chim đại bàng và chim quạ bay lượn trên không. Bầy hươu thì có mặt ở khắp nơi, có phần hơi quá lỗ: tôi đếm được 52 trong vòng hai ngày trên sông. Một vài con sói vẫn rong ruổi ở thượng nguồn sông Flambeau, và có một người bẫy thú quả quyết rằng anh ta đã nhìn thấy một con chồn thông châu Mỹ, mặc dù từ năm 1900 thì đã không còn bộ lông chồn thông nào được xuất đi từ vùng Flambeau nữa rồi.

Sử dụng những vùng hoang dã còn sót lại này làm hạt nhân, vào năm 1943, Bộ Bảo tồn của Bang (State Conservation Department) bắt đầu cải tạo một khúc sông kéo dài hơn 80 cây số thành một khu bảo tồn thiên nhiên hoang dã, nhằm phục vụ giới trẻ ở Wisconsin. Khu bảo tồn này bao gồm một mạng lưới rừng quốc gia, nơi việc khai thác bị cấm ở khu vực bờ sông và chỉ một số ít đường sá được xây dựng. Chậm rãi và kiên nhẫn, Bộ Bảo tồn đôi khi chi rất nhiều tiền bạc để mua lại đất, di dời các căn nhà gỗ, chặn bớt những tuyến đường không cần thiết, và nhìn chung cố gắng quay kim đồng hồ ngược trở về thời kỳ thiên nhiên hoang sơ trước kia càng xa bao nhiêu càng tốt bấy nhiêu.

Chất đất màu mỡ từng góp sức cho vùng Flambeau sản sinh ra những thân gỗ thông trắng thượng hạng cho Paul Bunyan, thì trong những thập kỷ gần đây cũng giúp hạt Rusk gây dựng một nền công nghiệp bơ sữa. Vì muốn có giá

điện rẻ hơn so với giá của các công ty địa phương, những người nông dân ở đây đã họp lại thành một hợp tác xã năng lượng REA. Vào năm 1947, họ đã trình đơn đề xuất việc xây một đập thủy điện, mà nếu được phê duyệt sẽ ăn bớt vào phần sông trong khu bảo tồn đáng ra sẽ được tái tạo lại thành nơi cho du khách chèo ca-nô.

Một cuộc chiến chính trị gay gắt nổ ra sau đó. Cơ quan lập pháp của bang, vốn e dè trước sức ép của nông dân nhưng hoàn toàn mù tịt trước các giá trị của thiên nhiên, không chỉ phê chuẩn kế hoạch xây đập của REA, mà còn tước quyền lên tiếng của Hội Bảo tồn kể từ nay về sau trong vấn đề xây dựng và phân bổ nguồn năng lượng. Có vẻ như vùng dành cho việc chèo ca-nô trên sông Flambeau, cũng như mọi con sông hoang sơ còn lại của bang, cuối cùng cũng sẽ bị tận dụng triệt để cho việc sản xuất năng lượng.

Có lẽ con cháu chúng ta, những thế hệ chưa từng nhìn thấy một con sông tự nhiên, sẽ không bận tâm lắm đến việc mất đi cơ hội được chèo ca-nô trên dòng nước.

ILLINOIS VA IOWA

Chuyến xe buýt đi Illinois

Một người nông dân và cậu con trai đang đứng nơi sân sau, kéo một lưỡi cưa cắt ngang qua phần thân ruột của một cây dương đen Bắc Mỹ đại thụ. Thân cây to đến độ chỉ còn một phần ngắn lưỡi cưa thò ra, vừa đủ để cầm cán cưa và kéo.

Đã có một thời mà cây dương đen đó từng nhấp nhô trên thảo nguyên gọn sóng như một cột mốc hàng hải. George Rogers Clark có lẽ đã từng cắm trại dưới gốc cây trong khi những con bò rừng nằm nghỉ trưa trong bóng râm của nó, đuôi phe phẩy đuổi ruồi. Mỗi độ xuân về, nó lại trở thành nơi cư ngụ của những cánh bồ câu chấp chới. Mặc dù cây dương đen này là thư viện lịch sử tuyệt vời nhất chỉ sau thư viện của Trường đại học Bang, cứ một năm một lần nó lại thả từng cụm bông bám dính lên màn chắn cửa sổ các trang trại. Và với những người nông dân thì chỉ có điều thứ hai mới là quan trọng mà thôi.

Trường đại học Bang thuyết phục những người nông dân rằng cây du Trung Hoa không nhả bông làm kẹt màn chắn, và vì thế sẽ phù hợp để trồng hơn là cây dương đen. Họ cũng cao giọng phán về những vấn đề như mút anh đào,

bệnh do vi trùng *Brucella* ở gia súc, giống ngựa lai, hay việc làm đẹp nông trại. Điều duy nhất mà họ không biết về các trang trại này là chúng đến từ đâu, và rằng nhiệm vụ của chúng là biến Illinois thành một thiên đường trồng đậu nành.

Tôi đang ngồi trên một chiếc xe buýt lướt đi với vận tốc gần 100 cây số một giờ trên một cao tốc ban đầu là đường được đắp cho ngựa và xe kéo. Dải lụa bê-tông này đã được nói rộng đến nỗi các thanh rào chắn hai bên chỉ chực đổ rạp xuống lòng đường. Nằm kẹt trong dải cỏ hẹp giữa bờ sông trơ trọi và những hàng rào xiêu vẹo là những di tích còn lại một thời của Illinois: thảo nguyên.

Không ai trong xe buýt nhìn thấy những di tích này. Một ông nông dân mặt mũi âu lo, với hóa đơn phân bón lấp ló nơi túi ngực, đưa mắt nhìn bàng quan về phía những cây hoa mồm sói, cây đậu mắt gà, hay cây đậu bông tím - những cỗ máy bơm khí ni-tơ từ bầu không khí thảo nguyên vào trong nền đất mùn của ông ta. Với ông ta thì chúng cũng chẳng khác gì đám cỏ lúa hơm hĩnh mọc kể bên. Nếu tôi có hỏi ông ta rằng tại sao các ruộng ngô của ông lại cho đến tận 100 gia ngô, trong khi các bang khác nơi không có thảo nguyên thì giới lắm chỉ cho ra được 30 gia, ông ta chắc sẽ trả lời rằng vì đất ở Illinois màu mỡ hơn. Nếu tôi hỏi ông ta tên của cây leo dây gai nở hoa giống như bông đậu màu trắng kia là gì, ông ta sẽ lắc đầu. Một loại cỏ dại nào đó, chắc vậy.

Một nghĩa trang lướt qua bên ngoài, bờ tường của nó viền bằng những bụi hoa vôi vôi lông xám. Những cây vôi

vòi này đã biến mất ở hầu hết mọi nơi khác; những cụm hoa vòi vòi vốn nhuộm thảo nguyên một màu vàng cam nay đã bị thay thế bởi bông cúc hôi và cây diếp dại. Những cây vòi vòi lông xám giờ đây chỉ còn trò chuyện với những người đã khuất mà thôi.

Qua cửa sổ xe buýt mở ngỏ, tôi nghe thấy tiếng huýt sáo rung lồng ngực của một con chơi chơi miên ngược. Đã từng có thời cha ông của chúng theo chân những con bò rừng lội trong đầm lầy nơi bùn sinh ngập lên đến tận vai - một khu vườn trải ra vô tận với muôn vàn loại hoa đã chìm vào quên lãng. Một cậu bé nhác trông thấy một con chim và thuật lại với ông bố: đó là một con dế giun kìa.



Tấm biển trên đường viết, “Bạn đang đi vào địa phận Khu Bảo tồn Green River (Green River Soil Conservation District)”. In bằng phông chữ nhỏ hơn bên dưới là một danh sách những người cộng tác, quá nhỏ để đọc được từ một chiếc xe buýt đang chạy. Hẳn đó là một danh sách các nhân vật tham gia vào việc bảo tồn ở đây.

Tấm biển sơn quét cẩn thận này được dựng trên một trảng cỏ mọc tràn trên đáy lạch nước ngắn đến độ bạn có thể chơi golf ở đó được. Nằm kế bên là khúc uốn duyên dáng của con lạch cũ nay đã cạn lòng. Lòng nước mới được đào thẳng như lấy thước kẻ: người kỹ sư của hạt đã “nắn thẳng” nó để cải tiến việc thoát chất thải. Trên ngọn đồi phía đằng xa là những luống hoa màu được trồng cách đều xen giữa bằng các dây cỏ; chúng đã được “uốn cong” thành

diềm quanh quả đồi để làm giảm bớt xói mòn đất. Dòng nước ở đây hẳn là rối trí lắm trước những gợi ý ngược ngạo như vậy.



Tất cả mọi thứ trong trang trại này đều bốc lên mùi tiền vay ngân hàng. Khắp nơi trong trang trại là màu sơn mới, màu sắt, và màu bê-tông. Một tấm biển ghi niên đại liệt kê tên của những người sáng lập nên trang trại. Những cột thu lôi mới coóng dựng đứng trên mái nhà, và con gà trống bằng sắt cắm trên đó được mạ vàng sáng choang. Ngay cả đám lợn trông cũng hái ra tiền.

Những thân sỏi già trong khuôn viên không có một chút tí vết: không hàng rào bao quanh, không vết sơn quệt, hay một dấu tích nào của canh nông vụng lười. Cánh đồng ngô lên luống thẳng tắp, nhưng chắc chẳng có một con chim cút nào ở đó. Những hàng rào dựng trên những dải đất mùn hẹp te. Người nào cày ruộng tới sát hàng rào kẽm gai như vậy hẳn đã phải tụng niệm trong đầu rằng, “Không lãng phí thì không ham muốn”.

Nơi trắng cỏ ở đáy con lạch kia, rác rến theo dòng nước chảy vương mắc đầy vào bụi cây. Bờ suối hai bên càng lúc càng lở loét, từng mảng lớn đất đai Illinois đang dần sụt lở và chảy trôi về hướng biển. Từng đám cỏ phấn hương làm dấu những khe rãnh nơi nước lũ dâng lên đã cắt xẻ bờ sông khi trước. Liệu mọi thứ ở đây còn hái ra tiền được trong bao lâu nữa?



Con đường cao tốc kéo dài như một miếng băng dính xuyên qua những thân ngô, yến mạch, và cánh đồng cỏ ba lá. Chiếc xe buýt cứ đếm từng dặm dài, trong khi các hành khách tiếp tục hàn huyên tán gẫu. Họ đang bàn tán về điều gì? Về bóng chày, thuế má, con rể, phim ảnh, xe mô-tô, và những đám tang, nhưng tuyệt nhiên họ không đả động gì đến những cơn ba đào biến động của Illinois đang quét lên cửa kính xe. Illinois với họ không có nguồn cội, lịch sử nông sâu, không có cả những đợt thủy triều của sự sống và cái chết. Với họ, Illinois chỉ đơn thuần là đại dương thái bình nơi con tàu của họ cập lái những bến cảng không tên.

Cặp chân đỏ quấy đạp

Khi hồi tưởng lại về những ký ức đầu đời, tôi thường băn khoăn tự hỏi rằng liệu việc mà chúng ta vẫn gọi là trưởng thành thực chốt có phải là một quá trình tụt hậu hay không. Liệu rằng kinh nghiệm, thứ mà người lớn luôn nói rằng trẻ con còn thiếu, có phải là cách những thứ tũn mủn vụn vặt làm bão hòa dần dần những điều thiết yếu trong cuộc sống. Tôi chỉ chắc chắn một điều: những ấn tượng sớm nhất của tôi về thế giới tự nhiên và cách vận hành của nó vẫn giữ độ sắc bén về hình khối, màu sắc, và xúc cảm mà gần một nửa thế kỷ kinh nghiệm quan sát thiên nhiên chuyên nghiệp không tài nào xóa mờ đi hay cải thiện thêm được gì.

Như bất kỳ ai mong muốn được làm thợ săn, từ khi còn nhỏ, tôi đã được giao cho một khẩu súng ngắn một nòng và giấy phép săn thú. Một thứ Bảy trời đông, trên đường đi đến bãi săn yêu thích nhất, tôi để ý thấy trên mặt hồ, lúc ấy đã phủ kín băng tuyết, hình thành một “lỗ khí” nhỏ tại nơi nước ấm từ một cối xay gió thổi ra và chảy xuống. Mặc dù tất cả những con vịt đã sớm bay về phương Nam, nhưng khi đó trong đầu tôi hình thành giả thuyết đầu tiên của mình như một nhà điều học: nếu còn có con vịt nào trong vùng, hẳn nó sớm muộn gì cũng sẽ tìm đến cái lỗ khí này. Tôi tạm kìm nén ham muốn săn thú của mình lại (một việc không hề dễ dàng ở tuổi đó), ngồi xuống trong bụi cỏ dại ướt át trên nền bùn đất đóng băng, và chờ đợi.

Tôi chờ hết cả buổi chiều, trong tiết trời mỗi lúc một thêm lạnh buốt cùng tiếng kêu rảng rặc như khớp gối cạn dịch đau mỗi phát ra từ cối xay gió nặng nề quay. Cuối cùng, khi hoàng hôn buông xuống, một con vịt đen đơn độc từ đâu xuất hiện từ đằng tây và gập cánh lao thẳng về phía cái lỗ khí mà thậm chí không buồn đảo một vòng thám thính trước.

Tôi không nhớ con vật đã lao xuống như thế nào. Tôi chỉ còn nhớ cảm giác hân hoan khó tả của mình khi nhìn thấy chú vịt đầu tiên của tôi đâm vào mặt tuyết đánh bộp một tiếng và ngã ngửa ra, cặp chân màu đỏ giơ lên quấy đạp liên hồi.

Khi cha tôi trao cho tôi khẩu súng ngắn. Ông dặn tôi có thể dùng nó để săn gà gô, với điều kiện tôi không được

phép bắn khi chúng đã đậu trên cây. Ông nói rằng tôi đã đủ tuổi để tập bắn gà gô trong khi chúng đang bay rồi.

Con chó của tôi rất tài trong việc dồn bắt lũ gà gô, và việc từ bỏ một con mồi nằm chắc trên cây để đuổi theo một con mồi khó nhằn đang bay là bài học đầu tiên của tôi về đạo đức đi săn. So với việc nắm chắc trong tay một con gà gô đã bị dồn vào góc, thì những cảm dỗ của quỷ sứ dưới bảy tầng địa ngục cũng chẳng thấm thía vào đâu.

Vào cuối mùa săn gà gô thứ hai mà tôi vẫn tay trắng, một ngày nọ, từ trong một bụi cây dương lá rung từ bên trái tôi nhào ra một con gà gô tướng đại miệng kêu quang quác. Con vật bay vút lên cao khỏi ngọn các cây dương, chạy vòng ra phía sau tôi để bằng mọi giá đến được đầm lầy cây tuyết tùng gần nhất. Đó là một cú bắn vung nòng súng mà bất cứ một tay săn gà gô nào cũng mơ tới, và con chim khuyu cánh rơi xuống chết tại chỗ trong một cơn mưa lông vũ và lá thông vàng rơi lả tả.

Đến bây giờ tôi vẫn có thể họa lại chính xác một tấm bản đồ nơi mình bắn được con gà gô đang bay đầu tiên, với mỗi bụi cây giác mộc Canada và một bông cúc sao xanh thâm mọc viền quanh chỗ nó ngã xuống. Tôi đồ rằng niềm ưu ái của tôi hiện giờ dành cho hai loại cây này cũng khởi nguồn từ đó.

ARIZONA VÀ NEW MEXICO

Vùng Thượng

Khi tôi mới chuyển đến sống ở Arizona, vùng Bạch Sơn (White Mountain) là một thế giới của những người trên lưng ngựa. Ngoài trừ một số trục đường chính, những đoạn đường còn lại đều quá khó khăn cho xe kéo đi lại, và thời đó thì chưa có ô-tô. Đường sá quá dài rộng để đi bộ, đến cả những người chăn gia súc cũng cưỡi ngựa. Vì thế, theo phương pháp loại trừ, khu cao nguyên rộng bằng cả một hạt, với cái tên “vùng thượng”, nghiêm nhiên trở thành lãnh địa dành riêng cho các kỵ binh: những người chăn bò hay cừu, những người kiểm lâm, những người đặt bẫy thú, và hàng tá những người vô danh rong ruổi trên lưng ngựa, luôn hiện hữu nơi biên cương. Thế hệ ngày nay khó lòng mà hiểu được chế độ quý tộc và đặc quyền không gian dựa trên cách thức đi lại này.

Chế độ này không hề tồn tại ở những thị trấn bên lề đường ray cách đó hai ngày đường về hướng bắc, nơi bạn có thể lựa chọn đủ loại phương tiện đi lại từ giày da, lừa thổ hàng, ngựa bò, xe ngựa bốn bánh, xe kéo chờ hàng đến toa tàu dành cho bảo vệ, hay toa xe lửa hạng sang Pullman. Mỗi hình thức di chuyển này tương ứng với một tầng lớp xã

hội, và các thành viên của mỗi giai cấp nói một thứ ngôn ngữ riêng, ăn thức ăn riêng, mặc quần áo riêng, và hay lui tới những tiệm rượu riêng. Mẫu số chung duy nhất giữa họ là ai ai cũng nợ tiền các cửa hàng tạp hóa, và họ cùng chia sẻ năng gió cát bụi của thiên nhiên Arizona.

Khi ta băng qua những cánh đồng và các ngọn núi mặt bàn về Bạch Sơn ở phía nam, lần lượt từng giai cấp này bắt đầu rơi rụng dần vì phương tiện đi lại tương ứng của họ không cho phép, và cuối cùng khi chạm đến “vùng thượng” thì chỉ còn duy nhất những người kỵ binh làm bá chủ.

Cuộc cách mạng của Henry Ford sau đó đã xóa bỏ đặc quyền này. Thời nay, với máy bay thì bất cứ anh chàng vô danh tiểu tốt nào đều có thể đi đến bất cứ đâu.



Vào mùa đông, những đỉnh núi trở thành cấm địa ngay cả với những người cưỡi ngựa, vì tuyết phủ dày trên các đồng cỏ vùng cao và những con đường uốn quanh các hẻm núi cũng ngập trong tuyết. Vào tháng Năm, tất cả những con đường này lại ngập trong những dòng nước chảy từ những khối băng tan. Tuy nhiên, sau đó thì bạn có thể tiến hành “leo đỉnh” - nếu con ngựa của bạn đủ gan để lội nửa ngày đường qua những cung đường bùn sinh lầy lội.

Ở ngôi làng nhỏ nơi chân núi, mỗi mùa xuân lại diễn ra một cuộc chạy đua ngầm để xem ai sẽ là người kỵ binh đầu tiên leo lên được những vùng núi cao đơn độc. Rất nhiều người trong chúng tôi thử vận may, vì lý do gì thì chúng tôi cũng không đào sâu phân tích. Tin đồn về cuộc thi cứ thế

lan nhanh, và người thắng cuộc sẽ được coi như “quý ông của năm” - một vầng hào quang cao quý giữa những người cưỡi ngựa.

Bất chấp những câu chuyện kể trong sách vở, dòng suối tuyết tan không hồi hải chảy ngay lúc xuân về. Những ngày đầu xuân nhẹ nhàng vẫn xen kẽ với những cơn gió tê tái, ngay cả khi bây giờ đã leo lên đỉnh núi. Trong đời mình, tôi hiếm khi nhìn thấy một cảnh trí lạnh lẽo hoang vu hơn một cánh đồng xám xịt trên núi, rải rác đó đây là những cơn cừ cái cần nhân và lũ cừ non gần như đông cứng, trên người phủ đầy tuyết và sương giá. Ngay cả những con chim bồ hạt vốn tính sôi nổi cũng đành cúi đầu cong lưng né tránh những cơn bão mùa xuân này.

Tính khí của ngọn núi vào mùa hè cũng thất thường như thời tiết, và ngay cả người cưỡi ngựa ngờ nghệch nhất (và con ngựa của anh ta) cũng cảm nhận được tâm trạng biến chuyển của nó từ tận trong cốt tủy.

Vào một sáng trời trong, ngọn núi sẽ giơ tay mời gọi bạn nằm xuống và lăn lộn trên thảm cỏ sương khiết điểm những bông hoa (con ngựa thiếu tự chủ của bạn sẽ làm điều này trước nếu bạn không giữ dây cương cho chặt). Vạn vật đều đâm chồi nảy lộc và ca hát líu lo. Những cây thông và cây tùng cổ thụ phải chịu đựng mưa rây chớp giạt trong nhiều tháng qua thì nay vươn cao kiêu hãnh để tắm mình trong làn nắng sớm. Những con sóc với túm lông tua rua ở tai chúng ra khuôn mặt lãnh cảm, nhưng lại thể hiện cảm xúc tràn trề bằng tiếng kêu và cái đuôi, liên tiếp nhắc lại điều mà bạn đã biết rất rõ: rằng hiếm có một ngày nào như hôm

nay, hay một thời khắc an nhiên tự tại như thế này để tận hưởng nó.

Nhưng chỉ một tiếng sau, những đám mây đen đã kéo tới che khuất mặt trời, trong khi thiên đường trên mặt đất của bạn đang khúm núm sợ sệt trước những cơn quất đập tàn bạo của sấm chớp, mưa giông, và băng tuyết. Những đám mây u ám đen kịt treo trên nền trời, sẵn sàng bùng phát như một quả bom đã châm ngòi. Con ngựa của bạn giật nảy mình trước mỗi hòn cuội lăn hay một cành cây gãy. Khi bạn mở túi bên yên ngựa và lấy áo mưa, con vật hí lên run rẩy như thể bạn sắp sửa trải cuộn giấy báo tử của Ngày tận thế. Khi tôi nghe ai đó nói rằng họ không sợ sấm chớp, tôi vẫn nghĩ bụng rằng họ chưa từng cưỡi ngựa đi trên đỉnh Bạch Sơn vào một ngày tháng Bảy.

Những tiếng nổ quả thực đáng sợ, nhưng ghê gớm hơn là những mảnh đá bốc khói bắn tóe ra khi hòn sét đánh thẳng vào các bìa đá, rồi vút gió lướt ngay bên tai bạn. Và kinh khủng hơn cả là những mảnh gỗ dầm văng tung tóe khi một tia chớp đánh vào một cây thông. Tôi vẫn còn nhớ một đoạn gỗ thông trắng lóa dài hơn bốn mét cắm sâu vào đất ngay bên cạnh chân tôi, nó đứng đó và rung lên bần bật như một dụng cụ âm thoa.

Những ai mong muốn thoát khỏi nỗi sợ hãi có một cuộc đời thật nhàm chán biết bao.



Trên đỉnh núi có một đồng cỏ tuyệt vời và mát khoảng nửa ngày để đi từ đầu này qua đầu kia, nhưng bạn chớ nên

hình dung nó như một sân khấu ngoài trời trải thảm cỏ và viền quanh bởi hàng rào cây thông. Trái lại, đường diềm của nó cuộn lên cuộn xuống, uốn lượn, và xẻ hình răng cưa men theo hẻm hà sa số các địa hình hoàn toàn khác biệt như vũng và u nước, mũi đất và sông núi, hay đôi đất và rãnh bằng. Không ai có thể biết đầy đủ những địa danh này, và mỗi chuyến đi lại tình cờ hé lộ cho bạn biết một địa điểm mới lạ. Tôi nói “mới lạ” ở đây vì thường khi chúng ta vô tình bắt gặp một vũng trũng trải đầy hoa, ta sẽ nghĩ rằng nếu có ai đó đã đến đây từ trước thì hẳn anh ta đã viết một bản nhạc hay một bài thơ để ca tụng nó rồi.

Cảm giác lâng lâng khi khám phá ra một điều kỳ diệu hẳn là tác nhân đứng sau hàng ngàn hàng vạn những tên viết tắt, ngày tháng, và tên đàn gia súc được khắc lên thân những cây dương lá rung ở khắp các điểm dừng trại trên núi. Ẩn chứa trong những dòng chữ chạm khắc này, ta có thể đọc được lịch sử và văn hóa của những người sống ở vùng Texas - “*Homo texanus*”, một thứ lịch sử không dựa theo văn kiện nhân chủng học khô khan, mà tạo nên từ nghề nghiệp của một vài ông tổ khai hoang nơi này (mà con trai của ông ta có thể đã vượt mặt bạn trong việc buôn bán ngựa, còn con gái của ông ta có khi đã từng cầm tay bạn trong một điệu nhảy). Ở đây, trong những dòng chữ khắc từ những năm 90, là tên viết tắt giản đơn của họ, không bao gồm tên đàn gia súc, một chữ báo rõ ràng đánh dấu thời khắc ông ta lần đầu tiên một mình lên núi như một người chân bò du mục. Một thập kỷ sau, tên đàn gia súc xuất hiện bên cạnh tên viết tắt của ông ta: lúc này, ông ấy hẳn đã trở

thành một công dân thực thụ trong cộng đồng chăn gia súc, với bộ cánh được mua bằng sự tần tiện, tiền lời, và một cây roi bò. Sau đó chỉ vài năm, tên viết tắt của con gái ông ta sẽ xuất hiện, được khắc bởi một cậu trai si tình không chỉ với ao ước được đón nàng về dinh mà còn cả món hồi môn kếch xù từ cha nàng nữa.

Ông già giờ đây đã nằm sâu dưới đất. Trong những năm cuối đời, trái tim ông chỉ khẽ reo lên sung sướng mỗi khi tiền vào tài khoản hay số lượng gia súc trong đàn tăng thêm. Nhưng trên cây dương lá rung kia mới là nơi lưu dấu tuổi trẻ một thời của ông đã được tận hưởng cảnh bồng lai trên đỉnh núi mùa xuân.

Lịch sử của ngọn núi không chỉ được viết lên vỏ cây dương mà còn trong tên gọi của những địa danh trên núi. Các địa danh ở vùng quê chăn bò thường có phần tục tằn, hóm hỉnh, mỉa mai, hay sến súa nhưng hiếm khi nhảm chán. Thường thì chúng là những cái tên đủ khơi gợi trí tò mò của những người mới đến; quanh từng cái tên là một câu chuyện thêu dệt, và khi trải chúng ra thì ta có một tấm thảm đan móc bằng những chuyện dân gian.

Ví dụ, “Bãi xương” (The Boneyard) là tên một cánh đồng xinh đẹp nơi những nhánh hoa chuông uốn những bông hoa xanh tím trên những cái đầu lâu và xương bò vương vãi khắp nơi. Ở đây, vào những năm 80, một người chăn bò mới chân ướt chân ráo đến từ những thung lũng ẩm áp ở mạn Texas đã ngu ngốc tin vào vẻ ngoài mời gọi của hương sắc mùa hè trên núi và lừa đàn bò đến đây ăn cỏ khô vào mùa đông. Khi những cơn bão tháng Mười một ủa tới, ông ta chỉ

kip thoát thân cùng con ngựa, nhưng đàn bò của ông thì không được may mắn như thế.

Lại còn “Dòng Campbell Buồn” (The Campbell Blue), tên đặt cho khu thượng nguồn sông Blue, nơi một người chăn bò đã đưa cô vợ yêu đến nghỉ chân. Cô gái trẻ đã quá mệt mỏi với cây cỏ và sỏi đá và mơ ước có một chiếc dương cầm. Và cô đã được toại nguyện khi chồng cô mua tặng cô một cây dương cầm hiệu Campbell. Trong hạt chỉ có duy nhất một con la đủ sức kéo cây đàn, và chỉ duy nhất một người đóng gói hàng có khả năng làm cái việc tưởng chừng siêu nhiên là thăng bằng gói hàng công kênh đó trên chiếc xe kéo. Nhưng chiếc dương cầm không mang lại niềm vui cho cô gái như đã tưởng, và cô đã bỏ đi sau đó. Khi tôi được nghe kể câu chuyện này, thì căn cabin của họ chỉ còn là một đống gỗ mục hoang phế.

Lại còn “Bãi lầy Đậu” (Frijole Cienega), tên đặt cho một cánh đồng lầy bao quanh bởi những rừng thông. Ở đó có một căn cabin nhỏ làm nơi trú chân cho bất cứ ai lỡ độ đường. Có một luật bất thành văn dành cho người chủ của những nơi chốn như vậy là họ sẽ để sẵn bột mì, mỡ lợn, và đậu trong căn cabin, và những người khách dừng chân nghỉ lại sẽ góp thêm vào kho lương thực chung này trong chừng mực có thể. Nhưng có một người du hành xấu số đã mắc kẹt trong căn cabin suốt một tuần vì mưa bão mà chỉ có duy nhất món đậu để ăn. Hành động vi phạm trắng trợn tinh thần hiếu khách này hiển nhiên sẽ được ghi tạc lại bằng một địa danh.

Và cuối cùng là đến “Nông trại Thiên đường” (Paradise Ranch), một vùng đất nhìn qua trên bản đồ thì tưởng như tẻ nhạt, nhưng khi bạn thực sự đặt chân đến đó sau một chặng đường dài trên lưng ngựa thì nó lại là một câu chuyện khác. Nơi này nằm ở một góc khuất ở xa phía bên kia một đỉnh núi cao, như bất kỳ một thiên đường có thật nào. Uốn mình chảy qua những cánh đồng cỏ non xanh ở đây là một dòng suối cá hồi bơi lội. Có một con ngựa đã lạc đến nơi này và sau một tháng ở đây thì nó phát tướng đến nỗi tấm lưng của nó phình ra to như cái phao, đủ chỗ cho nước mưa đọng thành vũng. Sau lần đầu đến thăm Nông trại Thiên đường, tôi thán nhủ: quả thật không còn cái tên nào phù hợp hơn cho chốn này.



Đã từ lâu tôi không còn quay lại dãy Bạch Sơn nữa, dẫu cho đời đã tạo nhiều cơ hội cho tôi trở về. Tôi không muốn chứng kiến những gì mà khách du lịch, đường sá mới mở, nhà máy cưa, và đường tàu chở gỗ đã vô tình hay hữu ý gây ra cho ngọn núi này. Tuy vậy, tôi vẫn nghe những người trẻ tuổi, thế hệ chưa sinh ra khi tôi lần đầu tiên lên tới “vùng thượng”, kháo nhau rằng Bạch Sơn quả là một nơi tuyệt vời. Và ở điểm này thì tôi nhẹ dạ lòng và đồng ý với họ.

Suy nghĩ như một ngọn núi

Một tiếng thét vỡ ra từ trong lồng ngực, vang dội từ bìa đá này sang bìa đá khác, cuộn trào xuống chân núi, trước khi chìm dần vào đêm đen. Nó là nỗi sầu muộn bật khởi từ thái độ phản kháng và khinh thường mọi nghịch cảnh.

Tất cả các sinh vật sống (và có lẽ rất nhiều những con đã chết nữa) lắng tai nghe tiếng gọi đó. Loài hươu coi tiếng thét đó nhắc nhở chúng về xác thịt phù du; cây thông coi đó là điềm báo cho những cuộc hỗn chiến đầu rơi máu chảy trong màn đêm; con chó sói đồng cỏ lại hí hửng nghĩ tới những miếng mồi nó sẽ mót lượm được; người chăn bò thì rùng mình nghĩ tới những mối hiểm nguy lẫn khuất bên bờ sông; người thợ săn thì lại xem nó như một lời tuyên chuyển giữa nanh trắng và họng súng. Tuy nhiên, bên dưới tất cả những khát khao hay nỗi sợ này là một tầng ý nghĩa sâu xa hơn mà chỉ có ngọn núi mới hiểu. Chỉ ngọn núi là đủ trải đời để khách quan lắng nghe tiếng tru của loài sói.

Và những ai không giải mã được ý nghĩa ẩn giấu đằng sau tiếng tru đó vẫn sẽ cảm nhận được sự hiện diện của nó, bao trùm lên khắp vùng lãnh thổ loài lang sói và tách biệt nó khỏi mọi vùng đất khác. Nó làm gai lưng những ai lắng nghe tiếng sói tru về đêm và dò xét dấu chân của chúng vào ban ngày. Ngay cả khi ta không nhìn hay nghe thấy những con sói, chúng vẫn hiện hữu qua vô số những diễn biến nhỏ nhất: tiếng hí của bầy ngựa lúc nửa đêm, tiếng sỏi lăn lạo xạo, tiếng guốc phi của một con hươu, những bóng đen lẫn quất bên dưới gốc cây vân sam. Chỉ những tay lính mới khó đào tạo mới không đọc được sự hiện hữu (hoặc

không) của bầy sói, hay cảm nhận được những ý kiến sâu kín của ngọn núi về loài vật này.

Niềm tin của tôi vào điều này được khẳng định từ cái ngày tôi chứng kiến cái chết của một con sói. Chúng tôi đang ngồi ăn trưa trên một bìa đá nhô ra, bên dưới là khúc cua một con sông nước chảy xiết, và tưởng rằng thứ mình nhìn thấy là một con hươu cái đang lội dưới dòng nước trắng xóa dâng cao sắp đến ngực con vật. Khi nó trèo được lên bờ về phía chúng tôi và vẫy đuôi, chúng tôi nhận là mình đã lầm: đó là một con sói. Một đám lốc nhốc những con sói thiếu niên nhào ra từ sau bụi liễu, vẫy đuôi và cắn yêu đầy mừng rỡ để chào đón mẹ chúng. Và cứ thế, cả bầy sói tiếp tục nô giỡn kêu la ngay giữa bãi đất trống dưới chân bìa đá chúng tôi ngồi.

Vào thời đó, việc để tuột cơ hội bắn chết một con sói là chuyện vô cùng hy hữu. Trong tích tắc, chúng tôi bắt đầu nạp đạn vào súng, mặc dù vì hưng phấn nhiều hơn là muốn ngắm bắn chính xác; vả lại, việc ngắm bắn từ trên cao xuống luôn thách thức hơn. Khi chúng tôi xả hết đạn được, thì con sói cái già đã gục xuống chết, còn một con sói con đang lết chân lách vào giữa những tảng đá lăn.

Khi chúng tôi xuống tới nơi thì cũng vừa lúc kịp nhìn thấy một đốm lửa xanh trong ánh mắt đang tắt dần sinh khí của con sói. Vào giây phút ấy, tôi nhận ra một điều mình chưa từng biết, rằng có điều gì đó mới mẻ ẩn trong đôi mắt ấy - một bí mật giữa con sói và ngọn núi. Lúc đó tôi còn trẻ dại và háo hức; trong đầu tôi chỉ nghĩ được rằng nếu bắn bớt sói thì sẽ có nhiều hươu hơn, và nếu lũ sói chết hết thì

khu này sẽ trở thành thiên đường săn bắn. Nhưng sau khi nhìn ánh lửa trong đôi mắt xanh đỏ tắt lịm, tôi cảm thấy rằng có lẽ cả con sói và ngọn núi đều không đồng tình với suy nghĩ của tôi.



Kể từ đó, tôi đã đi qua rất nhiều bang, bang nào cũng lần lượt trừ khử loài sói. Tôi đã chứng kiến nhiều ngọn núi không còn bóng dáng của bầy sói, và nhìn thấy những sườn núi phía nam hằn lên những vết chân hươu chông chéo. Tôi đã tận mắt trông thấy tất cả các bụi cây ngọn cỏ trên những quả núi đó bị bào mòn gặm tĩa, rồi sau đó chết hẳn. Tôi đã nhìn thấy những tán cây bị ăn không còn một chiếc lá, thân cây chỉ cao vừa đủ cho lũ hươu cạ sừng. Những ngọn núi thảm thương đó trông như thể có người đã đưa cho Chúa trời một cái kéo tĩa, và sau đó cấm Ngài không được đụng tay vào việc gì khác. Cuối cùng, tất cả những gì còn lại là mớ xương tàn của bầy hươu mà ai cũng mong đợi, chết đói vì không còn gì để ăn; mớ xương bạc phếch của chúng nằm kẹt giữa những thân cây ngải đắng và cây bách xù trơ trụi.

Giờ thì tôi ngờ rằng, nếu như bầy hươu luôn sống trong nỗi kinh sợ bầy sói, thì những ngọn núi luôn sống trong nỗi khiếp đảm bầy hươu. Và nỗi sợ của những ngọn núi dường như chính đáng hơn, vì một con hươu bị bầy sói ăn thịt sẽ được con khác thay thế sau hai hoặc ba năm, còn một ngọn núi bị lũ hươu càn quét có lẽ sẽ mất hàng thập kỷ để phục hồi, nếu thành công.

Với đàn bò cũng vậy. Khi người chăn bò xóa sổ loài sói khỏi cánh đồng chăn thả, anh ta không nghĩ tới chuyện mình sẽ phải thay thế nhiệm vụ của bầy sói là giữ cho số lượng đàn bò cân xứng với khả năng cung cấp cỏ của cánh đồng. Anh ta chưa học được cách suy nghĩ như một ngọn núi. Và cũng vì thế mà chúng ta chỉ còn tro lại các thung lũng cát và tương lai con người cứ trôi ra biển lớn theo những dòng sông cuộn chảy.



Tất cả chúng ta ai cũng mong có một cuộc sống an lành, sung túc, dễ chịu, miên trường, và nhàn chán. Con hươu rắng đạt được điều đó với đôi chân dẻo dai, người chăn bò với bầy gài và bả độc, người chính khách với ngòi bút, và đa phần chúng ta thì cố gắng với máy móc, lá phiếu bầu, và đồng đô-la xanh. Tất cả cũng chỉ để phục vụ một mục đích: một cuộc sống bình yên. Đạt được điều này không phải là tệ, thậm chí có thể là một tiêu chí cho việc suy nghĩ khách quan, nhưng an toàn quá thì chỉ sinh ra nhiều hiểm họa về lâu về dài. Có lẽ đây là sự thật phía sau câu châm ngôn của Thoreau: Ẩn trong hoang dã là sự cứu rỗi cho thế giới. Có lẽ đó cũng là ý nghĩa ẩn tàng sau tiếng tru của loài sói mà núi non đã biết từ lâu nhưng người đời thì tới giờ vẫn chưa thông hiểu.

Đỉnh Escudilla

Cuộc sống ở Arizona được lót dưới bằng cây cỏ grama rậm rạp, bọc trên bởi bầu trời, và đường chân trời thì được chắn bằng ngọn núi Escudilla.

Đi về phía bắc ngọn núi bạn sẽ được cưỡi ngựa băng qua những cánh đồng màu mật ong. Nhìn lên ở bất cứ chỗ nào, bất cứ lúc nào, bạn sẽ nhìn thấy Escudilla.

Đi về hướng đông bạn sẽ đi qua những khối núi mặt bàn phủ cây xanh. Mỗi quả núi như một thế giới riêng thu nhỏ, đầm ánh mặt trời, thơm mùi lá bách xù, và vang lên tiếng sum vầy ấm áp của bầy chim giẻ cùi thông. Nhưng leo lên đỉnh rặng núi Bạch Sơn là bạn sẽ lập tức biến thành một chấm nhỏ trong thế giới vô tận. Bên rìa thế giới đó là đỉnh Escudilla cheo leo.

Về phía nam, ta sẽ thấy những hẻm núi chông chéo của sông Blue, đầy nhóc đám hươu đuôi trắng, gà tây hoang dã, và những đàn gia súc còn hoang dã hơn. Rồi khi bạn bỏ lỡ cảnh một con hươu đực tráng kiện lắc sừng chào từ biệt trên nền trời, và nhìn xuống dưới để tìm kiếm lý do cho cử chỉ ấy, bạn sẽ nhìn thấy một ngọn núi xanh ở đằng xa: đỉnh Escudilla.

Còn về đằng tây là biên giới cuộn cuộn của Khu rừng Quốc gia Apache. Chúng ta đến đó thăm dò cây lấy gỗ, chuyển hóa những cây thông thành những khối gỗ 40 nhân 40 trong số tay ghi chép.

Vừa đi lên theo hẻm núi vừa thở dốc, người thăm dò cảm nhận một sự cách biệt lạ lùng giữa những hình vẽ im lìm trong sổ tay và thực tế sống động bên ngoài của mồ hôi rịn ra nơi kẽ tay, những con châu chấu búng càn, những vết đốt của loài ruồi hươu, và những con sóc kêu la. Nhưng khi chạm đến dãy núi kế tiếp, một cơn gió kinh gào thét trên một biển thông xanh dầy sóng đã thổi bay mọi nghi hoặc trong đầu anh ta. Ở phía bờ xa bên kin của biển thông là Escudilla.

Ngọn núi không chỉ tiết chế cách ta làm việc và vui chơi, mà còn quyết định xem liệu ta có tìm được một bữa ăn tử tế hay không. Vào những đêm đông, chúng tôi thường cố gắng đánh úp một con vịt hoang trên những bãi sông. Từng đàn vịt thận trọng bay vòng trên nền trời từ phía tây màu hồng nhạt hay phía bắc màu xanh thép, rồi biến mất sau dãy núi Escudilla đen như mực. Nếu chúng xuất hiện trở lại, chúng tôi sẽ có một con vịt đực to béo trong nồi cho bữa tối. Nếu chúng không xuất hiện trở lại thì chúng tôi sẽ lại phải ăn thịt xông khói và đậu đóng hộp.

Và thực tế thì chỉ có duy nhất một nơi mà bạn không thể nhìn thấy núi Escudilla, đó chính là trên đỉnh Escudilla. Và mặc dù bạn không thể nhìn thấy ngọn núi, bạn vẫn có thể cảm nhận được nó qua sự hiện diện của Chân To, một con gấu vĩ đại.

Chân To là một ngài bá tước kiêm kẻ trộm, và Escudilla là lâu đài của nó. Mỗi mùa xuân, khi những cơn gió ấm áp làm dịu đi những bóng đen trên lớp tuyết, cụ gấu xám già này lại bò ra khỏi nơi ngủ đông trong hang đá, đi xuống núi

và nện vỡ sọ một con bò xấu số. Sau khi đã ăn no bụng, cụ gấu liền bò trở về hang và tận hưởng mùa hè ở đó với một kho lương thực gồm những con chồn macmot, thỏ rừng, dẫu đại, và rể củ.

Tôi từng nhìn thấy một trong những con mồi của ngài Chân To. Đầu và cổ của con bò vỡ nát, như thể nó đã đâm đầu thẳng vào một đoàn tàu chở hàng.

Chưa một ai từng nhìn thấy con gấu già, nhưng bạn có thể nhìn thấy vết chân vĩ đại nó để lại trên lớp bùn sinh bên bờ suối, đủ khiến cho ngay cả những gã cao bồi gan góc nhất phải chú ý. Bất cứ nơi đâu họ đặt chân ngọn núi đều thù lù trước mặt, và ngọn núi luôn nhắc họ nhớ đến sự hiện diện của loài gấu. Những cuộc chuyện trò quanh lửa trại luôn xoay quanh chủ đề đàn bò, những cuộc họp mặt đàn ca múa hát (baile), và những con gấu. Tuy rằng Chân To chỉ chiếm dụng một vài cây số vuông đất “chó ăn đá gà ăn sỏi” kèm theo một con bò một năm, ta vẫn cảm nhận được sự hiện hữu khắp nơi của nó trên vùng đồng quê này.

Đó là khi địa hạt chăn bò này bắt đầu chuyển mình phát triển, và quá trình phát triển ấy diễn ra trên nhiều lĩnh vực.

Điểm báo đầu tiên của phát triển là sự xuất hiện của những tay lái ô-tô liên bang. Có một sự đồng điệu giữa họ và những người cao bồi: cả hai đều nói chung thứ ngôn ngữ lướt qua trong cơn gió và ghim trong vẻ ngoài dày dặn đường trường.

Những người cao bồi không hiểu, mặc dù họ vẫn nghe và ngắm nhìn, cô nàng xinh xắn mặc đồ nhung đen - người đến

để khai sáng cho họ về quyền bầu cử của phụ nữ bằng thứ giọng Boston thành thị.

Họ cũng sững sờ trước những người kỹ sư lắp đặt đường dây thép trên những thân cây bách xù và vận chuyển thông điệp trong tích tắc từ thị trấn. Một ông già bèn hỏi rằng liệu sợi dây đó có thể vận chuyển nhanh cho ông một lát thịt xông khói được không.

Vào mùa xuân nọ, sự phát triển gửi đến một sứ giả nữa, lần này là một người bầy thú làm việc cho chính phủ - một vị Thánh George trên đường tìm kiếm những con rồng để tiêu diệt theo lệnh của nhà nước. Anh ta hỏi rằng ở đây có những loài vật gây hại nào cần tiêu diệt không? Những người dân trả lời rằng có một con gấu lớn.

Người bầy thú đóng đồ lên lưng con la và tiến về hướng Escudilla.

Một tháng sau, anh ta quay lại với một tấm da gấu nặng trĩu trên lưng con la. Chỉ có một trang trại duy nhất đủ to trong thị trấn để phơi tấm da đó. Anh ta đã thử mọi cách, từ đặt bẫy đến đánh bả, tất cả đều vô hiệu. Cuối cùng, anh ta liền đặt một khẩu súng có dây kéo cò trong một hẻm núi mà chỉ con gấu có thể đi qua. Con gấu xám cuối cùng còn lại đã dẫm chân lên sợi dây và tự bắn chết mình.

Lúc đó là tháng Sáu. Tấm da của con vật bốc mùi hôi thối với những vết cắt rọc loang lổ, và hẳn nhiên là vô dụng. Chúng tôi cảm thấy việc không để lại được chỉ ít là một bộ da tử tế như một hành động xúc phạm với con gấu cụ và đồng loại của nó. Tất cả những gì còn lại của nó là một cái

đầu lâu trong Bảo tàng Quốc gia, và một cuộc tranh cãi giữa những nhà khoa học về danh pháp tiếng Latin của nó.

Chỉ sau khi chúng ta suy ngẫm về những điều này thì chúng ta mới bắt đầu băn khoăn ai là người đã viết nên điều lệ cho sự phát triển.



Kể từ thời khai thiên lập địa, thời gian đã ngấm ngấm chờ đợi, cạo vát, và kiến tạo những khối đất đá ba-zan trên đỉnh Escudilla. Thời gian đã tạo dựng ba thứ trên ngọn núi lão niên này: một vẻ hùng vĩ đáng kính nể, một cộng đồng những loài động thực vật cỡ nhỏ, và một con gấu xám.

Người bầy thú của chính phủ biết rằng anh ta đã giúp biến Escudilla thành một nơi an toàn cho đàn bò khi anh ta hạ thủ con gấu xám. Anh ta không biết rằng mình đã đánh đổ đỉnh chóp của một tòa tháp - một tòa thiên nhiên vẫn luôn trong quá trình thi công hoàn thiện, dựng nên bằng lời ca tiếng hát của những vì sao mai.

Ông trưởng hạt sở tại, người đã điều động tay bầy thú, là một nhà sinh học nắm rõ thuyết Tiến hóa, nhưng ông ta không nhận ra rằng con gấu xám (ở vị trí đỉnh chóp thức ăn) có thể cũng quan trọng như những con bò. Ông ta không lường trước được rằng chỉ trong hai thập kỷ sau đó, địa hạt chăn bò này sẽ trở thành một điểm du lịch, và vì thế cần có nhiều những con gấu hơn là mấy miếng bít-tết bò.

Các ông Nghị sĩ bỏ phiếu thuận cho việc chi tiền để xóa sổ loài gấu khỏi các cánh đồng chăn thả, vốn là con cái của

những người đến đây khai khẩn đất đai. Họ đã thừa hưởng những tố chất ưu việt của những người tiên phong mở đường, nhưng cũng chính họ là những kẻ tìm đủ cách để hủy hoại mảnh đất cha ông khai phá.

Những người kiểm lâm chúng tôi, những người đồng lõa trong việc diệt chủng loài gấu, ai cũng biết về một người nông dân trong lúc cày ruộng đã bới lên một thanh gươm khắc tên một viên tướng dưới trướng của Coronado. Chúng ta chỉ trích nặng nề những người Tây Ban Nha, trong cơn mê vàng và tìm kiếm người để cải đạo, đã thẳng tay giết hại thổ dân châu Mỹ. Tuy nhiên, chúng ta không nhận ra rằng chính mình cũng đang chỉ huy một cuộc xâm chiếm mượn danh chính nghĩa.

Escudilla vẫn nằm đó nơi chân trời, nhưng khi nhìn thấy nó giờ đây bạn sẽ không mấy may nghĩ đến những con gấu nữa. Giờ nó chỉ là một ngọn núi như bao ngọn núi khác mà thôi.

CHIHUAHUA VÀ SONORA

Guacamaja

Nghiên cứu bản chất vật lý của cái đẹp là một ngành khoa học tự nhiên vẫn còn trong thời tăm tối. Ngay cả những người có tài bề cong không gian cũng chưa buồn động não giải quyết những phương trình của nó. Ví dụ, ai ai cũng biết rằng công thức tạo nên phong cảnh trời thu trong những cánh rừng phía bắc ngoài mặt đất ra còn có thêm một cây thích lá đỏ và một con gà gô trắng lông xù. Về mặt vật lý thông thường, con gà gô trắng chỉ tượng trưng cho một phần nghìn khối lượng hay năng lượng của một héc-ta đất. Tuy nhiên nếu ta loại trừ con gà gô ra thì toàn bộ khung cảnh mùa thu sẽ thành ra vô vị. Một nguồn năng lượng thúc đẩy khổng lồ bỗng chốc tan thành mây khói.

Thật dễ để đổ lỗi rằng mất mát ấy chỉ do chúng ta tự tưởng tượng ra trong đầu mà thôi, nhưng liệu có một nhà sinh thái học nào đồng ý với điều đó? Anh ta sẽ hiểu rõ rằng con gà gô biến mất đánh dấu một sự mất mát về mặt sinh thái, mà tầm quan trọng của nó không thể diễn tả được qua ngôn ngữ khoa học đương thời. Một triết gia từng gọi bản chất không cân đo đong đếm được này là cái “bất khả cảm” (numenon) của sự vật. Nó tồn tại đối lập với cái hữu

khả cảm (phenomenon), vốn là cái có thể cân đo và tiên liệu được (bao gồm cả những chuyển động của các tinh tú xa xôi).

Con gà gô là cái bất khả cảm trong những cánh rừng phía bắc, cũng như con giẻ cùi xanh trong những bụi cây mại châu, con chim giẻ cùi Canada ở đầm lầy, hay chim giẻ cùi thông giữa những trắng cây bách xù dưới chân núi. Chúng là những thực thể tự thân không được lưu vào điều hiển. Tôi đồ rằng chúng còn là điều gì đó lạ lẫm với khoa học, mặc dù các nhà khoa học đều biết rõ về chúng. Dù sao đi nữa, tôi vẫn muốn ghi lại ở đây việc khám phá ra điều bất khả cảm ở dãy Mẫu Sơn (Sierra Madre): giống vẹt mỏ dày.

Sở dĩ con vẹt là một khám phá mới vì có quá ít người đã từng đến nơi nó nướng nấu. Nhưng một khi đã đến đó, chỉ có kẻ đui mù câm điếc mới có thể phủ nhận vai trò của nó trong cảnh quan cũng như đời sống núi rừng. Quả thật vậy, trước khi bạn kịp ăn xong bữa sáng thì những đàn chim huyền não đã rời tổ trên những bìa đá, vừa bay vừa kêu inh ỏi như báo hiệu về phía chân trời rạng đông. Như những toán sếu, chúng chao liệng và xoáy vòng tròn, lớn tiếng tranh cãi với nhau câu hỏi (mà cũng sẽ khiến bạn băn khoăn) rằng trời hôm nay có sắc xanh hơn và ánh kim hơn hôm qua hay không. Kết quả chung cuộc là hòa, và cả đàn chim lại tề ra thành từng toán nhỏ đi kiếm bữa sáng là những hạt thông còn nằm trong vỏ quả trên ngọn núi mặt bàn. Chúng vẫn còn chưa nhìn thấy bạn.

Nhưng một lát sau, khi bạn đang trèo lên đoạn đường hem núi dốc đứng, một vài con vẹt tinh mắt đã nhìn thấy

bạn từ cách đó hơn một cây số, một sinh vật kỳ lạ thở hỗn hển đang men theo đoạn đường vốn chỉ có hươu hay sư tử, gấu hay gà tây được phép thông hành. Và chúng lập tức quên mất bữa sáng. Kêu văng lên một tiếng, cả bầy chim cất cánh và bổ nhào về phía bạn. Trong lúc chúng đảo vòng xà quần trên đầu, bạn tuyệt vọng ước lúc đó mình có một quyển từ điển vet ngữ. Có phải chúng đang tra khảo rằng bạn đang làm cái quỷ quái gì ở chỗ này không? Hoặc có phải chúng giống như một phòng thương mại điều quốc đang muốn chắc chắn rằng bạn hiểu rõ về vẻ đẹp quê hương chúng, từ tiết trời, lê dân, đến tương lai xán lạn của chúng so với mọi nơi khác lẫn ở các thời điểm khác? Có thể là một trong hai, mà cũng có thể là cả hai. Và lúc đó trong đầu bạn chợt lóe lên viễn cảnh đáng buồn khi con đường lên núi được rải nhựa, và ban tiếp đón hoạt náo này sẽ chạm trán với những vị khách du lịch kiêm thợ săn.

Chẳng mấy chốc, bầy vet nhận ra rằng bạn chỉ là một gã tẻ nhạt mồm miệng ú ớ, thậm chí không cất lên được một tiếng huýt sáo nhã nhận đủ tiêu chuẩn để đón bình minh trên núi. Và dù sao thì vẫn còn nhiều lắm những nón thông chưa tể trong rừng già, nên chúng liền quay trở lại với bữa sáng! Lần này có thể chúng sẽ sà xuống trên những tán thông đầu đó bên dưới bìa đá, tạo cơ hội cho bạn men ra phía vực và nhìn xuống. Dưới đó, bạn sẽ lần đầu nhìn thấy màu sắc của lũ chim: những bộ cánh màu lục nhung mịn đồng đều, điểm xuyết cầu vai đỏ ken vàng và lông mặt màu đen - chúng chuyển càn nh ã giữa các cây thông, mặc dù luôn giữ nguyên đội hình số chẵn. Chỉ có một lần duy nhất

là tôi nhìn thấy một băng năm con, hay theo bất cứ số lẻ nào.

Tôi không biết liệu những đôi vẹt chung sống với nhau có om sòm như bầy vẹt bay ra tiếp đón tôi vào tháng Chín ấy hay không. Tôi chỉ biết rằng, nếu lũ vẹt có mặt trên núi vào tháng Chín thì chắc chắn bạn sẽ nghe thấy tiếng chúng. Ở địa vị một nhà điều học chính danh, tôi sẽ cố gắng nhái giọng chúng. Thoạt nghe qua thì nó gần giống tiếng con giẻ cùi thông, nhưng nếu tiếng con giẻ cùi nhẹ nhàng và gọi nhắc đến làn sương mỏng giăng trên những hôm núi quê hương chúng, thì tiếng kêu của lũ vẹt Guacamaja lại lớn hơn, âm vang hồ hởi như tiếng một danh hài.

Vào mùa xuân, tôi được nghe kể là đôi vẹt sẽ tìm một cái lỗ của một con gỗ kiến để lại trên thân cây thông cao đã chết để thực hiện trách nhiệm với giống nòi trong sự riêng tư tạm thời. Nhưng làm thế nào mà con gỗ kiến thông thường có thể khoan được một cái hốc đủ lớn? Loài vẹt Guacajama có kích thước bằng một con chim bồ câu, và vì thế sẽ không thể nhét mình vào một cái hốc chật hẹp được. Có phải chúng đã dùng cái mỏ to khỏe của mình cơi nới cái hốc để đạt độ rộng cần thiết? Hay liệu chúng nương mình vào cái hốc của những con gỗ kiến hoàng đế lớn xác, từng được ghi nhận là có lai vãng tới khu vực này? Tôi xin để câu hỏi này lại cho các nhà điều học tương lai giải đáp.

Đâm phá xanh rì

Có một điều bạn nên biết đó là không bao giờ nên đến thăm một chốn hoang dã hai lần, vì đó là một việc thừa thãi không cần thiết. Việc quay lại không chỉ làm hỏng một cuộc du ngoạn, mà còn làm vấy bẩn những ký ức ban đầu nữa. Chỉ có trong đầu chúng ta thì những chuyến du hành mới giữ mãi hào quang của nó. Vì lý do này, tôi đã không quay lại Đồng bằng sông Colorado kể từ khi hai anh em tôi khám phá nơi này bằng xuồng ca-nô vào năm 1922.

Tất cả những gì chúng tôi biết về vùng đồng bằng lúc đó là nó đã rơi vào quên lãng kể từ sau khi Hernando de Alarcón đặt chân tới đó vào năm 1540. Trong những tuần cắm trại ở cửa sông nơi các con thuyền của ông ta từng neo đậu, chúng tôi không hề nhìn thấy một bóng người hay gia súc, thậm chí cả một vết rìu chặt cây hay một hàng rào. Có lần chúng tôi tìm thấy vết tích một chiếc xe kéo vô danh, có lẽ được dùng cho mục đích mờ ám nào đó. Lần khác, chúng tôi tìm thấy một cái bi đồng bằng thiếc và nhanh chóng chộp lấy thứ dụng cụ quý giá này.

Bình minh trên đồng bằng luôn vang vọng tiếng hót của những con chim cút Gambel, loài chim làm tổ trong những tán cây đậu mesquite. Mặt trời lấp ló trên dãy Mẫu Sơn chạy cắt chéo qua hàng cây số đất đồng trống trải, một vùng thiên nhiên bằng phẳng rộng lớn với đường gò cắt xẻ lồi lõm. Trên bản đồ, con sông có vẻ như xẻ vùng đồng bằng làm đôi, nhưng kỳ thực nó vừa có đó mà cũng không có đó, có lẽ một phần vì nó không thể xác quyết nên chọn cái nào giữa một trăm vùng đầm phá xanh mướt mãi làm lối đi dễ chịu và chậm rãi nhất để chảy ra ngoài vịnh. Vì thế,

nó quyết định vất mình qua tất cả các đầm phá, và chúng tôi cũng nương theo làm điều tương tự. Nó chia dòng rồi hợp dòng, uốn lượn vặn vẹo, sau đó ngoằn ngoèo chảy qua các cánh rừng bạt ngàn. Nó thậm chí chảy thành vòng tròn, chơi đùa với những tán rừng nhỏ, vui sướng khi chảy lạc dòng - và chúng tôi cũng vậy. Bạn chỉ thực sự làm chúa tể việc trì hoãn công việc khi bạn du hành trên một con sông dùng dằng không muốn đánh mất tự do khi hòa mình vào biển lớn.

“Ngài dẫn tôi đến mé nước bình tĩnh” vốn chỉ là một câu nói trong Kinh thánh cho đến khi chúng tôi theo mũi thuyền chèo qua các đầm phá xanh ngan ngát. Nếu thánh David chưa từng viết kinh Psalm, thì lúc đó ắt chúng tôi cũng tự cảm thấy cần phải viết. Những vùng nước lặng mang một màu xanh thắm như ngọc lục bảo, có lẽ một phần nhờ tảo nơi đáy nước. Một bức tường xanh tươi bằng cây đậu mesquite và liễu ngăn tách dòng chảy khỏi vùng hoang mạc khô cằn phía bên kia. Ở mỗi khúc quanh của con sông, chúng tôi lại thấy những con diệc trắng đứng trầm tư trong các đầm nước phía trước, những bức tượng thạch cao với hình ảnh phản chiếu cũng trắng toát trên mặt nước. Từng bầy chim cốc rúc mỏ xuống nước rửa tìm những bầy cá đối bơi ngang bơi dọc; những con chim mỏ cứng, chim dẽ Bắc Mỹ, và chim chân vàng đậu một chân gà gât trên các cành cây; vịt Carolina, vịt trời Mareca, và mòng két xòe cánh hoảng hốt bay lên trời. Những con chim tán loạn bay lên không trung, rồi lại nhập thành đội hình trên tầng mây cao, hoặc lại tản ra bay về đằng sau chiếc ca-nô của chúng tôi.

Khi một toán chim diệc đậu lên một rặng liễu xanh phía xa, trông chúng như những cụm mây tuyết lác đác.

Thiên nhiên trù phú đầy chim muông tôm cá này không chỉ dành riêng cho chúng tôi thụ hưởng. Những con linh miêu vẫn thường xuất hiện, nằm dài trên một thân gỗ mục chìm trong nước phân nửa, những móng vuốt sẵn sàng để vồ cá đối. Những gia đình gấu trúc Bắc Mỹ lội qua vũng nước nông để nhấm nháp những con bọ nước. Đám chó sói đồng cỏ nhìn ngó chúng tôi từ xa bên trong đất liền, chờ đến lúc tiếp tục bữa sáng với những kén đậu mesquite, thi thoảng thêm vào một con chim lội cẳng thọt, một con vịt hay chim cút xấu số nào đó.

Những vết chân hươu chi chít trên khắp các vũng lội cạn nước. Chúng tôi luôn xem xét các dấu chân hươu này, với hy vọng tìm thấy dấu vết phân loài báo đốm Mỹ (hay còn gọi là *el tigre* - Ông Cọp).

Chúng tôi không tìm được vết tích gì của con báo đốm, nhưng dường như nó vẫn có mặt ở khắp mọi nơi trong thiên nhiên hoang dã: bất cứ loài vật nào quên đi sự tồn tại lẫn khuất của nó đều sẽ phải trả giá cho sự sơ suất của mình. Không con hươu nào dám quần quanh bụi rậm, hay dừng lại ghé mồm ăn trái đậu mesquite dưới tán cây trước khi đưa mũi thám thính xem có mùi của ông Cọp ở đó không. Không một câu chuyện quanh đồng lửa trại nào là không nhắc đến nó. Không một con chó nào dám khinh suất, trừ phi là lúc nằm cuộn tròn dưới chân chủ; không cần ai nhắc nhở, nó cũng biết rằng chúa tể miêu tộc vẫn là lãnh chúa của bóng đêm, và những móng vuốt của ông Cọp có thể vả chết một

con trâu mộng và những cái răng nanh của Ông thì khỏe như lưỡi dao máy chém.

Giờ đây thì vùng đồng bằng đã được “tiệt trùng” thành một nơi an toàn cho gia súc và hết sức tử nhát với những tay thợ săn có máu phiêu lưu. Việc thoát khỏi nỗi sợ đồng nghĩa với sự ra đi của một phần kỳ diệu ẩn trong những đầm phá nước xanh.

Khi Kipling ngủ thấy làn khói lam chiều ở Amritsar, ông ấy đáng ra nên miêu tả nó cận kề hơn, vì rằng chưa từng có nhà thơ nào từng ca tụng, hay thậm chí được ngủ thứ mùi củi đốt ấy. Đa phần các nhà thơ đều dùng tăm mùi than đá để thay thế.

Trên vùng đồng bằng này, người ta chỉ đốt gỗ cây đậu mesquite, loại cây luôn bốc lên thứ khói với mùi thơm tuyệt hảo. Giòn cong sau trăm lớp sương giá và nước lũ, nướng dưới lửa mặt trời, những khúc xương nổi mấu bắt tử của những thân cây lão niên này luôn sẵn sàng để đốt bùng lên lửa trại, nhả lên nền trời hoàng hôn những bùm khói xanh, cù cho ấm trà reo vui trên bếp, nướng khúc bánh mì giòn rụm hay món chim cút nâu óng ánh, và thổi hơi ấm vào ống quyển của người và vật. Khi bạn đã xúc một xẻng đầy than đậu mesquite dưới cái bếp sưởi Hà Lan thì chớ nên ngồi lên chỗ đó trên giường trước giờ đi ngủ, nếu không bạn sẽ phải bật dậy kêu la ầm ĩ và đánh động con chim cút đang làm tổ trên đầu. Than đậu mesquite phải hết bảy kiếp mới nguội lạnh đấy.

Chúng tôi đã từng nâu ăn với than củi thông trắng ở dải đất trồng ngô miền Trung nước Mỹ, đã để muội than từ

những khúc củi thông phía bắc làm đen đáy nồi, đã nướng vàng những miếng sườn nai trên những khúc gỗ cây bách xù Arizona. Nhưng chỉ đến khi chúng tôi quay một con ngỗng tơ bằng gỗ đậu mesquite ở Đồng bằng này thì chúng tôi mới thật sự đạt đến sự viên mãn trong ẩm thực.

Những con ngỗng này xứng đáng được hưởng một nghi lễ “rám vàng” tử tế nhất, vì chúng đã lẩn trốn qua mặt chúng tôi trong cả một tuần lễ. Mỗi sáng, chúng tôi nhìn binh đoàn ngỗng quàng quạc bay vào trong đất liền từ ngoài vịnh, rồi sau đó nhanh chóng quay trở ra lạng lẽ no nê. Thứ lương thực nào trong những đầm phá xanh mượt kia đã khiến chúng hành quân vào đất liền? Từng chút một, chúng tôi tiến sâu vào khu “dự trữ” của bầy ngỗng, nuôi hy vọng sẽ tìm thấy chỗ chúng hạ cánh và ăn cỏ. Một ngày nọ vào lúc tám giờ sáng, chúng tôi thấy đàn ngỗng lượn vòng tròn, giơ chân, lướt xuống, rồi chạm xuống đất như những chiếc lá thích. Từng đàn lần lượt nối đuôi nhau đáp xuống. Cuối cùng thì chúng tôi cũng tìm ra chỗ tụ họp của chúng.

Cùng giờ đó sáng hôm sau, chúng tôi nằm chờ đợi bên cạnh một đầm lầy trông không có gì đặc biệt, nhưng trên bờ đầm lại chỉ chít những vết chân ngỗng để lại hôm qua. Bụng chúng tôi lúc đó đã sôi sùng sục sau khi lợi bộ một quãng xa từ chỗ cắm trại đến đầm lầy. Anh trai tôi đang vừa định găm một con chim cú quay nguội ngắt thì một tiếng quàng quạc bực ra trên trời khiến cả hai chúng tôi khựng lại. Con chim cú trong tay anh tôi vẫn nằm chùng hững trong lúc bầy ngỗng bay vòng trên đầu, tranh cãi, do dự, rồi

cuối cùng cũng sà xuống thấp. Tiếp đó, con chim cú rơi bịch xuống nền cát khi những họng súng lên tiếng, và bữa tối của chúng tôi nằm giờ chân gác ngoài trên bờ đầm.

Nhiều đàn ngỗng khác tiếp tục đáp xuống đầm lầy. Con chó của chúng tôi nằm im rùng mình nghe ngóng. Chúng tôi thông thả gặm con chim cú đằng sau bụi rậm và lắng nghe tiếng bầy ngỗng vừa chuyện trò vừa mải mê nuốt *sỏi*. Cứ hết toán này bay đi thì toán khác lại sà tới, hăm hở kiếm tìm những hòn cuội ưng ý. Trong số hàng triệu những hòn cuội ở khắp các vùng đầm phá này, chỉ có những viên cuội ở trên bãi đầm này mới hợp ý chúng. Sự khác biệt này đáng để cho những con ngỗng tuyệt bay một quãng đường hơn sáu mươi cây số, và đáng để cho chúng tôi cuốc bộ một quãng dài tương tự.

Nơi đồng bằng này không thiếu những con mồi nhỏ cho chúng tôi săn bắt. Ở mỗi chỗ dựng trại, chỉ cần vài phút giương súng là chúng tôi Đã có đủ chim cú để ăn cho ngày hôm sau. Dù sao thì nghệ thuật nấu nướng cũng đòi hỏi con chim cú phải được phơi trên dây mắc trên những cành đậu mesquite qua một đêm sương giá cho “lên tuổi” thật trước khi lên giàn thiêu cũng xếp bằng gỗ đậu mesquite.

Tất cả các con mồi ở đây đều béo tốt mập mạp. Mỗi con hươu nằm xuống đều có nhiều mỡ đến độ những ngón mỡ dọc theo sống lưng của nó trông giống như những bình đựng nước. Nếu được phép thì chúng tôi đã thử rót nước từ đó, tuy nhiên con vật không đồng tình với điều này.

Nguồn gốc của thể trạng đầy đà này không quá khó để lần ra. Mỗi cây đậu mesquite và đậu xoắn ở đây đều sai quả

trữ trữ. Trên những bãi bùn cạn nước có một thứ lúa trời mọc quanh năm và chỉ cần tưới một cái là ta có một nắm tay đầy hạt thóc. Xung quanh còn có những trảng cây họ đậu giống như cỏ cà-phê; mỗi lần đi qua đây là túi quần bạn sẽ lại đầy nhóc những trái đậu còn nguyên vỏ.

Tôi vẫn còn nhớ một bãi bí bầu mọc hoang (calabasillas), trái dài hàng chục héc-ta đất bùn. Lũ hươu và gấu trúc Bắc Mỹ đã bỏ đôi những trái bí trong ruột đầy những hạt béo bùi. Đàn bồ câu và chim cú nháo nhác bu quanh bữa tiệc thịnh soạn này như những con ruồi giấm mắt đỏ vo ve quanh một quả chuối chín.

Tuy rằng chúng tôi không thể ăn, hay chí ít là chọn không ăn, giống như bầy chim cú và lũ hươu, nhưng hết thảy người và vật đều hòa chung tâm trạng phấn khởi hân hoan trước thiên nhiên trù phú nơi này. Cảm giác sướng vui về cuộc sống no đủ vùng sơn cước này, tôi không thể tìm lại được trong những thành phố đô thị.

Tuy nhiên, việc dựng trại ở vùng đồng bằng không phải lúc nào cũng là con đường bằng phẳng trải hoa hồng, vấn đề chính yếu là nguồn nước. Nước đầm phá thì quá mặn, còn nước ở các dòng sông, nếu chúng tôi có tìm ra chúng, thì cũng quá đục để uống. Ở mỗi điểm dựng trại chúng tôi lại đào một giếng nước mới. Tuy nhiên, đa phần chúng đều chỉ dềnh lên thứ nước biển từ ngoài vịnh thấm vào. Phải trải bao khổ cực thì chúng tôi mới học được cách đào đúng mạch nước ngọt. Khi cần thăm dò một cái giếng mới, chúng tôi sẽ cho con chó nếm thử trước. Nếu nó uống thoải mái thì đó là dấu hiệu để chúng tôi tập ca-nô lên bờ, đốt lửa, và

dựng trại. Sau đó thì chúng tôi chỉ việc thành thoi nghe tiếng chim cút nướng xèo xèo trên bếp lửa và ngắm mặt trời lặn sau dãy San Pedro Mártir. Khi bát đĩa rửa xong, chúng tôi ôn lại chuyện ngày hôm đó và lắng nghe tiếng đêm.

Chúng tôi chẳng bao giờ lên kế hoạch cho ngày mai, vì chúng tôi đã học được rằng thiên nhiên sẽ luôn làm chúng tôi xao nhãng bằng một thứ gì đó mới mẻ khó cưỡng trước cả khi bữa sáng bắt đầu. Như những dòng sông, chúng tôi tự do chảy trôi khám phá.

Để lên kế hoạch du hành trên vùng Đồng bằng cũng không phải chuyện dễ dàng, nhất là khi chúng tôi phải trèo lên một cây dương rung để lấy tầm nhìn bao quát. Khung cảnh trước mắt trải rộng đến nỗi thật khó để căng mắt nhìn kỹ càng được lâu, đặc biệt là về hướng tây bắc nơi một dải sa mạc muối bốc hơi trắng xóa uốn mình quanh triền dãy Mầu Sơn. Tại đây, vào năm 1829, Alexander Pattie đã kiệt sức chết vì khát và vì những con muỗi trong khi thực hiện ý định băng qua miệt Đồng bằng để đến California.

Có lần chúng tôi đã lên kế hoạch di chuyển từ một đầm nước xanh này sang một vũng phá khác còn xanh hơn. Chúng tôi định vị được nó nhờ vào một con gà nước đang bơi lội trên mặt đầm. Một cánh rừng cây dong riềng rậm rạp với những thân cây mọc thẳng như những ngọn giáo phủ kín khoảng cách gần 300 mét giữa hai đầm nước. Nước lũ dâng lên đã làm các thân giáo đổ rạp xuống như một đạo quân Macedonia chặn lối chúng tôi. Hai anh em tôi lặng lẽ rút lui, lòng tự nhủ rằng vũng đầm của chúng tôi còn đẹp hơn gấp nhiều lần.

Chưa có ai đã động đến sự nguy hiểm của việc bị mắc kẹt trong một khu rừng dong riềng, trong khi rất nhiều người đã cảnh báo chúng tôi về nguy cơ chết bất đắc kỳ tử khi chèo ca-nô vào địa phận các khu đầm phá. Họ kể về những thuyền bè to lớn hơn đã bị triều cường nhấn chìm - một bức tường nước điên cuồng cuộn ngược dòng sông từ phía vịnh, kèm theo những cơn sóng lớn. Chúng tôi bàn tính và lên kế hoạch để đối phó với triều cường, đến mức nằm mơ chúng tôi cũng trông thấy nó, với những con cá heo cười trên đầu ngọn sóng và một bầy mòng biển kêu la ồm tỏi theo sau. Khi chạm đến cửa sông, chúng tôi treo ca-nô lên và chờ đợi triều cường trong hai ngày liền. Thất vọng thay, cuối cùng chúng tôi lại không được diện kiến bức tường nước đáng sợ ấy.

Trên đường đi qua Đồng bằng, chúng tôi bắt gặp toàn những nơi chốn không tên, buộc chúng tôi phải tự đặt tên cho chúng. Chúng tôi đặt cho một đầm nước cái tên Rillito, và chính ở đây chúng tôi đã nhìn thấy những đàn sếu lông cánh trắng màu ngọc trai. Lúc ấy, chúng tôi đang nằm ngửa phơi mình trong ánh nắng hiếm hoi tháng Mười một, thì bỗng nghe tiếng ồn ào huyền ảo phía trên cao, từ một cơn lốc những đốm trắng thoát ẩn thoát hiện. Một tiếng kêu như tù và đầy hứng khởi vang lên báo hiệu rằng đó là những con sếu đang rà soát vùng Đồng bằng. Ở thời điểm đó, với kiến thức tự học về chim chóc, tôi mừng rơn khi nghĩ rằng chúng là những con sếu Bắc Mỹ vì bộ lông cánh trắng toát. Chắc chắn chúng không thể là giống sếu đồi cát (vốn mang bộ lông màu nâu xám), nhưng điều đó cũng

không quan trọng. Điều đáng nói lúc đó là chúng tôi đang cùng sẻ chia thiên nhiên hoang dã với một trong những loài chim cổ đại nhất còn sống sót. Chúng tôi đã tìm thấy một ngôi nhà chung trong một miền không gian-thời gian xa xôi thuộc thế Canh Tân (Pleistocene). Nếu như có thể, chắc hẳn anh em tôi đã kêu những tiếng tù và đáp lời đàn sếu. Giờ đây, mỗi lần nhìn lại những năm tháng cũ, tôi vẫn nhìn thấy hình ảnh đàn sếu lượn vòng.



Tất cả những chuyện này giờ chỉ còn là dĩ vãng. Tôi nghe nói những đầm phá xưa giờ đã biến thành những ruộng trồng dưa lưới. Nếu đó là sự thực thì những trái dưa đó hẳn sẽ đậm đà hương vị.

Con người luôn giết chết những gì họ yêu thương, và những người mở đường khai hoang chúng ta đã giết chết thiên nhiên hoang dã. Có người cho rằng việc đó là cần thiết. Cho dù như vậy, tôi vẫn mừng rằng thời trai trẻ của mình đã lớn lên trong một vùng đất còn nhiều nét hoang sơ. Bốn mươi bang tự trị thì có nghĩa lý gì nếu ta không có nổi một khoảng xanh trên tấm bản đồ quốc gia?

Khúc hoan ca dòng Gavilan

Bài ca của một dòng sông thường được viết nên từ tiếng nước cuộn vỗ lên đá sỏi và rễ cây hai bên bờ. Sông Gavilan

cũng có một khúc ca như thế. Nó là một thứ âm nhạc êm dịu của sóng nước loang ra từng vòng nháy múa và ánh cầu vồng chơi trốn tìm dưới đám rễ đầy rêu của những cây tiêu huyền, sồi và thông. Tiếng nhạc nước đó cũng rất hữu ích, vì nó lan tỏa khắp không gian hẻm núi hẹp đến độ những con gà tây và hươu nai từ trên núi xuống suối uống nước sẽ không thể nghe thấy tiếng chân người hay tiếng vó ngựa. Hãy quan sát kỹ nơi khúc sông phía trước, vì có thể bạn sẽ kiếm được một con mồi ngon mà không cần phải nhọc sức leo lên những ngọn núi mặt bàn cao vút.

Bất cứ đôi tai nào cũng có thể nghe thấy khúc ca của những dòng chảy, nhưng cũng có những thứ âm nhạc trên những ngọn đồi này mà không phải ai cũng nghe được. Nếu muốn nghe được dù chỉ vài thanh âm trong đó, trước hết bạn cần phải sống ở đây một thời gian dài để quen với ngôn ngữ của những ngọn đồi và những con sông. Thế rồi, vào một đêm yên ả, khi lửa trại đã tàn và chòm sao Thất Tinh đã trèo lên cao khỏi những vách đá, bạn hãy ngồi im và lắng nghe tiếng sói tru, và ngẫm ngợi về hết thảy những điều bạn đã từng thấy và tìm cách hiểu. Chỉ khi ấy, có thể bạn sẽ nghe nó - một nhịp đập được viết trên các khuôn nhạc giữa những ngọn đồi, tổng hòa từ sự sống cái chết của vạn triệu sinh linh, âm vang trầm bổng trong tích tắc mà như kéo dài hàng thế kỷ.

Dòng đời của mọi con sông đều mang trong mình một khúc ca riêng, nhưng đa phần đều đã bị tạp âm từ con người làm cho lu mờ. Việc chăn thả gia súc quá mức trước tiên làm tiêu trừ cây cỏ sau đó xói mòn đất. Những hòng

súng, bẫy thú, và thuốc độc xóa sổ những loài chim thú lớn, rồi sau đó đến một khu công viên hay rừng bảo tồn với đường xây riêng cho du khách. Mặc dù những công viên này được xây để mang âm nhạc của thiên nhiên đến với nhiều người, nhưng khi họ bắt đầu để tâm lắng nghe thì âm nhạc đó chỉ còn là những tiếng lẻ tẻ vụn vỡ.

Đã từng có thời người ta có thể sống bên dòng sông mà không nhúng tay can thiệp vào dòng chảy hài hòa của nó. Hàng nghìn người hẳn đã từng sống như thế quanh dòng sông Gavilan, do công việc của họ dàn trải ở khắp mọi nơi. Men theo bất cứ khe suối nào đổ ra hẻm núi là bạn sẽ phải trèo lên những bờ tường đá gồ ghề của những đập nước xây thành hình bậc thang, từng tầng nối tiếp gối đầu lên nhau. Đằng sau mỗi đập nước là một mảnh vườn nhỏ, một phần tưới tiêu nhờ những dòng chảy từ trên đập đổ xuống theo bờ đập dốc đứng kề bên. Trên đỉnh đập nước, bạn sẽ tìm thấy nền đá sót lại của một tháp canh, nơi người nông dân sườn núi có lẽ đã từng đứng gác vuông đất nhỏ bên dưới. Anh ta hẳn đã lấy nước sinh hoạt từ con sông, và có vẻ không chăn nuôi gia súc gì. Anh ta đã vun trồng những loại hoa màu gì, và từ khi nào? Manh mối duy nhất cho câu trả lời nằm trong những thân cây thông, sồi, hay bách xù đã ba trăm năm tuổi, giờ đây đã bén rễ sâu trên nền miếng ruộng xưa. Ta có thể thấy là người nông dân đó đã trồng trọt kể từ trước khi những thân cây cổ thụ này xuất hiện.

Loài hươu rất thích nghỉ ngơi trong những khoanh đất nhỏ này, nơi chúng có một cái giường bằng phẳng không mấp mô sỏi đá, phủ một lớp lá sồi và có cây bụi phủ màn

trường xung quanh. Chỉ cần nhún chân phóng qua đập là con hươu đã tránh được tai mắt của những kẻ dòm ngó.

Một ngày trời gió thét gào, tôi lên theo dõi một con hươu đực đang nằm nơi đập nước. Nó nằm dưới bóng một cây sồi cổ thụ rễ quấn quanh thân đập. Cặp sừng và đôi tai của nó khắc nét lên nền cỏ vàng phía sau, nơi từ đó mọc lên một cây thừa lá xanh nhọn và xếp thành hình hoa hồng. Khung cảnh ấy mang bố cục của một bàn tiệc trang trí nhã nhặn. Tôi lơ giương cung quá tầm, khiến mũi tên của tôi bắn vào những tảng đá trăm năm và gãy thành từng mảnh. Trong lúc con hươu phi xuống núi với cái đuôi trắng muốt vẫy chào từ biệt, tôi nhận ra cả nó và tôi đều là diễn viên trong một câu chuyện ngụ ngôn. Cát bụi rồi lại về với cát bụi, nhưng cuộc săn đuổi sẽ kéo dài đến vô tận! Có lẽ cũng hợp tình hợp lý khi tôi bắn trượt, vì nếu cơ duyên nào đó mang một cây sồi cổ thụ đến khu vườn của tôi bây giờ, thì tôi hy vọng sẽ có những con hươu đến nằm trên thảm lá sồi, và có những người thợ săn đến theo đuôi chúng, và sau khi bắn trượt thì họ sẽ nhìn quanh và băn khoăn rằng ai là người đã xây nên khu vườn này.

Một ngày nào đó, chú hươu này sẽ ăn một viên đạn 30-30 li vào mạng sườn mỡ màng. Một con bò đực tơ vụng về sẽ chiếm dụng cái giường trải lá sồi của nó, và nhàn nhã gặm đám cỏ vàng cho đến khi cỏ dại mọc lên thế chỗ chúng. Sau đó một cơn nước sẽ phá vỡ cái đập cũ và cuốn những hòn đá be bờ trĩu xuống một con đường cho khách du lịch xây men theo dòng sông bên dưới. Những chiếc xe

tải sẽ cuốn bụi tung mù trên con đường đất xưa nơi hôm qua tôi còn nhìn thấy vết chân chó sói.

Với con mắt phàm tục thì Gavilan chỉ là một vùng đất cằn cỗi khắc nghiệt: địa hình hiểm trở đầy mỏm đá dựng đứng, những thân cây quá lồi lõm để cưa đổ, và những rặng núi quá dốc để chăn thả gia súc. Nhưng những người khai hoang xưa kia không bị vẻ gai góc đó đánh lừa; kinh nghiệm mách bảo họ đây là một vùng đất trù phú màu mỡ. Những thân sồi và bách xoắn vặn này mỗi năm lại cho bấy thú rừng những trái sồi thơm bùi. Lũ hươu, gà tây, và lợn lòi dành cả ngày tận hưởng phần thịt quả sồi chín mọng. Bên dưới những trảng cỏ vàng phất phơ này là cả một khu vườn cơ man những củ và rễ, trong đó có cả khoai tây dại. Đào xới bên dưới vết chân của một con chim cú rừng là bạn sẽ tìm thấy cả một vườn ươm những thực phẩm dưới lòng đất, tất cả đều bén rễ trên nền đá sỏi ngỡ như khô cằn kia. Những hoa trái này là nguồn năng lượng cây cối hòa vào huyết quản của muôn giống loài.

Mỗi vùng miền đều có một đặc sản riêng. Những ngọn đồi Gavilan thì đạt tới đỉnh cao ẩm thực với món thịt hươu (nuôi bằng trái sồi), mà phải là con hươu săn được vào khoảng từ tháng Mười một đến tháng Một. Xẻ thịt và phơi nó lên một cây sồi lớn qua bảy mùa sương giá và bảy lần nắng trời vàng. Sau đó cắt những miếng mỡ đông một nửa chạy dọc theo phần thịt lưng, rồi phết chúng theo chiều ngang lên những miếng thịt bít-tết. Ướp miếng thịt với muối, tiêu và bột. Bỏ miếng thịt vào một cái nồi có thành dày của dân cắm trại, bên trong ủ sẵn mỡ gấu nóng bốc

khởi và đun bằng củi gỗ sồi. Khi miếng thịt bắt đầu ngả màu nâu vàng thì gắp nó ra. Rắc một chút bột vào trong phần mỡ, sau đó hòa thêm nước lạnh và sữa. Đặt miếng bột-tết lên trên những chiếc bánh quy mặn nóng hổi làm từ bột nhào chua và rưới thêm một lớp sốt nước thịt.

Cách trình bày này mang tính biểu tượng. Con hươu đang nằm trên những rặng núi, và lớp sốt thịt vàng óng chính là ánh mặt trời chiếu rọi lên những ngày trong đời nó, cho đến giây phút cuối cùng.

Thức ăn là phần nổi dài trong Khúc hoan ca vùng Gavilan. Tất nhiên, ý tôi ở đây không chỉ nói đến thức ăn cho con người, mà còn cả nguồn thức ăn cho cây sồi rồi đến con hươu rồi đến con báo sư tử rồi sau đó xác con báo lại quay về nuôi những hạt sồi - nguồn thức ăn nuôi dưỡng những con mồi của loài báo. Đây là một trong vô vàn những chuỗi thức ăn khởi đầu với cây sồi để sau đó quay trở về với nó, vì cây sồi là nguồn dinh dưỡng cho con chim giẻ cùi, sau đó trở thành mồi cho loài điều hâu (cái tên của nó được dùng để đặt cho dòng sông). Cây sồi cũng nuôi dưỡng cả loài gấu (cho bạn mỡ để làm sốt thịt), loài chim cú (cho bạn bài học về thực vật học), và con gà tây (cho bạn thịt mỗi ngày). Và mẫu số chung của các chuỗi thức ăn này đều để giúp sức cho dòng chảy thượng nguồn con sông Gavilan bào thêm được một chút khoáng chất từ kho trữ rộng lớn nơi dãy Mẫu Sơn để tạo nên cho thêm một cây sồi nữa.

Có những người được đặc cách giao nhiệm vụ kiến tạo cây cối, chim muông, và đất đai - vốn là những nhạc cụ chính trong dàn đồng ca thiên nhiên. Họ được gọi là các vị

giáo sư. Mỗi người sẽ chọn lấy một nhạc cụ nhất định, sau đó dành cả đời để bóc tách và mô tả nó đến tận tường chi tiết. Quá trình phân tích này được gọi là nghiên cứu, và phòng thí nghiệm nơi nó xảy ra được gọi là trường đại học.

Một vị giáo sư chỉ được gảy dây đàn của chính nhạc cụ của mình, không bao giờ được động vào nhạc cụ của người khác. Và nếu ông ta có nghe thấy tiếng nhạc phát ra từ đó thì ông ta cũng sẽ không bao giờ thú nhận điều đó với đồng nghiệp và sinh viên. Điều này là bởi có một điều cấm kỵ trói buộc tốt cả bọn họ, rằng việc nghiên cứu các nhạc cụ thiên nhiên là phạm trù khoa học, còn việc tìm ra sự hài hòa trong nhạc âm của nó lại thuộc phạm trù thi ca.

Các giáo sư phục vụ khoa học, và khoa học thì phục vụ phát triển tiến bộ. Nó phục vụ tận tụy đến mức có rất nhiều nhạc cụ mỏng manh đã bị giẫm đạp giày xéo trong cơn sốt đua tiến bộ về với những nơi còn lạc hậu. Lần lượt từng phần của bản nhạc rơi rụng tiêu biến đi. Nếu vị giáo sư kia có thể phân nhóm mỗi nhạc cụ trước khi nó vỡ hỏng thì ông ta cũng đã cảm thấy thỏa mãn.

Khoa học đóng góp cho thế giới cả về giá trị vật chất và đạo đức tinh thần. Đóng góp lớn nhất về đạo đức của nó là sự khách quan, hay còn gọi là điểm nhìn khoa học. Nó đồng nghĩa với việc nghi ngờ mọi thứ ngoại trừ sự kiện thực tế. Nó có nghĩa là bám víu vào thông tin xác thực, và để cho mọi sự rơi theo quỹ đạo của nó. Một trong các thông tin thực tế mà khoa học cho thấy đó là cần có nhiều người sống quanh các con sông, và con người thì luôn cần thêm các phát kiến, do đó tạo nhu cầu cho khoa học phát triển; cuộc

sống ẩm no phụ thuộc vào sự mở rộng đến vô hạn định của chuỗi suy luận lô-gích này. Tuy nhiên, ý nghĩ rằng cuộc sống tốt đẹp cho mỗi dòng sông đều phụ thuộc vào việc cảm nhận và duy trì những khúc ca của nó vẫn còn là một giả thuyết mà khoa học chưa đủ động tới.

Khoa học vẫn chưa đặt chân đến Gavilan, và vì thế những con rái cá vẫn còn nô giỡn đuổi nhau trong hồ nước, rượt theo những vòng tròn lan trên mặt nước và những ánh cầu vồng ẩn dưới bãi sông đầy rêu; chúng chưa phải bận tâm đến việc một ngày kia cơn lũ quét sẽ xói mòn bờ và cuốn phăng đất đai ra Thái Bình Dương, hay những người câu cá sẽ tới tranh giành những con cá hồi với chúng. Như các nhà khoa học, chúng không mảy may nghi ngờ gì về cách chúng đã dựng xây cuộc đời mình. Chúng tin rằng những bài ca sông Gavilan sẽ cứ thế vang trôi mãi mãi.

OREGON VÀ UTAH

Những kẻ ngoại lai xâm lăng

Giống như phường trộm cắp hay giúp nhau, giữa những loài ký sinh gây hại cũng tồn tại các hình thức cộng tác. Mỗi khi một loài gây hại bị thành lũy tự nhiên chặn đứng, một loài khác sẽ thế chỗ và tìm ra cách mới để vượt qua bức tường đó. Cuối cùng, số lượng các vị khách “không mời mà đến” này sẽ được phân bổ ra đều đặn cho mỗi khu vực vùng miền.

Bởi thế, khi số lượng loài chim sẻ nước Anh giảm xuống cùng với số lượng loài ngựa, vị trí của chúng được loài chim sáo đá thay thế, vốn sinh trưởng mạnh mẽ trên những vùng đất bị máy kéo cày xới. Loài rệp vùng trên cây hạt dẻ, vốn không thể tùy tiện di cư ra khỏi vùng cây dẻ mọc, nay được bệnh nấm cây du nổi chân (loại nấm nguồn gốc từ Hà Lan này lại có thể lây lan ra ngoài giống cây chủ). Bệnh nấm gỉ sắt trên cây thông trắng, từng bị chặn đứng bởi những cánh đồng cỏ trụi cây, thì nay đã tìm ra lối cửa hậu mới và đang hành quân xuống khu vực dãy Rocky (Thạch Sơn) trải dài từ Idaho đến California.

Những kẻ ký sinh “lậu vé” này bắt đầu xuất hiện từ khi con người đổ bộ. Peter Kalm, một nhà thực vật học người

Thụy Điển đã phát hiện rằng phần lớn các loài cỏ dại châu Âu đã bén rễ ở New Jersey và New York từ năm 1750. Khi lưỡi cày của những người khai phá làm nên ruộng vườn tươi xộp thì cũng là lúc những loài cỏ này phát triển tràn lan mạnh mẽ.

Những giống loài khác sau đó tràn đến từ bờ Tây và ngay lập tức “ưu ái” hàng héc-ta đất đã được cày xới dưới vó ngựa và gia súc. Trong những trường hợp đấy, tốc độ phát tán của cỏ dại thường nhanh đến không theo kịp: cứ mỗi mùa xuân về là ta đã thấy một loại cỏ dại mới lên ngôi. Một ví dụ điển hình là khi loài cỏ lúa mì (*Bromus tectorum*) xâm lấn những chân đồi và dãy núi phía tây bắc.

Để phòng trường hợp bạn có một cái nhìn quá tích cực về thành tố mới này, cỏ lúa mì không phải là một loại cỏ tạo nên đất mùn. Nó là một giống cỏ thường niên như cỏ đuôi cáo hay cỏ càn cua; mỗi độ thu về, nó sẽ tàn lụi đi để rồi tiếp tục ra hạt nảy mầm vào cùng mùa thu đó hay mùa xuân năm sau. Ở châu Âu, môi trường sống của nó gói gọn trong những lớp rơm mục nát lợp trên mái nhà. Trong tiếng Latin, chữ *tectum* có nghĩa là mái nhà, vì thế cái tên khoa học của nó có nghĩa là “Cỏ mọc trên mái nhà”. Một thứ cỏ có thể sống được trên nóc một ngôi nhà thì chắc chắn sẽ sống tốt trên “đỉnh chóp” đầy dinh dưỡng nhưng khô nóng này của châu Mỹ.

Ngày nay, màu vàng mật ong phủ lên những ngọn đồi chạy dọc theo dãy núi hướng tây bắc không đến từ loại cỏ búi tóc và cỏ lúa mạch hữu ích nữa. Trái lại, nó đến từ loại cỏ lúa mì hạ đẳng giờ đây đã thế chỗ những loài cỏ bản địa

trước kia. Những người lái xe mô-tô trầm trồ trước những dải đồi uốn lượn hút tầm mắt không có nhận thức gì về điều này. Anh ta không nhận ra rằng ngay cả những ngọn đồi cũng tô điểm cho gương mặt mình bằng một lớp tro tàn sinh thái.

Nguyên nhân của việc thế chân này là do chăn thả gia súc quá mức. Khi đàn gia súc quá tải nhai nuốt và giẫm đạp hết bất cứ thứ cây cỏ nào ở những chân đồi, cần có một cái gì đó mọc lên để che phủ lớp đất tro ra trần trụi. Và cỏ lúa mì đã thực thi nhiệm vụ đó.

Cỏ lúa mì mọc thành từng bụi rậm rạp và mỗi đầu ngọn cỏ lại mọc ra một búi hạt thóc phủ đầy gai nhọn, khiến cho gia súc không thể nào ăn được những thân cỏ lúa mì trưởng thành. Để tưởng tượng ra một con bò sẽ khổ sở thế nào khi cố nhai một búi cỏ lúa mì, bạn hãy thử đi giày cỏ thấp qua một cánh đồng cỏ lúa mì. Đó là lý do tất cả những người làm đồng trên những vùng có cỏ lúa mì đều mang ủng cao cổ. Những đôi giày vải nylon ở đây chỉ dành cho vỉa hè rải nhựa và đường đi bộ mà thôi.

Bện thành một tấm thảm vàng phủ lên những ngọn đồi mùa thu, những búi hạt gai góc này có thể bốc hỏa nhanh như sợi bông vậy. Tính chất bén lửa dễ dàng này khiến cho việc bảo vệ những vùng cỏ lúa mì khỏi đám cháy đồng là điều gần như bất khả. Hậu quả là những loài thực vật có ích như cây ngải đắng hay cây mai dại bị đám lửa đẩy lên trú ẩn tít trên những đỉnh đồi cao, nơi chúng không còn là nguồn lương thực cho gia súc trong mùa đông. Những cây thông mọc ở tầng thấp, vốn là nơi trú ngụ cho hươu và các

loài chim trong mùa đông, cũng vì thế mà bị đẩy lùi lên cao độ.

Với một khách du lịch trong mùa hè, việc vài đám cỏ nơi chân đồi bị cháy có vẻ không phải tổn thất gì nghiêm trọng. Anh ta không nhận ra rằng, khi đông tới, tuyết sẽ bao quanh những ngọn núi và ngăn cản gia súc cũng như thú hoang tiếp cận. Trong khi gia súc vẫn có thể được chăn thả ở những hẻm núi, loài hươu và nai sừng tấm phải kiếm ăn ở quanh chân đồi, nếu không muốn chết đói. Dải đất cư ngụ cho chúng trong mùa đông vốn đã chật hẹp, và càng đi lên mạn phía bắc thì sự chênh lệch giữa vùng cư ngụ mùa đông và mùa hè càng trở nên rõ rệt. Do đó, những cụm cây cỏ dại nơi chân đồi này, hiện nay đang ngày càng thu hẹp do các đám cháy từ cỏ lúa mì, chính là chìa khóa sinh tồn cho động vật hoang dã trong vùng. Bên cạnh đó, ẩn bên dưới những trảng cây bụi rải rác này thường là những vết tích còn sót lại của loại cỏ lưu niên bản địa. Khi đám cháy xóa sổ những bụi cây, lớp cỏ nền này sẽ bị đàn gia súc ăn sạch. Trong khi thợ săn và người chăn gia súc tranh cãi về việc ai có quyền tiếp cận vùng cư trú mùa đông trước để làm giảm gánh nặng sinh thái, loài cỏ lúa mì đang ngày càng triệt tiêu nhanh chóng những vùng cư ngụ ấy.

Bên cạnh việc làm bầu hươu chết đói hay gây nhiệt miệng cho đàn bò, loài cỏ lúa mì còn gây ra vô số những khó chịu lẽ tẻ khác, dù nhỏ tiết nhưng vẫn đáng được kể ra. Cỏ lúa mì xâm lấn vào các cánh đồng cỏ linh lăng khiến cho năng suất thu hoạch rơm giảm xuống. Nó chắn đường bầu vịt con trong lúc chúng di chuyển từ cái tổ trên vùng đất

cao xuống mé nước thấp. Nó xâm chiếm các vùng đất thấp xung quanh những khu cây lấy gỗ, khiến cho các chồi cây thông không mọc được; điều này đe dọa việc sinh sản của cây, kèm theo nguy cơ gây cháy rừng.

Tôi đã trải qua một trong những tiểu tiết khó chịu đó khi đi qua một “cửa khẩu” tiếp giáp với phía bắc California và bị một nhân viên kiểm dịch khám xe và hành lý. Anh ta giải thích rằng mặc dù California luôn chào đón du khách, họ cần chắc chắn rằng trong hành lý của tôi không chứa loài động thực vật gây hại nào. Tôi hỏi anh ta đang nói đến loài gây hại nào. Anh ta liệt kê một danh sách dài các loài gây hại cho vườn tược cây trái, nhưng lại không hề đề cập đến thảm cỏ lúa mì vàng đã trải dài từ dưới chân anh ta đến khắp những ngọn đồi ở bốn phương tám hướng.

Cũng giống như với loài cá chép, sáo đá, hay cây hoa kế Nga, những vùng bị cỏ lúa mì xâm lấn buộc phải tiếp nhận và tìm ra những giá trị hữu ích của kẻ xâm phạm này. Những cọng cỏ lúa mì non vẫn là nguồn thức ăn cho gia súc (con cừu mà bạn vừa xẻ thịt chắc hẳn đã gặm bông cỏ lúa mì trong những ngày đầu xuân mơn mơn), cỏ lúa mì cũng giảm xói mòn đất sau khi bầy gia súc càn quét những cánh đồng. (Vòng tròn sinh thái luẩn quẩn này đủ khiến cho chúng ta suy ngẫm.)

Tôi vẫn lắng nghe cẩn thận để xem phương Tây đã học cách “sống chung với lũ” và chấp nhận cỏ lúa mì, hay họ vẫn đang coi nó như một thử thách cần loại bỏ, nhằm chuộc lại những lỗi lầm trước kia trong việc sử dụng đất đai. Và tôi nhận thấy ai ai cũng đều tuyệt vọng bế tắc. Và cho đến nay,

chúng ta vẫn chưa hề tỏ ra tự hào về việc canh tác và thuần hóa những cây những con hoang dã, hay xấu hổ trong việc sở hữu một mảnh đất cằn cỗi suy kiệt. Chúng ta khoe khoang trong các phòng hội thảo hay các ban biên tập về xây cối xay gió để bảo toàn năng lượng, nhưng khi ra ngoài thì chúng ta thậm chí còn chối là mình sở hữu một cái cuốc hay cây lao.

MANITOBA

Clandeboyne

Giáo dục, tôi e rằng, là quá trình học cách nhìn một thứ khiến cho ta đui mù trước những thứ khác.

Một điều mà đa phần chúng ta đã quên đi là phẩm chất của những đầm lầy. Tôi được nhắc nhở về điều này khi được nhờ đến thăm vùng đầm lầy ở Clandeboyne, chỉ để phát hiện ra rằng nơi đây nhìn thật hoang vắng và bùn dưới chân thì dấp dính hơn những đầm lầy ngập nước khác.

Điều này thật lạ lùng, vì bất cứ con bồ nông, bồ cắt, hay chim lặn đều nhận ra rằng Clandeboyne là một vùng đầm lầy đặc biệt. Nếu không, tại sao chúng lại lựa chọn nơi này mà không phải các đầm lầy khác? Tại sao chúng lại coi hành động đột nhập lãnh thổ của tôi không chỉ là việc tạt ngang thông thường, mà là một hành vi bất lịch sự hết sức?

Tôi nghĩ bí mật này nằm ở chỗ Clandeboyne là một đầm lầy đặc biệt không chỉ về mặt không gian mà còn cả thời gian. Chỉ những kẻ tiếp thu thứ lịch sử xào nấu một cách thụ động mới cho rằng năm 1941 đến với các đầm lầy cùng một lượt. Những con chim biết nhiều hơn thế. Hãy để một bầu bồ nông Nam tiến cảm nhận một cơn gió gợn thổi trên đầm lầy Clandeboyne thôi, và chúng sẽ đoán định được ngay

rằng nơi đây thuộc một tầng địa chất trong quá khứ, một chốn nương thân khỏi một trong những thế lực bạo tàn nhất: tương lai. Với những tiếng làu bàu kỳ lạ trong cổ họng, như vọng về từ thời khởi thủy, chúng xòe cánh rồi hạ mình theo hình xoáy tròn ốc xuống vũng lầy của một thời đại đã qua.

Những kẻ tị nạn khác cũng đã có mặt, mỗi con chấp nhận cuộc đào thoát khỏi chuyến hành quân của thời gian theo cách riêng của mình. Loài chim hải yến reo vui như trẻ thơ trên những bãi bùn, chờ đợi cái lạnh tan chảy từ những lớp băng tuyết đang rút dần đi làm run xương sống những con cá tuế - con mồi của chúng. Một bầy sếu đồi cát cất những tiếng kêu tù và chống đối những thứ mà loài sếu nghi ngờ hay sợ hãi. Một hạm đội những con thiên nga nghiêm trang lướt trên mặt nước, tiếc nuối sự phù du của những gì thuộc về chúng. Từ trên ngọn của một cây bông gòn bị bão quật tả tơi, gần nơi đầm lầy đổ ra hồ lớn, một con chim cắt tinh nghịch sà xuống vờn những con gà chạy ngang. Dù bụng đã đầy thịt vịt, con chim cắt vẫn thích thú khi nhìn những con gà gô ré lên kinh hoảng. Đây cũng là thú tiêu khiển sau bữa tối của nó trong những ngày mà các thảo nguyên rộng lớn còn nằm dưới đáy hồ Agassiz.

Thật dễ để đoán biết thái độ của những loài chim hoang này vì chúng chẳng hề giấu diếm cảm xúc. Thế nhưng, có một cư dân trong đầm lầy Clandeboyne mà tôi không tài nào đọc vị được, một phần bởi nó không chấp nhận bất kỳ kẻ ngoại lai nào đến gần. Hãy để những con chim khác huênh hoang tự đắc, nhưng con chim lặn vùng Tây bán cầu thì

không hề! Dù cho có khế khàng cản trọng thể nào trong lúc rón rén đi tới bụi lau sậy gần bờ nước, tất cả những gì tôi kịp nhìn thấy chỉ là một vệt cắt màu bạc trong khi con chim lặn xuống nước nhẹ tênh. Sau đó, từ đằng sau đám sậy bờ bên kia, con vật ngán lên một tiếng lanh lảnh như chuông cảnh báo cho đồng loại. Nhưng là cảnh báo về điều gì?

Tôi chưa bao giờ có thể đoán được ý đồ của con chim lặn, vì luôn tồn tại một rào cản nào đó giữa loài chim này và toàn thể nhân loại. Một trong các vị khách của tôi đã gạt tên con chim lặn ra khỏi danh sách, và nguệch ngoạc ký âm lại tiếng hót như tiếng chuông kêu của nó bằng cụm từ “crick-crick” hay thứ ngôn từ vớ vẩn tương tự nào đó. Anh ta không hiểu được rằng đây không chỉ là một tiếng chim kêu thông thường mà là một thông điệp bí mật; nó đòi hỏi ta thông dịch và thấu hiểu, chứ không chỉ ký âm lấy lệ. Dầu vậy, cho đến giờ anh ta hay tôi vẫn bất lực trước việc thông dịch hay thấu hiểu con chim lặn.

Xuân cứ đến, và tiếng chuông cứ thế trở nên sắc nét: lúc bình minh hay khi hoàng hôn, tiếng hót của con chim lặn lanh lảnh vang lên trên khắp những vũng nước ao hồ. Tôi đoán rằng những con chim lặn non giờ đã bắt đầu đập nước, và đang được cha mẹ chỉ bảo về triết lý sống của giống loài. Nhưng để nhìn được khung cảnh dạy học này lại không phải việc dễ dàng.

Một ngày nọ, tôi quyết định nằm sấp, cả thân mình ngập soài trong lớp bùn lầy của cái tổ một con chuột xạ hương. Trong khi quần áo tôi nhuộm màu bùn đất, đôi mắt tôi lại chìm đắm trong khung cảnh một câu chuyện dân

gian đầm lầy. Một cô vịt mái đầu đỏ đi dạo qua với bảy vịt con lông tơ vàng óng pha xanh với cái mỏ màu hồng nhạt. Một con gà nước Virginia suýt quệt đuôi vào mũi tôi. Trên mặt vũng nước in bóng một con bồ nông sải cánh, trong khi một con chim dễ chân vàng đang đi lại cất những tiếng hót líu lo vang dội. Tôi chợt nhận ra rằng, trong khi tôi phải viết một bài thơ thì mới ca tụng được hết vẻ đẹp nơi đây, con chim dễ chân vàng lại chỉ cần duyên dáng nhắc một chân lên là đã làm được điều đó.

Một con chồn hương trườn mình lên bờ đằng sau tôi, cái mũi nó hếch lên dò đường trong không khí. Những con hồng tước đầm lầy lần lượt bay tới một bụi cây hương bồ, từ đó vọng ra tiếng chinh chích xây tổ. Tôi đang dần thiếp đi trong ánh mặt trời khi bỗng dưng trên mặt hồ xuất hiện một cặp mắt chim màu đỏ hoang dã. Khi đã chắc chắn mọi vật đều im lặng, cả thân người màu bạc của nó mới hiện lên: to như một con ngỗng, với những đường chạy dọc theo thân như một con cá đuối điện. Trước khi tôi kịp nhận thức chuyện gì đang xảy ra, một con chim lặn khác đã xuất hiện, lần này là một con cái cồng trên lưng hai con chim con lông trắng màu ngọc trai, nép mình ẩn náu trong bộ lông cánh của mẹ. Cả gia đình chim lặn biến mất sau một khúc cua trước khi tôi kịp hoàn hồn. Và giờ thì tôi mới nghe thấy chuông lanh lảnh kêu lên, rõ ràng đầy giễu cợt, từ đằng sau bức màn lau sậy.

Một chút hiểu biết về lịch sử nên là món quà quý giá nhất từ khoa học và nghệ thuật, nhưng tôi đồ rằng con chim lặn, vốn chẳng hề biết đến cả hai thứ đó, lại biết về lịch sử

nhiều hơn chúng ta. Não trạng sơ khai của nó chẳng hề biết ai là người thắng Trận Hastings, nhưng dường như nó nhận thức rõ ai là người chiến thắng trong cuộc chạy đua thời gian. Nếu loài người cũng có thâm niên lâu năm như loài chim lặn, thì may ra chúng ta có thể nắm bắt được ý nghĩa tiếng kêu của chúng. Hãy thử nghĩ xem, chỉ một vài thế hệ tinh tường đi trước đã đủ truyền lại cho hậu thế biết bao nhiêu truyền thống, niềm tự hào tự tôn, và sự thông thái! Từ đó, ta có thể tưởng tượng ra sự tự hào tiếp nối thôi thúc con chim lặn mà tổ tiên nó đã có mặt trước con người cả nghìn năm.

Dù sao đi nữa, tiếng kêu của loài chim lặn vẫn được xếp vào hàng âm thanh ngự trị và thống nhất bản hòa ca vùng đầm lầy. Có lẽ một sức mạnh quyền uy nào đó đã trao cho nó quyền trượng để cai trị vùng sinh thái nơi đây. Ai là người đã đặt thước đo cho những đợt sóng cuộn bờ để xây nên vĩa đá ngầm và để lại những vùng đầm lầy khi mực nước thủy triều rút dần xuống theo thời gian? Ai là người giao cho cây cao lương và cây hương bồ công việc góp nắng nhạt gió, để phòng khi đông về những con chuột xạ hương đói bụng, hay những con sếu phải chịu cảnh đầm hoang lạnh lẽo khi đập cánh? Ai là người nhắc nhở bầy vịt con kiên nhẫn chờ đợi khi trời sáng và bồi kích cơn khát máu cướp bóc của những con chồn hương khi đêm về? Ai là người chống lưng cho cú xiên mỏ chính xác của con diệc hay cú chộp thần tốc của con chim ưng? Vốn dĩ ta vẫn tưởng rằng tất cả các loài vật này tự động thực hiện các nhiệm vụ đa dạng vì tai ta không nghe thấy những chỉ thị mà chúng

nhận được; ta cho rằng kỹ năng và tính cần cù của chúng là bẩm sinh và rằng không có chỗ cho sự mệt nhọc trong tự nhiên. Có lẽ rằng chỉ loài chim lặn mới không biết đến mệt nhọc; có lẽ chính chúng là những tay đốc công nhắc nhở muôn loài rằng nếu tất cả chúng ta muốn sinh tồn thì mỗi cá nhân phải liên tục ăn và chiến đấu, sinh đẻ và chết đi.

Những vùng đầm lầy vốn từng trải dài từ các thảo nguyên ở Illinois cho đến vùng Athabasca nay đang thu hẹp dần về phía bắc. Con người không chỉ sống nhờ đầm lầy không thôi, mà họ cần phải hút kiệt đầm lầy để tạo không gian sống. Sự tiến bộ phát triển không cho đất ruộng và đầm lầy, cái hoang dã và cái thuần hóa, được phép chấp nhận nhau và cùng sinh sống hòa thuận.

Và cùng với ruộng nước và đê điều, đá lát đường và đèn pin chiếu sáng, chúng ta đã hút kiệt những dải đất trồng ngô và giờ là đến những vựa lúa mì. Những hồ nước xanh trở thành bãi lầy, rồi thành những bánh bùn, và sau rốt trở thành ruộng lúa mì.

Một ngày nào đó, đầm lầy của tôi cũng sẽ bị hút cạn nước và nằm trong quên lãng dưới những thân lúa mì, giống như hôm nay và hôm qua nằm lại dưới lớp trầm tích thời gian. Trước khi con cá tuế cuối cùng quẫy đuôi lần cuối trong vũng lầy, những con hải yến sẽ kêu vang lời từ biệt với Clandeboye, những con thiên nga sẽ xoay tròn trong điệu thiên diểu vũ, và những con sếu sẽ kêu từng tiếng tù và từ biệt vùng đầm lầy.

PHẦN III

BUỔI YẾN TIỆC

THẨM MỸ CỦA BẢO TỒN

Về nên những đường ngăn giữa tình yêu và chiến trận, hiếm có một ngành kinh doanh nào lại được đông đảo kẻ theo đuổi, với hết thảy nhiệt huyết cũng như lòng vị tha, như ngành giải trí ngoài trời. Đại đa số chúng ta đều tin rằng việc quay trở về với thiên nhiên là điều có lợi cho con người. Nhưng lợi ích đó nằm ở đâu, và làm cách nào để ta khuyến khích mọi người theo đuổi nó? Rất nhiều những giải pháp hay khuyến nghị rồi ren đã được đề ra cho câu hỏi trên, và chỉ những ai đầu óc mù mờ mới không khỏi hồ nghi do dự.

Vấn đề giải trí tiêu khiển được điểm mặt chỉ tên từ đời Tổng thống Roosevelt tiền nhiệm, khi những đường tàu vốn trước kia dùng để xua đuổi nông thôn ra khỏi thành thị thì nay lại chuyên chở *hàng đàn hàng lũ* các cư dân thành phố về với miền đồng quê. Người ta bắt đầu để ý rằng những cuộc hành hương này càng rầm rộ thì tỷ lệ những nơi chốn bình yên và cảnh quan thiên nhiên hoang dã trên một diện tích đất ngày càng giảm đi, và khoảng cách chặng đường để chạm đến những nơi như vậy lại càng tăng lên.

Xe ô-tô đã khiến quan sát trên trở thành thực tại phổ biến trên khắp nẻo đường trải nhựa - nó đã khiến những cảnh thanh bình, vốn trước kia hiện diện khắp mọi nơi ở

vùng nông thôn, nay trở nên khan hiếm. Tuy nhiên, người ta vẫn chăm chăm đi tìm một chút bình yên sót lại đó. Như những hạt ion bắn ra từ mặt trời, những vị khách du lịch tỏa ra từ khắp các thành thị, tỏa nhiệt và ma sát va chạm ở bất cứ đâu họ đến. Một ngành công nghiệp du lịch tạo đà cung ứng cho các nhà trọ gia tăng ái lực lên các hạt ion này, mỗi lúc một nhanh và xa hơn. Các tấm biển quảng cáo dựng lên ở mọi góc ngách loan báo thông tin về những khu nghỉ dưỡng mới, những thắng cảnh, chỗ săn bắn, và hồ câu cá ở trong tầm tay với. Các ban phòng cho xây đường vào các vùng nội địa xa xôi, sau đó lại mua thêm đất để tiếp nhận những lượt khách nô nức đổ về trên các tuyến đường mới xây. Một ngành công nghiệp phụ tùng xe ô-tô xuất hiện để chống những cú xóc nảy trên đường đất, dần dà thay thế ngành đóng mộc. Và để hoàn tất đỉnh chóp kim tự tháp tẻ nhạt này là những căn nhà kéo theo xe. Với những người tìm kiếm thiên nhiên chỉ trong các tour du lịch hay sân golf thì cơ sở vật chất hiện thời cho giải trí là tạm đủ. Nhưng với những người mong muốn một điều gì hơn thế, việc giải trí ngoài trời đã trở thành một quá trình tự diệt của việc tìm nhưng không bao giờ thấy, một sự bức bối trương phình lên trong xã hội cơ khí.

Hiện tượng thiên nhiên hoang dã co cụm lại dưới sức ép của du khách đi ô-tô không chỉ ở đây mới có: Vịnh Hudson, Alaska, Mexico, và Nam Phi đều đang thất thủ, và sau đó sẽ đến Nam Mỹ và vùng Siberia. Tiếng trống Mohawk xa xưa bên các dòng sông giờ đã bị thay thế bằng tiếng còi xe inh ỏi. Giống người tinh khôn *Homo sapiens* giờ đây không còn

sống quần quanh dưới giàn cây nho và cây sung nữa. Thay vào đó, họ rớt vào bình xăng nguồn xung năng dự trữ qua nhiều thế kỷ của muôn loài, chắt lọc từ ước mong được đặt chân đến những cánh đồng và miền đất mới. Và cứ thế, họ bò lổm ngổm trên khắp các châu lục như một bầy kiến.

Đây là phiên bản mới nhất của giải trí ngoài trời.

Ai là người tìm kiếm thú tiêu khiển này, và họ mong đợi điều gì? Một vài ví dụ dưới đây sẽ nhắc nhở chúng ta biết.

Trước tiên, ta có thể thấy rằng bất cứ đầm lầy nào có vịt là sẽ có một hạm đội xe ô-tô bao xung quanh. Núp đằng sau mỗi bụi lau sậy là một cá thể loài người, hòng sung giương cao, ngón tay sẵn sàng bóp cò, và tâm thế bất chấp mọi luật lệ của sự thịnh vượng và phúc lợi chung để săn hạ một con vịt. Việc dạ dày họ luôn thừa mứa thức ăn cũng không hề làm giảm bớt ham muốn được ngón ngấu thêm vài miếng thịt từ thiên nhiên và Chúa trời.

Lang thang trong rừng cây gần đó là một cá thể người khác, lùng tìm các giống dương xỉ và chim chích quý hiếm. Vì hình thức săn lùng của họ không đòi hỏi việc cướp bóc bất trộm nên họ rất khinh thường những kẻ đi săn. Tuy vậy, họ vẫn không thể chối bỏ rằng trong thời niên thiếu họ cũng từng đi săn vịt trời.

Ở một khu nghỉ dưỡng gần đó lại có thêm một cá thể yêu thiên nhiên nữa, loại này thích khắc lên thân cây bạch dương những vần thơ con cóc. Và tất cả mọi nơi thì nhan nhản những tay lái mô-tô mà thú tiêu khiển duy nhất là tăng dặm cho xe, những người đã lái qua hết thảy các Công

viên Quốc gia chỉ trong một mùa hè và giờ đang tiến xuống phía nam về thủ đô của Mexico.

Cuối cùng là đến nhà bảo tồn chuyên nghiệp, lặn lội đi thăm hết tổ chức bảo tồn này đến hội bảo vệ kia để ban phát cho công chúng yêu thiên nhiên những gì họ muốn nghe, hoặc khiến họ muốn nghe những gì ông ta ban phát.

Một người có thể hỏi tại sao ta lại nhồi nhét một nhóm cá thể đa dạng như vậy trong cùng một hạng mục? Bởi vì mỗi cá thể, theo cách riêng của họ đều là một thợ săn. Và tại sao họ lại tự gọi mình là nhà bảo tồn? Vì những thứ hoang dã mà họ săn đuổi đã tuột khỏi tầm với, và họ muốn gọi hồn những luật lệ, biểu quyết ngân sách, những kế hoạch địa phương, cải tổ lại ban ngành, hay một biện pháp hú họa tập thể nào đó để trói buộc những sinh linh hoang dã này lại.

Ngành giải trí thường hay được đề cập tới như một nguồn lực kinh tế. Các ủy ban Thượng viện vẫn ra rả phát ngôn rằng có hàng triệu lượt công chúng đổ tiền vào việc giải trí. Và quả thực thì nó cũng mang một khía cạnh kinh tế, khi một căn điện trang bên hồ câu cá, hay thậm chí là một chỗ đứng để săn vịt trong đầm lầy, cũng có giá trị bằng cả một trang trại kế bên.

Câu chuyện này cũng mang khía cạnh đạo đức. Trong cuộc chạy đua lòng kiếm những nơi hoang sơ, những mật mã cũng như điều răn bắt đầu tiến hóa. Chúng ta bắt đầu nghe đến “cách hành xử trong thiên nhiên”. Chúng ta răn dạy giới trẻ. Chúng ta in những khái niệm của “Thế nào là người có tinh thần thể thao thượng võ trong săn bắn?” và

treo lên tường cho bất kỳ ai muốn trả một đô-la để được giảng đạo.

Hiển nhiên, những khía cạnh kinh tế và đạo đức hiển lộ này là hệ quả chứ không phải nguyên do tạo nên ngành giải trí ngoài trời. Chúng ta kiếm tìm thiên nhiên vì nó cho ta được niềm vui sướng. Cũng như trong opera, guồng máy kinh tế được sử dụng để chế tạo và duy trì phương tiện vận hành. Cũng như trong opera, các chuyên gia kiếm sống bằng cách chế tạo và duy trì các phương tiện vận hành, nhưng sẽ là sai nếu ta nói rằng *lý do tồn tại* của opera hay giải trí ngoài trời là để kiếm tiền. Người thợ săn vịt và ca sĩ opera trên sân khấu, cho dù ăn mặc khác nhau nhưng đều đang làm cùng một việc. Mỗi người đều đang tái hiện lại một kịch bản thấm nhuần chất liệu đời sống hàng ngày. Theo cách phân tích đó, công việc của cả hai đều mang tính thẩm mỹ.

Các chính sách công về giải trí ngoài trời gây nhiều tranh cãi. Tất cả mọi công dân có nhận thức đều mang những quan diêm trái chiều về cái gì được coi là giải trí ngoài trời và những phương thức duy trì nguồn tài nguyên cho nó. Thế nên Hội thiên nhiên Hoang dã (Wilderness Society) mới muốn loại bỏ các con đường trải nhựa ra khỏi vùng nội địa, trong khi Phòng thương mại (Chamber of Commerce) lại muốn mở rộng thêm đường sá - tất cả đều nhằm mục đích phát triển ngành giải trí ngoài trời. Người nông dân kiêm thợ săn đi bắt điều hâu vì muốn sử dụng súng, còn những người yêu chim thì bảo vệ chúng vì muốn sử dụng kính bảo hiểm khi đi săn. Mặc dù mỗi bên đều thóa

mạ bên kia bằng những xú danh cộc lốc, tất cả đều chỉ là một phần trong cùng một bộ máy của ngành công nghiệp giải trí ngoài trời. Tuy vậy, *những thành phần này vẫn rất khác biệt về tính chất*, và một chính sách có thể đúng với nhóm này nhưng lại sai với nhóm kia.

Vậy thì việc cần làm ở đây là tách biệt các nhóm thành phần này và xem xét đặc tính của từng nhóm.

Chúng ta bắt đầu với thành phần đơn giản và hiển nhiên nhất: những vật mà một người có tâm hồn thiên nhiên có thể tìm ra, bắt được, và mang về. Trong hạng mục này bao gồm thú săn và cá, và những thành tựu trưng bày được như cái đầu, tấm da, tranh ảnh, hay mẫu vật.

Tất cả những thứ này tồn tại trên nền ý tưởng sưu tầm *chiến lợi phẩm*. Niềm vui mà chúng mang lại, hay đáng ra sẽ mang lại, nằm cả ở trong việc kiếm tìm và săn bắt. Những chiến lợi phẩm đó trở thành một thứ *bằng chứng nhận*, bất luận chúng mang hình dáng một quả trứng chim, một mớ cá hồi, một rổ nấm, một bức ảnh chụp con gấu, một tiêu bản hoa ép khô, hay một ụ đá kỷ niệm xếp thành hình tháp trên một đỉnh núi. Chúng chứng tỏ rằng chủ nhân của chúng đã đến đâu đó và làm được chuyện gì đó, rằng anh ta đã vận dụng kỹ năng, lòng kiên trì, hay cảnh giác trong một thử thách có từ ngàn xưa của việc qua mặt, chế ngự, và sở hữu thiên nhiên. Những giá trị tinh thần đi kèm với các chiến lợi phẩm này thường vượt xa hơn các giá trị vật chất.

Nhưng các loại chiến lợi phẩm lại có phản ứng khác với việc săn bắt đại trà. Việc săn thú hay cá có thể được mở rộng thông qua việc nhân giống và quản lý, nhằm mang lại

cho mỗi người thợ săn các cơ hội tương đồng. Trong thập kỷ vừa qua, ngành quản lý thú săn đã dần hiện hữu. Một loạt các trường đại học bắt đầu mở lớp kỹ thuật và nghiên cứu để cải thiện và nhân giống rộng rãi những loài thú săn. Tuy nhiên, lạm dụng việc nhân giống đầu ra thú săn này sẽ khiến luật pháp lên tiếng để quản lý đầu vào. Việc thắt chặt quản lý thú săn sẽ làm giảm giá trị của chúng như những chiến lợi phẩm, vì giờ đây việc săn bắt chúng đã mất đi tính hoang dã nguyên sơ.

Chúng ta hãy xem xét ví dụ của một con cá hồi được nuôi trong xưởng ấp và mới được thả vào một con suối cạn cá do đánh bắt. Con suối hiện không còn là nơi cá hồi có thể sinh sản tự nhiên được nữa. Có thể nguồn nước đã bị ô nhiễm, hoặc việc chặt phá rừng đã làm nước ấm lên hay nghẽn bùn. Sẽ không ai nói rằng con cá hồi này có giá trị tương đương một con cá hồi hoang được bắt ở một con sông chảy xiết nào đó trên thượng nguồn vùng núi cao Rocky. Giá trị thẩm mỹ của nó vì thế thấp kém hơn, cho dù việc đánh bắt nó vẫn đòi hỏi kỹ thuật. (Lá gan của nó, một chuyên gia nhận xét, cũng xuống cấp do thức ăn trong xưởng ấp và sẽ dẫn đến đột tử.) Tuy nhiên, vô số bang cạn kiệt cá hiện nay đều phải kiếm kế sinh nhai dựa vào nguồn cá hồi nhân tạo này.

Tính nhân tạo luôn đi kèm với sự quá độ, nhưng khi việc săn bắt đại trà trở nên lạm phát, nó thường sẽ đẩy cả cơ chế kỹ thuật bảo tồn về hướng nhân tạo hóa, khiến cho cán cân đo giá trị của các con mồi săn bị tụt xuống.

Để bảo vệ con cá hồi nhân tạo đắt đỏ và mất kỹ năng sinh tồn này, Hội đồng Bảo tồn (Conservation Commission) cảm thấy cần phải tiêu diệt toàn bộ những con diệc hay chim hồng tước hay léo hánh tới xưởng ấp trứng nơi nó sinh ra, và tất cả những con vịt hoang hay rái cá ở dòng sông nơi nó được phóng thích. Tuy người đánh cá có thể không cảm thấy mất mát gì trong việc đánh đổi giữa sinh mạng loài này cho loài khác, sự trả giá này lại khiến các nhà điều học cắn móng tay trong điên loạn. Việc quản lý sản vật nhân tạo vì thế đã đặt ngành ngư nghiệp, và theo đó là ngành giải trí ngoài trời, ở thế đối đầu với các ngành khác; nó đã chia lợi tức cho một công dân từ ngân quỹ chung mà bỏ quên những nhóm khác. Kế hoạch liều lĩnh này cũng được ngành quản lý thú săn áp dụng. Ở châu Âu, nơi thông số về thú săn qua nhiều năm luôn sẵn có, ta thậm chí còn biết được tỷ giá quy đổi của mỗi loại thú săn. Nhờ đó, ta biết được ở Saxony, một con chim ưng sẽ bị giết để đổi lấy bảy con chim mồi, và một con thú đi săn sẽ quy đổi ra ba con thú mồi nhỏ hơn.

Những tổn thất về thực vật thường theo sau việc kiểm soát nhân tạo các loài thú - ví dụ khi loài hươu bắt đầu phá rừng. Ta có thể thấy điều này rõ ràng ở miền bắc nước Đức, đông bắc Pennsylvania, vùng Kaibab, và hàng tá những khu vực ít người biết đến. Trong mỗi trường hợp, khi không tồn tại kẻ thù tự nhiên, số lượng hươu tăng đột biến sẽ khiến cho các loài cây là thức ăn cho hươu không thể tồn tại hay sinh sản kịp. Cây sồi, cây thích, và thủy tùng ở châu Âu, cây độc cần và tuyết tùng trắng ở các bang bờ Đông, cây dái

ngựa và hoa hồng dại ở bờ Tây, đều là các loại thức ăn bị đám hươu nhân tạo đe dọa làm tuyệt chủng. Thậm chí thực vật cây cỏ, từ hoa dại đến cây rừng, dần trở nên cạn kiệt, và bây giờ vì thế cũng dần suy dinh dưỡng. Trong rừng hiện nay không còn một con hươu đực nào to lớn được như những con bị đóng đinh trên tường các lâu đài phong kiến.

Trên những cánh đồng cây bụi nước Anh, việc tái sinh sản của thực vật bị loài thỏ kìm hãm, do chúng nhận được sự bảo vệ thái quá trong tiến trình săn bắn ga gô và ga lô. Trên vô số các hòn đảo nhiệt đới, loài dê được mang tới để cung cấp thịt và thú săn đã phá hủy hệ động thực vật bản địa. Thật khó để tính toán được mức độ tổn thương qua lại giữa những loài thú không có kẻ thù tự nhiên và những rừng núi đã mất sạch nguồn thức ăn từ cây cối bản địa. Mặc kệ giữa hai cột mốc dương và âm trên một phổ nhưng cách quản lý sinh thái lệch lạc này, các giống cây công nghiệp giờ đây chỉ được cứu rỗi nhờ vào tiền bồi thường liên miên và hàng rào kẽm gai.

Vậy thì ta có thể kết luận khái quát rằng việc săn bắt đại trà sẽ dẫn đến suy giảm chất lượng của các loại chiến lợi phẩm thiên nhiên như thú bị săn hay cá, đồng thời phá hoại các nguồn nhiên liệu khác: các loài động vật không trong danh sách săn bắn, hệ thực vật tự nhiên, cũng như hoa màu nông nghiệp.

Quá trình suy thoái và tổn hại này lại không xuất hiện rõ rệt trong việc săn lùng các chiến lợi phẩm “gián tiếp” như những tấm hình chụp. Nói rộng ra, việc bị một tá du khách chụp hình hàng ngày không làm giảm đi chất lượng cảnh

quan; các nguồn tài nguyên nơi đó cũng không hề hấn gì nếu lượng người tăng lên một trăm mỗi ngày. Điều này khiến cho ngành sản xuất máy ảnh là một trong những ký sinh trùng vô hại đối với môi trường thiên nhiên.

Ở đây, chúng ta nhìn thấy một sự khác biệt căn bản giữa cách hai hạng mục chiến lợi phẩm khác nhau phản ứng với việc săn lùng đại trà.

Giờ ta hãy xem xét thêm một phần tố khác, có phần phức tạp và ý nhị hơn, của thú tiêu khiển: cảm giác cách ly xã hội khi trở về với thiên nhiên. Việc phần tố này đang đạt đến giá trị khan hiếm với nhiều người được xác nhận bởi mâu thuẫn trong câu chuyện về bảo tồn thiên nhiên hoang dã. Phe ủng hộ bảo tồn thiên nhiên hoang dã đã đạt tới một thỏa hiệp với ban xây dựng cầu đường, vốn giữ vai trò giám hộ các công viên và rừng quốc gia của chúng ta. Họ đã chấp thuận việc bảo tồn chính thức các khu vực không có đường sá. Cứ một tá các khu thiên nhiên được mở đường thì lại có một khu được gọi là “hoang dã”, và việc xây đường chỉ dừng lại ở ranh giới bên ngoài khu hoang dã này. Nơi này sau đó sẽ được quảng bá là “độc nhất vô nhị”, vì quả là đúng như vậy. Chẳng bao lâu sau, các lối mòn bên trong khu vực này sẽ đông nghẹt du khách khiến cho Hội Bảo tồn lại phải ra tay can thiệp, hay một trận cháy bất ngờ đòi hỏi phải xẻ đường cắt khu vực này làm đôi để cho xe cứu hỏa đi vào. Hoặc việc quá tải du khách do chiêu bài quảng cáo sẽ đẩy giá hướng dẫn viên và người khuân đồ lên, và sau đó sẽ có người phát hiện rằng các chính sách trong khu hoang dã này phi dân chủ. Hoặc Phòng Thương mại địa phương, ban

đầu thụ động trước ý tưởng một vùng nội địa được dán nhãn “hoang dã”, bắt đầu nếm mùi tiền đổ vào từ du lịch. Họ sau đó sẽ muốn nhiều tiền hơn, bất chấp khu vực đó hoang dã hay không.

Nói ngắn gọn, sự khan hiếm vô cùng của các nơi hoang dã, kèm theo *xúc tác* từ quảng cáo, thường đập tắt bất cứ nỗ lực nào để nhân rộng các khu vực này và khiến chúng bớt phần hiếm có.

Chúng ta không cần tranh luận thêm để nhận ra rằng việc sử dụng thiên nhiên đại trà sẽ tỷ lệ nghịch với cơ hội tìm kiếm khoảnh khắc một mình trong thiên nhiên. Khi chúng ta nói đến đường sá, khu cắm trại, lối đi xuyên rừng, và nhà vệ sinh như những “thành tựu” của ngành công nghiệp giải trí, chúng ta đang đi ngược lại mong muốn tìm chốn riêng tư trong hoang dã. Việc đáp ứng nhu cầu đám đông không làm phát triển (theo ý tăng thêm hay tạo mới) được điều gì cả. Trái lại, nó chỉ như đổ thêm nước vào một nồi cháo loãng.

Đối trọng với việc tìm kiếm nơi chốn riêng tư là việc chúng ta hay gọi là “đổi gió” hay “hưởng khí trời”. Việc sử dụng đại trà không phá hủy hay làm giảm giá trị thứ hai này. Một ngàn du khách khác nhau cùng đi qua cửa Công viên Quốc gia thì cũng sẽ hít chung một bầu không khí và cùng tận hưởng cảm giác đối lập so với khi ngồi văn phòng. Ta cũng có thể nói rằng việc hồ hởi xâm lấn không gian ngoài trời còn làm tăng thêm sự tương phản đó. Vậy ta có thể nói rằng việc đổi gió và hưởng khí trời cũng giống như

việc săn các chiến lợi phẩm nhiếp ảnh: nó có thể chịu đựng việc sử dụng đại trà mà không gây tổn hại.

Giờ chung ta tiến đến một phần tố khác: việc nhận thức về các quá trình tự nhiên mà qua đó vùng đất và các sinh vật sống trên nó đạt đến các hình thái riêng biệt (sự tiến hóa) và duy trì sự tồn tại (hệ sinh thái). Công cuộc được gọi là “nghiên cứu tự nhiên” này, bất chấp cái tên của nó khiến nhiều vị chức sắc lạnh sống lưng, phối tạo nên nền tảng ban đầu để định hình nhận thức của công chúng.

Đặc tính ưu việt của nhận thức là nó không đòi hỏi việc tiêu thụ hay làm hao hụt bất cứ tài nguyên nào. Ví dụ, một con chim ưng sà cánh vỗ mỗi được một người nhìn nhận như một màn kịch của tiến hóa. Với người khác thì họ chỉ coi đó là mối đe dọa với chảo thịt đang rán ngoài trời. Màn kịch có thể khiến cho nghìn người ngất ngây, còn mối đe dọa thì chỉ lay động một người - vì hẳn ta sẽ phản ứng bằng hòng súng chĩa lên.

Nâng cao nhận thức là hành động duy nhất mang tính sáng tạo của guồng máy công nghiệp giải trí.

Mặc dù điều này là quan trọng, nhưng sức mạnh tiềm tàng để tạo ra “một cuộc sống tốt đẹp hơn của nó lại không được hiểu thấu đáo. Khi Daniel Boone lần đầu tiên đặt chân vào rừng rậm đồng hoang của “bóng tối và đất máu”, hành lý mang theo của ông cuối cùng thu gọn chỉ còn lại phần cốt cách tinh túy của “đất trời nước Mỹ”. Tuy ông ấy không gọi tên nó như thế, nhưng cái ông tìm được là thứ chúng ta giờ đây kiếm tìm, và chúng ta đang phải xử lý những thứ cụ thể chứ không chỉ là cái tên.

Việc tiêu khiển, tuy vậy, lại không nằm ở thế giới ngoài trời mà ở trong cách chúng ta phản ứng với nó. Thái độ của Daniel Boone không chỉ phụ thuộc vào chất lượng của những gì ông nhìn thấy, mà còn phụ thuộc vào độ tinh nhạy của nhãn quan bên trong của ông ấy. Khoa học sinh thái đã dẫn đến sự thay đổi của con mắt bên trong. Nó đã tiết lộ những cội nguồn và chức năng mà Boone chỉ coi là thông tin thực tế. Nó đã tiết lộ các cơ chế mà Boone chỉ coi là thuộc tính. Chúng ta không có thước đo để đo đếm thay đổi này, nhưng ta có thể nói rằng, so với một nhà sinh thái học chắc tay ngày nay thì Boone chỉ nhìn thấy sự vật ở mức bề mặt. Sự tinh tế tột bậc của giới động thực vật, vẻ đẹp tiềm ẩn của nước Mỹ như cơ thể thiếu nữ đang độ chín muồi, cũng vô hình và khó hiểu đối với Daniel Boone lúc đó như đối với Quý ngài Trung lưu Babbitt bây giờ. Thứ duy nhất thực sự phát triển trong nguồn nguyên liệu cho ngành giải trí nước Mỹ là sự hình thành về nhận thức trong người dân Mỹ. Ngoài ra, tất cả những nỗ lực khác mà chúng ta cố gắng đặt cho những cái tên mỹ miều, rốt cuộc cũng chỉ làm trì trệ hay che giấu một quá trình tàn phai bên dưới.

Không một ai nên hấp tấp kết luận rằng Quý ngài Babbitt cần phải lấy bằng tiến sĩ sinh thái học trước khi ông ta thực sự nhìn thấu đất nước mình. Trái lại, tấm bằng đối với tâm hồn chai sạn của ông ta có lẽ cũng rồi rắm mù mờ chẳng kém gì những điều huyền bí trong thiên nhiên. Giống như những báu vật khác trong tâm trí, nhận thức có thể được chia nhỏ đến vô hạn mà vẫn không hề suy giảm giá trị. Ta có thể tìm thấy những bài học trong những đám cỏ

phủ xanh thành phố hay trong những thân cây tùng bách gỗ đỏ; người nông dân có thể tìm thấy trong cánh đồng chăn bò của mình những điều mà một nhà khoa học bốn ba các vùng biển phía nam chưa chắc đã luận ra. Tóm lại, nhận thức là thứ không thể mua được bằng tiền hay bằng cấp; nó phải được nuôi dưỡng tại gia cũng như trong lúc điên dã, và người có nhiều hay có ít đều có thể sử dụng nó sao cho thuận lợi nhất. Trong hành trình tìm kiếm tri nhận, sự cuồng nhiệt của đám người tìm kiếm thú vui ngoài trời là vô căn cứ và không cần thiết.

Cuối cùng, ta còn một phần tố thứ năm: hình dung về cách quản lý. Một người tận hưởng thú vui ngoài trời chỉ biết bỏ phiếu tán thành việc bảo tồn chứ không trực tiếp xắn tay áo lên tham gia sẽ không biết gì đến điều này. Nó chỉ được thực hiện khi một ai có nhận thức thực hành nghệ thuật quản lý đất đai. Nói cách khác, niềm hân hoan mà nó mang lại chỉ dành cho những người chủ đất quá nghèo để mua được trò vui và những nhà quản lý đất đai với con mắt tinh tường và đầu óc sinh thái. Gã du khách mua vé vào thăm thú cảnh quan do họ quản lý hoàn toàn mù tịt, cũng như tay thợ săn phải mượn chính phủ, hay thuộc hạ của họ, làm người giữ thú săn cho mình. Chính phủ, vốn tìm cách hoán đổi việc vận hành các khu đất giải trí ngoài trời từ quốc hữu sang tư hữu, đang rót vào cho các cấp dưới của mình một khoản tiền lớn mà đáng ra phải dành cho nhân dân. Về lý thì những người kiểm lâm và quản lý thú săn chúng ta phải trả công cho người khác, chứ không phải được trả công, để làm nhiệm vụ quản lý thú rừng.

Nhận thức rằng việc quản lý trong sản xuất nông sản cũng quan trọng như chính đầu ra nông sản đã hiện hữu ở mức nào đó trong nông nghiệp, nhưng vẫn còn thiếu hụt trong bảo tồn. Các tay thợ săn người Mỹ thường ít tôn trọng việc duy trì sản lượng thú săn một cách nghiêm túc trên các cánh đồng Scotland hay trong các khu rừng ở Đức, và về mặt nào đó thì họ cũng có lý. Thế nhưng họ lại hoàn toàn bỏ qua nhận thức về quản lý được các chủ đất ở châu Âu thực thi trong quá trình khai thác lâm sản. Chúng ta vẫn chưa hề tính đến việc đó, mặc dù nó rất quan trọng. Khi chúng ta kết luận rằng cần phải mời chào nông dân bằng tiền trợ cấp để họ trồng rừng, hoặc cung cấp hóa đơn để họ nuôi thú săn, chúng ta gần như đã thú nhận rằng niềm vui trong việc quản lý tài nguyên thiên nhiên vẫn còn là điều gì xa vời với cả họ và chúng ta.

Các nhà khoa học vẫn có nói một cách dí dỏm: phát sinh cá thể lặp lại phát sinh giống loài. Ở đây, ý họ là sự phát triển của mỗi cá thể tái hiện lại lịch sử tiến hóa của cả giống loài. Điều này đúng cả về phương diện thể chất và tinh thần. Những người thợ săn chiến lợi phẩm là tái sinh của người cổ đại trong hang. Việc săn chiến lợi phẩm là đặc quyền của người trẻ, cá nhân hay giống loài, và không có gì đáng chê trách.

Điều đáng lo ngại trong bức tranh hiện đại này là người thợ săn chiến lợi phẩm không biết trưởng thành lên: đầu óc anh ta không phát triển được ý nghĩ về việc ở một mình trong thiên nhiên, hay nhận thức và quản lý duy trì nó - hoặc giả những yếu tố đó đã bị mất đi. Anh ta là con kiến

cơ động bò ngang dọc khắp các châu lục trước khi học được cách chiêm ngưỡng sân sau nhà mình, người luôn tiêu thụ nhưng không bao giờ tự thấy thỏa mãn khi ở ngoài trời. Trong đầu anh ta, người kỹ sư kiến tạo không gian giải trí làm loãng đi chất hoang dã và biến chiến lợi phẩm thành đồ nhân tạo - mặc dù người kỹ sư thì tin rằng mình đang làm việc phục vụ cộng đồng.

Người săn chiến lợi phẩm như thú vui cũng có những nét lập dị ngấm ngấm khiến anh ta đào hố tự chôn mình. Để tận hưởng, anh ta cần sở hữu, xâm chiếm, cưỡng đoạt. Vì thế những gì hoang dã mà không lọt vào mắt anh ta thì không có giá trị. Vì thế mới nảy sinh ra suy nghĩ là một vùng đất nội địa để không thì chẳng đóng góp gì cho xã hội. Với những người trí tưởng tượng nghèo nàn thì một khoảng trống trên bản đồ chỉ là một nơi bỏ đi vô giá trị, trong khi với người khác thì đó lại là phần có giá nhất. (Phần đất đai của tôi ở Alaska liệu có đáng vứt đi nếu tôi không bao giờ đến đó? Liệu tôi có cần một con đường để dẫn tôi đến những thảo nguyên Bắc cực, những cánh đồng ngỗng ở Yukon, loài gấu Kodiak, những thảo nguyên chăn cừu đang sau dãy McKinley?)

Tự trung, dường như những tầng lớp thấp hơn trong chuỗi giải trí ngoài trời sẽ chỉ biết tiêu thụ tài nguyên. Những tầng lớp cao hơn, đến một mức nào đó, tự cảm thấy sung sướng mà không cần làm tiêu hao đất đai hay cuộc đời. Chính sự mở rộng giao thông không tương xứng với mức phát triển về nhận thức đã đe dọa làm khánh kiệt giá trị của việc giải trí ngoài trời. Việc phát triển ngành giải trí

ngoài trời vì thế không chỉ đơn thuần là xây những con đường đến miền đồng quê thanh bình, mà quan trọng hơn là kiến tạo nhận thức trong đầu óc vẫn còn tù mù của nhân loại.

THIÊN NHIÊN HOANG DÃ TRONG VĂN HÓA MỸ

Nền văn hóa người thượng cổ thường gắn liền với thiên nhiên hoang dã. Do đó, loài bò rừng không chỉ là nguồn thức ăn cho người thổ dân châu Mỹ, mà còn là nguồn cảm hứng cho kiến trúc, trang phục, ngôn ngữ, nghệ thuật, và tín ngưỡng của họ.

Trong thế giới ngày nay, nền tảng văn hóa ấy đã ít nhiều dịch chuyển, nhưng đâu đó vẫn tồn tại những cội rễ văn hóa tự cổ xưa này. Ở đây, tôi muốn bàn đến giá trị của gốc gác hoang dã đó.

Không ai có thể cân đo đong đếm được văn hóa, nên tôi sẽ không tốn thời gian làm chuyện đó. Dựa trên ý kiến chung của những người có đầu óc, giá trị văn hóa luôn tồn tại trong các loại hình thể thao và trải nghiệm đưa chúng ta quay trở về với thiên nhiên. Tôi mạn phép đưa ra ý kiến rằng có thể chia các giá trị ấy thành ba nhóm chính.

Trước hết là nhóm giá trị thể hiện qua những trải nghiệm có tính nhắc nhở chúng ta về cội nguồn quốc gia và khuấy động nhận thức về lịch sử. Nhận thức ấy có thể được gọi là “tính quốc gia dân tộc” (nationalism) theo mặt tích cực nhất. Trong trường hợp này, vì không còn tên gọi nào ngắn gọn hơn, tôi sẽ gọi đây là loại giá trị “chân quê”. Ví

dụ, một cậu hướng đạo sinh lột da một con gấu trúc Mỹ làm mũ đội trước khi đi vào thám hiểm bụi liểu rậm rạp. Cậu ấy đang tái hiện lại lịch sử nước Mỹ. Ở tầm cỡ đó, cậu bé này đã sẵn sàng để đối mặt với thực tại đen tối và khốc liệt. Một ví dụ khác là một cậu bé nông dân đi vào lớp học mà người bốc lên toàn mùi chuột xạ hương vì cậu đã đi thu nhặt bầy trước bữa sáng. Cậu ấy đang tái hiện lại vẻ lãng mạn của ngành thủ công làm lông thú. Sự phát sinh cá thể tái hiện lại sự phát sinh giống loài trong cả phạm vi xã hội và cá nhân.

Thứ hai là nhóm giá trị thể hiện qua những trải nghiệm nhắc nhở chúng ta về sự phụ thuộc của mình vào chuỗi thức ăn đất-cây-thú-người và về cơ cấu nền tảng của quần xã sinh vật. Nền văn minh tiên tiến đã làm nghẽn mạch mối quan hệ giữa đất và người này bằng máy móc và mối lái trung gian đến độ nhận thức về nó đang ngày càng trở nên mù mờ. Chúng ta cho rằng nền công nghiệp hỗ trợ chúng ta mà quên mất cái gì là thứ hỗ trợ nền công nghiệp. Cái thời mà việc giáo dục gắn liền với đất đai thiên nhiên chứ không tách rời khỏi nó đã là dĩ vãng. Bài thơ mẫu giáo kể về việc đem về nhà một tấm lông thỏ để bọc quanh em bé nhỏ là một trong nhiều chất liệu dân gian gợi cho ta nhớ rằng đã có một thời con người đi săn để tìm kiếm cái ăn cái mặc cho gia đình.

Thứ ba là nhóm giá trị thể hiện qua bất kỳ trải nghiệm nào giúp ta thực hiện những tiết chế đạo đức của “tinh thần thượng võ”. Công cụ để chúng ta theo đuổi thiên nhiên hoang dã cải tiến vượt bậc từng ngày, và việc sử dụng

chúng với tinh thân thượng võ là một hạn chế tự nguyện. Mục đích nó đề ra là nhấn mạnh vai trò của kỹ năng thay vì công nghệ trong cuộc chơi đuổi bắt những gì hoang dã.

Một đức hạnh đặc thù trong việc theo đuổi thiên nhiên là người thợ săn không có một phòng triển lãm nào để tán dương hay bĩ bai thành quả của mình. Dù họ quyết định làm gì, thì lương tâm họ là trọng tài phán xét duy nhất chứ không phải một đám đông đứng ngoài chỉ trích. Thật khó để kể hết tầm quan trọng của điều này.

Việc tự nguyện tuân thủ một nguyên tắc đạo đức nâng cao lòng tự tôn của người thợ săn, nhưng ta không nên quên rằng việc tự nguyện phá bỏ nguyên tắc ấy sẽ làm họ tha hóa. Ví dụ, một mẫu số chung trong tất cả các bộ nguyên tắc đạo đức đi săn là không để lãng phí nguồn thịt tươi. Tuy nhiên, để săn được hai con hươu đực chính hiệu thì những tay săn hươu ở Wisconsin đã giết hại và vứt đi xác của ít nhất một con hươu cái, một con tơ, hay một con đực mới lớn. Nói cách khác, khoảng một nửa số thợ săn sẽ nã súng vào bất kỳ một con hươu nào cho đến khi bắn hạ được một con hươu đủ tuổi trưởng thành. Những xác chết phi pháp này bị bỏ lại chính nơi chúng ngã xuống. Việc săn bắt hươu như vậy không chỉ vô nhân tính, mà còn tạo đà cho sự suy đồi đạo đức ở mọi nơi khác.

Vậy thì có vẻ như, trong khi các trải nghiệm “chân quê” hay nối kết đất và người có thể có giá trị hoặc vô giá trị, các trải nghiệm hướng tới đạo đức đôi khi còn có giá trị về âm.

Điều này định nghĩa sơ bộ ba loại dưỡng chất sẵn có cho cội rễ trong văn hóa thiên nhiên ngoài trời của chúng ta. Nó không đồng nghĩa với việc bất cứ nền văn hóa nào cũng sẽ luôn được bồi đắp. Việc tách lọc giá trị chưa bao giờ là tự động: chỉ có một nền văn hóa khỏe mạnh mới có thể hấp thụ dinh dưỡng và phát triển. Liệu văn hóa của chúng ta có đang được nuôi dưỡng nhờ các loại hình giải trí ngoài trời hiện nay không?

Thời kỳ vỡ đất khai hoang đã bung nở hai ý tưởng mà sau này trở thành cốt lõi của giá trị “chân quê” trong các môn thể thao ngoài trời. Một là “gọn nhẹ”, hai là “một viên đạn một con hươu”. Những người khai hoang cần phải gọn nhẹ và chính xác vì họ thiếu phương tiện đi lại, tiền bạc, và vũ khí cần thiết để chơi chiêu cùng súng máy. Cần phải nói rõ ở đây là cả hai ý tưởng này khi mới thành hình đã được áp đặt lên chúng ta trong hoàn cảnh thiếu thốn và khiến chúng ta biến sự cần kiệm thành một đức tính quý báu.

Tuy nhiên, trong quá trình tiến hóa sau này, các ý tưởng trên trở thành tiền lệ cho tinh thần thượng võ, một sự tiết chế mà ta tự đặt ra cho môn thể thao săn bắn. Chúng trở thành nền tảng cho một truyền thống đậm chất Mỹ về tính tự chủ, lòng dũng cảm, tài đi rừng, và tài thiện xạ. Những giá trị này tuy không cầm nắm được nhưng lại không hề trừu tượng. Theodore Roosevelt là một tay thợ săn cừ khôi không phải vì ông ấy săn được nhiều chiến lợi phẩm, mà vì ông ấy thể hiện truyền thống Mỹ này theo cách mà bất cứ cậu học trò nào cũng có thể hiểu. Một thể hiện khác ý nhị và chính xác hơn có thể được tìm thấy trong các tác phẩm

đầu đời của Stewart Edward White. Thế nên cũng không quá sai lệch khi nói rằng những người như vậy tạo nên giá trị văn hóa qua nhận thức, cũng như định hình một hướng đi cho nó phát triển.

Sau đó là đến người buôn dụng cụ săn bắn. Anh ta là nguồn cung cấp vô hạn cho các thợ săn đủ thứ máy móc nhằm hỗ trợ cho tính tự chủ, lòng dũng cảm, tài đi rừng, và tài thiện xạ, nhưng nhiều khi lại được dùng thay thế cho các kỹ năng trên. Dụng cụ máy móc đầy nhóc trong túi, lủng lẳng trên cổ, hay đựng đưa nơi thắt lưng. Chỗ còn lại thì chất đầy trong cốp hay trong căn nhà kéo đằng sau xe. Mỗi thiết bị săn bắt ngày càng trở nên gọn nhẹ và tiện dụng hơn, nhưng tổng hòa các món gọn nhẹ đó lại tạo ra một mớ công kênh. Việc buôn bán dụng cụ săn ngày càng tăng vọt, thậm chí được mệnh danh là “giá trị kinh tế của thiên nhiên hoang dã”. Thế còn các giá trị văn hóa thì sao?

Chúng ta hãy xem xét ví dụ cuối cùng về người thợ săn vịt, ngồi trên chiếc thuyền thếp ẩn đằng sau vật nguy trang. Một cái máy nổ đã đưa anh ta đến nơi ẩn nấp này mà không tốn công sức gì. Bên cạnh anh ta là một hộp máy sưởi để phòng lúc gió máy trở trời. Anh ta cất tiếng gọi đàn vịt bay qua bằng một cái máy bộ đàm, cố gắng nhái chất giọng quyến rũ nhất có thể mà anh ta đã học được từ một cuốn đĩa ghi âm. Bất chấp cái máy bộ đàm, lớp nguy trang vẫn hoàn thành nhiệm vụ và đàn vịt bắt đầu xoay vòng sà xuống. Anh ta cần phải bắn trước khi đàn vịt kịp xoay vòng lần hai, vì trong đầm lầy lúc này nhan nhản các tay thợ săn háo thắng khác giành nhau cơ hội xả đạn. Anh ta nổ súng

khi còn cách khoảng hơn 60 mét, bộ van tiết lưu đa năng của khẩu súng vận hành vô hạn, và các tờ quảng cáo đã cam đoan với anh ta rằng đầu đạn Super-Z có tầm bắn dài hơn. Đàn vịt tan tác bay mất. Một vài con xước cánh loạng chạng rơi xuống chết ở đâu đó. Liệu người thợ săn này có đang tiếp thu các giá trị văn hóa? Hay liệu anh ta chỉ đang nuôi béo lỗ chồn hương? Với điểm bắn sắp tới là cách 65 mét, làm thế nào để một người có thể bắn hạ được con mồi? Đây là mô hình đi săn vịt hiện nay, phổ biến trên khắp các khu săn bắn công cộng hay tư nhân. Ý tưởng “gọn nhẹ” và “một viên đạn một con mồi” nay đã tan biến đâu mất rồi?

Câu trả lời không hề đơn giản. Roosevelt không hề khinh thường khẩu súng trường hiện đại, còn White cũng tự do sử dụng nồi thiếc, lều bạt và đồ ăn khô. Bằng cách nào đó, họ đã tiết chế việc sử dụng các dụng cụ trợ giúp và không bị chúng thao túng ngược lại.

Tôi không muốn tỏ ra hiểu biết về thế nào gọi là tiết chế, và đâu là ranh giới giữa các thiết bị săn bắn chính đáng và không chính đáng. Thế nhưng, ta có thể thấy rõ ngọn nguồn của thiết bị săn bắn là do ảnh hưởng văn hóa của chúng. Các dụng cụ trợ giúp tự làm tại gia thường nâng cao thay vì hủy diệt mối quan hệ giữa đất và người: người bắt được con cá hồi bằng chính lưỡi câu mình làm ra đã đạt được cùng một lúc hai thành quả. Cá nhân tôi cũng sử dụng nhiều thiết bị được sản xuất hàng loạt. Dù vậy, vẫn cần phải có một giới hạn đề ra nhằm hạn chế mức độ các thiết bị mua bằng tiền này hủy diệt giá trị văn hóa của việc đi săn.

Không phải môn đi săn nào cũng đã biến cùng hóa đến mức độ của môn săn vịt. Những người giữ gìn truyền thống Mỹ vẫn còn tồn tại. Có lẽ việc sử dụng cung tên và chim ưng săn mỗi đang đánh dấu một sự phản hồi. Tuy nhiên, xu thế bẫy lưới lại tiến gần hơn đến cơ khí hóa, và theo đó làm giảm các giá trị văn hóa, đặc biệt là các giá trị chân quê mang tính đạo đức giáo huấn.

Tôi có cảm giác rằng người thợ săn Mỹ đang lao đao bối rối, không hiểu chuyện gì đang xảy ra với mình. Các thiết bị to hơn và tốt hơn là điều có lợi cho công nghiệp, vậy thì tại sao họ không được sử dụng chúng trong săn bắn? Họ vẫn chưa nhận ra rằng việc săn bắn ngoài trời là một thú tiêu khiển được lặp đi lặp lại từ thời thượng cổ đến nay, rằng giá trị của chúng nằm ở sự tương phản, và rằng việc cơ giới hóa tràn lan sẽ hủy hoại sự tương phản bằng cách mang các nhà máy đến nơi những cánh rừng hay đầm lầy.

Người thợ săn không có một thủ lĩnh để chỉ ra lỗi sai của họ. Các tờ báo săn bắn không còn thể hiện tinh thần thượng võ, mà trái lại đã biến thành kênh quảng cáo cho giới buôn dụng cụ săn bắn. Các nhà quản lý môi trường hoang dã thì quá bận rộn sản sinh các loài thú bị săn và không bận tâm đến giá trị văn hóa trong việc săn bắn. Vì tất cả mọi người từ Xenophon đến Teddy Roosevelt đều nói về giá trị nằm trong việc săn bắn, ai cũng nghĩ rằng giá trị này là bất khả hủy.

Đối với các môn đi săn không dùng thuốc súng, ảnh hưởng của cơ khí hóa có phần đa dạng hơn. Kính bảo vệ, máy ảnh, và vòng số hiệu cho chim hản nhiên *chưa* làm hủy

hoại giá trị văn hóa của ngành điểu học. Ngoại trừ việc dùng động cơ gắn máy và thuyền thiếc, việc câu cá có vẻ ít cơ giới hóa hơn việc đi săn. Trái lại, việc di chuyển bằng ô-tô đã gần như hủy diệt bộ môn săn bắn và để lại đằng sau những mẩu thiên nhiên hoang dã đầu thừa đuôi thẹo.

Môn đi săn cáo với chó săn theo lối xưa là một ví dụ có phần trung lập và đỡ nguy hại hơn của cơ giới hóa. Đây là một trong những môn đi săn thuần túy nhất, thể hiện giá trị “chân quê” đồng thời thấm đượm mối tương giao giữa người với đất. Người thợ săn chủ tâm không bắn con cáo, thể hiện tiết chế đạo đức. Nhưng giờ đây chúng ta rượt đuổi con cáo bằng xe Ford! Hãy tưởng tượng giọng nói của Bugle Ann trợn lăn tiếng còi xe ô-tô rẻ tiền! Tuy nhiên, sẽ không ai đề ra ý tưởng làm một con chó săn robot, hay gắn lên mũi con chó săn một bộ van tiết lưu đa năng. Sẽ không ai nảy ra ý định huấn luyện chó bằng đĩa thu âm, hay những trò tiểu xảo đi tắt khác. Tôi nghĩ rằng những tay buôn dụng cụ săn bắn đã gặp phải đối thủ đáng gờm là loài chó săn.

Việc đổ thừa hết tội lỗi của ngành săn bắn lên các dụng cụ hỗ trợ đi săn không hoàn toàn hợp lý. Người quảng cáo nghĩ ra ý tưởng, mà ý tưởng thì hiếm khi tương xứng với dụng cụ thật, mặc dù chúng có thể vô dụng như nhau. Một trong số các dụng cụ này cần được đặc biệt nêu tên: bộ phận giới thiệu “nên đi đâu”. Kiến thức về vị trí săn bắn hay câu cá tốt là một tài sản hết mực cá nhân. Nó giống như cái roi, con chó, hay cây súng: một vật chỉ được cho mượn để thể hiện phép lịch sự. Nhưng nếu người ta quảng cáo nó trong các chuyên mục săn bắn như một thứ hỗ trợ việc chia

sẽ thông tin thì lại là chuyện khác. Việc rải các thông tin này như một dạng “dịch vụ công cộng” miễn phí đối với tôi là một câu chuyện khác hẳn. Ngay cả các ban “bảo tồn” giờ đây cũng xì ra với bất kỳ ai chỗ nào nên đi câu cá, hay chỗ nào một bầy vịt thường đáp xuống kiếm ăn.

Những hành động chia sẻ bữa bài có tổ chức này thường làm mất đi tính riêng tư con người trong các môn săn bắn ngoài trời. Tuy tôi không phân định được đường ranh giới giữa những hành vi xác đáng hay không xác đáng, tôi tin chắc rằng các dịch vụ “gợi ý đi đâu” này đã làm băng hoại mọi thiết chế của lý trí.

Nếu vùng đó thuận lợi cho việc đi săn hay câu cá, thì dịch vụ “gợi ý đi đâu” kể trên chỉ góp phần đổ thêm dầu vào ham muốn vốn đã thừa mứa của những tay thợ săn. Nhưng nếu đó là một vùng không thuận lợi cho săn bắn, người quảng cáo sẽ phải dùng đến các thủ thuật thuyết phục hơn. Một trong các chiêu trò đó là xổ số cá, khi một trong vài con cá được ấp trong xường được đánh số, và ai bắt được con cá trúng giải sẽ nhận giải thưởng. Sự lai tạp kỳ dị giữa công nghệ khoa học và trò cá cược này sẽ đảm bảo làm cạn kiệt nguồn cá trong các vùng hồ vốn đã nghèo nàn, dù nó sẽ làm các Phòng Thương mại địa phương nở mày nở mặt.

Thật dễ dàng để các nhà quản lý thiên nhiên hoang dã tách mình khỏi những chuyện thế này. Người kỹ sư sản xuất và người chào hàng cùng thuộc về một cơ quan: cả hai đều ngậm miệng ăn tiền từ cùng một chỗ.

Người quản lý thiên nhiên hoang dã đang cố gắng nuôi các con thú săn trong tự nhiên bằng cách điều khiển môi trường của nó, nhằm chuyển hóa việc đi săn từ khai thác sang nuôi trồng. Nếu việc chuyển đổi này xảy ra, nó sẽ ảnh hưởng thế nào lên giá trị văn hóa? Ta cần nhận thức ở đây rằng các giá trị chân quê từ trước đến nay hay đi đôi với việc khai thác cạn kiệt. Daniel Boone thậm chí còn không chịu nổi việc nuôi trồng nông nghiệp, huống hồ là chăn nuôi trong tự nhiên. Có lẽ thái độ ương bướng của người thợ săn kỳ cựu trước ý tưởng chăn nuôi thú săn là một phần trong giá trị chân quê mà anh ta thừa hưởng. Có lẽ việc chăn nuôi thú săn gặp phải nhiều chống đối vì nó đi ngược lại với một thành tố trong truyền thống chân quê: tự do săn bắn.

Việc cơ giới hóa không tạo ra giá trị văn hóa nào để đáp đổi cho các giá trị chân quê mà nó đã tàn phá (chỉ ít là tôi chưa nhìn thấy điều gì xứng đáng). Việc chăn nuôi chỉ ít cũng đưa ra một giá trị hoán đổi, với tôi thì gần như ngang bằng: việc quản lý thiên nhiên hoang dã. Trải nghiệm quản lý các nguồn sản vật từ thiên nhiên có giá trị ngang với bất cứ hình thức canh tác nông nghiệp nào: nó nhắc chúng ta nhớ về mối quan hệ của mình với đất đai. Hơn nữa, việc này cũng đòi hỏi các tiết chế đạo đức: việc quản lý thú săn mà không dùng đến biện pháp tiêu diệt kẻ thù tự nhiên của chúng đòi hỏi mức độ tiết chế đạo đức rất cao. Ta có thể kết luận rằng việc chăn nuôi thú săn làm giảm một hệ giá trị (chân quê), nhưng lại làm gia tăng hai hệ giá trị khác.

Nếu chúng ta coi việc đi săn ngoài trời là một vùng xung đột giữa quá trình cơ giới hóa diễn ra mạnh mẽ và một truyền thống hoàn toàn bất biến, thì tương lai của các giá trị văn hóa quả thật là tăm tối. Nhưng tại sao định nghĩa về săn bắn của chúng ta lại không thay đổi tiến bộ mạnh mẽ được như danh sách dụng cụ săn bắn của chúng ta? Có lẽ đây chính là mấu chốt của việc cứu rỗi giá trị văn hóa. Cá nhân tôi tin rằng thời cơ bây giờ đã chín muồi. Các thợ săn có thể tự định đoạt cho mình tương lai phía trước.

Thập kỷ vừa qua đã chứng kiến sự xuất hiện của một hình thức săn bắn hoàn toàn mới: nó hòa hợp với thiên nhiên, sử dụng các dụng cụ săn bắn mà không bị chúng thao túng, giải quyết vấn đề của đất đai niêm yết, và làm tăng sức chứa loài người trên một diện tích đất. Bộ môn này không có giới hạn về mùa hay số lượng. Nó đòi hỏi kỹ năng đi rừng ở thượng tầng văn hóa. Bộ môn tôi đề cập đến ở đây là nghiên cứu thiên nhiên hoang dã.

Nghiên cứu thiên nhiên bắt đầu từ một chuyên ngành của các thầy tu. Mặc dù các vấn đề nghiên cứu khó khăn và đồ sộ hơn tất nhiên luôn do các bàn tay chuyên gia tiếp quản, vẫn có rất nhiều các vấn đề phù hợp cho mọi lứa tuổi cấp độ. Trong ngành sáng chế máy móc, việc nghiên cứu đã sớm chuyển giao qua tay những người mới vào nghề. Đối với mảng nghiên cứu sinh học trong săn bắn, các nghiên cứu a-ma-tơ mới bắt đầu được chú ý đến gần đây.

Đây là lý do Margaret Morse Nice, một nhà điều học tay ngang, đã nghiên cứu chim sáo trong sân sau nhà bà. Bà đã trở thành một chuyên gia hàng đầu thế giới về hành vi loài

chim, và suy nghĩ cũng như nghiên cứu của bà đã vượt tầm vô số các sinh viên chuyên ngành trong các tổ chức chuyên nghiên cứu điều học. Charles L. Broley, một nhân viên ngân hàng, đặt vòng quanh chân điều hâu như một thú vui. Sau đó, ông đã phát hiện ra một điều từ trước đến nay chưa ai biết, rằng có một vài con điều hâu làm tổ ở phương Nam trong mùa đông, sau đó bay lên các cánh rừng phía bắc để nghỉ ngơi. Norman và Stuart Criddle, nông dân trồng lúa mạch trên các thảo nguyên ở Manitoba, nghiên cứu động thực vật trên nông trại của mình, và sau đó trở thành các chuyên gia được công nhận trong ngành thực vật học địa phương và việc nghiên cứu vòng đời của thiên nhiên hoang dã. Elliott S. Barker, một người chăn bò trên các rặng núi ở New Mexico, đã viết một trong hai quyển sách tuyệt vời nhất về loài sư tử trên chính các dãy núi đó. Đừng để ai nói với bạn rằng những người này vừa làm vừa chơi. Họ đơn thuần đã nhận ra rằng niềm vui tốt cùng nằm trong việc quan sát và nghiên cứu những gì ta chưa biết.

Cái mà chúng ta gọi là ngành điều học, thú học (nghiên cứu động vật có vú), thực vật học, so ra với những gì các nhà nghiên cứu tay ngang có thể phát hiện ra và theo đuổi, chỉ là trò trẻ con. Một lý do đằng sau việc này là bởi toàn bộ cấu trúc của việc giảng dạy sinh học (trong đó bao gồm cả thiên nhiên hoang dã) là công cụ để đảm bảo thế độc quyền nghiên cứu giữa những chuyên gia. Tất cả những gì còn thừa lại cho các nhà nghiên cứu tay ngang là những chuyên viên du mộng tưởng để xác nhận lại những gì các chuyên gia đã biết. Những gì giới trẻ nghiên cứu cần được nghe là

con tàu tri thức của họ đang khô kiệt ở một bãi bồi tâm trí và họ cần phải rẽ sóng ra khơi tìm tự do.

Theo ý kiến của tôi, việc nghiên cứu thiên nhiên trong phạm trù săn bắn là công việc quan trọng nhất dành cho những người làm nghề quản lý thiên nhiên hoang dã. Thiên nhiên hoang dã vẫn còn một giá trị khác, tuy mới chỉ được một vài nhà sinh thái học biết đến, nhưng lại có giá trị tiềm tàng với toàn thể nhân loại.

Giờ chúng ta đều biết các loài vật có những hành vi bản năng đặc thù mà mỗi cá thể đều không nhận ra, nhưng lại không thể chống lại. Vì thế, dù con thỏ không biết gì về vòng tròn sinh học, nó vẫn là một mắt xích quan trọng trong đó.

Chúng ta không thể quy rút được các hành vi bản năng này từ một cá thể hay trong thời gian ngắn. Việc quan sát kỹ lưỡng một con thỏ duy nhất sẽ chẳng hé lộ cho chúng ta điều gì về vòng đời sinh học. Khái niệm vòng tròn sinh học nảy mầm từ việc quan sát kỹ lưỡng cả một giống loài qua hàng thập kỷ.

Điều này đặt ra một câu hỏi cam go: liệu loài người chúng ta cũng không thể chống lại những hành vi bản năng của giống loài mà chúng ta không hề nhận ra? Liệu các đám đông loạn lạc và chiến tranh, xung đột và cách mạng đều là sản phẩm của các ràng buộc này?

Nhiều nhà sử học và triết gia quả quyết lý giải các hành vi đám đông như một tổng thể của các hành vi cá nhân mang tính tự nguyện. Toàn bộ chủ đề về ngoại giao dựa trên suy nghĩ rằng một đảng phái chính trị cũng có các đặc

tính của một cá nhân đáng tôn trọng. Mặt khác, một vài nhà kinh tế học lại nhìn toàn thể xã hội như một món đồ chơi của sự tiến triển, và kiến thức của chúng ta đa phần chỉ hình thành sau khi *sự đã rồi*.

Ta có thể nói rằng sự tiến triển trong xã hội chúng ta có tính tự chủ nhiều hơn xã hội loài thỏ, nhưng ta cũng có thể nói rằng loài người có những hành vi bản năng chưa hề biết đến vì chưa có bối cảnh nào kích động chúng xuất đầu lộ diện, vẫn còn đâu đó những tầng nghĩa khác của những gì chúng ta có thể đã hiểu sai.

Tình trạng hoài nghi về những yếu tố căn bản trong hành vi của xã hội loài người dẫn đến mối quan tâm đặc biệt, kèm theo đó là giá trị đặc biệt, dành cho nhóm sinh vật duy nhất có nét tương đồng với chúng ta: các loài sinh vật bậc cao. Errington cùng những người khác đã chỉ ra giá trị văn hóa tiềm ẩn trong những tương quan giữa chúng ta và các loài này. Trong nhiều thế kỷ, chúng ta không thể truy cập vào thư viện kiến thức giàu có này vì chúng ta không biết nó nằm ở đâu hay tiếp cận như thế nào. Sinh thái học giờ đây đã chỉ cho chúng ta cách tìm kiếm các vấn đề tương tự giữa xã hội loài vật và xã hội loài người. Thông qua việc nghiên cứu một phần nhỏ của quần xã sinh vật, chúng ta có thể đưa ra phỏng đoán về tổng thể. Khả năng thẩm thấu những tầng nghĩa sâu xa này và xem xét chúng một cách nghiêm túc chính là tài đi rừng trong tương lai.

Tóm lại, thiên nhiên hoang dã từng nuôi dưỡng và định hình văn hóa của chúng ta. Nó vẫn tiếp tục cho ta tận hưởng những giờ phút thư thái, nhưng vì chúng ta muốn

khai thác sự tận hưởng đó bằng máy móc hiện đại nên ta lại phá hủy đi một phần giá trị của nó. Trái lại, việc khai thác bằng não trạng hiện đại sẽ không chỉ cho ta khoái cảm mà còn cả trí khôn nữa.

NÉT HOANG SƠ

Sự hoang dã là chất liệu thô sơ mà con người đã dùng để rèn giũa nên tạo vật gọi là văn minh nhân loại.

Tính hoang sơ chưa bao giờ là một chất liệu đơn điệu. Nó đa dạng biến hóa, và các tạo vật đi ra từ nó cũng muôn màu muôn vẻ. Những khác biệt giữa các tạo vật này được gọi là văn hóa. Sự đa dạng giàu có trong văn hóa thế giới loài người phản chiếu một sự đa dạng tương tự trong thiên nhiên, nơi đã sản sinh ra nó.

Lần đầu tiên trong lịch sử loài người, có hai sự thay đổi đang cận kề.

Thứ nhất là sự cạn kiệt của tính hoang dã trong những khu vực mà con người có thể sinh sống được trên Trái đất. Thứ hai là sự lai tạo toàn cầu giữa các nền văn hóa thông qua giao thông vận chuyển và quá trình công nghiệp hóa. Cả hai quá trình này đều không thể ngăn chặn được, và có lẽ cũng không nên ngăn chặn. Tuy nhiên, câu hỏi đặt ra ở đây là, bằng cách nào đó ta có thể giảm nhẹ tác động của những thay đổi này và gìn giữ những giá trị nhất định trước khi chúng mất đi.

Với người thợ rèn đồ từng giọt mồ hôi lao động, những kim loại thô sơ nằm trên đe là một thử thách mà anh ta phải chế ngự. Thiên nhiên hoang dã vì thế cũng trở thành

nguyên liệu thô cho những người khai hoang mở cõi chế ngự.

Nhưng nếu người thợ rèn ngồi tay và trong một phút nhìn mọi thứ với đôi mắt triết lý, thì cũng chính kim loại thô sơ đó là nơi chốn của tình yêu, vì nó tạo nên ý nghĩa cho cuộc đời của anh ta. Đây cũng là lời khẩn cầu kêu gọi bảo tồn những gì còn lại của thiên nhiên hoang dã (trong bảo tàng), để soi đường chỉ lối cho những thế hệ mai sau muôn ngấm nhìn, cảm nhận, và nghiên cứu về nguồn gốc các giá trị văn hóa mà họ kế thừa.

Những gì sót lại

Rất nhiều những phần tử thiên nhiên hoang dã mà chúng ta dùng để kiến tạo nên nước Mỹ đã biến mất hoàn toàn. Vì thế, trong bất kỳ chương trình bảo tồn nào, những gì hoang dã mà mỗi địa phương cần khoanh vùng phải rất khác nhau về kích thước và mức độ bảo tồn.

Sẽ không còn ai được nhìn thấy thảo nguyên cỏ cao, nơi những biển hoa rực rỡ từng đưa níu chân người mở đất trên lưng ngựa. Chúng ta sẽ phải tự hài lòng với một khoanh đất nhỏ chỗ này chỗ kia, nơi các loài cây thảo nguyên có thể tiếp tục sinh tồn. Đã từng có một trăm loài cây như thế, rất nhiều trong số chúng mang vẻ đẹp trác tuyệt mà đa phần những người thừa kế đất đai không hề hay biết đến.

Tuy nhiên, thảo nguyên cỏ thấp, nơi Cabeza de Vaca từng ngắm đường chân trời bên dưới bụng của loài bò rừng, dài gần bốn ngàn héc-ta ở vài nơi, mặc dù chúng đã bị cừu gia súc, và cả nông dân gặm nhấm cày xới ác liệt. Nếu những người khai hoang mở cõi trước kia đáng được vinh danh trên những bức tường thủ phủ bang, thì chẳng nhẽ cảnh quan nơi họ đặt chân đến lại không đáng được vinh danh trong những khu bảo tồn thảo nguyên quốc gia?

Những vùng thảo nguyên ven biển vẫn còn sót lại ở Florida và Texas, nhưng những giếng dầu, ruộng hành tây, và nông trại cam đang dần xâm lấn, được trang bị đến tận chân răng với máy đào và máy ủi. Đây sẽ là hồi chuông cảnh báo cuối cùng.

Sẽ không còn ai được chiêm ngưỡng những rừng thông hoang sơ quanh vùng Ngũ Hồ, những rừng cây gỗ vùng trũng mọc theo dải bờ biển, hay các thân gỗ đại thụ. Chúng ta sẽ phải tự hài lòng với một vài héc-ta tiêu bản còn sót lại. Nhưng chúng ta vẫn còn hàng nghìn héc-ta rừng gỗ thích, những khu rừng cây gỗ cứng ở Appalachia, những khu rừng đầm lầy phía nam, và rừng cây vân sam ở Adirondack. Rất ít những mảng xanh còn lại này được chính sách khai thác hợp lý bảo vệ khỏi những bản đồ quy hoạch đường sá cho khách du lịch.

Một trong các hạng mục thiên nhiên hoang dã đang tiêu biến nhanh nhất chính là đường bờ biển. Các khu nhà nghỉ và đường đi cho khách du lịch đã xóa sổ gần hết những khu bờ biển hoang sơ ở cả hai bờ đại dương, và những vùng hoang dã bao quanh hồ Superior thì giờ đây đang biến mất

với tốc độ chóng mặt nhất trong cụm Ngũ Đại Hồ. Chưa từng có loại hình thiên nhiên hoang dã nào gắn bó mật thiết với lịch sử mà lại đang tiến đến đà tuyệt diệt nhanh chóng như vậy.

Ở tất cả khu phía đông dãy Thạch Sơn, chỉ có duy nhất một khu vực thiên nhiên hoang dã lớn được bảo tồn chính thức: Công viên Liên quốc gia Quetico-Superior ở Minnesota và Ontario. Khu thiên nhiên hùng vĩ với sông ngòi hồ nước chằng chịt đủ cho các tay chèo ca-nô thỏa chí tang bồng này nằm chủ yếu ở lãnh thổ Canada, và có thể mở rộng ra tùy theo ý muốn của chính phủ nước này. Tuy nhiên, sự tồn tại của khu bảo tồn này đang bị đe dọa bởi hai thứ: sự gia tăng các khu câu cá nghỉ dưỡng với chỗ đáp cho thủy phi cơ và một tranh chấp pháp lý về việc lãnh thổ nằm bên phía Minnesota sẽ thuộc toàn quyền sở hữu của liên bang hay chia sẻ một phần với bang sở tại. Cả khu vực này đang bị trò chơi quyền lực đe dọa, và sự chia rẽ giữa những người ủng hộ thiên nhiên hoang dã có thể sẽ dẫn đến một kết cục bi thảm.

Trong các bang nằm bên dãy Thạch Sơn, một loạt các khu vực trong các khu Rừng Quốc gia với diện tích từ 160.000 cho đến hơn 200.000 héc-ta đang được thu hồi để bảo tồn. Không một con đường, khách sạn, hay tiện ích nào khác sẽ được xây dựng ở đây nữa. Các công viên quốc gia cũng tuân theo tôn chỉ đó, tuy nhiên việc phân định ranh giới cho các khu hoang dã vẫn còn chưa cụ thể. Tổng hòa lại, các khu vực dưới quyền bảo trợ liên bang này được coi là sống lưng của chương trình bảo tồn, nhưng sự bảo hộ này

cũng không chắc chắn như trong giấy tờ ghi chép. Áp lực từ địa phương đòi hỏi xây những tuyến đường du lịch mới làm sút mẻ chỗ này một ít chỗ kia một chút. Hàng năm luôn có áp lực kéo dài những tuyến đường phòng hộ để phòng hỏa hoạn, và những tuyến đường này dần dà sẽ trở thành đường cao tốc. Thái độ hờ hững từ các ban bộ của Cục Bảo tồn góp phần gia tăng ham muốn xây thêm những con đường mới không cần thiết. Nguồn gỗ khan hiếm trong thời gian chiến tranh đã tạo đà cho quân đội đòi hỏi xây thêm đường, cho dù các đòi hỏi đó có xác đáng hay không. Hiện nay, các khu nghỉ dưỡng trượt tuyết đang được quảng cáo rộng rãi trên khắp các vùng núi, bất chấp nơi đó có phải là khu bảo tồn thiên nhiên hoang dã hay không.

Một trong các âm mưu quỷ quyệt nhất nhằm xâm lấn các khu hoang dã là chính sách kiểm soát kẻ thù tự nhiên của các loài cần bảo tồn. Chó sói và sư tử sẽ bị đẩy ra khỏi một khu bảo tồn dành riêng cho việc quản lý các loài thú săn cỡ lớn như hươu nai. Các loài được bảo tồn này sau đó sẽ sinh sôi nhiều đến nỗi vượt ra khỏi ranh giới khu bảo tồn. Các thợ săn sau đó sẽ được khuyến khích triệt tiêu số thú săn dư thừa này. Tuy nhiên, thợ săn ngày nay từ chối ngồi trong xe và săn bắn từ xa, nên một con đường cần được xây để mở cửa cho họ tiếp cận những con thú săn lạm phát. Hết lần này qua lần khác, các khu bảo tồn hoang dã bị xâm hại theo cách này, và sự thể vẫn đang tiếp diễn.

Hệ thống bảo tồn hoang dã trên dãy Thạch Sơn bao gồm một chuỗi các loại rừng khác nhau, từ rừng cây bách xu phía tây nam cho đến những khu rừng đại ngàn thuộc bang

Oregon. Tuy nhiên, hệ thống này lại không bao gồm các khu sa mạc, có lẽ vì trong khái niệm thẩm mỹ non yếu của các nhà bảo tồn thì “cảnh quan” chỉ đồng nghĩa với hồ nước và rừng thông.

Ở Canada và Alaska vẫn còn những khu thiên nhiên hoang sơ rộng lớn.

Nơi người vô danh men theo dòng sông không tên và chỉ có cái chết lạ kỳ xảy ra nơi thung lũng lạ kỳ.

Chúng ta nên gìn giữ các khu vực đại diện của các vùng thiên nhiên hoang sơ này. Rất nhiều trong số chúng đã bị khai thác thái quá cho mục đích kinh tế. Chắc chắn chúng ta đều tin rằng kế hoạch thái quá đến mức như vậy là không cần thiết, rằng những khu vực này vẫn sẽ sống sót mà thôi. Tất cả mọi người đều ỷ y vào giả định dễ chịu ấy. Ngay cả khi các khu hoang dã còn tồn tại, điều gì sẽ xảy ra với các loài thú sống ở đó? Con tuần lộc rừng, vô số loài cừu núi, loài bò rừng thuần chủng, loài gấu xám Bắc Mỹ, loài hải cẩu nước ngọt, và loài cá voi giờ đây đều đang bị đe dọa. Các khu hoang dã tiếp tục tồn tại thì có ích gì nếu các loài thú đặc trưng cho nơi đó biến mất? Viện nghiên cứu Bắc Cực vừa mới bắt đầu quá trình công nghiệp hóa tại đây, đảm bảo rằng sẽ hủy hoại thiên nhiên hoang dã miền cực Bắc. Đây là hồi chuông cảnh tỉnh cuối cùng, giống lên từ cả cực Bắc xa xôi.

Câu hỏi liệu Canada và Alaska có thể nhận ra và nắm bắt cơ hội của mình đến đâu vẫn còn bỏ ngỏ. Những người mở

cõi hay xem thường những cố gắng phát triển tiếp việc khai hoang.

Thiên nhiên hoang dã dành cho giải trí

Chiến tranh nổ ra để tranh giành tài nguyên nhiên liệu từ lâu đã là chuyện thường tình trong kinh tế. Khi tài nguyên dần biến mất, bản năng sống còn trỗi dậy khiến chúng ta duy trì nó thông qua các môn thể thao săn bắn.

Tương tự như vậy, chiến tranh giữa người và thú giờ đây được duy trì qua việc săn bắt và câu cá.

Các khu bảo tồn thiên nhiên hoang dã, trước nhất là một hình thức để tiếp nối những kỹ năng nguyên thủy và tráng kiện của việc du hành để khai khẩn đất đai và tìm kiếm sinh kế, thông qua việc săn bắn.

Một vài kỹ năng này có tính phổ quát, dù một vài tiểu tiết đã được thay đổi cho phù hợp với bối cảnh nước Mỹ. Săn bắn, câu cá, và di chuyển theo đoàn là một vài ví dụ.

Hai trong số các kỹ năng trên mang đậm chất Mỹ như những cây mai châu. Tuy rằng chúng được sao chép lại từ nơi khác, nhưng chỉ trên châu lục này thì chúng mới phát triển rực rỡ đến độ hoàn thiện. Một trong số chúng là du hành bằng ca-nô, và kỹ năng còn lại là đi lại theo đoàn lữ hành, cả hai kỹ năng đều đang biến mất nhanh chóng. Người thổ dân ở vịnh Hudson giờ đây sở hữu động cơ xuống máy, còn người vùng cao thì có xe Ford. Nếu phải kiếm kế

sinh nhai bằng ca-nô hay một đàn ngựa, có lẽ tôi cũng sẽ làm điều tương tự vì cả hai kỹ năng này đều đòi hỏi sức lao động nặng nhọc. Nhưng những người tìm kiếm thiên nhiên hoang dã để săn bắt như chúng ta lại chịu khuất phục trước những máy móc cơ khí. Thật vô căn cứ khi kéo một chuyến hàng bên cạnh còi xe ô-tô inh ỏi, hay chặn thả con ngựa cái xinh đẹp của bạn trên bãi cỏ của một khách sạn. Tôi thà ở nhà còn hơn.

Các khu thiên nhiên hoang dã trước nhất là các nơi ẩn náu an toàn cho nghệ thuật du hành trong thiên nhiên từ xa xưa, đặc biệt là việc chèo ca-nô và đi ngựa thành đoàn lữ hành.

Có lẽ sẽ có người muốn tranh luận tại sao tôi lại cho rằng việc gìn giữ những kỹ năng sống xa xưa này là quan trọng. Tôi sẽ không làm chuyện đó. Hoặc là bạn biết điều này từ trong tâm can, hoặc là bạn phải rất, rất già rồi.

Việc săn bắn và câu cá ở châu Âu gần như tách biệt khỏi những thứ mà thiên nhiên hoang dã có thể giúp bảo tồn. Dân châu Âu không cắm trại, nấu ăn, hay làm việc trong rừng nếu họ có thể tránh được điều đó. Việc lao động chân tay được dành cho người hầu kẻ hạ, và chuyến đi săn của họ thì mang hơi hướm một buổi dã ngoại hơn là đi khai phá đất hoang. Phép thử kỹ năng ở đây nằm chủ yếu trong việc thực sự bắt được thú bị săn hay câu được cá.

Có những người than phiền việc phải săn bắn trong thiên nhiên hoang dã là “phi dân chủ” vì sức chứa của khu bảo tồn thiên nhiên nhỏ hơn nhiều so với một sân golf hay một điểm cắm trại du lịch. Sai lầm cơ bản trong lập luận đó là

nó đang áp dụng triết lý sản xuất đại trà lên một chủ thể đang chống lại chính triết lý đó. Giá trị của giải trí ngoài trời không phải là câu chuyện về những thứ tầm thường. Giá trị của nó tỷ lệ thuận với mức độ sâu sắc của trải nghiệm nó mang lại và tầm cỡ của *sự khác biệt* và *tương phản* mà nó tạo ra so với đời sống công sở thường nhật. Dựa trên các tiêu chí đánh giá này, những cuộc đi săn hay dạo chơi cùng máy móc đơn giản là một phạm trù tách biệt hoàn toàn như nước và sữa vậy.

Việc giải trí với máy móc đã chiếm hữu chín phần mười các khu rừng núi. Vậy thì ta cần bày tỏ sự tôn trọng và để lại một phần mười kia cho thiên nhiên hoang dã.

Thiên nhiên hoang dã dành cho khoa học

Đặc tính quan trọng nhất của một cơ thể là khả năng tự tái tạo, hay còn gọi là sức khỏe.

Tồn tại hai thực thể mà khả năng tự tái tạo của chúng phụ thuộc vào sự can thiệp và kiểm soát của con người. Một bên là chính bản thân con người (rộng hơn là nói đến ngành y dược và y tế cộng đồng). Bên còn lại là đất đai (rộng hơn là nói đến nông nghiệp và bảo tồn thiên nhiên).

Nỗ lực để kiểm soát sức khỏe đất đai đã không đạt được nhiều thành công. Giờ đây đa phần chúng ta đều hiểu rằng, khi đất mất dần chất màu hay bị rửa trôi nhanh hơn tích tụ,

và khi hệ thống nước tạo ra các đợt lũ lụt và hạn hán trái mùa, điều đó có nghĩa là đất đai đang ốm.

Những sự xáo trộn khác tuy được xem xét là thực tế diễn ra, nhưng chưa được coi là triệu chứng bệnh lý của đất. Sự biến mất của động thực vật mà không có lý do (bất luận chúng ta đã nỗ lực bảo vệ chúng), bên cạnh sự bùng nổ các loại dịch bệnh (bất luận chúng ta đã nỗ lực kiểm soát chúng), cần phải được xem là các triệu chứng bệnh lý của một vùng đất. Cả hai quá trình trên đang diễn ra quá thường xuyên để được coi là những bước tiến hóa thông thường.

Thái độ của chúng ta về những dịch bệnh cho đất đai này thể hiện qua việc các phương thức điều trị của chúng ta vẫn hết sức khu biệt cho từng vùng đất. Vì thế, khi đất bắt đầu mất đi dinh dưỡng, chúng ta đổ thêm phân bón lên đó, hoặc thay đổi các loài động thực vật thuần hóa sống trên đó, mà không nghĩ đến việc các loài động thực vật hoang dã, vốn là những sinh vật gây dựng nên vùng đất đó từ thuở khai thiên lập địa, cũng góp vai trò quan trọng trong việc gìn giữ đất. Gần đây, người ta phát hiện rằng sản lượng thu hoạch cây thuốc lá của một vùng đất phụ thuộc, vì lý do khó đoán nào đó, vào sự có mặt (và chuẩn bị trước về mặt dinh dưỡng) của cỏ phấn hương trước đó ở vùng đất ấy. Chúng ta không nghĩ tới việc những chuỗi phụ thuộc bất ngờ này có thể xuất hiện nhiều như vậy trong tự nhiên.

Khi loài sóc chó, sóc đất, hay chuột gia tăng đến mức trở thành sinh vật gây hại, chúng ta chỉ biết đánh bả chúng mà không nghĩ sâu xa hơn về nguyên nhân của sự bùng nổ dân

số này. Chúng ta cho rằng những vấn đề liên quan đến loài vật thì có nguồn gốc từ loài vật. Bằng chứng khoa học gần đây nhất cho thấy chính sự xáo trộn trong *hệ thực vật* đã dẫn đến sự bùng nổ dân số loài gặm nhấm, nhưng vẫn chưa có ai tìm hiểu nghiên cứu về manh mối này.

Rất nhiều đồn điền lâm nghiệp đang sản xuất các loại gỗ thân chỉ chia được thành một hoặc hai khúc gỗ thành phẩm trên những vùng đất trước kia dành cho các thân gỗ có thể xẻ làm ba hay bốn khúc. Tại sao lại thế? Những cán bộ lâm nghiệp có suy nghĩ sẽ biết rằng lý do không nằm ở chỗ các cây gỗ mà ở trong các hệ vi thực vật của đất, và thời gian cần để khôi phục lại nó thì có lẽ dài hơn là thời gian hủy hoại nó.

Rất nhiều phương pháp bảo tồn chỉ mang tính bề mặt hời hợt. Các đập chắn lũ chẳng liên quan gì đến lý do lũ quét. Đập chống lũ và đê con chạch không đả động gì đến lý do xói mòn đất. Các khu trú ẩn và xưởng ấp trứng nhằm duy trì nguồn cung cấp thú bị săn và cá không lý giải được tại sao nguồn cung cấp đó lại không thể tự duy trì.

Nhìn chung, đối với đất đai cũng như với cơ thể người, các triệu chứng có thể phát ra ở một cơ quan trong khi lý do thì lại nằm ở cơ quan khác. Việc mà chúng ta gọi là bảo tồn, thực chất chỉ là các hình thức “giảm đau” mang tính cục bộ cho các cơn đau bệnh của vùng sinh vật. Mặc dù cần thiết, chúng ta không nên nhầm lẫn thuốc giảm đau với thuốc điều trị bệnh. Trong khi việc chữa bệnh cho đất đang được tiến hành rất ráo, ngành khoa học nghiên cứu sức khỏe đất đai vẫn chưa tụ hình.

Một ngành khoa học như vậy trước hết cần một kho dữ liệu nền tảng cùng tranh ảnh về cách một vùng đất khỏe mạnh duy trì cơ thể của nó.

Chúng ta có hai mô hình sức khỏe quy chuẩn. Mô hình thứ nhất là khi chức năng sinh lý của một vùng đất vẫn ở mức bình ổn mặc dù loài người đã định cư ở đó qua nhiều thế kỷ. Tôi chỉ biết có một nơi duy nhất như vậy: đông bắc châu Âu. Khả năng chúng ta có thể nghiên cứu khu vực này là khá cao.

Mô hình thứ hai và hoàn hảo nhất là trong thiên nhiên hoang dã. Ngành cổ sinh vật học dẫn ra vô số bằng chứng cho thấy thiên nhiên hoang dã có thể tự điều tiết cơ thể nó trong các quãng thời gian dài, rằng các giống loài tồn tại bên trong nó hiếm khi nào tuyệt chủng; rằng thời tiết và nguồn nước trong thiên nhiên thường bồi đắp đất với vận tốc nhanh bằng, thậm chí hơn, vận tốc xói mòn. Vì vậy, thiên nhiên hoang dã có tầm quan trọng không tương như một phòng thí nghiệm nghiên cứu sức khỏe đất đai.

Ta không thể nghiên cứu chức năng sinh lý đất đai ở Montana trong rừng rậm Amazon; mỗi quần xã sinh vật cần có hệ thiên nhiên hoang dã của riêng nó để nghiên cứu so sánh giữa vùng đất đai để không và vùng đã được sử dụng. Tất nhiên là giờ thì ta chẳng thể cứu vớt được gì ngoài một vùng thiên nhiên hoang dã vẹo vọ, và những phần sót lại này cũng quá nhỏ để có thể làm ví dụ cho mô hình chuẩn trước kia. Ngay cả các công viên quốc gia rộng hơn một triệu héc-ta cũng không đủ lớn để níu giữ các kẻ săn mồi tự nhiên, hay ngăn chặn bệnh dịch tràn lan từ các đàn gia súc.

Đó là lý do Vườn quốc gia Yellowstone đã mất đi loài sói và báo, và hậu quả giờ đây là loài nai sừng tấm đang tàn phá cây cỏ, đặc biệt là bên mạn cây cối mùa đông. Cùng lúc đó thì số lượng loài gấu xám và sơn dương cũng đang teo tóp dần do dịch bệnh.

Mặc dù ngay cả khu thiên nhiên hoang dã lớn nhất cũng đã phần nào bị xáo trộn, J. E. Weaver chỉ cần một vài hec-ta đất tự nhiên là đủ để phát hiện ra tại sao thực vật trên thảo nguyên lại chịu hạn tốt hơn các loại cây nông nghiệp thế chỗ chúng. Weaver quan sát thấy các giống cây thảo nguyên đã chung sức với nhau và tỏa bộ rễ của chúng xuống sâu hết các tầng đất, trong khi chu kỳ thu hoạch của các giống cây nông nghiệp khiến rễ của chúng tập trung vào hết một tầng đất mà bỏ qua các tầng khác, dẫn đến thiếu hụt dinh dưỡng chồng chất. Một quy tắc nông nghiệp quan trọng đã nảy mầm từ nghiên cứu của Weaver.

Thêm lần nữa, Togrediak cũng chỉ cần một vài héc-ta đất tự nhiên để tìm hiểu lý do tại sao các cây thông mọc trên các thửa ruộng cũ không bao giờ đạt đến kích thước hay sức chịu gió của các cây lớn lên trên đất rừng chưa bị đốt làm rẫy. Ở trường hợp thứ hai, bộ rễ của các cây này lần theo lối đi của hệ thống rễ các cây đi trước, nhờ đó cắm được sâu hơn xuống lòng đất.

Trong nhiều trường hợp, chúng ta không thể nào biết được một vùng đất khỏe mạnh sẽ cho ra những hoa trái lợi ích gì cho đến khi chúng ta có thể so sánh giữa một khoảng đất tự nhiên và một khoảng đất bệnh trong cùng vùng đó. Vì thế mà mặc dù các nhà du hành thuở trước ở vùng tây

nam luôn miêu tả các con suối trong vắt chảy từ trên núi, ta vẫn cảm thấy hồ nghi vì có thể họ đã nhìn thấy chúng vào đúng mùa. Các kỹ sư chống xói mòn đất không có cơ sở dữ liệu nào để so sánh cho đến khi họ phát hiện ra cũng chính những nhánh sông đó, thuộc hệ thống dãy Mẫu Sơn ở Chihuahua vốn chưa từng được khai thác sử dụng vì nỗi lo bị thổ dân tấn công, lại có màu đục như sữa vào các mùa khác, nhưng vẫn không quá đục để câu cá hồi. Rêu mọc đến tận bờ mép của bãi sông. Đa phần các con sông tương ứng ở Arizona và New Mexico là các dải lót đầy đá tảng, không rong rêu đất mùn, và tuyệt không có cây mọc hai bên bờ. Việc bảo tồn và nghiên cứu thiên nhiên hoang dã dãy Mẫu Sơn như một mô hình để tìm hiểu cách chữa bệnh cho các khu đất nghèo nàn ở cả hai bên biên giới sẽ là một việc làm táo bạo nhưng đáng xem xét thực hiện.

Nhìn chung, tất cả các khu vực hoang dã, dù lớn hay nhỏ, đa phần đều có giá trị làm mô hình nghiên cứu cho khoa học về đất đai thổ nhưỡng. Việc làm nơi giải trí tiêu khiển không phải là công dụng duy nhất và chủ yếu của chúng.

Sự hoang dã trong thiên nhiên

Các công viên quốc gia không phải là nơi cho các con thú săn mồi lớn duy trì nòi giống; chúng ta cứ nhìn vào tình trạng bấp bênh của loài gấu xám Bắc Mỹ và sự biến mất hoàn toàn của loài sói trong các vườn quốc gia thì đủ rõ. Và

các vườn quốc gia cũng không phải chốn dung thân cho loài sơn dương, bằng chứng là số lượng cá thể trong các bầy đang ngày một giảm dần.

Lý do đằng sau việc này có lúc sáng tỏ, có lúc lại mù mờ. Các công viên này hiển nhiên là quá nhỏ cho một loài thú kiếm ăn trên diện rộng như chó sói. Còn các loài khác, vì lý do nào đó, không phát triển được khi bị cô lập thành một quần thể nhỏ.

Cách khả thi nhất để mở rộng diện tích sống cho các loài động vật hoang dã là biến các vùng hoang dã hơn trong các rừng quốc gia (thường nằm viền xung quanh đường biên của các công viên quốc gia) thành các công viên dành riêng cho các giống loài bị đe dọa. Ví dụ cho sự cấp thiết của đề xuất này là trường hợp loài gấu xám Bắc Mỹ.

Vào năm 1909, khi con người mới đặt chân tới bờ Tây, loài gấu xám có mặt trên khắp các dãy núi lớn, nhưng bạn có thể chu du trong nhiều tháng trời mà không bắt gặp một cán bộ bảo tồn nào hết. Còn ngày nay, cứ sau “mỗi lùm cây” là ta lại bắt gặp một nhân viên bảo tồn! Tuy nhiên, trong khi các ban ngành quản lý thiên nhiên hoang dã phát triển, loài thú có vú to lớn nhất của chúng ta lại biến mất dần, rút lui về phía biên giới với Canada. Trong số sáu nghìn con gấu xám được ghi nhận trên lãnh thổ Hoa Kỳ, năm nghìn con đang sinh sống ở Alaska. Chúng chỉ xuất hiện trong vôn vện năm tiểu bang. Dường như tồn tại một suy nghĩ rằng nếu loài gấu xám còn sống ở Canada và Alaska, thì nhiều đó đã là đủ rồi. Với tôi thì không. Loài gấu ở Alaska thuộc về một loài hoàn toàn riêng biệt. Việc ký thác loài gấu xám tới

Alaska chẳng khác nào trông chờ vào hạnh phúc nơi thiên đường: nào phải ai cũng lên được đó đâu.

Việc giải cứu loài gấu xám đòi hỏi thiết lập một chuỗi các khu vực rộng lớn không có đường sá hay gia súc, hay ở những nơi mà những hậu quả do chăn thả gia súc để lại đang được giải quyết. Mua lại các nông trại chăn thả nằm rải rác khắp nơi là cách duy nhất tạo ra các khu vực này. Tuy vậy, bất chấp chính quyền ra sức mua bán đổi chác đất đai, các ban ngành bảo tồn vẫn không thu nhặt được thành quả gì. Cục Lâm nghiệp, tôi nghe nói, đã thiết lập một vùng dành riêng cho gấu xám ở Montana, nhưng tôi cũng biết đến một rặng núi ở Utah nơi Cục Lâm nghiệp ở đó đã khuyến khích người dân chăn nuôi cừu, mặc dù họ biết rõ đây là đất sống cuối cùng cho loài gấu xám ở tiểu bang này.

Các đặc khu dành cho gấu xám và đặc khu cho thiên nhiên hoang dã là hai tên gọi của cùng một vấn nạn. Nhiệt huyết dành cho cả hai đòi hỏi tầm nhìn xa trông rộng về bảo tồn và nhận thức về lịch sử. Chỉ những ai có thể nhìn thấy sự phô bày rục rĩ của dòng chảy tiến hóa mới có thể cảm thụ được sân khấu nó gây dựng nên (thiên nhiên hoang dã) cũng như các vũ công tuyệt tác của nó (loài gấu xám). Nhưng nếu giáo dục thực sự mở mang đầu óc, thì chẳng mấy chốc sẽ có một ngày nhiều công dân hiểu ra rằng những điều xưa cũ của lịch sử bờ Tây sẽ tô điểm thêm cho những gì mới mẻ. Những thế hệ mai sau sẽ chèo thuyền trên sông Missouri như hai nhà thám hiểm Lewis và Clark, hay trèo lên dãy Mẫu Sơn như James Capen Adams. Và mỗi thế hệ sẽ lại tự hỏi: Loài gấu trắng lớn giờ ở đâu? Sẽ thật

buồn biết bao nếu ta phải trả lời rằng chúng đã biến mất dưới đất đen trong lúc các nhà bảo tồn quên không quan sát.

Người bảo vệ thiên nhiên hoang dã

Sự hoang dã là một nguồn nhiên liệu chỉ có thể tiêu biến chứ không phát triển. Những cuộc xâm lấn thiên nhiên có thể bị ngăn chặn hoặc thay đổi theo cách nào đó để duy trì một khu vực cho mục đích giải trí, khoa học, hay bảo tồn, nhưng việc tạo ra một vùng thiên nhiên hoang dã mới theo đúng nghĩa thì là chuyện không tưởng.

Nếu theo suy luận đó, bất cứ chương trình bảo tồn thiên nhiên nào đều phải thực hiện việc bóc lột, giữ cho thiên nhiên bị cắt xén ở mức tối thiểu. Hiệp hội Thiên nhiên Hoang dã (Wilderness Society) được thành lập năm 1935 “với mục đích duy nhất để giải cứu các vùng hoang dã còn sót lại trên nước Mỹ.

Nhưng chỉ thành lập một tổ chức như vậy thôi thì chưa đủ. Trừ phi trong mỗi ban ngành bảo tồn đều có những người đầu óc hướng tới thiên nhiên hoang dã, tổ chức này sẽ không kịp thời nhận diện những cuộc xâm lấn cho đến khi thời điểm hành nhận diện những cuộc xâm lấn mới cho đến khi thời điểm hành động đã vượt mất. Thêm vào đó, một sự đoàn các công dân với nhận thức về thiên nhiên

hoang dã cần phải được điều động để trấn giữ khắp mọi nơi, sẵn sàng hành động khi có hiệu lệnh.

Ở châu Âu, nơi sự hoang dã đã lui về trú ẩn ở vùng Carpathia và Siberia, tất cả các nhà bảo tồn đều đau xót trước sự biến mất này. Ngay cả ở nước Anh, nơi đất đai là thứ của cải xa xỉ khan hiếm hơn ở các nước văn minh khác, vẫn có một phong trào hùng hục, tuy có phần sinh sau đẻ muộn, nhằm giữ gìn những mảng thiên nhiên bán hoang dã còn sót lại.

Khả năng nhìn ra giá trị văn hóa của sự hoang dã rất cuộc phụ thuộc vào sự khiêm nhường đầy thông tuệ trong mỗi con người. Những người hiện đại đầu óc nông cạn, những kẻ đã hoàn toàn đánh mất cội rễ trong đất đai, tưởng rằng mình đã khám phá ra chân lý, cứ liên tục tán phét về việc xây dựng các đế chế kinh tế chính trị trường tồn. Chỉ có người trí thức mới trân trọng rằng mọi lịch sử vốn dĩ đều là những chuỗi biến tấu bắt đầu từ cùng một xuất phát điểm, nơi nhân loại liên tục quay trở về để tìm kiếm một hệ giá trị bền vững. Chỉ có một nhà học giả mới hiểu tại sao thiên nhiên hoang dã lại định hình và kiến tạo ý nghĩa cho xã hội loài người.

ĐẠO ĐỨC ĐẤT ĐAI

Khi Odysseus tựa như thánh nhân trở về sau cuộc chiến thành Troy, ông cho treo cổ hết một tá tỳ nữ mà ông nghi ngờ đã có hành động bất kính trong lúc ông vắng mặt.

Việc ra lệnh treo cổ này không liên quan đến phải trái. Những tỳ nữ đó là tài sản sở hữu. Việc vứt bỏ tài sản, thời đó và bây giờ, đều là vấn đề thiết thực chứ không phải vấn đề đạo đức.

Tuy vậy, các chuẩn mực đúng sai không hề vắng bóng trong đất nước Hy Lạp của Odysseus: hãy cứ nhìn sự thủy chung của vợ ông ấy trong suốt những năm dài đằng đẳng trước khi những chiến thuyền buồm đen của ông vượt sóng gió trên mặt biển màu rượu chát để cập bến bờ quê hương. Khung xương đạo đức thời ấy bao gồm đức hạnh người vợ, nhưng lại chưa bao gồm cách thức sở hữu đất đai của con người. Trong ba nghìn năm sau đó, những tiêu chuẩn đạo đức đã mở rộng ra tới nhiều mảng khác nhau trong cuộc sống, nhưng thường sẽ thiếu hụt teo tóp đi trong những mảng bị sự tiện ích vụ lợi chi phối.

Trình tự đạo đức

Sự tiếp nối phát triển của đạo đức này, mới chỉ được các triết gia nghiên cứu, thực chất là một quá trình tiến hóa sinh thái. Các bước tiến lần lượt của nó có thể được lý giải bằng cả ngôn ngữ sinh thái học và triết học. Đạo đức, hiểu theo nghĩa sinh thái, là một giới hạn đặt lên quyền tự do hành động trong cuộc mưu sinh. Đạo đức, hiểu theo nghĩa triết học, là sự khác biệt giữa một hành vi nhân đạo và vô đạo. Đây là hai định nghĩa cho cùng một khái niệm. Nó có nguồn gốc từ xu thế của một nhóm các cá thể phụ thuộc lẫn nhau, cùng nhau tiến hóa các hình thức phối hợp. Nhà sinh thái học gọi đây là cộng sinh. Chính trị và kinh tế là những hình thức cộng sinh cao cấp, nơi việc đấu tranh “cá lớn nuốt cá bé” buổi ban đầu phần nào nhường chỗ cho những cách thức kết hợp dựa trên nguyên tắc đạo đức.

Sự phức tạp của các cách thức phối hợp tăng lên cùng mật độ dân số và sự tiện dụng của công cụ. Ví dụ, sẽ dễ dàng hơn để ta định nghĩa công năng vô đạo của gậy gộc và sỏi đá trong thời voi ma mút hơn là công năng vô đạo của súng và bảng hiệu trong thời đại của ô-tô cơ giới.

Hình thái đạo đức đầu tiên xoay quanh quan hệ giữa người với người, với ví dụ điển hình là Mười điều răn của Chúa. Sau này, hệ quy chiếu đạo đức phát triển lên mức quan hệ giữa cá nhân và xã hội. Nguyên tắc Vàng (The Golden Rule) cố gắng để hòa nhập cá nhân vào xã hội, còn dân chủ thì để hòa nhập thể chế xã hội vào trong từng cá nhân.

Cho đến giờ, ta vẫn chưa có nguyên tắc đạo đức nào để phân định mối quan hệ giữa con người với đất đai, cũng như

với các loài muông thú cỏ cây sinh trưởng trên đó. Đất, như những nữ nô lệ của Odysseus, vẫn chỉ là tài sản. Mối quan hệ của chúng ta với đất vẫn nặng tính kinh tế, bao hàm các đặc quyền chứ không phải trách nhiệm ràng buộc.

Việc mở rộng vấn đề đạo đức đến nguyên tố thứ ba trong môi trường sống của loài người, nếu tôi diễn giải chính xác, là một khả thể trong tiến hóa và một điều cần thiết với sinh thái. Nó là bước thứ ba trong một chuỗi trình tự. Hai bước đầu tiên đã được thực hiện rồi. Những nhà tư tưởng độc lập kể từ thời Ezekiel và Isaiah đã phát biểu rằng việc chiếm đoạt đất đai không những không thiết thực mà còn sai trái nữa. Tuy nhiên, xã hội nhìn chung vẫn chưa công nhận ý nghĩ này của họ. Còn tôi thì vẫn coi cuộc vận động ngày nay cho bảo tồn được phôi thai từ nhận định như trên.

Đạo đức có thể được xem như một mô hình hướng dẫn cách tiếp cận các hiện trạng sinh thái mới mẻ hay phức tạp, hoặc chậm rãi trong cách nó phản ứng. Ta cũng nên nhớ rằng con đường đến với sự thiết thực trong xã hội thường không dễ mở ra cho những người bình dân. Trong trường hợp ấy, bản năng loài vật lại sẽ là mô hình định hướng cho mỗi cá nhân. Còn đạo đức có lẽ là một dạng bản năng cộng đồng vẫn đang trong quá trình nhào nặn.

Khái niệm Cộng đồng

Tất cả các nguyên tắc đạo đức cho đến nay đều phát triển dựa trên một tiền đề duy nhất: rằng mỗi cá nhân là một phần trong một cộng đồng tương hỗ. Bản năng kích thích mọi người tranh giành vị trí trong cộng đồng đó, nhưng đạo đức giúp người đó có thể cộng tác (có lẽ để cùng người khác đấu tranh cho một vị trí nào đó).

Vì thế, đạo đức về đất đai đơn thuần chỉ nói rộng đường biên của cộng đồng để bao hàm trong đó thổ nhưỡng, nguồn nước, cây cối, muông thú - tất cả được gọi chung là vùng đất.

Điều này nghe thì có vẻ dễ dàng: chẳng phải chúng ta đã đang ngợi ca tình yêu và trách nhiệm của mình với nước Mỹ của những con người tự do và hào hùng rồi đó sao? Đúng là thế, nhưng tình yêu của chúng ta dành cho ai và cái gì? Hẳn không phải là đất đai, vì chúng ta đang xoáy cho đất trôi tan tác về hạ nguồn. Hẳn không phải là nước, thứ mà chúng ta cho là chỉ để quay tua-bin, làm nổi xà lan, hay xả thải. Hẳn không phải là cỏ cây, những cộng đồng mà chúng ta đã thẳng tay tiêu diệt. Hẳn không phải là muông thú, vì chúng ta đã làm tuyệt giống rất nhiều những loài thú to lớn đẹp đẽ nhất. Đạo đức đất đai tất nhiên không thể ngăn chặn việc biến đổi, quản lý, hay sử dụng các “nguồn lực” này, nhưng nó giúp đảm bảo quyền được tiếp tục tồn tại, và có thể là chính sự sống còn của chúng trong môi trường tự nhiên.

Nói chung, đạo đức đất đai biến loài người từ kẻ khuất phục các cộng đồng trong một vùng đất thành một thành viên không hơn không kém của vùng đất đó. Nó ngầm thể

hiện sự tôn trọng mà con người dành cho các thành viên khác và cho chính cộng đồng của mình.

Trong lịch sử loài người, chúng ta đã học (hay chí ít tôi mong như thế) rằng kẻ xâm lăng rốt cuộc sẽ tự đào hố chôn mình. Tại sao ư? Vì vai trò của một kẻ thống trị khi *đương quyền* đòi hỏi hẳn phải hiểu biết về cách vận hành của cộng đồng, nắm bắt được ai hoặc cái gì có giá trị hay vô giá trị trong đời sống cộng đồng đó. Rốt cuộc thì hẳn chẳng biết điều gì trong hai điều đó, và đế chế của hẳn sẽ tự diệt vong.

Trong quần xã sinh vật cũng tồn tại một tình huống tương tự. Ông tổ Abraham biết chính xác mình sẽ dùng đất đai để thu hoạch hoa thơm trái ngọt. Hiện nay, mức độ xác tín trong suy nghĩ này tỷ lệ nghịch với trình độ nhận thức của chúng ta.

Một công dân thông thường ngày nay cho rằng khoa học biết chính xác cách vận hành của một cộng đồng, trong khi chính các nhà khoa học lại chắc chắn điều ngược lại. Họ biết rằng cơ chế của quần xã sinh vật phức tạp đến độ chúng ta sẽ không bao giờ hiểu hết về các cách nó vận hành.

Một diễn giải lịch sử theo hướng sinh thái học cho thấy con người thực ra chỉ là một thành viên trong một quần xã sinh vật mà thôi. Rất nhiều sự kiện lịch sử vốn từ trước đến nay chỉ được giải thích thông qua hành động của con người thực ra lại là những tương tác giữa đất và người trong quần xã ấy. Đặc tính của đất đai cũng chi phối hoàn cảnh thực tại nhiều như đặc tính của nhóm người sống trên vùng đất đó.

Ta hãy xem xét ví dụ về quá trình định cư ở thung lũng Mississippi. Trong những năm ngay sau Cách mạng Mỹ (American Revolution), có ba nhóm người tranh giành quyền kiểm soát nơi này: người thổ dân châu Mỹ, các thương gia Anh và Pháp, và những người Mỹ đi khai hoang. Các sử gia băn khoăn về việc điều gì sẽ xảy ra nếu lúc đó người Anh ở Detroit đã tiếp thêm sức cho phe thổ dân châu Mỹ để đẩy cán cân tranh chấp bấp bênh này, mà hệ quả của nó ảnh hưởng trực tiếp lên cuộc di cư của thực dân da trắng sau này vào Kentucky và thiết lập vùng trồng mía. Giờ là lúc chúng ta xem xét thông tin rằng sau khi những người khai hoang bắt đầu can thiệp vào vùng trồng mía bằng cách nuôi bò, cày xới đất, đốt đồng, và đốn cây, nơi này trở thành nhà cho loài cỏ lá sả. Hãy nghĩ xem điều gì sẽ xảy ra nếu loài cỏ tiếp quản vùng đất xáo trộn này lại là một loài cây bụi hay cỏ dại vô dụng? Liệu Boone và Kenton có trụ lại được nơi này? Liệu sau đó sẽ có những dòng người di cư tràn sang Ohio, Indiana, Illinois, và Missouri? Liệu sau đó Hoa Kỳ có mua lại vùng cầu địa Louisiana? Liệu sẽ có liên minh các tiểu bang mới trên khắp châu lục? Liệu cuộc Nội Chiến có nổ ra?

Kentucky chỉ là một câu thoại trong vở kịch của lịch sử. Chúng ta vẫn thường nghe về những gì các diễn viên trong vở kịch này cố gắng thực hiện, nhưng hiếm khi nào chúng ta nghe ai nói rằng thành công hay thất bại của họ phụ thuộc phần lớn vào cách đất đai phản ứng lại với cố gắng chiếm đóng của họ. Trong trường hợp của Kentucky, chúng

ta còn không biết loài cỏ lá sả này đến từ đâu, và liệu nó là một giống cây bản địa hay là một kẻ nhảy tàu từ châu Âu.

Ta hãy đặt vùng trồng mía này đối trọng với khu vực tây nam, nơi những người khai khẩn đất đai cũng không kém phần dũng cảm, đa mưu túc trí, và kiên cường. Việc định cư của họ không khiến loài cỏ lá sả nảy mầm, hay thậm chí bất kỳ một loài cây nào thích hợp để chống chịu được việc sử dụng đất đai thường xuyên. Sau một thời gian bị gia súc gặm nhấm, khu vực này trải qua một chuỗi các loài cỏ dại cây bụi vô dụng cho đến lúc trở thành một vùng đất cằn cỗi bất ổn định. Cứ mỗi loài cây vô dụng hơn lại làm gia tăng xói mòn đất, và cứ mỗi lần đất xói mòn thêm thì lại làm nảy mầm một loài cây vô dụng hơn nữa. Hậu quả bây giờ là cả đất và cây đều cùng nhau từ từ thoái hóa, và điều này còn ảnh hưởng lên cả quần thể động vật ở đây nữa. Những người khai hoang mới đầu không tiên liệu được việc này: người ta thậm chí còn đào hào rãnh trong các bãi lầy ở New Mexico để tăng tốc cho quá trình thoái hóa này. Tiến trình này diễn ra từ từ đến độ ít người nào sống trong khu vực này nhận thức rằng cảnh quan đang dần biến đổi. Và những du khách thì hẳn nhiên không nhìn thấy gì ngoài những cánh đồng màu sắc duyên dáng (và quả thực nó rất mê hoặc lòng người, nhưng có điều là cảnh quan bây giờ không có chút liên quan gì so với năm 1848).

Quang cảnh này cũng đã từng được “phát triển” trước kia, nhưng với kết quả hoàn toàn khác. Những người thổ dân châu Mỹ Pueblo định cư ở vùng tây nam này trước thời Columbus, nhưng khi ấy họ *không* mang theo gia súc chăn

thả diện rộng. Thời kỳ văn minh của họ tuy đã chấm dứt nhưng không phải vì đất đai của họ đã cạn kiệt.

Ở Ấn Độ, trong các vùng không còn cỏ tạo lớp mùn đất, người ta vẫn định cư mà không phá hủy đất đai bằng cách cắt cỏ và mang về cho đàn bò, thay vì thả rộng cho chúng gặm cỏ. (Liệu đây là kết quả của trí tuệ khai sáng, hay đơn thuần là vận may? Tôi cũng không biết nữa.)

Nhìn chung, những lớp cây nối tiếp nhau mọc lên sẽ định hướng lịch sử. Những người khai hoang chỉ góp phần hé lộ loài nào (dù tốt hay xấu) sẽ thừa kế một vùng đất mà thôi. Liệu lịch sử có đang được dạy theo hướng này không? Sẽ sớm thôi, một khi khái niệm về đất đai như một cộng đồng thực sự ăn sâu vào não trạng lý trí của chúng ta.

Lương tâm sinh thái

Bảo tồn là một trạng thái hòa hợp giữa đất và người. Bất chấp gần một thế kỷ tuyên truyền vận động, quá trình bảo tồn vẫn ì ạch tiến với tốc độ sên bò, và kết quả thu được chủ yếu vẫn là các tiêu đề khoa trương và những hiệp ước nói miện. Tại các vùng nội địa, chúng ta vẫn cứ lùi hai bước sau khi tiến được một bước.

Câu trả lời thông thường cho vấn nạn này là “cần thêm giáo dục về bảo tồn”. Đây là điều không ai bàn cãi, nhưng liệu rằng chỉ có *thời lượng* giảng dạy cần được gia tăng? Có

phải chúng ta đang thiêu hụt điều gì đó trong *nội dung* giáo dục nữa hay không?

Thật khó để có một bản tóm tắt công bằng mà đầy đủ, nhưng theo tôi hiểu thì nội dung giáo dục có thể được gói gọn như sau: chấp hành luật pháp, bầu cử đúng người, tham gia một vài hội đoàn nào đó, và thực hành các cách thức bảo tồn có ích cho mảnh đất nơi bạn sống. Phần còn lại cứ để chính phủ lo liệu.

Chẳng phải công thức này là quá dễ dàng để giúp ta đạt được bất cứ thứ gì đáng giá sao? Nó không định ra phải trái, không áp đặt trách nhiệm, không đòi hỏi hy sinh, và không ám chỉ đến một thay đổi nào trong hệ tư tưởng hiện nay về các giá trị. Về mặt sử dụng đất đai, nó chỉ khuyến khích mọi người tự tìm kiếm sự khai sáng cho mình. Liệu một thứ giáo dục như thế sẽ đưa chúng ta đi được bao xa? Có lẽ ví dụ dưới đây phần nào sẽ cho ta câu trả lời.

Đến năm 1930 thì chỉ những kẻ không biết chút gì về môi trường mới không nhận ra rằng lớp đất dinh dưỡng bề mặt ở vùng tây nam Wisconsin đang dần trôi về phía biển. Vào năm 1933, chính quyền bang tuyên bố với các nông dân rằng nếu họ chấp nhận áp dụng các phương pháp phục hồi đất trong năm năm, thì tiểu bang sẽ quyên góp nhân lực từ Cục Bảo tồn để giúp họ thực hiện chúng, kèm theo các máy móc và vật liệu cần thiết. Lời đề nghị này được đông đảo mọi người chấp nhận, nhưng việc áp dụng nó thì chìm vào quên lãng nhanh chóng sau khi hết thời hạn hợp đồng năm năm. Những người nông dân tiếp tục những biện pháp canh tác trước kia vốn cho họ lợi nhuận kinh tế trước mắt.

Điều này dẫn đến ý tưởng rằng người nông dân sẽ tiếp thu nhanh hơn nếu chính họ là người đặt ra luật lệ bảo tồn. Thế theo đó, Ủy ban tư pháp ở Wisconsin vào năm 1937 đã thông qua Đạo luật Bảo tồn Đất (Soil Conservation District Law). Luật này tuyên bố với người nông dân rằng: *Chính quyền sẽ trang bị cho các bạn các dịch vụ kỹ thuật và máy móc chuyên dụng miễn phí, nếu các bạn tự tay viết điều luật sử dụng đất đai. Mỗi hạt sẽ viết nên đạo luật riêng, và chúng sẽ có sức nặng pháp lý.* Gần như tất cả các hạt đều hưởng ứng và chuẩn bị sẵn sàng để đón nhận trợ giúp, nhưng sau một thập kỷ vận hành, *vẫn chưa có một hạt nào đề ra nổi một đạo luật.* Đã có những bước tiến thấy rõ trong các biện pháp canh tác như phân loãng hoa màu để giảm xói mòn đất, tái tạo dòng cỏ chăn thả, và bón vôi, nhưng chưa có tiến triển gì trong việc rào các khoảng rừng để chống gia súc hay ngăn chặn máy cày và đàn bò tiến vào các vùng đồi dốc. Tóm lại, đám nông dân đã lựa chọn các biện pháp hồi phục có lợi cho cả đôi bên, thay vì những biện pháp có lợi cho cộng đồng nhưng không hẳn mang lại lợi nhuận cho họ.

Khi được hỏi tại sao chưa có đạo luật nào được chấp bút, các hạt đều trả lời rằng cộng đồng ở đây chưa sẵn sàng để ủng hộ họ, và rằng việc giáo dục phải đi trước luật lệ. Nhưng việc giáo dục hàng ngày vẫn không hề đề cập đến trách nhiệm với đất đai, ngoại trừ những điều khoản liên quan đến lợi ích cá nhân. Kết quả là chúng ta giáo dục nhiều hơn trong khi đất càng ngày càng ít đi, rừng ngày

càng thưa, và lũ quét ngày càng phổ biến trong cùng kỳ năm 1937.

Điều khó hiểu trong các trường hợp này là người ta cho rằng các cộng đồng nông thôn này sẽ coi trọng việc đề cao trách nhiệm lên trên lợi ích cá nhân, như cách họ coi trọng việc xây đường sá, trường học, nhà thờ, hay đầu tư cho đội bóng chày. Cuộc sống mưu sinh của họ không được đề cập đến hay bị xem nhẹ trong công cuộc cải thiện nguồn nước hay giữ gìn khung cảnh hay sự trù phú đa dạng của thôn quê. Đạo đức sử dụng đất đai vẫn hoàn toàn bị chi phối bởi lợi ích kinh tế cá nhân, giống như đạo đức xã hội ở thế kỷ trước.

Tóm tắt lại, chúng ta đòi hỏi người nông dân làm những gì thuận tiện nhất để cứu đất đai, và anh ta đã làm đúng những điều đó, và chỉ những điều đó mà thôi. Người nông dân đốn hạ khu rừng trên một con dốc 75%, người đã lùa đàn bò vào gặm cỏ trên đồng, rồi sau đó để cho mưa lũ cuốn trôi đất đá xuống con suối chảy qua làng, vẫn là một thành viên được mọi người kính trọng. Nếu anh ta bón vôi lên các cánh đồng và trồng cây quanh đường viền, anh ta vẫn được hưởng các đặc quyền và tiền thù lao từ Quỹ Bảo tồn Đất đai. Mặc dù đây là một cỗ máy tinh xảo, nó đang ì ạch vận hành chỉ với hai mã lực vì chúng ta quá nhát gan để đạt được thành công nhanh chóng, quá lo âu để dám nói thẳng với người nông dân về tầm cỡ trách nhiệm thực sự của anh ta. Trách nhiệm không có nghĩa lý gì nếu không đi đôi với nhận thức, và vấn đề chúng ta đang đối mặt là việc mở rộng nhận thức xã hội từ con người đến đất đai.

Chúng ta sẽ không đạt được một thay đổi quan trọng nào về đạo đức mà không đòi hỏi một thay đổi nội tại trong những mối quan tâm lý trí, lòng trung thành, tình cảm, cũng như niềm tin. Bằng chứng cho thấy việc bảo tồn vẫn chưa chạm tới được các giá trị này nằm ở chỗ chính triết học và tôn giáo cũng chưa hề nghe đến khái niệm bảo tồn. Trong tiến trình biến bảo tồn thành chuyện dễ dàng, chúng ta đã làm cho nó trở nên tầm thường.

Thay thế cho Đạo đức Đất đai

Khi lô-gích của lịch sử đòi hỏi một miếng bánh mì và ta đưa cho nó một cục đá, ta sẽ mất rất nhiều công sức giải thích xem tại sao hòn đá đó lại giống miếng bánh mì. Giờ tôi sẽ miêu tả một số “hòn đá” đã được sử dụng thay thế cho đạo đức đất đai.

Một trong các sai lầm cơ bản của một hệ thống bảo tồn dựa trên động cơ kinh tế đó là các thành viên trong một cộng đồng đất đai thường không có giá trị kinh tế. Hoa dại và chim hót là hai ví dụ điển hình. Trong số 22.000 loài cây cỏ chim muông bản địa của Wisconsin, tôi đồ rằng chắc không được hơn 5% trong số chúng có thể được khai thác để tiêu thụ và phục vụ kinh tế. Dù vậy, các sinh vật này vẫn là thành viên trong quần xã sinh vật, và nếu sự ổn định của quần xã này phụ thuộc vào tính toàn vẹn sinh học của nó, thì các giống loài này cũng có quyền tiếp tục sinh tồn.

Khi một trong các phạm trù phi kinh tế này bị đe dọa, và nếu chúng ta yêu quý nó, chúng ta sẽ đưa ra các luận điệu để chứng minh giá trị kinh tế của nó. Ở đầu thế kỷ này, các loài chim biết hát đáng ra đã biến mất hết. Các nhà điều học tham gia vào cuộc giải cứu với bằng chứng khó thuyết phục rằng các loài sâu bọ sẽ ăn hết mùa màng nếu chim chóc không có mặt để kiểm soát chúng. Bằng chứng này cần phải có giá trị kinh tế để được coi là xác đáng.

Thật khổ tâm khi phải đọc những luận điệu quanh co luẩn quẩn ngày nay. Dầu vậy, tuy chúng ta vẫn chưa hình thành được đạo đức đất đai, nhưng chí ít chúng ta đã chạm đến cột mốc chấp nhận rằng chim chóc có quyền tiếp tục sinh tồn, bất chấp chúng có mang lại lợi ích kinh tế cho chúng ta hay không.

Các loài thú săn mồi, chim săn mồi, và chim bắt cá cũng rơi vào hoàn cảnh tương tự. Đã từng có một thời các nhà sinh học bỏ qua bằng chứng rằng các loài vật này giữ cho các con thú bị săn khỏe mạnh bằng cách giết bớt những cá thể yếu hơn, hay chúng giúp nông dân kiểm soát số lượng thú gặm nhấm, hay chúng chỉ săn bắt các giống loài “vô giá trị”. Một lần nữa, bằng chứng cần phải có giá trị kinh tế để được coi là xác đáng. Chỉ vài năm gần đây thì ta mới bắt đầu nghe những ý kiến chia sẻ chân thành rằng các loài thú ăn thịt là thành viên của cộng đồng, và không một cá nhân vụ lợi nào có quyền tiêu diệt chúng vì mục đích lợi nhuận, dù mỗi lợi đó là thực tế hay giả tưởng. Đáng tiếc thay, quan điểm khai sáng này vẫn dừng ở mức thảo luận. Trong thực tế, việc tiêu hủy các loài ăn thịt vẫn tiếp diễn như thường:

chúng ta hãy chứng kiến cuộc thanh trừng loài sói lông xám dưới sắc lệnh của Quốc hội, các ban bảo tồn, và vô số cơ quan lập pháp của các tiểu bang.

Một vài loài cây đã bị các cán bộ lâm nghiệp đầu óc kinh tế “khai trừ” vì chúng phát triển quá chậm chạp, hay không có giá trị kinh tế cao như cây lấy gỗ: cây tuyết tùng, cây thông rụng lá, cây bách, cây sồi, và cây độc cần đều là ví dụ. Ở châu Âu, nơi ngành lâm nghiệp đã tiến bộ hơn về mặt sinh thái, các giống cây không có tính thương mại vẫn được nhìn nhận là thành viên của cộng đồng thực vật bản địa và vì thế được bảo tồn một cách hợp lý. Hơn nữa, người ta phát hiện ra một vài loại cây (như sồi) có chức năng làm tăng độ màu mỡ cho đất. Điều này cho thấy mối liên thông tương hỗ trong rừng giữa các loài cây thân gỗ, thảm thực vật, và động vật vẫn bị chúng ta xem là nghiêm nhiên phải có.

Giá trị kinh tế thấp là một đặc điểm đôi khi không chỉ dành cho các loài hay nhóm, mà còn cả các quần xã sinh vật: đầm lầy, đồi cát, hay sa mạc đều là ví dụ. Cách chúng ta xử trí với các trường hợp này là phó thác việc bảo tồn chúng cho Nhà nước như những nơi ẩn náu, mốc tiêu, hay công viên. Khó khăn nảy sinh ở chỗ các cộng đồng này thường nằm xen lẫn với các khu đất tư có giá trị hơn, và chính quyền thì không thể sở hữu hay kiểm soát các khu vực rải rác như vậy. Hệ quả sau cùng là chúng ta đã đẩy một số quần xã sinh vật này đến sự tuyệt diệt trên diện rộng. Nếu người chủ sở hữu là người có tầm nhìn sinh thái, họ sẽ tự hào là người bảo vệ cho một khu vực đáng giá như

vậy và làm tăng thêm nét đẹp đa dạng cho trang trại và cộng đồng của họ.

Trong một số trường hợp, người ta đã nhầm khi coi rằng các vùng sinh vật “bỏ đi” này là vô giá trị, nhưng họ chỉ phát hiện ra điều đó sau khi một diện tích lớn cùng sinh vật đó đã tiêu tan. Cuộc chạy nước rút hiện nay để xả ngập lại các đầm lầy có chuột xạ hương là một ví dụ điển hình...

Có một xu hướng thấy rõ trong việc bảo tồn ở nước Mỹ là chủ sở hữu đất sẽ đùn đẩy phó thác những nhiệm vụ cần thiết mà mình làm không đến nơi đến chốn sang cho nhà nước. Việc quốc hữu hóa các hoạt động, trợ cấp, hay quản lý đang trở nên vô cùng phổ biến trong lâm nghiệp, quản lý núi non, quản lý đất và lưu vực sông, bảo tồn công viên quốc gia và thiên nhiên hoang dã, ngư nghiệp, quản lý chim di cư, và sẽ còn nhiều mảng khác nữa. Phần lớn sự phát triển của việc bảo tồn qua tay nhà nước này là hợp tình hợp lý, đôi khi còn là điều không tránh khỏi. Thái độ đồng thuận của tôi với diễn tiến này cũng thể hiện qua việc tôi đã dành cả đời làm việc cho các ban bảo tồn nhà nước. Tuy vậy, câu hỏi vẫn cần đặt ra là: đâu là giới hạn của cuộc bành trướng này? Liệu nền tảng tiền thuế có khiến cho nó cuối cùng sẽ phân chia tẽ nhánh hay không? Khi nào thì việc bảo tồn do nhà nước, như loài voi ma mút, sẽ sụp đổ dưới sức nặng của chính nó? Nếu có câu trả lời thì nó sẽ nằm trong đạo đức đất đai, hay một thứ quyền lực nào đó khiến cho các chủ sở hữu đất phải tiếp nhận trách nhiệm.

Những chủ sở hữu và người sử dụng đất công nghiệp, đặc biệt là thợ gỗ và người chăn gia súc, thường kêu ca

phản nản về việc quốc hữu hóa và quản lý đất đai. Tuy nhiên, ngoại trừ vài trường hợp, hết thảy bọn họ đều không muốn động chân động tay thực hiện lựa chọn còn lại: tự nguyện bảo tồn khu đất của chính họ.

Ngày nay, khi người chủ đất được đề nghị thực hiện một việc không mang lại lợi nhuận kinh tế vì lợi ích cộng đồng, họ sẽ chấp thuận ngay tức thì. Nếu việc này đòi hỏi tiền bạc thì anh ta sẽ coi đó là công bằng và hợp lẽ; tuy nhiên, nếu việc này chỉ đòi hỏi việc suy tính, một tâm trí mở, hay thời gian, thì nó lại khiến anh ta chần chừ do dự. Việc gia tăng đột biến các khoản trợ cấp sử dụng đất đai trong các năm gần đây phần lớn là do chính sách của nhà nước về giáo dục bảo tồn dành cho các ban ngành quản lý đất đai, các trường đại học nông nghiệp, và các dịch vụ liên quan. Tuy nhiên, tôi vẫn chưa tìm ra một trường học hay viện nào có giảng dạy về trách nhiệm đạo đức với đất đai.

Tựu trung, một hệ thống bảo tồn chỉ dựa trên lợi ích kinh tế cá nhân là hoàn toàn bất bênh xiêu vẹo. Nó thường bỏ qua, và sau đó tiêu diệt, các thành tố không có giá trị thương mại trong một vùng đất, nhưng thực chất lại đóng vai trò tối quan trọng (như sau này chúng ta đã biết) trong việc duy trì sức khỏe vùng đất đó. Hệ thống này suy nghĩ một cách sai lệch rằng các phần kinh tế của một quần xã sinh vật sẽ vận hành tách biệt khỏi những phần phi kinh tế. Nó thường đùn đẩy vào tay nhà nước các nhiệm vụ quá đồ sộ, phức tạp, và dàn trải so với tầm cỡ nhà nước có thể thực hiện.

Một trách nhiệm đạo đức từ phía người sở hữu đất là phương thuốc cứu vãn duy nhất cho tình trạng này.

Kim tự tháp đất đai

Một quy chuẩn đạo đức nhằm định hướng và hỗ trợ cho mối quan hệ kinh tế với đất đai cần phải làm tiền lệ cho hình ảnh trong đầu chúng ta về đất đai như một cơ chế sinh thái. Chúng ta chỉ có thể ứng xử có đạo đức với những gì ta có thể nhìn, sờ, hiểu, yêu, hay tin tưởng.

Hình ảnh thường xuyên được sử dụng trong giáo dục về bảo tồn là “cân bằng tự nhiên”. Kể ra thì dài dòng, nhưng hình tượng này luôn thất bại trong việc miêu tả đích xác kiến thức hạn hẹp của chúng ta về cơ chế vận hành của đất đai. Một hình ảnh chính xác hơn được vận dụng trong sinh thái học: kim tự tháp quần xã sinh vật. Trước hết, tôi sẽ phác thảo kim tự tháp này như biểu trưng cho đất đai, rồi sau đó sẽ phát triển những hàm ý của nó trong việc sử dụng đất đai.

Cây cối hấp thụ năng lượng từ mặt trời. Năng lượng này sau đó tuần hoàn chảy qua một chuỗi mạch nối tiếp gọi là một quần xã sinh vật, có thể được tượng trưng bằng một kim tự tháp đa tầng. Tầng dưới cùng là đất, tiếp đó là tầng thực vật, rồi tầng côn trùng, rồi tầng chim chóc và thú gặm nhấm, và cứ thế tiếp tục qua nhiều nhóm động vật nữa cho đến tầng cao nhất bao gồm các loài thú ăn thịt cỡ lớn.

Các loài được phân loại vào chung một tầng không dựa trên chúng đến từ đâu hay chúng trông như thế nào, mà dựa trên chúng ăn cái gì. Mỗi tầng nối tiếp nhau lại phụ thuộc vào nguồn thức ăn và các nguồn cung ứng khác từ tầng bên dưới và cung cấp thức ăn và nguồn đáp ứng cho tầng bên trên. Theo chiều hướng đó, cứ mỗi tầng đi lên lại giảm dần về số lượng cá thể. Bởi vậy, cứ một con thú ăn thịt sẽ tiêu thụ hết hàng trăm con mồi, hàng nghìn con mồi của những con mồi đó, hàng triệu con côn trùng, và hàng hà sa số những cây những cỏ. Khối hình kim tự tháp thể hiện sự tăng tiến về số lượng này từ đỉnh xuống đáy. Con người nằm ở tầng giữa cùng với gấu, gấu trúc Bắc Mỹ, và sóc - những loài ăn tạp.

Những đường thể hiện sự lệ thuộc về thức ăn và sự đáp ứng này được gọi là chuỗi thức ăn. Chuỗi thức ăn đất-sồi-hươu-thỏ dân châu Mỹ giờ đây đã được chuyển hóa hầu hết sang đất-ngô-bò-nông dân. Mỗi loài, bao gồm cả chúng ta, đều là một mắt xích trong rất nhiều chuỗi như thế. Loài hươu ngoài cây sồi ra thì còn ăn cả trăm loại cây khác, và loài bò ngoài ngô thì cũng ăn tới trăm loại cỏ khác. Cả hai vì thế đều là mắt xích trong một trăm chuỗi khác nhau. Kim tự tháp thoát đầu nhìn giống như một mớ bòng bong phức tạp các chuỗi thức ăn, nhưng sự cân bằng của cả hệ thống chúng tỏ nó là một khối cấu trúc rất có trật tự. Sự vận hành của nó phụ thuộc vào việc hợp tác và cạnh tranh của các phần tử đa dạng bên trong.

Thời khởi thủy, kim tự tháp đời này còn thấp và bé, với những chuỗi thức ăn ngắn và đơn giản. Quá trình tiến hóa

đã làm tăng thêm số lượng các lớp cũng như các chuỗi. Con người là một trong hàng ngàn những lớp bồi đắp để tăng thêm chiều cao và độ phức tạp cho kim tự tháp. Khoa học đã khiến ta hoài nghi nhiều thứ, nhưng nó đã cho ta biết ít nhất một điều chắc chắn: xu hướng của tiến hóa là mở rộng và đa dạng hóa hệ sinh thái.

Đất đai vì thế không chỉ là thổ nhưỡng; nó là suối nguồn năng lượng tuôn chảy qua một chuỗi gồm đất, cây cối, và muông thú. Các chuỗi thức ăn là những kênh chuyển tải năng lượng đi lên trong kim tự tháp; còn cái chết và sự phân hủy đưa năng lượng quay trở về với đất. Vòng tròn năng lượng này không khép kín: vài dạng năng lượng mất đi trong lúc phân hủy, một vài lại được không khí hấp thụ, số khác được dự trữ trong đất, than bùn, và những cánh rừng cổ thụ. Tuy nhiên, đây là một vòng tròn bền vững, như một nguồn quỹ tín dụng cuộc đời liên tục tích lũy và luân chuyển. Việc hao tổn luôn tồn tại khi đất bị xói mòn rửa trôi, nhưng thông thường những tổn hao này rất nhỏ và được các lớp đá phân hủy bù đắp lại. Phần đất xói mòn lại đổ ra đại dương, và theo vòng quay địa chất sẽ lại tích tụ dần lên để tạo nên các vùng đất mới và các kim tự tháp mới.

Vận tốc và đặc tính của dòng chảy ngược lên tùy thuộc vào cấu trúc phức tạp của quần thể động thực vật, giống như cách dòng chảy nhựa cây đi ngược lên phụ thuộc vào cấu trúc tế bào phức tạp của cây. Nếu không có cấu trúc phức tạp này, quá trình tuần hoàn thông thường sẽ khó lòng diễn ra. Cấu trúc được tạo nên từ số lượng các loài cũng

như công năng đặc trưng của chúng. Sự tương trợ qua lại giữa cấu trúc phức tạp của đất và sự vận động nhịp nhàng của nó như một đơn vị năng lượng là một trong các đặc tính cơ bản của đất.

Khi một phần của chuỗi sinh học này thay đổi, rất nhiều phần khác phải tự biến đổi để hòa hợp với nó. Sự thay đổi không phải lúc nào cũng chặn đứng hay đổi chiều dòng chảy năng lượng. Tiến hóa là một chuỗi kéo dài các quá trình tự phát, kết quả tổng hòa của chúng là sự mở rộng cơ chế dòng chảy và sự kéo dài chuỗi sinh học. Sự thay đổi về mặt tiến hóa, tuy nhiên, thường diễn ra chậm và mang tính cục bộ. Các công cụ mà con người phát minh đã tạo đà cho chúng ta gây ra các thay đổi thô bạo, nhanh chóng, và ở tầm cỡ chưa từng thấy.

Có một sự thay đổi nằm trong cách cấu thành hệ động thực vật. Do các loài ăn thịt lớn đang biến mất khỏi đỉnh kim tự tháp, lần đầu tiên trong lịch sử, các chuỗi thức ăn đang ngắn đi thay vì dài ra. Các loài thú thuần hóa từ nơi khác đến dần thế chỗ thú hoang, trong đó các loài thú hoang thì bị chuyển đến nơi sinh sống mới. Trong hệ động thực vật toàn cầu ngày nay, nhiều loài phát triển vượt mức cho phép và trở thành loài gây hại hay gây bệnh, trong khi số khác thì đang tuyệt chủng. Các hiệu ứng này hiếm khi xảy ra có chủ đích hay lường trước được: chúng đại diện cho những sự tái điều chỉnh khó lường và thường không truy nguyên được trong cấu trúc. Khoa học nông nghiệp thường là cuộc chạy đua giữa sự xuất hiện của các loài gây hại mới và công nghệ mới để kiểm soát chúng.

Còn một sự thay đổi khác chạm đến dòng chảy năng lượng giữa cây cối và loài vật, cũng như cách năng lượng trở về với đất. Độ phì nhiêu là khả năng đất tiếp thu, dự trữ, và giải phóng năng lượng. Nếu ngành nông nghiệp bào mòn đất quá mức, hay thay thế một cách vô tội vạ các giống loài bản địa bằng các giống thuần hóa trong siêu cấu trúc sinh thái này, nó có thể làm thoái hóa những dòng chảy năng lượng và làm cạn kiệt nguồn dự trữ. Khi cạn kiệt năng lượng dự trữ hay các vật chất hữu cơ nền tảng, đất sẽ bị rửa trôi ở mức nhanh hơn mức tái tạo. Đây được gọi là quá trình xói mòn đất.

Nước, cũng giống như đất, là một phần của chuỗi sinh học. Khi làm ô nhiễm hay chặn dòng chảy tự nhiên của nước, nền công nghiệp sẽ chặn đứng đường sống của các loài động thực vật cần để duy trì vòng tuần hoàn năng lượng.

Giao thông vận tải tạo ra một thay đổi căn bản khác: các loài động thực vật vốn sinh trưởng trong một khu vực thì giờ đây được tiêu thụ và trả về với đất ở một khu vực khác. Ngành giao thông đã đào vào nguồn năng lượng trữ trong đá và không khí, sau đó vận chuyển chúng đi nơi khác để sử dụng. Đây là lý do hiện nay chúng ta bón phân cho vườn cây của mình bằng chất ni-tơ chiết xuất từ phân chim hay từ xác cá biển phía bên kia Xích đạo. Vì thế, những vòng sinh học vốn trước kia gói gọn trong từng khu vực thì nay đã hòa chung vào nhau khắp nơi trên thế giới.

Quá trình biến đổi kim tự tháp nhằm phục vụ con người đã giải phóng nguồn năng lượng dự trữ. Trong thời kỳ khai

hoang mở đất, điều này đã khiến chúng ta tưởng lầm về một thời kỳ sinh sôi trù phú trong thế giới động thực vật, cả các loài hoang dã và thuần hóa. Những đợt giải phóng năng lượng sinh học dự trữ này thường che phủ và trì hoãn những hậu quả khủng khiếp cận kề.



Bản phác họa sơ bộ của một chuỗi năng lượng bao gồm ba ý tưởng cơ bản:

(1) Rằng đất đai không chỉ có nghĩa là thổ nhưỡng.

(2) Rằng các loài động thực vật bản địa giúp duy trì chuỗi năng lượng nói trên, trong khi các loài ngoại lai thì có thể có có thể không.

(3) Rằng những thay đổi do con người mang lại rất khác so với các thay đổi thuận theo tiến hóa, và thường có những hệ quả toàn cục khó lường trước được.

Những ý tưởng này tổng hòa lại khiến ta đặt ra hai vấn đề: Liệu đất đai có thể tự điều chỉnh theo trật tự thế giới mới? Liệu những thay đổi mong muốn có thể được thực hiện một cách ôn hòa?

Các quần xã sinh vật dường như có khả năng chịu đựng những thay đổi thô bạo ở mức khác nhau. Ví dụ, Tây Âu ngày nay có một kim tự tháp sinh học khác xa với thời Caesar. Một vài loài thú lớn đã tuyệt chủng, trong khi các khu rừng đầm lầy đã trở thành thảo nguyên hay ruộng cày. Nhiều loài cây và thú mới được mang đến, một vài trong số chúng trốn thoát và trở thành vật gây hại. Các loài vật bản

địa còn lại đã thay đổi nhiều về mật độ phân bố và số lượng. Tuy nhiên đất đai vẫn còn ở đó, và vẫn phì nhiêu màu mỡ nhờ sự trợ giúp của nguồn dinh dưỡng ngoại nhập. Nguồn nước vẫn chảy đều đặn, và trật tự mới dường như vẫn đang vận hành và bám trụ. Chuỗi sinh học không có vẻ gì là sẽ dừng lại hay thoái hóa đi.

Tây Âu vì thế được coi là một vùng sinh vật có sức chống chịu. Cơ chế nội hàm của nó bền bỉ, dẻo dai, và chịu được sức ép. Bất luận những can thiệp thay đổi thô bạo thế nào xảy ra, kim tự tháp sinh thái ở đây đã phát triển các *cách tồn tại* mới để bảo toàn môi trường sống cho con người và hầu hết các giống loài bản địa khác.

Nhật Bản là một ví dụ khác về một cuộc cải biến triệt để quyết liệt mà không trở nên hỗn loạn.

Đa phần các nền văn minh khác, thậm chí cả một vài vùng chưa từng có ánh sáng văn minh soi rọi, đều trải qua vô số giai đoạn hỗn độn, từ những triệu chứng sơ khởi đến tình trạng thoái hóa cấp. Ở Tiểu Á và Bắc Phi, việc chẩn đoán bệnh cho vùng sinh vật thường bị nhầm lẫn với biến đổi khí hậu (đây có thể là nguyên do hoặc hệ quả của tình trạng thoái hóa cấp tính). Ở nước Mỹ, mức độ hỗn loạn thay đổi theo khu vực: tình trạng này tồi tệ hơn ở vùng tây nam, khu vực Ozark, vài phần ở phía nam, và ít nhất là ở New England và khu tây bắc. Ở một vài nơi ở Mexico, Nam Mỹ, Nam Phi, và Úc, việc thoái hóa đang diễn tiến một cách thô bạo và nhanh chóng, nhưng tôi không thể thẩm định được mức độ của nó.

Sự hỗn loạn ở cấp gần như toàn cầu này khá giống với bệnh dịch ở loài vật, chỉ khác ở chỗ nó không dẫn đến sự hủy hoại hoàn toàn hay chết chóc. Đất đai sau đó dần hồi phục, nhưng mức độ phức tạp sinh học của nó sẽ giảm xuống kéo theo sức chứa con người, cây cối, và loài vật cũng suy yếu. Rất nhiều quần xã sinh vật được xem là “đất hứa” giờ đây thực chất đang tồn tại nhờ vào nền nông nghiệp bóc lột, nghĩa là sức chứa của chúng đã vượt ngưỡng cho phép. Hiểu theo nghĩa này, phần lớn đất đai Nam Mỹ đã vượt mức dân số cho phép.

Ở những vùng khô hạn, chúng ta cố gắng trì hoãn quá trình thoái hóa này bằng cách cải tạo đất, mặc dù ta có thể nhận thấy rõ rằng những dự án cải tạo này thường chết yểu. Ở Phương Tây chúng ta, dự án cải tạo tốt nhất cũng không kéo dài được nổi một thế kỷ.

Các bằng chứng tích hợp từ lịch sử và sinh thái học thường chỉ đến một kết luận chung: những can thiệp của con người càng ít thô bạo thì khả năng tái điều chỉnh thành công của kim tự tháp sinh học càng cao. Mức độ thô bạo này cũng tùy thuộc vào mật độ dân số: dân số đông đúc đòi hỏi việc cải tổ thô bạo hơn. Về mặt này, Bắc Mỹ có cơ hội cải tạo đất đai tốt hơn châu Âu, nếu châu lục có thể cố gắng kiểm soát mật độ dân số.

Kết luận này đi ngược lại với triết lý sống hiện tại của chúng ta, rằng nếu sự gia tăng nhỏ trong mật độ dân số sẽ khiến cuộc sống thêm phong phú, thì việc gia tăng liên tục sẽ khiến cho cuộc sống trở nên phong phú không ngừng. Sinh thái học không hề biết đến một mô hình mật độ dân số

nào tồn tại trong những khoảng giới hạn vô cực. Luôn luôn tồn tại mối quan hệ tỷ lệ nghịch giữa nhưng lợi ích đến từ mật độ dân số và những gì dân số đó đóng góp lại cho vùng sinh vật.

Bất luận mối quan hệ qua lại giữa con người và đất đai là như thế nào, chúng ta giờ đây vẫn không thể nắm bắt hoàn toàn những điều khoản trong giao kèo này. Những khám phá gần đây về khoáng chất và vitamin dinh dưỡng đã hé lộ một sự phụ thuộc lẫn nhau chưa từng biết đến trong chuỗi vận chuyển năng lượng đi lên: chất lượng mối quan hệ giữa đất đai và cây cối, hay giữa cây cối và động vật, phụ thuộc vào số lượng rất nhỏ những chất nhất định. Vậy còn chuỗi vận chuyển đi xuống thì sao? Còn những giống loài đang biến mất mà chúng ta đang coi việc bảo tồn chúng như một thú vui xa xỉ thì sao? Những giống loài giúp tạo nên dinh dưỡng đất này, liệu chúng sẽ giúp duy trì đất theo những cách nào? Giáo sư Weaver đề xuất chúng ta sử dụng các loài hoa thảo nguyên để giúp kết tụ những phần đất thoái hóa đang tan rã trong khu lòng chảo sa mạc. Vậy thì ai có thể nói trước được loài sếu và kền kền hoang, loài hải ly và gấu xám có thể sẽ đóng vai trò gì trong tương lai?

Sức khỏe đất đai và Phân nhánh A và B

Một quy chuẩn đạo đức với đất đai phản chiếu sự tồn tại của một tri giác về sinh thái, và qua đó cũng thể hiện tinh thần trách nhiệm cá nhân với sức khỏe của đất đai. Sức

khỏe là khả năng tự tái tạo của đất. Bảo tồn là cố gắng của chúng ta trong việc hiểu và duy trì khả năng này.

Các nhà bảo tồn vốn nổi tiếng trong việc chia rẽ nội bộ. Nhìn trên bề mặt thì điều này chỉ đơn thuần làm chuyện bảo tồn trở nên rối rắm, nhưng nếu soi xét kỹ hơn thì ta sẽ nhận thấy một xu thế phân nhánh tương tự như trong nhiều chuyên ngành khác. Trong ngành bảo tồn, tồn tại một nhóm (A) luôn coi đất đai chỉ như thổ nhưỡng và chức năng của nó là tạo ra sản phẩm tiện nghi, trong khi nhóm (B) coi đất đai như vùng sinh vật, với chức năng vĩ mô hơn. Vĩ mô hơn bao nhiêu thì thú thật vẫn là một câu hỏi mù mờ và khiến ta hồ nghi.

Trong ngành lâm nghiệp của tôi, nhóm A sẽ thỏa mãn với việc chỉ trồng các loại cây như cái bắp, với chất xơ như sản phẩm cơ bản của rừng. Nhóm này không phản đối các chính sách thô bạo; tư tưởng của họ hoàn toàn phục vụ nông nghiệp. Trái lại, nhóm B coi lâm nghiệp như một ngành hoàn toàn khác so với nông nghiệp vì nó dung nạp các giống loài tự nhiên, đồng thời trông nom một môi trường tự nhiên thay vì nhân tạo. Nhóm này về nguyên tắc thì ưu tiên việc sản xuất thuận tự nhiên. Họ lo lắng về ảnh hưởng của các giống loài đã biến mất (cây hạt dẻ) và các giống loài bên bờ tuyệt chủng (cây bạch dương) lên hệ sinh thái cũng như nền kinh tế. Họ lo lắng về một loạt các chức năng phụ cấp của rừng như thiên nhiên hoang dã, giải trí tiêu khiển, lưu vực sông, và các vùng tự nhiên. Theo ý tôi, nhóm B là nhóm mạnh mẽ có tri giác về sinh thái.

Trong mảng thiên nhiên hoang dã, một sự phân nhánh tương tự đang xảy ra. Với nhóm A thì các sản phẩm đơn thuần từ thiên nhiên hoang dã là mồi săn và thịt, còn thước đo cho năng suất là sản lượng gà lôi và cá hồi.



Việc gây giống nhân tạo được họ chấp nhận như một giải pháp lâu dài lẫn tạm thời - nếu họ cần giấy phép để săn bắt các loài mà họ nhân giống. Ngược lại, nhóm B thì lo lắng trước một loạt các vấn đề liên quan đến khía cạnh sinh thái. Điều gì sẽ xảy ra với các loài thú săn mồi nếu chúng ta biến một loài thú bị săn thành một thứ lâm sản để thu hoạch? Liệu chúng ta có cần các biện pháp dành cho các loài ngoại lai? Làm cách nào để các bên quản lý thiên nhiên có thể phục hồi các giống loài đang dần tiêu biến như loài gà gô, vốn đã gần tuyệt chủng do săn bắn? Làm sao để các bên quản lý có thể giải cứu các loài quý hiếm bên bờ tuyệt chủng như thiên nga kèn hay loài sếu? Liệu các nguyên tắc quản lý có được áp dụng cho cả các loài hoa dại? Ở đây, chúng ta lại nhìn thấy sự phân nhánh A-B rõ rệt như trong ngành lâm nghiệp.

Trong một ngành rộng hơn như nông nghiệp, tuy vốn hiểu biết của tôi ít hơn để có thể phát biểu, nhưng dường như ở đó cũng đang xảy ra việc chia phe tương tự. Ngành khoa học nông nghiệp đã phát triển từ rất lâu trước khi ngành sinh thái học ra đời; điều này khiến có các khái niệm sinh thái học mất thời gian lâu hơn để thâm nhập vào đời sống. Hơn nữa, do bản chất ngành nghề, người nông dân

phải can thiệp triệt để vào quần xã sinh vật hơn là người kiểm lâm hay người quản lý thiên nhiên hoang dã. Tuy nhiên, chính trong ngành nông nghiệp cũng diễn ra vô vàn tranh cãi về một mô hình “canh tác thuận tự nhiên” mới.

Có lẽ bằng chứng quan trọng nhất của tiến trình này là việc chất lượng nông sản không thể được đo bằng kilogram hay tấn, và chất lượng nông sản trên đất đai phì nhiêu thì vượt trội cả về chất và lượng. Chúng ta có thể đạt được sản lượng cao từ những khu đất cằn cỗi bằng cách bón phân, tuy nhiên việc này không đồng nghĩa với việc cải thiện chất lượng nông sản. Các hệ quả sau cùng của việc bón phân bồi đất này quá to lớn đến độ tôi phải để nó cho những người có bút lực hơn bóc tách.

Cộng đồng bất mãn mang tên “nông nghiệp hữu cơ” kia, mặc dù mang dáng dấp của một giáo phái, vẫn ưu tiên đặt sinh thái lên đầu, đặc biệt thể hiện qua việc họ tập trung vào tầm quan trọng của đất đai và động thực vật trong nông nghiệp.

Công chúng hoàn toàn mù mờ về các điều cơ bản về sinh thái học trong nông nghiệp, giống như với các mảng khác trong sử dụng đất. Ví dụ, rất ít người có học nhận ra rằng những tiến bộ kỳ diệu trong nông nghiệp gần đây là nhờ sự cải tiến máy bơm chứ không phải bản thân giếng khoan. Cứ lần lượt từng héc-ta một, họ ngày càng thiếu đi công cụ ngăn chặn việc đất đai suy giảm mức độ phì nhiêu.

Trong tất cả các trường hợp phân nhánh này, ta có thể thấy một sự đôi nghịch xuyên suốt: kẻ thôn tính *đối chọi* với công dân sinh thái; khoa học như công cụ mài khí cụ để *đối*

chơi với khoa học như ngọn đèn soi rọi tri thức về vũ trụ; đất đai như nô lệ phục tùng *đối chơi* với đất đai như một sinh thể tổng hòa. Lệnh huấn thị của Robinson dành cho Tristram có thể được áp dụng ở đây cho *Loài người tinh khôn* trong kỷ địa chất này:

Dù muốn hay không
Anh vẫn là Đế vương, Tristram, bởi nhẽ anh là
một trong số ít khiến cho thế giới
không còn như trước, sau khi anh lìa đời.
Hãy ghi dấu ấn lên những gì anh để lại.

Nhìn về tương lai

Tôi không thể hình dung ra một mối quan hệ trên nền tảng đạo đức giữa đất và người mà lại thiếu vắng tình yêu, sự tôn trọng, cũng như lòng mến mộ dành cho đất đai và các giá trị nó mang lại. Ở đây, tôi không chỉ nói đến giá trị kinh tế không, mà còn nói rộng hơn đến các giá trị triết lý.

Có lẽ trở ngại nghiêm trọng nhất trên chặng đường tiến hóa của đạo đức với đất đai nằm ở chỗ hệ thống kinh tế và giáo dục của chúng ta đang rời xa khỏi sự tri ngộ về đất. Giữa con người hiện đại và đất tồn tại quá nhiều kẻ trung gian cùng những trang thiết bị điện tử. Anh ta không sống dựa vào đất; với anh ta, đất chỉ là khoảng trống giữa các thành phố nơi họ thu hoạch mùa màng. Thả anh ta vào trong một khu đất hoang, đặc biệt nếu chỗ đó không phải

là một sân golf hay nơi có “cảnh đẹp”, thì anh ta sẽ chán phát ngấy lên. Nếu hoa màu có thể được trồng thủy canh thay vì canh tác trên đất, anh ta sẽ càng mừng rỡ hơn. Những hợp chất thay thế cho gỗ, len, da, và các sản vật tự nhiên khác phù hợp với anh ta hơn là các chất liệu nguyên bản. Nói cách khác, đất đai đã trở nên “lỗi mốt” với con người hiện đại.

Một trở ngại không kém phần nghiêm trọng khác là thái độ của người nông dân với đất đai, thứ mà họ vẫn coi là vật cản - một lãnh chúa giữ họ trong kiếp nô dịch. Trên lý thuyết, việc cơ giới hóa nông nghiệp đáng ra sẽ phá cũi sổ lồng cho người nông dân, nhưng thực tế có đúng như vậy hay không thì còn phải xem xét.

Một trong các tiền lệ làm nên sự hiểu về sinh thái đất đai là kiến thức về sinh thái học, thứ không hề đi đôi với cái ta gọi là “giáo dục”. Thực tế, càng học lên cao thì các chương trình học dường như càng cố tình lẫn tránh các khái niệm sinh thái học. Sự thông hiểu về sinh thái học không hẳn bắt nguồn từ các môn học dán mác sinh thái học: nó hoàn toàn có thể bắt nguồn từ địa lý, thực vật học, nông học, lịch sử, hay kinh tế. Đây là việc đáng lý phải xảy ra; tuy nhiên, bất luận mác nhãn là gì thì các khóa học đào tạo về sinh thái học vẫn còn rất khan hiếm.

Việc đấu tranh cho đạo đức đất đai có vẻ đang đi vào ngõ cụt, ngoại trừ đối với những nhóm thiểu số chống lại các xu thế “hiện đại” ngày nay.

“Ổ khóa” cần phải được khai mở để giải phóng cho quá trình xây dựng đạo đức nằm ở chỗ chúng ta cần phải ngừng

nghĩ về việc sử dụng đất đai phù hợp như một vấn đề thuần kinh tế. Hãy xem xét mỗi câu hỏi dưới cái nhìn đúng đắn về đạo đức và thẩm mỹ, bên cạnh lợi ích kinh tế. Một hành động là đúng đắn khi nó hướng tới việc bảo tồn được tính toàn vẹn, ổn định và vẻ đẹp của cộng đồng sinh vật. Hành động đó là sai nếu không bảo tồn được những điều vừa nói.

Dĩ nhiên là tính khả thi về mặt kinh tế sẽ giới hạn phạm vi giữa cái có thể và cái không thể làm được cho đất đai. Nó đã và sẽ luôn là trở ngại. Cái nguy hiểm mà những người sử dụng chiêu bài kinh tế đã tròng lên cổ chúng ta, và giờ đây chúng ta cần cùng nhau rũ bỏ, là suy nghĩ rằng kinh tế có toàn quyền quyết định việc sử dụng đất đai. Điều này chưa bao giờ chính xác. Một cơ sở hành vi và thái độ, cấu thành nên phần lớn các mối quan hệ với đất đai, được quyết định bởi gu thẩm mỹ cũng như sở thích của người sử dụng đất chứ không phải ví tiền của anh ta. Phần lớn các mối quan hệ giữa đất và người neo đậu vào việc đầu tư thời gian, suy tính, kỹ năng, và niềm tin thay vì tiền bạc. Cách người sử dụng đất suy nghĩ thể hiện con người anh ta.

Tôi đã cố tình thể hiện đạo đức với đất đai như một sản phẩm của tiến hóa xã hội vì những điều quan trọng như đạo đức chưa bao giờ được đặt bút viết xuống. Chỉ có người học sử nông cạn nhất mới cho rằng Moses “viết nên” Mười điều răn của Chúa. Trái lại, chúng phát triển từ các suy nghĩ hợp nhất của cả một cộng đồng, và Moses chỉ là người tóm gọn lại các ý chính tạm thời cho một “bài thuyết giảng”. Tôi nói tạm thời ở đây vì việc tiến hóa sẽ không bao giờ ngừng lại.

Chặng đường tiến hóa của đạo đức đất đai đòi hỏi trí tuệ và cảm xúc. Bảo tồn là con đường được lát bởi thành ý, và đó là lý do tại sao nó trở nên vô dụng, thậm chí là nguy hiểm, vì nó hoàn toàn thiếu vắng sự hiểu biết sâu sắc cả về đất đai lẫn khía cạnh kinh tế trong việc sử dụng đất đai. Tồn tại một chân lý hiển nhiên rằng, trong lúc đạo đức mở rộng phạm trù từ cá nhân đến cộng đồng thì nội hàm trí tuệ của nó cũng tịnh tiến lên theo.

Cơ chế vận hành cho mọi nguyên tắc đạo đức là như nhau: chấp thuận các hành vi tích cực và bài trừ các hành vi tiêu cực.

Nhìn chung lại thì vấn đề hiện giờ của chúng ta nằm ở thái độ và cách thực hiện. Chúng ta đang trùng tu cung điện Alhambra bằng xẻng xúc chạy nhờ hơi nước, cà chúng ta tự hào về chiều dài các cung đường mình cày xới được. Tuy chúng ta sẽ không từ bỏ cái xẻng, vì rốt cuộc nó cũng có nhiều lợi ích, nhưng chúng ta cần có những tiêu chí dịu nhẹ và khách quan hơn cho cách sử dụng nó trong tương lai.

Chú Thích

[1] Đơn vị đo lường ở đây là *cord*. Một cord củi có kích thước 1,2x1,2x2,4m. (Tất cả chú thích trong sách là của người dịch.)

[2] Khả năng phát triển tiếp của cây sau những xáo trộn như bật gốc, cháy rừng, công trùng phá phá hoại...

[3] Đây là một chi (Draba) trong họ Brassicaceae (họ Cải). Tên thông thường: *draba* hay *whitlow-grass*.

[4] Đây là một chi (*Quercus*) trong họ Fagaceae (họ Sồi). Ở đây tác giả đang nói đến một loại cụ thể, *Quercus macrocarpa*, hay còn có tên thông thường là *buroak*.

[5] Tượng đài tưởng niệm loài Bồ câu Di cư (Passenger Pigeon), đặt ở Công viên Quốc gia Wyalusing, Wisconsin, do Hội cầm điệu học Wisconsin (the Wisconsin Society for Ornithology) xây dựng, hoàn thành vào ngày 11 tháng Năm năm 1947.

[6] Newcastle là một vùng cung cấp than ở nước Anh. Vì thế, việc “đi buôn than ở Newcastle” là thành ngữ ý chỉ một việc làm nực cười và vô ích, giống như ta nói đi bán than ở Quảng Ninh vậy.

Table of Contents

Start

LỜI TỰA

PHẦN I NIÊN LỊCH MIỀN GIÓ CÁT

THÁNG GIÊNG

THÁNG HAI

THÁNG BA

THÁNG TƯ

THÁNG NĂM

THÁNG SÁU

THÁNG BẢY

THÁNG TÁM

THÁNG CHÍN

THÁNG MƯỜI

THÁNG MƯỜI MỘT

THÁNG MƯỜI HAI

PHẦN II NHỮNG PHÁC HỌA ĐÓ ĐÂY

WISCONSIN

ILLINOIS VÀ IOWA

ARIZONA VÀ NEW MEXICO

CHIHUAHUA VÀ SONORA

OREGON VÀ UTAH

MANITOBA

PHẦN III BUỔI YẾN TIỆC

THẨM MỸ CỦA BẢO TỒN

THIÊN NHIÊN HOANG DÃ TRONG VĂN HÓA MỸ
NÉT HOANG SƠ
ĐẠO ĐỨC ĐẤT ĐAI

Chú Thích